

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH BÌNH THUẬN



**PHONG TRÀO CÔNG NHÂN - LAO ĐỘNG
VÀ CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ**

(1930 - 1998)

THÁNG 7 - 1999

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH BÌNH THUẬN

Hiệp Định

**PHONG TRÀO CÔNG NHÂN - LAO ĐỘNG
VÀ CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN -
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ
(1930 - 1998)**

THÁNG 7-1999

Chỉ đạo biên soạn :

**BAN THƯỜNG VỤ LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Chịu trách nhiệm xuất bản :

VŨ THỊ NGỌC LIÊN

*UV-BCH Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,
Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động Tỉnh Bình Thuận*

Biên soạn :

**PHAN MINH ĐẠO
VƯƠNG HỒNG CHÂU
TRẦN MẠNH TƯỜNG**

Biên tập :

PHAN MINH ĐẠO

Trình bày và sửa bản in :

LÊ ĐÌNH ĐẶNG

Ảnh tư liệu :

**PHÒNG LỊCH SỬ ĐẢNG, BAN TUYÊN GIÁO
TỈNH ỦY - BAN TƯ TƯỞNG VĂN HÓA
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH**

Với sự giúp đỡ về tư liệu của các đồng chí cán bộ lão thành
cách mạng và lãnh đạo công đoàn các thời kỳ ở Bình Thuận.

LỜI GIỚI THIỆU

Nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28-7-1929 - 28-7-1999) và đón chào những ngày lễ lớn trong năm 2000, năm đầu của thế kỷ 21, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận trân trọng giới thiệu với đồng bào, đồng chí trong tỉnh và bạn đọc gần xa tập sách “Phong trào công nhân lao động và Công đoàn Bình Thuận - những chặng đường lịch sử”.

Nội dung tập sách ghi lại quá trình hình thành và lịch sử đấu tranh của đội ngũ công nhân lao động và Công đoàn Bình Thuận qua các thời kỳ cách mạng nước ta : Trước và sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, trong cách mạng tháng Tám và 2 cuộc kháng chiến, trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ ngày đất nước hòa bình thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội đến nay.

Có thể nói phôi thai từ những công nhân đồn điền, lao động biển, lao động khuân vác, “cu ly” làm đường, công nhân xây dựng công sở, cầu cống, những thợ điện, thợ máy, thợ dệt... đến đội ngũ công nhân viên chức kỹ thuật lành nghề giàu tài năng sáng tạo hiện nay, công nhân lao động và tổ chức Công đoàn Bình Thuận giữ

vai trò vị trí quan trọng trong các thời kỳ lịch sử của Cách mạng tỉnh nhà.

Sau khi Đảng ta ra đời, đi dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, tuy số lượng còn ít, nhưng sẵn mang dòng máu cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, công nhân lao động Bình Thuận đã sớm tập hợp trong các tổ Công hội đỏ, đi đầu đấu tranh giành quyền sống và tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công tháng Tám năm 1945.

Trong 30 năm kháng chiến trường kỳ gian khổ, cùng với sự lớn mạnh dần lên của phong trào Công đoàn tổ chức dưới nhiều hình thức, công nhân lao động Bình Thuận đã tỏ rõ bản lĩnh kiên cường của giai cấp công nhân. Ở vùng địch kiểm soát thì kết hợp đấu tranh dân tộc với đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân sinh dân chủ với 3 mũi giáp công, góp phần đẩy địch vào thế suy yếu thất bại. Ở vùng căn cứ giải phóng thì miệt mài đẩy mạnh lao động sản xuất tự lực cánh sinh, sát cánh cùng nhân dân chiến đấu quyết liệt với kẻ thù, góp phần hoàn thành Cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Từ ngày đất nước hòa bình thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, công nhân lao động Bình Thuận đã phát huy vai trò tiên phong của giai cấp công nhân, nỗ lực lao động sáng tạo khôi phục và phát triển kinh tế, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong tình hình hiện nay, việc ghi chép biên soạn những thời kỳ lịch sử nêu trên là một yêu cầu cần thiết. Nó giúp cán bộ, đoàn viên, công nhân lao động tìm hiểu truyền thống đấu tranh, xây dựng vẻ vang của giai cấp mình và tổ chức Công đoàn mình, đồng thời góp phần làm phong phú thêm lịch sử cách mạng của Đảng bộ tỉnh nhà, phong trào công nhân lao động và Công đoàn cả nước.

Với sự đóng góp quý báu về tư liệu, sự kiện lịch sử của những đồng chí đã từng hoạt động nhiều năm trong tổ chức Công đoàn và công nhân lao động, việc hoàn thành tập sách là một cố gắng lớn của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh.

Tất nhiên trong quá trình sưu tầm biên soạn, tập sách lịch sử này không tránh khỏi những mặt hạn chế về nguồn tư liệu và khả năng thể hiện. Mong rằng Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh lắng nghe ý kiến bạn đọc và các nhân chứng lịch sử để bổ khuyết tập sách đạt chất lượng tốt hơn.

Nhân dịp này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kính chúc đội ngũ công nhân lao động và tổ chức Công đoàn tỉnh ta tiến bộ vượt bậc trong thời kỳ lịch sử mới của đất nước.

Phan Thiết, ngày 28-7-1999

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

Bí thư

ĐINH TRUNG

Chương I

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ XÃ HỘI VÀ SỰ HÌNH THÀNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN Ở BÌNH THUẬN

I - NHỮNG NĂM TRƯỚC KHI THÀNH LẬP ĐẢNG

Bình Thuận là tỉnh duyên hải cuối cùng của vùng Cực Nam Trung bộ, đông và đông nam giáp biển đông, bắc và tây bắc giáp Lâm Đồng, đông bắc và bắc giáp Ninh Thuận, tây giáp Đồng Nai, tây nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu. Diện tích tự nhiên 784.860 ha, trong đó đất lâm nghiệp 547.746 ha, đất nông nghiệp 91.200 ha. Diện tích vùng lãnh hải 52.000 km², chiều dài bờ biển 192km. Đảo Phú Quý cách đất liền trên 100 km, rộng 2.300ha. Khí hậu có 2 mùa mưa nắng, ít bị gió bão.

Bình Thuận hiện nay có 8 huyện, 1 thị xã : Phan Thiết, Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Tuy Phong, Phú Quý và 110 xã phường với dân số 1.003.078 người gồm nhiều dân tộc anh em Kinh, Chăm, Rắclây, K'ho, Chu Ru, Mạ, Hoa, Tày, Nùng... trong

đó công nhân viên chức 28.216 người, chiếm 2,8% dân số (1).
Thị xã Phan Thiết là tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế,
văn hóa của tỉnh.

Biển Bình Thuận là một trong những ngư trường lớn
có nhiều loại hải sản quý, nên kinh tế biển được coi là
ngành kinh tế mũi nhọn. Với chiều dài 192km, dọc bờ biển
có khoảng 4.000 ha bãi triều, bãi sù, đồng muối, ẩn chứa
nhiều tiềm năng khai thác, nuôi trồng thủy sản. Phan Thiết,
Hàm Tân, Tuy Phong, Phú Quý là 4 trung tâm kinh tế biển
của tỉnh.

Lòng đất Bình Thuận chứa nhiều loại khoáng sản như
cát đen tì tan, đá quý sa phia, thiếc, nước khoáng, tảo
Spirulina... là những tài nguyên có chất lượng tốt, trữ lượng
lớn, hứa hẹn mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cho ngành
công nghiệp khai thác, chế biến phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu.

Với diện tích đất và rừng rộng lớn, điều kiện khí hậu
thích hợp cho các loại cây lương thực, thực phẩm, cây
công nghiệp ngắn ngày, dài ngày và thuận lợi cho nghề
rừng, ngành nông - lâm nghiệp Bình Thuận có khả năng
phát triển, góp phần đưa nền kinh tế tỉnh nhà tiến lên
giàu mạnh.

Hiện nay, với giai cấp công nhân làm nòng cốt, nhân
dân các dân tộc Bình Thuận đang ra sức phát huy nội lực
và tranh thủ sự hợp tác với các nhà đầu tư ngoài tỉnh đẩy
mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp
hóa, hiện đại hóa, cùng cả nước tiến đến mục tiêu dân giàu,
nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

(1) Số liệu năm 1998.

Ngược dòng lịch sử, nhiều thế kỷ qua, chính đặc điểm kinh tế này, sự giàu có về tài nguyên, trước hết là tài nguyên biển, là cội nguồn của sự hội tụ, hình thành các tầng lớp dân cư, công nhân lao động và giai cấp công nhân ở Bình Thuận.

Theo Đại Nam nhất thống chí (quyển 12), địa danh Bình Thuận có trên bản đồ Tổ quốc Việt Nam từ năm Nhâm Thân - 1692. Năm ấy, Chúa Nguyễn đặt tên là Thuận Phủ, cuối năm 1693 đổi thành trấn Thuận Thành, năm 1697 là phủ Bình Thuận, sau đó là dinh Bình Thuận với 4 đạo Phan Rang, Phan Thiết, Ma Ly (1), Phố Hải. Năm 1773, đất Bình Thuận do triều Tây Sơn quản lý, năm 1793 Nguyễn Ánh đánh chiếm. Trải qua mấy lần đổi là dinh, trấn, phủ, cuối cùng năm 1832 triều vua Minh Mạng thứ 13, Bình Thuận chính thức là đơn vị hành chính cấp tỉnh và từ năm 1697 đến nay đã hơn 300 năm.

Nhiều công trình nghiên cứu lịch sử cho thấy hơn 300 năm trước - năm 1697, từ buổi đầu trên mảnh đất mang tên Bình Thuận đã có vài chục ngàn người cư dân bản địa thuộc các nhóm người Chăm, Rắclây, K'ho... và một số người Việt sinh sống. Từ nửa đầu thế kỷ 17 trở đi, các nhóm di dân người Việt từ Đàng Ngoài lần lượt vào Đàng Trong bằng đường biển. Phần đông những nhóm di dân này là nông dân, ngư dân lao động và cũng có quan lại, nho sĩ, binh lính, nhà buôn thợ thủ công mà cuộc sống bị cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn làm xáo trộn gay gắt, triền miên. Họ mong tìm được một chốn an cư lạc nghiệp lâu dài.

(1) Ma Ly : Vùng Tam Tân, Lagi hiện nay.

Buổi đầu đến Bình Thuận, nhiều luồng cư dân dừng lại ở các bãi ngang, cửa sông La Gàn, Phan Rí, Phố Hải, Phan Thiết, Lagi và đảo Phú Quý, nơi mà biển êm sóng, lặng gió, thủy thổ hiền hòa, họ phát hiện nguồn lợi hải sản, nông lâm sản dồi dào và ở lại định cư lập nghiệp, lập làng, lập ấp. Họ vốn là dân lao động quen thạo sông nước, lại giỏi các nghề thủ công đóng ghe thuyền, làm gổm, xây cất, đan lát... tỏ rõ ý chí nghị lực cao, truyền thống lao động cần cù trong việc tạo dựng cuộc sống nơi miền quê mới.

Từ khi lục tỉnh Nam Kỳ thất thủ vào tay giặc Pháp xâm lược, nhiều đoàn người tận cuối Đàng Trong, trong đó có cả quan lại, nhân sĩ đã rời bỏ quê hương tị địa ra Bình Thuận sinh sống trên các vùng đồng ruộng Hàm Tân, Hàm Thuận, Tánh Linh... Thuở ấy, bên cạnh các lớp cư dân bản địa Chăm, Rắclây, K'ho... và số đông người Việt di dân lập ấp, lập làng trên đất Bình Thuận còn phải kể đến những người Hoa thuộc phái "bài Thanh, phục Minh" di tản bằng đường biển xuống phía Nam tạt vào Bình Thuận tìm nơi sinh sống. Phần đông người Hoa rành nghề buôn bán và một số có những nghề thủ công.

Như trên đã nói, trong quá trình ông cha ta mở nước về phương Nam, hòa mình trong các luồng lưu dân dừng chân ở Bình Thuận là những nông dân, ngư dân, thợ thủ công cần cù chất phác. Dựa vào lợi thế tài nguyên phong phú, với đôi tay cần mẫn, tài hoa, họ tạo nên nhiều ngành nghề đậm đà sắc thái dân tộc.

Xa xưa (cũng như hiện nay) dọc theo ven biển, nghề khai thác, chế biến hải sản ở Bình Thuận rất thịnh hành kéo theo nhiều ngành nghề khác. Nghề chế biến nước mắm nổi tiếng ở Phan Thiết, Phố Hải, Mũi Né, Lagi... gắn liền

với sự ra đời nghề làm tin đựng nước mắm ở Phú Lâm, ven **con sông** nhỏ chảy qua cầu ông Nhiều tục gọi cầu Bốn Mười, cách Phan Thiết vài cây số về phía Tây Nam. Vùng này sản xuất hàng năm hàng trăm ngàn chiếc tin cung cấp cho các nhà lều đựng nước mắm xuất tỉnh. Vệ tinh cho các lò tin là lò vôi quét nước da trắng, lò gốm sản xuất nắp đậy, trại đánh dây ràng, quai xách bằng sống lá buong, trại làm chổi mây cọ súc tin để nước mắm giữ nguyên mùi thơm **ngọt dịu**.

Người bạn của nghề biển là nghề chừa xẻ gỗ, đóng ghe thuyền, đan mê ghe, thúng chai, rổ rá thịnh hành ở xóm Cồn Cỏ, xóm Trại Cửa ven sông Cà Ty, nhất là địa phận phường Đức Nghĩa, thị xã Phan Thiết. Ngày trước, ghe thuyền đi biển chạy buồm đan bằng lá buong nên nghề đan đệm trắng phát triển ở Lại Yên, Phú Long, Phú Hải. Ngoài đệm ghe, đệm trắng còn dùng may bao bì đựng muối, xác mắm, cá khô, gọi là bao đệm. Ngày trước, đệm trắng Bình Thuận xuất đi Chợ Lớn, Nam Kỳ, Trung Kỳ.

Dựa vào tài nguyên rừng dừa, các nhà làm vườn ở Rạng, Mũi Né có nghề đan thảm dừa, ép dầu dừa, đánh dây neo, dây trần phục vụ nghề biển. Bình Thuận là xứ sở giàu gỗ, mây, tre lá nên trước đây (và cả hiện nay) nghề chạm khắc gỗ và đan lát với các sản phẩm sa lông, ghé tựa, tủ thờ, lẵng hoa, làn xách, cốt ép đan lông một, lông hai, lông ba, màn trúc, màn buong, khay đĩa, mũ rộng vành, đệm xe đạt trình độ mỹ thuật cao.

Ở Bình Thuận, góp vào đội ngũ thợ thủ công xưa là nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa ở làng Xuân Hội, Chợ Lầu, Hồng Thái, huyện Hòa Đa. Tương tự như vậy, nghề chăn tằm, ươm tơ, dệt lụa ngày trước phát triển ở xóm

Lụa, xóm Ngã ba Sông Cạn, Sông Cái, Sông Quao đổ ra cửa biển Phú Hải. Ở làng Trì Đức, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình ngày nay còn lưu giữ nghề gốm cổ truyền nổi tiếng của người Chăm ở xóm Nổi, xóm Gọ sản xuất nhiều sản phẩm gốm. Ngày trước sản phẩm gốm của người Chăm mỏng, nhẹ, tiêu thụ lên Nam Tây Nguyên, vào cả Đông Nam bộ và Sài Gòn.

Được cha ông xưa truyền lại qua nhiều thế hệ trong đội ngũ thợ thủ công khéo tay ở Bình Thuận còn có thợ kim hoàn chuyên chế tác sợi vàng, sợi bạc, hoa tai, dây chuyền, vòng đeo tay, vương miện cho vua quan, ghép hình hoa lá, chim thú với đường nét tinh tế, hài hòa. Những người thợ đúc chuyên đúc chân đèn, cổ đồng, lư hương, chuông chùa, tượng phật, nổi chảo, mâm thau nổi tiếng một thời.

Ở các vùng nông thôn Bình Thuận trước kia phục vụ cho nghề nông, làng xã nào cũng có thợ rèn lưỡi cuốc, lưỡi cày, răng bừa, dao, rựa, liềm, hái, rìu, búa. Năm 1885, các lò rèn ở Bình Thuận còn rèn đúc vũ khí tiếp tế cho nghĩa quân đánh thực dân Pháp. Phục vụ cho chế biến nông sản, những người thợ mộc làng quê đóng cối xay, cối giã, che ép mía làm đường, bông ép dầu dừa, dầu phộng, đóng xe bò xe trâu chở nông sản, hải sản. Trên đất Bình Thuận, nghề dệt thủ công có từ lâu đời. Đồng bào Chăm dệt thổ cẩm, đồng bào dân tộc miền núi dệt khố, váy, tấm đắp, tấm choàng. Đồng bào đảo Phú Quý dệt vải, dệt trũ đánh cá cơm bằng tơ gốc, dệt võng bằng sợi thơm tàu, sợi dứa.

Ngày trước, ở Bình Thuận, nghề xây cất nhà cửa, cơ sở thờ phượng cũng rất phát triển. Khi mới định cư, số đông người Việt dựng tạm lều trại bằng tre lá để ở. Cuộc sống ổn định, đời sống khá lên, nhiều người bắt đầu xây nhà gỗ,

• 1901 : Nhà thầu Déramont xây đập đá dựng ở Hàm Tân, dùng sức nước chạy nhà máy xẻ gỗ phục vụ cho công nghiệp khai thác chế biến gỗ.

• 1904 : Phân cuộc của Hội Đại khách sạn Đông Pháp xây cất một khách sạn lớn 2 tầng (nay là nhà làm việc của Tỉnh ủy) cách tòa sứ một ngọn đồi, dành làm nơi ăn nghỉ giải trí cho một số người Âu đến Bình Thuận chuyên khai thác kinh doanh và tổ chức săn bắn vùng rừng núi phụ cận Phan Thiết.

• 1905 : Để đẩy nhanh tiến trình khai thác thuộc địa ở địa phương, Pháp mở đường nối Phan Thiết với Lagi ở phía Nam tỉnh.

• 1905 - 1912 : Với chính sách khai thác thuộc địa Pháp cho đắp xong con đường sắt Sài Gòn - Nha Trang, trong đó đoạn chạy qua Bình Thuận dài 180km, và năm 1911 thông đường tàu Mương Mán - Sài Gòn, năm 1912 đắp đoạn đường sắt Mương Mán - Phan Thiết dài 12km để vận chuyển hàng hóa đi các nơi.

• 1906 : Xây cất nhà dây thép 2 tầng ở gần chợ Gò, và Sở Thương Chánh ở tả ngạn cửa biển Phan Thiết đối diện với bến Cồn Chà bên hữu ngạn.

• 1909 : Xây cầu Phú Hải bằng bê tông cốt thép bắc ngang qua hạ lưu Sông Cái ở ngoại Phan Thiết, dài 105m.

• 1910 : Nối đường thuộc địa số 1 (nay là quốc lộ 1A) tuyến Phan Thiết - Sài Gòn dài 198km.

• 1913 : Đắp xong con đường số 8 (nay là quốc lộ 28) dài 94km từ Phan Thiết đi Di Linh vượt qua nhiều đèo cao, vực thẳm nối vùng biển Cực Nam với Nam Tây Nguyên và năm 1914 thông xe Phan Thiết - Đà Lạt.

nhà ngói. Làng xã dựng miếu, xây đình chùa thờ thần, thờ phật, thờ cá Ông. Từ đó, những lò gạch, lò ngói ra đời. Đội ngũ thợ xây cất như thợ mộc, thợ hồ, thợ chạm trổ, điêu khắc đông dần lên. Ngày nay xem lại những ngôi đình, chùa, lăng, miếu tạo dựng hàng trăm năm trước ta thấy giàn sườn, bệ cửa, áng thờ, hoành phi, liễn đối được chạm trổ điêu luyện, tinh vi.

Lúc bấy giờ ở Bình Thuận các tầng lớp lao động thủ công nói trên tuy khá đông, nhưng sống phân tán ở làng xã, thị trấn, thị tứ và vẫn gắn bó với nghề nông nên giai cấp công nhân chưa hình thành.

Đến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, trong chương trình khai thác thuộc địa, thực dân Pháp cho mở ở Bình Thuận một số ngành công nghiệp giao thông vận tải, dịch vụ sửa chữa, cơ khí, thu hút nhiều công nhân lao động từ nông thôn ra. Nhất là từ khi bình định được Bình Thuận và viễn toàn quyền Pháp ở Đông Dương chuẩn y việc nâng Phan Thiết lên thành thị xã ngày 20-11-1898, việc xây cất công sở, kiến thiết cơ sở hạ tầng đường sá sử dụng nhiều công nhân lao động mang tính công nghiệp tập trung. Có thể nói đây là thời điểm giai cấp công nhân ở Bình Thuận được hình thành và phát triển. Xin liệt kê theo thứ tự thời gian một số công trình sau đây :

- 1896 : Xây cất tòa sứ trên gò đất cao bên hữu ngạn sông Cà Ty, mặt tiền quay ra con đường Cái Quan chạy ngang qua thị xã Phan Thiết (nay là đường Lê Hồng Phong và Nguyễn Huệ).

- 1900 : Mở đường Phan Thiết - Phú Hải, lát đá tráng nhựa trung tâm tỉnh lỵ Phan Thiết, xây chiếc cầu Quan bằng bê tông nối liền 2 bờ sông Cà Ty thay cho cầu gỗ, mặt cầu đủ cho ô tô trọng tải nhỏ qua lại.

- 1916 : Xây nhà thương thí Phan Thiết (nay là Bệnh viện tỉnh).
- 1918 : Xây ngân khố tỉnh, tức kho bạc tại địa điểm đối diện với nhà dây thép (trên giao lộ Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hồng Phong ngày nay).
- 1918 : Nhà tư sản người Hoa Nhiều Tấn Hiếu cho ra đời “Công xi” rượu Nhiều Bá chuyên sản xuất kinh doanh rượu, sau đó lập chi nhánh ở Phan Rí Cửa.
- 1922 : Sau khi xe ô tô chạy thông suốt trên đoạn đường thuộc địa số 1 Phan Thiết - Sài Gòn, một nhà tư sản người Pháp mở ga - ra sửa chữa ô tô tại một địa điểm trên đường Nguyễn Du ngày nay gần chợ Phan Thiết.
- 1923 : Hiệp hội Điện lực Đông Dương thiết lập ở Phan Thiết nhà máy điện chạy bằng củi công suất 100 KW, khánh thành 6-1924. Chủ nhà đèn là người Pháp Marchal. Khi có điện, nhà máy nước đá cũng ra đời.
- 1926 : Bình Thuận có nhà máy xay xát gạo của nhà tư sản Trương Lễ Nghi và sau đó ở Bình Thuận có 5 nhà máy xay xát gạo : Phan Thiết 3, Hòa Đa 2.
- 1928 : Tư bản Pháp lập công ty khai thác nước suối Vĩnh Hảo ở Tuy Phong với số vốn 2 triệu pha-răng do một giám đốc người Pháp điều khiển sử dụng nhiều công nhân.
- 1930 : Mở đường Phú Hải đi Mũi Né dọc theo bờ biển dài 20km. Con đường này có phần mồ hôi, nước mắt và máu của những người tù cộng sản bị thực dân Pháp đày đọa ở Bình Thuận.
- 1940 : Thực dân Pháp mở thêm đoạn đường sắt từ Trảng Táo, Xuân Lộc, Đồng Nai đi núi Dinh (Đức Linh) để chuyên chở gỗ khai thác ở vùng núi Tây Nam của tỉnh...

Theo số liệu còn lưu giữ, vào thập niên đầu thế kỷ 20, tuyến đường sắt Sài Gòn - Nha Trang đã hình thành nên khối công nhân xe lửa 998 người (1), trong đó đoạn chạy qua Bình Thuận với các nhà ga Sông Lòng Sông, Sông Mao, Mương Mán, Phan Thiết, Suối Kiết, Gia Huynh và đề pô Mương Mán, số lượng công nhân xe lửa địa bàn Bình Thuận chiếm tỷ lệ đáng kể.

Cũng thời ấy, khi triển khai chương trình khai thác thuộc địa, ở Bình Thuận cũng như cả nước, thực dân Pháp đã cưỡng bức nông dân lao động nghèo đi phu làm đường, xây cất đồn bót, trại lính không công cho chúng. Chúng ra lệnh công trường làm đường thuộc địa phương nào do địa phương ấy phải chịu trách nhiệm cung cấp dân phu không phân biệt gái trai, già trẻ. Mỗi lần đắp đường sắt, đường bộ, nông dân lao động bị bắt đi phu mỗi đợt hàng nghìn người nai lưng ra đào núi, lấp khe, khuôn đá, cuốc đất, kéo xe lu nhiều tháng trời dưới làn roi vọt của bọn Tây, cai.

Trên các tuyến đường sắt Nha Trang - Tháp Chàm - Mương Mán - Dĩ An - Sài Gòn đã có hàng vạn dân phu mà chúng gọi là “cu li” bị cưỡng bức lao động khổ sai như thế. Theo qui định của nhà cầm quyền Pháp, thời ấy viên công sứ Pháp ở Phan Rang (Ninh Thuận) được quyền quản lý cả hệ thống đường sắt từ Tháp Chàm đi Gia Huynh (Nam Bình Thuận) và từ Tháp Chàm đi Đà Lạt. Lúc bấy giờ, dân cư ở Bình Thuận và các tỉnh phía Nam thưa thớt, không đáp ứng đủ nhu cầu khai phá mở đường, nên thực dân Pháp đã tuyển mộ dân phu từ nhiều nơi khác. Tháng 9 năm 1909, trong một báo cáo gửi Khâm sứ Trung Kỳ, viên công sứ

(1) Sách giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng.

Pháp ở Phan Thiết nói “do dân cư thưa thớt của Bình Thuận, các công trường làm đường xe lửa cắt qua tỉnh này phải mộ cu li Bắc kỳ, Trung kỳ đến”.

Cuộc đời của dân “cu li” làm trên các công trường đường sắt, đường bộ cực khổ trăm bề. Lao động một ngày trên 12 tiếng đồng hồ từ sáng tinh mơ đến tối mịt. Bữa ăn là gạo hẩm, mắm thối, xác cá khô. Tuyến đường sắt từ Sông Lòng Sông đến Gia Huynh rừng rú rậm rạp, nước độc bệnh tật cướp đi sinh mạng nhiều người. Tiền công đã ít ỏi, lương khoán đắp đường 19 xu/m³ lại còn bị bọn cai thầu cúp phạt, bớt xén với những lý do vô lý. Hoàn cảnh này kéo dài suốt hơn 10 năm từ 1900 đến 1914.

Bên cạnh đó, tiền lương công nhật của công nhân các nhà máy điện, nước, cơ khí, đê pô xe lửa, ga-ra sửa chữa ô tô... cuối thập niên 20, đầu thập niên 30 ở vùng Sài Gòn và vùng phụ cận Sài Gòn cũng không hơn gì : công nhân hỏa xa 1đ 15 xu, thợ xẻ gỗ 98 xu, thợ đóng thùng 1đ09, thợ tiện 1đ07, thợ phay 1đ40, thợ đúc 1đ53, thợ đốt máy nổi súpde 1đ20, thợ rèn đường sắt 1đ32, thợ hàn 1đ74, thợ cơ khí khác 1đ35, tài xế ô tô 1đ48, thợ mộc 1đ15, thợ nề 1đ38, thợ sơn 97 xu, công nhân kỹ thuật 1đ12. Tính trung bình các loại công nhân đường sắt phía Nam 1đ19, công nhân các xí nghiệp khác 1đ37... (1).

Bước sang đầu thế kỷ 20, cũng như nhiều nơi khác, bọn tư bản Pháp đổ xô đến Bình Thuận chiếm đất, trưng đất lập đồn điền. Năm 1900 Théneveau và Casset mở đồn điền tại Phú Sung (xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam) ; năm 1927, Lassaille, Motte, Béle hùn vốn lập đồn điền ở

(1) Sách “Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng”.

Phú Hội (xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc). Năm 1928, Guidon Lavanle, chủ sự Thương Chánh Mũi Né lập đồn điền ở Sông Khiên, huyện Phan Lý. Sau đó vài năm, Louis De Fosse, lập đồn điền rộng lớn ở huyện Tánh Linh. Năm 1934, De Monestroe lập đồn điền Tà Moon (xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam). Tên Langlet độc chiếm đập Đồng Mới ở Lương Sơn, Hòa Đa, tên Cassét độc chiếm đập Đồng Đế ở km 13 - 14 đường số 1 từ Phan Thiết đi Sài Gòn, bắt nông dân nộp tô nước sau mỗi vụ mùa.

Bị chiếm đoạt ruộng đất, một bộ phận nông dân Bình Thuận buộc phải đi làm thuê cho tư bản đồn điền Pháp. Đội ngũ công nhân đồn điền ở Bình Thuận theo lối “nhân công giao kèo” cũng xuất hiện từ đây. Trong thời gian giao kèo, người công nhân đồn điền không được tự do bán sức lao động cho chủ khác. Họ trở thành nô lệ hay tù nhân của chủ đồn điền. Giờ làm việc quá dài, đồng lương chết đói, điều kiện sinh sống tồi tệ, người công nhân đồn điền còn bị đánh đập chửi mắng. Khoảng từ năm 1928 đến năm 1930, lương công nhân đồn điền 1 hào 3 xu mỗi ngày. Công nhân lao động những vùng sản xuất muối Duông (Tuy Phong), Trinh Tường (Hàm Thuận), Cửa Cạn (Hàm Tân) cũng bị nhà cầm quyền Pháp độc quyền kinh doanh muối bóc lột thậm tệ. Chúng mua vào với giá 7 xu một thùng 52 kg và bán ra với giá 150 xu. Có thời gian chúng nâng giá mua lên 16 xu, nhưng lại bán với giá 250 xu. Bị thua lỗ, nhiều chủ ruộng muối phải bỏ sản xuất, đời sống công nhân lao động diêm nghiệp rơi vào cảnh lắt bết, lao đao.

Nói chung ở Bình Thuận cũng như nhiều nơi khác trong cả nước công nhân công nghiệp, công nhân đồn điền, lao động làm đường đều rất cực khổ, bị bọn chủ Pháp đối xử dã man. Thể xác nhân phẩm bị chà đạp. Sức lực thân thể

bị mỗi mòn. Tiền lương rẻ mạt bị cúp phạt ăn chặn. Chính đây là nhân tố làm cho lòng căm giận bọn thực dân cướp nước và áp bức bóc lột của công nhân lao động ngày càng tăng lên. Ý thức dân tộc thúc đẩy ý thức giai cấp và đấu tranh giai cấp. Ra đời trong cảnh nước mất, nhà tan và hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động ở Bình Thuận đã sớm nhận rõ số phận đen tối của mình và tìm mọi cách đấu tranh giành lấy quyền sống. Tuy chưa có những cuộc đấu tranh vang dội như công nhân ở các khu công nghiệp, vùng mỏ, đô thị lớn, nhưng lác đác đó đây công nhân lao động Bình Thuận cũng dùng các hình thức bãi công, lãn công, đưa yêu sách nhỏ lẻ đòi bọn tư bản thực dân giải quyết quyền lợi cho mình. Cuộc đấu tranh của nông dân được công nhân, giáo chức, chức việc ủng hộ chống tên “lãnh chúa” Langlet độc quyền thu tô nước đập Đồng Mới ở Lương Sơn, Hòa Đa năm 1936 là một ví dụ.

Do đặc điểm cội nguồn thoát thân từ nông dân nghèo, nên từ khi hình thành đầu thế kỷ 20, giai cấp công nhân ở Bình Thuận rất gắn bó với giai cấp nông dân, gắn bó với quê hương đất nước. Đó là tiền đề để cấu thành nền tảng công - nông liên minh trong quá trình đấu tranh vì quyền lợi dân sinh dân chủ, vì cuộc sống độc lập tự do, do Đảng Cộng sản lãnh đạo sau khi Đảng ra đời.

II -- NHỮNG NĂM SAU KHI THÀNH LẬP ĐẢNG ĐẾN THÁNG 8-1945

Như trên đã nói, giai cấp công nhân ở Bình Thuận hình thành từ khi có chương trình khai thác thuộc địa của thực dân tư bản Pháp.

Những thập niên đầu thế kỷ 20, được tác động bởi cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại và chủ nghĩa Mác-

Lênin được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thụ truyền vào trong nước, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta và đấu tranh giai cấp của công nhân lao động đã quyện chặt vào nhau và vươn lên với xu thế thời đại mới. Lòng yêu nước nồng nàn và cuộc đấu tranh vì dân sinh dân chủ, vì độc lập tự do đòi hỏi phải có đội tiên phong của giai cấp công nhân nhận lãnh trách nhiệm lịch sử giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Đòi hỏi đó đã được đáp ứng. Tháng 6-1925, Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội do những người Cộng sản làm nòng cốt ra đời. Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam thành lập. Từ đây, Cách mạng Việt Nam chuyển qua một giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, đưa sự nghiệp cách mạng lên cao trào đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế tiến lên đấu tranh chính trị giải phóng dân tộc mà đỉnh điểm là cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Ở Bình Thuận, trước khi Đảng chính thức ra đời, năm 1928 Đảng Tân Việt, một tổ chức yêu nước theo khuynh hướng mác xít của tầng lớp tiểu tư sản trí thức hoạt động ở các tỉnh Trung kỳ, có cơ quan liên tỉnh đóng ở Tháp Chàm (Ninh Thuận) lấy bí danh là “Ngũ Trang”, tức 5 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng. Người Bình Thuận đầu tiên có chân trong tổ chức cách mạng này là ông Hoàng Nhã, thông phán tòa công sứ Pháp.

Cũng khoảng thời gian ấy, người đảng viên Tân Việt người ở Bình Thuận là ông Lê Trọng Mân, con trai cụ Lê Trọng Thiều, một nhân sĩ của phong trào Văn thân chống Pháp ở Hà Tĩnh vào lánh nạn và định cư ở làng Đại Nẫm, huyện Hàm Thuận. Sau khi Đảng ra đời ngày 3-2-1930, ông

Lê Trọng Mân hoạt động Tân Việt ở Sài Gòn được chuyển thành đảng viên Đảng Cộng sản. Tại làng Đại Nấm, qua quan hệ tại gia đình cụ Lê Trọng Thiều với Dương Chước đảng viên cộng sản từ Khánh Hòa vào, các anh Ngô Đức Tồn, Nguyễn Tị, Phan Xích... là những thanh niên đầu tiên ở Bình Thuận được tuyên truyền giác ngộ về giai cấp công nhân, về Đảng và trở thành đảng viên cộng sản.

Trở lại Tam Tân (Hàm Tân) với nghề dạy học, Ngô Đức Tồn lập "Hội đồng minh phản đế" để gieo mầm cách mạng cho Đảng và chọn 6 người được tuyên truyền giác ngộ nhất lập chi bộ đầu tiên của Bình Thuận ở dốc Ông Bằng cuối năm 1930.

Cũng thời gian này, đầu năm 1931, ánh sáng của Đảng được tỏa ra từ ngôi nhà số 6, đường Hàn Thuyên, gần nhà thờ Lạc Đạo, thị xã Phan Thiết. Tại đây, Hồ Quang Cảnh, con trai cụ Hồ Sĩ Lâm quê Nghệ An, định cư ở Rạng, sau khi tốt nghiệp trường tiểu học Pháp - Việt Phan Thiết năm 1926, vào Sài Gòn làm ở ga tàu điện, được giác ngộ trở thành đảng viên cộng sản, cùng với một đảng viên khác tên là Nghệ trở ra Phan Thiết gây cơ sở cách mạng cho Đảng. Những thanh niên giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin lần lượt được kết nạp Đảng là Nguyễn Thắng, Nguyễn Gia Tú ở làng Tuy Hòa, Nguyễn Tương ở làng Bình An, huyện Hàm Thuận.

Có thể nói những đồng chí nói trên là những người con ưu tú đầu tiên của Bình Thuận giác ngộ dân tộc và giác ngộ giai cấp được vinh dự đứng vào đội tiên phong của giai cấp công nhân nhận lãnh trách nhiệm đưa phong trào cách mạng quê nhà tiến theo ngọn cờ lãnh đạo của Đảng.

Tuy cơ sở mới nhen nhúm, nhưng ngọn lửa đấu tranh đã bùng lên đêm 12 rạng ngày 13-7-1930. Hàng trăm truyền đơn được rải trên đường phố Phan Thiết. Nội dung truyền đơn kêu gọi thợ thuyền, dân cày, học sinh, binh lính và những người lao khổ đứng lên đấu tranh giành quyền sống. Đúng một năm sau, ngày 15-8-1931, hưởng ứng phong trào “Nhân dân thế giới chống chiến tranh đế quốc”, truyền đơn lại bay trên đường thuộc địa số 1 (nay là quốc lộ 1A) và đường liên tỉnh số 8 (nay là quốc lộ 28) từ Phan Thiết ra Rạng, Mũi Né, từ Phan Thiết lên Ma Lâm, tỏa đến Dân Thạnh. Cùng với truyền đơn rải các ngã, cờ đỏ búa liềm tung bay trên cây me gân ga Ma Lâm, cây Lim làng Dân Thạnh, nóc tôn đình làng Thiện Khánh, cả trước cổng đồn lính khố xanh ở Phan Thiết. Ngay trong ngăn kéo bàn làm việc của công sứ Pháp ở Bình Thuận và tri phủ Hàm Thuận cũng có truyền đơn. Thừa cơ địch đi lùng sục bắt bớ những người rải truyền đơn, quần chúng cách mạng trong đội tuần phủ các làng nổi trống, mõ, thùng thiếc làm thanh viện áp đảo địch và thức tỉnh nhân dân thành thị và nông thôn. Cả một vùng rộng lớn tỉnh Bình Thuận sống trong không khí sôi động.

Sau đêm kinh hoàng ấy, thực dân Pháp và tay sai Nam triều ra sức đàn áp, bắt bớ, khủng bố. Nhiều đảng viên cộng sản và cơ sở cách mạng bị địch bắt giam ở nhà lao Phan Thiết và đày đi Buôn Ma Thuột. Đây là trận thử thách đầu tiên của các chiến sĩ cách mạng Bình Thuận. Đối mặt với những đòn tra tấn dã man của kẻ thù, những người cộng sản trung kiên không lung lay ý chí đấu tranh. Phong trào cách mạng tuy bị đàn áp khủng bố dữ dội, nhưng ảnh hưởng của Đảng vẫn lan rộng trong nhân dân và công nhân lao động nhà ga, nhà đèn, đề pô Mương Mán và nhiều công

sở. Ngọn lửa yêu nước vẫn tiếp tục cháy âm ỉ chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh mới rầm rộ, sôi nổi theo đường lối chính trị tiên phong của giai cấp công nhân.

Tháng 2-1934, số đảng viên cộng sản mãn hạn tù trở về Phan Thiết, Tam Tân, Đại Nấm tiếp tục hoạt động bí mật. Hạt nhân của Đảng ở cơ sở được tăng thêm. Cuộc viết đơn kiến nghị gửi Ủy ban vận động đại ân xá tù chính trị ở Đông Dương do Đảng Cộng sản Pháp đề xướng tuy chưa đạt kết quả nhưng cũng đánh dấu mốc đấu tranh mới sau đợt khủng bố lớn của thực dân Pháp ở địa phương.

Những năm 1929 - 1933, chủ nghĩa tư bản thế giới lâm vào thời kỳ khủng hoảng ảnh hưởng đến các nước thuộc địa. Ở Bình Thuận, sản xuất kinh doanh bị thua lỗ, nhiều nhà tư sản phá sản. Trong nghề nước mắm, năm 1930, 125 tấn nước mắm giá thấp cũng bán được 40 đồng, năm 1932 chỉ còn 30 đồng. Giá gạo năm 1929 một tạ bán 11,53 đồng, năm 1933 chỉ còn 3,2 đồng. Vì vậy, cuộc sống của nông dân và công nhân lao động trở nên điêu đứng. Ý thức dân tộc và ý thức giai cấp tăng lên. Với hình thức mới, nội dung mới, nhiều cuộc đấu tranh diễn ra theo đường lối chủ trương mới của Đảng - Từ năm 1936, với khẩu hiệu "Tự do, cơm áo, hòa bình", cuộc vận động thành lập "Mặt trận nhân dân phản đế" được triển khai rộng rãi nhằm tập hợp các giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc cùng đấu tranh đòi những quyền lợi cơ bản : tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do đi lại, ngày làm việc 8 giờ cho giới thợ thuyền.

Vào lúc này, cơ sở Đảng ở Bình Thuận tuy chưa hồi phục, nhưng một số đảng viên đơn lẻ với trách nhiệm tiên phong của giai cấp công nhân vẫn tìm cách tiếp nhận chủ trương của Đảng từ phía Nam ra, từ phía Bắc vào, chủ động

móc ráp liên hệ với cốt cán cũ, xây dựng cơ sở mới. Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở địa phương bắt kịp với tình hình mới. Cuộc vận động ủng hộ Đông Dương đại hội năm 1936 diễn ra sôi nổi. Nhiều cơ sở cốt cán của Đảng đi vào trường học, công sở, tiệm buôn, xóm lao động làm muối, làm biển, thợ thủ công, công nhân đẽ gỗ, cơ khí, nhà đèn và các chức việc làng xã có ý thức dân tộc lấy kiến nghị đòi tổ chức đại hội ở Bình Thuận và các yêu sách đòi tự do dân chủ, đòi cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động... hình thành bản dân nguyện gửi phái đoàn Chính phủ Mặt trận Bình Dân Pháp đến Sài Gòn.

Cùng với phong trào thu thập dân nguyện, cốt cán cơ sở Đảng phân công đi vận động đấu tranh đòi giảm thuế chợ, đòi cảnh sát không được phạt vạ bữa bãi, giành giữ quyền lợi hàng ngày, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Ở Phan Thiết, một Ban vận động bãi thị do những người cộng sản, trí thức yêu nước chủ trì được thành lập. Chị em tiểu thương, bán hàng rong, các tiệm buôn, sạp hàng, lao động đánh cá, thợ thủ công nhiệt liệt hưởng ứng. Dân các phố trữ sẵn lương thực, thực phẩm. Nông dân, ngư dân không đưa nông sản, hải sản vào chợ. Hiệu buôn đóng cửa. Sạp, quày không dọn hàng. Xe ngựa không chạy - Chợ búa, phố xá vắng lặng. Đó là quang cảnh cuộc bãi thị nổ ra vào dịp Tết Thanh Minh năm 1937 ở Phan Thiết, khiến viên công sứ Pháp hoảng sợ, buộc phải thông báo bắt chủ thầu thuế chợ chỉ thu thuế một lần, mức thuế được hạ xuống và ra lệnh cảnh sát cũng hạ tiền phạt và không phạt vạ vô cơ nữa. Cuộc đấu tranh bãi thị giành thắng lợi có tiếng vang trong quần chúng lao động. Mọi người tin vào khả năng đấu tranh cho quyền lợi của bản thân mình.

Công nhân Nhà máy đèn Phan Thiết đưa yêu sách đòi tăng lương, ngày làm 8 giờ, trả lương thêm khi làm ca kíp, trang bị phương tiện bảo hộ lao động, nghỉ ngày chủ nhật có lương, không được ngang nhiên sa thải thợ. Sợ nổ ra cuộc đình công lớn, công sứ Pháp chỉ thị cho chủ nhà đèn chấp nhận phần lớn yêu sách của công nhân. Công nhân lao động diêm nghiệp ở Duồng, Cửa Cạn, Trinh Tường cũng đấu tranh đòi nhà cầm quyền phải thu mua muối đúng giá thị trường, không được bán muối giá cao, ăn quýt người tiêu thụ.

Những năm 1937 - 1938, được những người cộng sản lãnh đạo, cuộc đấu tranh dân sinh, dân chủ của các nghiệp đoàn xe kéo, xe ngựa và lao động làm công cho những hàm hộ lớn cũng diễn ra sôi nổi. Ở Phan Thiết, lao động kéo xe đòi giảm giá thuê từ 50 xu xuống 30 xu một xe. Lao động nghiệp đoàn xe ngựa chở khách tuyến Phan Thiết - Ma Lâm họp tại chùa Long Hải (Phan Thiết) quyết định đình công 5 ngày liền, đưa yêu sách lên công sứ Pháp với các nội dung : chống tăng thuế phạt vi cảnh từ 0,60 đồng lên 1,20 đồng ; cho mỗi xe ngựa được chở 6 hành khách và được đón khách trong thành phố. Cuộc đấu tranh này thu hút 120 lao động đánh xe ngựa trong tỉnh tham gia. Thời ấy, xe ngựa là phương tiện giao thông chính nên trong những ngày đình công giao thông đình trệ, bị khan hiếm lương thực, thực phẩm, sinh hoạt ở các thị xã, thị trấn gặp nhiều khó khăn, nên cuối cùng tên công sứ Pháp phải chấp nhận yêu sách của nghiệp đoàn xe ngựa.

Cùng với các cuộc đấu tranh diễn ra nhiều nơi trong tỉnh, tháng 7-1937, phong trào đấu tranh của công nhân đường sắt trên các tuyến Tháp Chàm (Ninh Thuận), Mương Mán (Bình Thuận), Dĩ An (Biên Hòa), Đà Lạt (Lâm Viên) đòi

tăng lương, đòi giảm giờ làm đồng loạt diễn ra rầm rộ. Ở đề pô Mương Mán, do thợ lái tàu, thợ đốt nổi súp-de bỏ việc, chuyến tàu suốt Sài Gòn - Hà Nội phải dừng lại ở ga Mương mán. Ở ga Sông Lòng Sông, hơn 200 công nhân làm đường đình công đòi tăng lương 10%, đòi đổi tên Sếp ga Erunetrau hung ác đi nơi khác. Công nhân tuyến đường sắt phụ Mương Mán - Phan Thiết cũng bãi công khiến cho các chuyến tàu chợ không chạy được, hàng hóa, hành khách ứ đọng nhiều. Những cuộc đấu tranh đây chuyễn của công nhân đường sắt các tuyến phía Nam làm ảnh hưởng đến bộ máy bọn thống trị. Công sứ các tỉnh báo cáo lên khâm sứ Trung kỳ. Khâm sứ Trung kỳ báo cáo lên toàn quyền Đông Dương. Bọn mật thám chạy nháo nhào.

Cuộc đấu tranh của công nhân đường sắt Bình Thuận đồng loạt phối hợp với công nhân đường sắt các tuyến phía Nam đánh dấu sự lớn mạnh về chính trị và tổ chức của giai cấp công nhân.

Ở Bình Thuận, trong giới công nhân lao động, lao động biển có số lượng lớn. Những năm 1937 - 1938, các cuộc đấu tranh dân sinh dân chủ của những lao động làm thuê ở các thúng lều chế biến nước mắm diễn ra trên diện rộng. Anh chị em đòi lao động 8 tiếng một ngày ; làm đêm tiền công phải tăng gấp đôi ; ngày chủ nhật được nghỉ như công nhân, công chức nhà máy, công sở ; khi ốm đau được chữa trị tại nhà thương, được trả tiền công những ngày điều trị ; tiền công mỗi ngày từ 20 xu tăng lên 30 xu. Phần lớn những yêu sách chính đáng nêu trên được những chủ hàm họ lớn chấp nhận và thỏa mãn.

Cũng như cả nước, giữa lúc phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ của công nhân lao động đang phát triển thì

tình hình thế giới có nhiều biến động. Mùa thu năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Chính phủ phản động Pháp lên cầm quyền ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản, đàn áp cách mạng trong nước và các nước thuộc địa. Báo chí công khai tiến bộ ở Đông Dương bị đình bản. Các quyền lợi dân sinh, dân chủ của công nhân lao động bị xóa bỏ. Nhiều đảng viên cộng sản và cơ sở cách mạng bị bắt bớ, tù đầy.

Tiếp đến năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương cấu kết với thực dân Pháp vơ vét tài nguyên nước ta cung cấp cho chiến tranh. Cùng với toàn thể nhân dân công nhân lao động, giới thợ thuyền một cổ phải chịu 3 trùng áp bức bóc lột : Phát xít Nhật, thực dân Pháp và vua quan phong kiến. Trong bối cảnh đó, công nhân ngành đường sắt, công nhân các nhà máy, xí nghiệp, đội ngũ thợ thủ công bị bắt phục vụ tối đa sức lực cho chiến tranh. Đời sống cực khổ, bế tắc.

Nhưng phong trào cách mạng chỉ tạm thời lắng xuống và khi có chỉ thị của Trung ương Đảng, cuộc đấu tranh của nhân dân ta chuyển hướng. Mặt trận dân chủ không còn thích hợp nữa. Mặt trận thống nhất dân tộc phải ra đời nhằm mục tiêu đoàn kết các tầng lớp nhân dân nêu cao tinh thần dân tộc, lòng yêu nước đánh đổ đế quốc Pháp, phát xít Nhật, giải phóng các dân tộc Đông Dương, giành độc lập cho một nước.

Nhằm đạt mục tiêu đó, ở Bình Thuận, nhiều hình thức đấu tranh mới đã diễn ra. Từ rẫy Sông Quao ở Ninh Thuận, tờ báo “Chiến thắng” do đồng chí Trần Hữu Đức, Xứ ủy viên Trung kỳ phụ trách các tỉnh cực Nam, được bí mật phát hành vào Bình Thuận, vừa tuyên truyền giáo dục đường

lối chủ trương mới của Đảng, vừa làm phương tiện nối dây liên lạc với các đảng viên cũ và xây dựng cốt cán mới. Dịch phát hiện, những đảng viên Cộng sản và cơ sở Đảng tiếp tục bị bắt bớ, tù đày. Phong trào cách mạng ở địa phương lại lắng xuống, nhưng sau đó được khơi dậy trong các giới, kể cả trong công nhân lao động khi chương trình Việt Minh được chuyển đến địa phương. Công nhân hãng Cá Bạc ở Phan Thiết, công nhân khai thác gỗ ở Tánh Linh, công nhân nhà máy đèn, nhà máy nước, đề pô xe lửa Mương Mán, viên chức các nhà băng, giáo chức các trường làng, học sinh trường Cao đẳng thể dục thể thao Đông Dương (ESEPIC), thầy thuốc ở nhà thương... là những nơi được phong trào Việt Minh nhằm vào tuyên truyền giác ngộ, gieo cấy cơ sở bằng nhiều hình thức. Một số trở thành cơ sở, hội viên của Mặt trận Việt Minh.

Trong lúc đó, thế thắng như chẻ tre của Liên Xô và các lực lượng đồng minh chống phát xít qua báo chí, tràn đến Bình Thuận như một luồng gió mới. Rồi những đảng viên cũ từ nhà tù Buôn Ma Thuột, trại an trí Hy Ly lần lượt trở về Bình Thuận xây dựng tổ chức Việt Minh ở Phan Thiết và nhiều huyện trong tỉnh, mở đường cho các giới, các ngành tập hợp dưới ngọn cờ cứu nước do Đảng lãnh đạo, tiến đến cao trào tiền khởi nghĩa tháng 8-1945.

Điều đáng chú ý là các đảng viên ở nhà tù Buôn Ma Thuột và tại Hy Ly về hoạt động ở Bình Thuận xây cơ sở, mở phong trào ở thị xã, thị trấn đều nhắm vào công nhân lao động các xóm thợ, nhà máy để vừa phát động ý thức dân tộc, vừa giáo dục ý thức giai cấp, lấy đây làm động lực chủ yếu cho phong trào và chỗ dựa chính trị của Đảng. Trong Ban Việt Minh lâm thời và Ban chỉ đạo khởi nghĩa ở Bình Thuận, đồng chí Thái Hựu được phân công phụ trách

khởi công nhân đề pô xe lửa Mương Mán, đồng chí Cổ Văn An, phụ trách khối công nhân toàn tỉnh.

Đồng chí Nguyễn Tương ngoài việc phụ trách tài chánh và cơ sở huyện Hàm Thuận còn tập hợp thợ may, thợ hớt tóc, thợ dệt, thợ mộc, thợ nề. Những đồng chí khác bám các xóm lao động, phố hẻm tạo chỗ dựa hoạt động xây cơ sở.

Ở Phan Thiết, các Hội thợ mộc, thợ cưa, thợ nề, thợ cắt tóc, Hội lao động xe kéo hình thành. Một số công nhân hỏa xa tuyến Mương Mán - Sài Gòn tập hợp thành những tổ công nhân cứu quốc và tổ tự vệ ở nhà ga Phan Thiết và đề pô Mương Mán. Một số công nhân nhà máy đèn, nhà máy nước là cơ sở, hội viên của Việt Minh. Một số công nhân đồn điền Phú Sung cũng là những cơ sở hoạt động rất tích cực. Một gia đình lao động ở Lò Bún, phường Đức Nghĩa, thị xã Phan Thiết được chọn làm nơi Ban lãnh đạo lâm thời Việt Minh tỉnh họp bàn kế hoạch khởi nghĩa. Trước ngày khởi nghĩa, một nhóm thợ điện trẻ tự góp tiền mua vải may một biểu ngữ lớn treo ở trụ đèn Ngã Bảy nơi có bọn hiến binh Nhật đóng đồn gần chợ Phan Thiết.

Ở các thị trấn Lagi, Phan Rí Cửa, Long Hương, Mũi Né... nhiều công nhân lao động những ngành nghề khác nhau cũng được xây dựng thành cơ sở tin cậy của Mặt trận Việt Minh, đóng vai trò nòng cốt trong cao trào tiến đến Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945.

Nhìn chung, những năm trước và sau khi thành lập Đảng, tuy nhỏ về số lượng và không tập trung cao như công nhân lao động vùng mỏ, các khu công nghiệp ở các đô thị lớn, nhưng giai cấp công nhân ở Bình Thuận là một bộ phận khắng khít của giai cấp công nhân Việt Nam, biểu hiện tập

trung những đặc điểm của dân tộc và giai cấp : *Đoàn kết, thống nhất, yêu nước.*

Đặc biệt, sau khi Đảng ra đời và dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh của công nhân lao động Bình Thuận đã đi từ tự phát đến tự giác, có bước trưởng thành cả về ý thức giai cấp lẫn ý thức dân tộc. Những năm tháng tiến đến cao trào Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, được giác ngộ sâu sắc và tổ chức chặt chẽ, công nhân lao động Bình Thuận thực sự đóng vai trò tiên phong trong phong trào cách mạng ở địa phương.

Chương II

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954)

I - CÙNG TOÀN DÂN LÀM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (1945 - ĐẦU 1946).

Cùng với cả nước, khí thế cách mạng tháng 8-1945 ở Bình Thuận diễn ra sôi sục. Những công nhân lao động là cơ sở của Việt Minh tích cực tham gia Tổng khởi nghĩa.

Phan Thiết, trung tâm của phong trào khởi nghĩa, giữa đêm 17-8-1945, cơ sở các ngành nghề thợ may, thợ hút tóc, thợ mộc, công nhân nhà máy đèn... mỗi người mỗi nhiệm vụ được giao tham gia rải truyền đơn, treo biểu ngữ ở Bia đài, trước Rạp Mô-đéc, đầu cầu Quan, sân vận động, khu dân cư, hẻm phố. Cả những ngã đường trước phủ đường Hàm Thuận chạy dọc xuống bãi Thương Chánh cũng có biểu ngữ, truyền đơn. Cờ đỏ sao vàng còn được treo trước trại lính bảo an.

Anh Nghiêm Sĩ Hành hạt trưởng kiểm soát tuyến xe lửa Phan Thiết - Sài Gòn sau khi giác ngộ tham gia cách mạng đã lãnh đạo triển khai kế hoạch khởi nghĩa trong các tổ công nhân nhà ga, đề pô Mương Mán, hình thành 2 tiểu đội tự vệ đưa ra chiến khu Bình Lâm học lớp quân sự cấp tốc.

Sáng 24-8-1945, sau cuộc tiếp xúc của Ban lãnh đạo khởi nghĩa với tỉnh trưởng nguy quyền Huỳnh Dư, những công sở quan trọng như Nhà máy đèn, Nhà dây thép, Kho bạc, Phủ đường, Tỉnh đường... cùng toàn bộ chính quyền đều chuyển về tay cách mạng. Cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những nóc nhà cao. Cùng lúc, một cơ sở nội tuyến ở đồn lính khố xanh hạ cờ quẻ ly, treo cờ đỏ sao vàng, cùng binh lính trong đồn ngã theo cách mạng.

Cuộc biểu tình thị uy ngày 25-8-1945 hừng hực khí thế. Công nhân lao động theo ngành nghề hàng ngũ chính tề hòa mình vào khối nhân dân diễu hành qua nhiều ngã đường kéo về sân vận động Phan Thiết họp mít tinh mừng cách mạng thắng lợi, chính quyền đã về tay nhân dân. Lao động biển và thủy thủ ghe bầu tay cầm dầm, chèo, thợ thủ công, công nhân xí nghiệp tay cầm dao búa, nông dân tay cầm rựa, mác, câu liêm, thanh niên học sinh tay nắm chặt gậy tre đầu vót nhọn, biểu thị niềm kiêu hãnh tự hào đã trút bỏ đời nô lệ, trở thành người làm chủ đất nước, quê hương. Xen lẫn trong đoàn diễu hành gồm hàng vạn người, chị em phụ nữ tay cầm cờ, đầu đội nón lá, nét mặt rạng rỡ, vừa đi vừa hô vang các khẩu hiệu biểu thị ý chí độc lập tự do :

- Cương quyết bảo vệ chính quyền cách mạng.
- Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm.
- Việt Minh muôn năm.

Trước khí thế thi uy sôi sục của quần chúng, lính Nhật đóng ở Phan Thiết chùn bước, không đòi chiếm đóng dinh tỉnh trưởng nữa và rút các chương ngại vật đặt ở đầu cầu Quan hồng cản trở cuộc tuần hành.

Cùng với thời gian khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh thành công, công nhân lao động ở các huyện, xã cùng sát cánh với các tầng lớp nhân dân đứng lên khởi nghĩa ở địa phương mình. Các nhà làng ở Hàm Thuận trở thành nơi hội họp của quần chúng. Hàng ngàn người ở Chí Công, Phan Rí Cửa, Phan Rí Thành họp mít tinh mừng khởi nghĩa thắng lợi ở sân vận động Chi Lăng. Ở Tuy Phong, ngày 27-8-1945 ra mắt chính quyền cách mạng. Ngày 28-8-1945 lực lượng khởi nghĩa người Kinh, người Chăm tổ chức họp mít tinh lớn tại sân vận động Phan Lý. Ở Tánh Linh, vùng núi xa xôi dân cư thưa thớt, dựa vào công nhân xe be, thợ rừng, thợ xẻ gỗ và cơ sở thị trấn Lạc Tánh, chính quyền cách mạng cũng được thành lập. Ở đảo Phú Quý giữa biển khơi, từ tối 29-8 và mấy ngày sau đó, cơ sở cách mạng và nhân dân đã trút bỏ chúa đảo, tước vũ khí binh lính, lập chính quyền cách mạng. Ở Hàm Tân, những nơi có đảng viên cộng sản lãnh đạo, khởi nghĩa đã diễn ra ở các làng Hiệp Nghĩa, Phong Điền, Tam Tân, sau đó đến 3-9-1945, viên tri huyện mới giao nộp ấn tín, sổ bộ và chính quyền mới làm lễ mừng độc lập, bầu UBNDCM lâm thời.

Như vậy, chỉ trong vòng hơn một tuần lễ, dưới sự lãnh đạo của Ban Việt Minh lâm thời tỉnh, với khát vọng độc lập, tự do, công nhân lao động các ngành nghề ở Bình Thuận

đã sát cánh cùng toàn dân đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ, làm chủ quê hương, đất nước, làm chủ cuộc đời mình.

Khí thế này càng biểu hiện rực rỡ trong cuộc mít tinh lớn mừng ngày Quốc khánh đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại sân vận động Phan Thiết ngày 2-9-1945. Thay mặt cho giới lao động toàn tỉnh, công nhân lao động Phan Thiết và vùng phụ cận, nêu cao vai trò sáng tạo của giai cấp công nhân, đã tham gia trang hoàng lễ đài thật lộng lẫy và thiết kế mô hình tượng trưng cho ngành nghề của mình với những nét nổi bật. Công nhân ngành mộc rập theo mẫu súng đã chế tạo hàng trăm khẩu súng gỗ bóng loáng trang bị cho hội viên của mình. Những đội tự vệ đề pô xe lửa, nhà máy đèn mặc trang phục màu xanh công nhân thể hiện nghi thức đi đứng nghiêm nghị nhanh nhẹn, gọn gàng. Các giới lao động khác như thợ sắt, thợ hồ, thợ mộc, thợ may, thợ hút tóc tuy chỉ trang bị gậy gộc, giáo mác, nhưng với sắc phục lao động chắc nịch, ý thức tổ chức cao, vẫn nổi bật trong khối quần chúng của một dân tộc đang trỗi dậy.

Sau ngày cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, chế độ dân chủ nhân dân được thành lập, với niềm phấn khởi của người lao động vừa được giải phóng, mọi người đến các trụ sở cách mạng, phòng thông tin tìm hiểu chủ trương chính sách, tìm hiểu việc lập các đoàn thể cứu quốc của công nhân lao động. Các tổ chức lao động bí mật đã thành lập trước đây trong các ngành nghề như các hội ái hữu, hội tương tế thành các nghiệp đoàn cứu quốc hoạt động công khai. Ngoài các nghiệp đoàn công nhân đề pô xe lửa, nhà máy đèn, nhà máy nước còn có các nghiệp đoàn cứu quốc của thợ thủ công thu hút khá đông đoàn viên : thợ mộc 500, thợ hồ 200, thợ may, thợ hút tóc 200. Đông hơn cả là nghiệp đoàn thủy trình cứu quốc trên

1.200 đoàn viên. Nhiều đoàn viên trai trẻ tự nguyện sung vào các đội tự vệ canh gác trụ sở chính quyền và luyện tập quân sự ở Vườn Xoài cầu 40 và Cây Thị ở làng Đại Hòa, xã Phong Nẫm ngày nay.

Cũng như ở Phan Thiết, các tổ chức ái hữu trong nghề may, thợ mộc, thợ nề, lao động biển ở Hàm Thuận, Hàm Tân, Hòa Đa, Tuy Phong đều trở thành nghiệp đoàn cứu quốc hoạt động công khai khi mặt trận Việt Minh chính thức ra đời. Là thành viên trong UBMT Việt Minh tỉnh, đồng chí Thái Hựu được phân công phụ trách công nhân lao động. Cùng với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh tỉnh, các đoàn thể Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Công nhân cứu quốc được hình thành. Ban chấp hành công nhân cứu quốc lâm thời được chỉ định. Người đứng đầu là đồng chí Thái Hựu với chức danh thư ký. Các đồng chí Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Kim Bưu công nhân đề pô Mương Mán, Nguyễn Đình Giỏi trưởng ga Phú Hội là thành viên. Tiếp theo, BCH công nhân cứu quốc các huyện cũng được thành lập.

Tuy nhiên, sau khi giành được chính quyền, việc quản lý các công sở, xí nghiệp có những hình thức khác nhau. Nhà thương, nhà băng, trường học, rạp chiếu bóng... thuộc quyền quản lý của chính quyền cách mạng. Các nhà máy đèn, nhà máy nước, nhà dây thép, hỏa xa hoạt động theo cơ chế "quốc doanh". Còn xí nghiệp nước suối Vĩnh Hảo, sân bay Phan Thiết, hãng gỗ BIF Tánh Linh, hãng nước mắm, công xi rượu... vẫn giao cho chủ cũ hoạt động bình thường. Ở những cơ sở này, công nhân cứu quốc vẫn được tổ chức và hoạt động theo hệ thống lãnh đạo của BCH công nhân cứu quốc tỉnh. Để tăng cường hạt nhân cốt cán, nhiều xí nghiệp được bổ sung thanh niên yêu nước. Đồng chí Nguyễn

Quốc Thùy được tuyển dụng vào nhà máy đèn trong trường hợp này.

Từ tháng 9-1945 đến đầu năm 1946, BCH công nhân cứu quốc tỉnh mở rộng tổ chức hoạt động đến xã, phường. Tại đây, tùy theo ngành nghề, các tổ công nhân cứu quốc cũng được tổ chức với nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng, tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài. Ngoài ra, công nhân cứu quốc các cấp, các ngành còn có nhiệm vụ tích cực tham gia phong trào bình dân học vụ xóa nạn mù chữ, vận động nhân dân ủng hộ tuần lễ vàng, tuần lễ đồng, ủng hộ Nam Bộ kháng chiến và làm nòng cốt trong đợt tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I - ngày 6 tháng 1 năm 1946.

Lĩnh vực nào công nhân cứu quốc Bình Thuận cũng tham gia với tinh thần tiên phong của giai cấp công nhân. Tinh thần ấy được thử thách trong cuộc chiến đấu bảo vệ chính quyền khi một đơn vị quân đội Nhật từ Sài Gòn theo đường biển đổ bộ lên bãi Thương Chánh tháng 11-1945 với lý do đóng tại vị trí cũ để quân Đồng minh đến giải giáp. Nhưng thực chất hành động quân sự này nằm trong âm mưu tiếp tay cho quân Pháp trở lại xâm chiếm Bình Thuận. Gần cả tháng trời, các tổ công nhân cứu quốc nhà máy đèn, máy nước, hỏa xa, xí nghiệp Cá Bạc làm tất cả mọi việc phục vụ chiến đấu góp phần ngăn cản bước tiến của quân thù. Bà con các xóm lao động Chợ Gò, Động Giá, Xóm Đầm, Xóm Dừa, Cồn Cỏ tích cực tham gia tiếp tế cơm nước cho bộ đội, du kích. Một đoạn mương dẫn nước ngọt xuống chỗ quân Nhật trú đóng bị phá hủy. Những giếng nước trên các hướng hành quân của chúng đều bị thả tro. Một lao động biển Bình Hưng dùng dao diệt một tên Nhật khi đi lạc đường.



**Đồng chí Thái Hựu - UV. Ban Chấp hành Mặt trận Việt minh tỉnh
Thư ký Hội Công nhân cứu quốc tỉnh Bình Thuận
(9-1945 đến đầu 1946)**

Bộ đội ta liên tục đánh địch trên nhiều ngã, buộc chúng rút ra bãi Thương Chánh trở vào Sài Gòn ngày 12-12-1945.

II - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1949).

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, ngày 23-9-1945, núp bóng quân đội Anh, bọn thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ. Nằm trong thế chiến đấu không cân sức, các ngày 30-1, 31-1-1946, các huyện Tuy Phong, Phan Lý, Hòa Đa bị quân Pháp đánh chiếm, sau đó là Hàm Thuận, Phan Thiết, Hàm Tân, Tánh Linh.

Thực hiện chủ trương của Mặt trận Việt Minh, Ủy ban hành chính tỉnh, các cơ quan, xí nghiệp chuyển ra nông thôn cùng với kho tàng, vật liệu. Công nhân nhà máy đèn, nhà dây thép vận chuyển máy móc, vật tư, phương tiện kỹ thuật lên vùng căn cứ. Ở đề pô Mương Mán, các nhà ga Phan Thiết, Ma Lâm, Sông Lòng Sông, những máy móc thiết bị công kênh nặng nề không chuyển đi được thì tháo rời phân tán cất giấu nhiều nơi - Công nhân lao động các xóm thợ, đường phố tích cực cùng nhân dân thực hiện “Vườn không nhà trống”, tản cư vào xóm Trạm, xóm Biển xã Kim Bình và lên vùng nông thôn Đại Năm, Phú Bình, Bình Lâm vùng Tam Giác, Hàm Thuận.

Sau khi đánh chiếm Phan Thiết, nhằm triệt phá lực lượng kháng chiến, ngày 8-2-1946 (đúng vào mồng 7 tết Ất Dậu) quân Pháp mở một trận tập kích lớn vào Xóm Mía, nơi trú đóng của nhiều cơ quan, đơn vị bộ đội, gây thiệt hại nặng nề cho ta. Những ngày sau đó, chúng rải truyền đơn kêu gọi đồng bào hồi cư về thành phố và niêm yết danh sách viên chức cũ, các công sở, công nhân nhà máy đèn,

nhà máy nước, để pô hỏa xa trở lại làm việc. Một số đồng bào lên về thăm nom nhà cửa, thăm dò thái độ địch và ở lại. Mùa cá vụ Nam đang đến, bà con lao động biển, thủy trình cứu quốc tìm gặp cán bộ xin về xắm ghe, vá lưới, làm mùa và như nhiều người hồi cư khác sẵn lòng nhận nhiệm vụ cách mạng giao cho. Tuy vậy cũng có một số người trước đây làm việc cho chế độ cũ, nay tham gia chế độ mới, chưa được rèn luyện thử thách, hoang mang giao động, chạy về vùng địch. Nhiều tổ chức công nhân cứu quốc tan rã.

Để chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài, lãnh đạo tỉnh, huyện lần lượt bố trí một số cán bộ có năng lực chưa bị lộ về lại thị xã, thị trấn làm nhiệm vụ móc nối lại cơ sở, chấn chỉnh tổ chức chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, tạo bàn đạp phát động nhân dân kháng chiến trong vùng địch.

Về đoàn thể, tháng 5-1946, các đồng chí Thái Hựu, Cổ Văn An mở cuộc họp tại Xóm Mía với một số cán bộ BCH công nhân cứu quốc tỉnh, giao nhiệm vụ cho các đồng chí : Nguyễn Văn Sâm về làm cán bộ hành chính Khu 7 (1) của huyện Hàm Thuận và phụ trách phong trào công nhân đề pô xe lửa Mương Mán ; Nguyễn Đình Giỏi tham gia công tác Việt Minh Khu 6 và phụ trách xây dựng cơ sở 2 ga Phú Hội, Phan Thiết ; Nguyễn Kim Bưu làm chủ nhiệm Việt Minh Phan Thiết, kiêm thư ký công nhân cứu quốc tỉnh ; Huỳnh Chưởng, Lê Trung Tâm tham gia công tác Khu 6, Hàm Thuận phụ trách xây dựng cơ sở trong công nhân lao

(1) Sau khi Pháp đánh chiếm Bình Thuận, lãnh đạo tỉnh tổ chức lại lực lượng kháng chiến. Các huyện được chia ra các khu hành chính : Hàm Thuận 8 khu, Hàm Tân 5 khu, Hòa Đa, Tuy Phong 12 khu.

Riêng đồng chí Thái Hựu được điều về thị xã phụ trách Ban Phòng điệp, sau đó là Cẩm tử thành.

động các nhà máy, xí nghiệp ở Phan Thiết ; Nguyễn Quốc Thùy phụ trách văn phòng công nhân cứu quốc tỉnh. Các đồng chí được phân công đều đứng bên ngoài và tìm cách tiến vào vùng địch chiếm đóng bám sát các xí nghiệp, nhà máy, công sở móc rập xây dựng cơ sở, giao nhiệm vụ hoạt động bên trong.

Trong hội nghị ở Xóm Mía, đồng chí Thái Hựu cũng vạch rõ phương hướng, phương thức củng cố tổ chức và hoạt động công nhân cứu quốc trên các địa bàn huyện, xã.

Trong buổi đầu kháng chiến, cán bộ công nhân cứu quốc gặp tổn thất. Đồng chí Nguyễn Văn Giải UV.BCH Công nhân cứu quốc tỉnh khi đi móc rập xây dựng cơ sở ở ga Phú Hội bị địch phục kích, hy sinh ở Bàu Gia. Năm 1947, trên đường đi Gò Bồi tìm vị trí đóng cơ quan, đồng chí Huỳnh Chương bị địch bắt tại Chợ Tôn, làng Xuân Phong. Trước khi tiết bắt khuất của người cán bộ công đoàn, không khai thác được gì, địch bắn chết đồng chí tại Động Bà Hòe, vùng Xa Ra, Tuy Hòa xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc ngày nay.

Cùng thời gian, đồng chí Nguyễn Văn Sậm chuyển công tác vào Nam Bộ - Cán bộ lãnh đạo công nhân cứu quốc tỉnh giảm số lượng.

Phan Thiết là nơi tập trung đông công nhân lao động, cán bộ công nhân cứu quốc được tăng cường 2 đồng chí Nguyễn Ngọc Lưu và Hai Lý. Ban Liên lạc thị xã được thành lập. Ban Công tác hậu phương sau đổi thành Ban Kiến thiết, rồi Ban Phòng điệp, Cẩm tử thành ra đời. Ngoài nhiệm vụ đoàn thể, cơ sở công nhân cứu quốc còn tham gia diệt ác, trừ gian. Nhiều công nhân lao động hoạt động rất tốt.

Sau khi lực lượng kháng chiến trong tỉnh được củng cố, các cơ quan lãnh đạo tỉnh huyện chuyển đến đóng tại các vùng an toàn. Tỉnh đóng ở vùng Hố Đất, Ô Rô, Cóc Chua lúc đó thuộc huyện Hàm Thuận. Các huyện thị cũng đóng tại địa điểm thuận lợi cho việc chỉ đạo của địa phương mình. Tuy Phong ra miệt vườn La Gàn ; Hàm Thuận lên Rừng Già ; Phan Thiết rút về Chà Tre, Ba Hòn ; Hàm Tân rút về Cây Khô ; Hòa Đa ra động Thái An...

Lực lượng vũ trang cũng được phiên chế lại. Giữa năm 1946, chi đội I Vệ quốc quân chuyển thành Trung đoàn 82. Các đại đội mang tên các vị anh hùng dân tộc Quang Trung, Trần Quốc Tuấn, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám. Số công nhân thoát ly tham gia kháng chiến chuyển hướng phục vụ phù hợp với nhu cầu kháng chiến. Công nhân Nhà dây thép làm việc trong ngành giao thông liên lạc. Công nhân Nhà máy đèn, để pô xe lửa sử dụng tay nghề trong các công binh xưởng.

Về giao thông liên lạc, bên cạnh đơn vị quân bưu của Trung đoàn 82, UBHC tỉnh có tổ liên lạc đường bộ, năm 1947 đổi thành Ban liên lạc tách khỏi văn phòng Ủy ban, có hệ thống tổ chức từ tỉnh đến huyện, xã và liên lạc với Phân ban kinh tế Cực Nam đóng ở Phú yên. Năm 1949, Ban liên lạc tỉnh sát nhập với Ty Giao thông vận tải thành Ty Bưu điện. Năm 1950 Ty Bưu điện đổi thành Ty Bưu vận, hội tụ đội ngũ công nhân lao động khá đông. Toàn ngành có khoảng 300 cán bộ chiến sĩ, trong đó có 127 đảng viên. Từ đây, công đoàn ngành bưu vận là công đoàn ngành đầu tiên của Công đoàn tỉnh.

Cùng với giao thông trên bộ, năm 1947 giao thông trên biển thực hiện những chuyến hành trình ra Bắc vào Nam

qua Bình Thuận cũng được mở ra, nhiều chiếc thuyền tổ chức thành hải đội có sức chở 10 - 20 tấn. Đêm đi, ngày nghỉ, đoạn từ Phú Yên vào Bình Thuận đi mất 7 đêm ghé vào 3 bến chính : Trũng Lòng Mang (Khu Lê Hồng Phong) Khe Gà, xã Tân Thành và Thắng Bình, huyện Hàm Tân giáp với Xuyên Mộc - Bà Rịa. Ngoài chở hàng hóa, lương thực, vũ khí, mỗi năm các đội hải thuyền còn đưa cán bộ ra vào. Tháng 7-1947, trên đường đi công tác vào Nam, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Trung ương Đảng đến chiến khu 7 Ninh Thuận, đi bộ vào Trại Sông Lòng Sông rồi xuống thuyền ở La Gàn giữa lúc biển động và địch càn quét, các thủy thủ Bình Thuận vẫn bảo đảm an toàn.

Trong đội quân công nhân lao động phục vụ kháng chiến chống Pháp, công nhân thông tin vô tuyến là một bộ phận rất quan trọng. Bộ phận này ra đời tháng 6-1946 nguyên của Chi đội 1, sau thuộc Ban Thông tin của Trung đoàn 82 và cuối năm 1948 là đại đội thông tin của Liên Trung đoàn 81 - 82 hoạt động trên chiến trường 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Đại đội thông tin lấy phiên hiệu C16 đóng tại chiến khu Ô Rô. Tuy quân số không đông và nằm trong biên chế quân sự, đại đội thông tin phục vụ luôn cho Tỉnh ủy, UB Việt Minh, UB Kháng chiến và Ban Cán sự Cục Nam chỉ đạo 3 tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa.

Giao thông liên lạc là đội quân lao động đường bộ, đường biển v.v... vất vả, thầm lặng, ít ai biết, nhưng không kém phần gian khổ hy sinh. Trên hành trình công tác đặng độ với địch, nhiều cán bộ chiến sĩ tỏ rõ khí phách gan dạ, kiên trung.

Về công binh xưởng, ngay từ 19-5-1945, Hồ Chủ Tịch đã ra sắc lệnh lập ngành quân giới. Ở miền Nam, khi Mặt

trận Đông Nam Bộ bị vỡ, nhiều đơn vị Nam Bộ kéo ra Bình Thuận lập thế chiến đấu, trong số này có hàng trăm cán bộ công nhân kỹ thuật lành nghề gốc Sài Gòn - Gia Định hình thành một xưởng quân giới đóng tại làng An Phú gần ga Ma Lâm, địa bàn huyện Hàm Thuận. Xưởng quân giới được trang bị khá hiện đại : máy phát điện đi-e-dên, máy tiện, máy phay, máy bào, máy khoan và được bổ sung thêm một số máy lấy từ đê pô xe lửa Mương Mán. Trong thời gian ngắn, xưởng quân giới An Phú chế tạo súng ngắn, súng máy nhỏ, đúc địa lôi, rèn lưỡi lê, mã tấu phục vụ bộ đội và du kích. Cuối năm 1945, theo lệnh trên, xưởng quân giới này rút vào Nam Bộ, để lại một số công nhân cùng một số máy móc thiết bị giấu tại rừng An Phú và núi Cà Giây. Khi thực dân Pháp trở lại đánh chiếm Bình Thuận đầu năm 1946, với số công nhân, trang thiết bị còn lại và số công nhân đê pô xe lửa Mương Mán bám trụ theo kháng chiến, tỉnh lập công binh xưởng phục vụ cho Trung đoàn 82 do đồng chí Đặng Sĩ Mai, một học sinh cũ của Trường Kỹ nghệ Hải Phòng, làm quản đốc. Xưởng quân giới Trung đoàn 82 gồm 50 công nhân cơ khí, hóa chất có tay nghề giỏi đã sửa chữa súng đạn hư hỏng và sản xuất các loại mìn, bộc phá 5 ký, 10 ký dùng đánh xe cơ giới và cầu đường. Đóng quân ở Ô Rô, nước sinh hoạt cực kỳ khó khăn, đường vận chuyển nguyên vật liệu khá xa, đầy cát lún, nhưng công nhân vẫn kiên trì khắc phục, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Cùng thời gian, ở Hàm Thuận cũng lập một công binh xưởng, công nhân phần lớn là thợ thủ công địa phương được đào tạo thêm về kỹ thuật do đồng chí Mười Dương phụ trách. Công binh xưởng chuyên sửa chữa súng đạn thông thường, đặc biệt sản xuất cả lựu đạn mỏ vịt phục vụ “bộ đội Ông Tương”, đơn vị du kích tập trung của tỉnh. Quân

Pháp bung ra càn quét mạnh. Có thời gian công nhân khiêng máy móc đồ nghề lên đóng ở “thác đổ Ba Hôi” thuộc Núi Ông. Năm 1947, đơn vị du kích tập trung giải tán, công binh xưởng này sáp nhập với công binh xưởng Trung đoàn 82 phục vụ cho 3 thứ quân lấy tên công binh xưởng Cao Thắng, tên một nhà sáng chế vũ khí tài giỏi của nghĩa quân Phan Đình Phùng ngày xưa. Tháng 5-1949, huyện Hàm Tân được giải phóng. Vùng căn cứ kháng chiến được mở rộng. Công binh xưởng Cao Thắng từ Ô Rô chuyển vào đóng ở núi Bà Đặng gần Ba Hòn, sản xuất mìn bọc phá, lựu đạn phóng, đạn badôka, súng SKZ loại súng không giật do kỹ sư Trần Đại Nghĩa thiết kế chế tạo.

Ở Bình Thuận những năm đầu kháng chiến, trong lực lượng công nhân phục vụ kháng chiến còn phải kể đến công nhân in với lớp thợ in đầu tiên là Trang Phước Thương, Hứa Văn Thời sau Cách mạng tháng Tám làm nhiệm vụ tiếp quản sử dụng một cỗ máy in nhỏ của tư nhân. Lúc bấy giờ đội ngũ công nhân in không tập trung mà hoạt động phân tán trong các cơ quan ban ngành làm nhiệm vụ in báo, bản tin bằng kỹ thuật in thạch bản. Dụng cụ đồ nghề gồm 2 bảng đá, mấy viên đá mài, cái ru lô lăn mực bằng gỗ bọc da, vài hộp mực in, nhất là mực sặc - bô - nên (charbonnel) giống như mực tàu mài nước. Kỹ thuật in thạch bản với mực in sặc - bô - nên do đồng chí Nguyễn Đức Dương lúc bấy giờ là Chủ tịch UBHC tỉnh ở tù Ban Mê Thuật về truyền cho. Để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền, hầu như ban ngành, đoàn thể nào cũng ra báo, bản tin và có cơ sở in thạch bản. Thanh niên cứu quốc tỉnh ra tờ *Quyết Tiến*, cơ sở in và tòa soạn đặt ở Bình An, Mỹ Thạnh, sau dời sang Gò Bồi. Hai công nhân in chuyên viết chữ trái rất đẹp là Trang Phước Thương, Nguyễn Trung Lương. Thanh niên cứu

quốc thị xã Phan Thiết có tờ *Sáng* ; Trung đoàn 82 có tờ *Chiến Đấu*, sau Trung đoàn 81 sáp nhập với Trung đoàn 82 thành Liên Trung đoàn 81 - 82 thì đổi thành tờ *Vệ quốc quân Cực Nam* ; Ty Thông tin tỉnh có tờ *Thông Tin* ; Phòng quốc dân thiếu số có tờ *Liên Hữu* in bằng cả 2 thứ tiếng Việt và Chăm. Mặt trận Liên Việt có tờ *Đoàn Kết*.

Riêng công nhân cứu quốc tỉnh có tờ *Chiến Thắng*, cơ sở in và tòa soạn đóng tại Gò Bồi do đồng chí Nguyễn Kỳ phụ trách, biên soạn biên tập tin bài có đồng chí Nguyễn Kim Bưu.

Hồi ấy, công nhân in thạch bản Bình Thuận có trình độ kỹ thuật khá cao, nét viết chữ trái trên bản đá sắc sảo, nghệ thuật vẽ tranh, pha màu, in chồng màu đầy sáng tạo. Với kỹ thuật in thạch bản, năm 1947, được sự ủy nhiệm của Trung ương, tỉnh Bình Thuận lập bộ phận in giấy bạc tín phiếu đóng ở Ô rô do đồng chí Hồ Quang Sơn, con trai nhà cách mạng Hồ Quang Cảnh, phụ trách. Công nhân in tín phiếu có khả năng kỹ thuật cao. Hình ảnh Bác Hồ, bộ đội chiến đấu, công nhân, nông dân tăng gia sản xuất, dòng chữ, hoa lá, cờ bay, sóng nước... khắc trên bảng gỗ lồng mực, nét vẽ, nét khắc rõ ràng. Ngay cả ê-tô kẹp giấy, bàn xén, lưỡi xén cũng được sáng chế bằng đôi tay khéo léo của công nhân. Các loại tiền tín phiếu 1 đ, 5 đ, 50 đ in ra đẹp chẳng khác gì in bằng máy, được đồng bào tin tưởng, ủng hộ.

Cuộc kháng chiến ngày càng phát triển. Nhu cầu ăn mặc, học tập đòi hỏi ngày càng nhiều, Liên khu 5 cung cấp không đủ. Với tinh thần tự lực cánh sinh, giữa năm 1948, bộ phận kinh tế tỉnh lập cơ sở dệt thủ công ở Trại Mấu. Năm 1949, Liên khu 5 cử cán bộ vào giúp kỹ thuật, cơ sở

dệt được mở rộng thêm. Công nhân dệt là những anh chị em quê Quảng Nam, Quảng Ngãi là những nơi có nghề dệt truyền thống lâu đời. Cùng với cơ sở dệt, một cơ sở làm giấy cũng hình thành ở vùng căn cứ. Tháng 5-1949, huyện Hàm Tân được giải phóng, 2 cơ sở dệt, giấy dời vào Hàm Tân, đóng ở vùng Bàu Dồi. Sản phẩm vải, giấy viết còn thô sơ, không đẹp, không láng, số lượng chưa nhiều, nhưng cũng đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt kháng chiến trường kỳ gian khổ.

Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, phong trào công nhân lao động và Công đoàn Bình Thuận phát triển cả về số lượng và tổ chức. Ngày 20-7-1946, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, sau đổi là Tổng Công đoàn được thành lập. Các tổ chức Công đoàn cơ sở lần lượt đổi tên gọi. Đầu năm 1947, Hội Công nhân cứu quốc tỉnh đổi thành Liên đoàn Lao động tỉnh. Cấp huyện, cấp cơ sở, dưới cơ sở như tổ, chi hội cũng đổi theo. Công nhân cứu quốc gọi là đoàn viên công đoàn. Tổ chức công đoàn các cấp vừa chịu sự lãnh đạo của Công đoàn cấp trên, vừa chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và Mặt trận Việt Minh địa phương. Thời gian này, BCH Liên đoàn Lao động tỉnh gồm 7 thành viên do đồng chí Nguyễn Kim Bưu làm thư ký. BCH phân công các thành viên phụ trách các ngành nghề và chăm lo củng cố tổ chức Công đoàn và phong trào công nhân lao động ở cơ sở. Đồng chí Lê Trung Tâm phụ trách Công đoàn Phan Thiết, đồng chí Phạm Kiếm Thanh phụ trách Công đoàn hỏa xa. Đồng chí Nguyễn Kỳ phụ trách báo Chiến Thắng. Các huyện không tổ chức BCH Công đoàn huyện.

Từ khi tổ chức công nhân cứu quốc đổi thành Công đoàn, hệ Công đoàn cơ sở được củng cố một bước. Công đoàn ngư nghiệp các làng biển, cửa sông, Công đoàn diêm nghiệp Trinh Tường, Duông, Cửa Cạn, Công đoàn dệt, giấy, đóng tàu thuyền, Công đoàn công binh xưởng, in tin phiếu sinh hoạt đều đặn. Chức năng tham gia quản lý xí nghiệp góp phần vào kháng chiến thắng lợi và chăm lo đời sống công nhân phát huy tốt.

Cùng với việc chăm lo xây dựng, phát triển phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn ở vùng tự do, BCH Liên đoàn Lao động tỉnh rất chú ý đi sâu vùng tạm bị chiếm. Các ngành hỏa xa Mường Mán, Phan Thiết, Phú Hội, Sông Lòng Sông đều có cán bộ công đoàn bám móc nổi xây dựng. Riêng nhà máy đèn, nhà máy nước, nhà dây thép, BCH Liên đoàn Lao động tỉnh đều xây dựng cán bộ sống hợp pháp trong vùng địch theo dõi, xây dựng cơ sở cách mạng. Các ngành nghề thủ công như dệt tơ lụa ở Xuân Bình, Phú Long, thợ may, thợ mộc, thợ nề ở Phan Thiết, Ma Lâm, Chợ Lầu, Long Hương, Phan Rí Cửa đều có cán bộ công đoàn đảm nhiệm việc xây dựng cơ sở, mở phong trào. Cán bộ công đoàn vừa lo cơ sở ngành nghề mình phụ trách, vừa liên hệ mật thiết với cấp ủy, chính quyền, Mặt trận địa phương để việc lãnh đạo được thống nhất.

Tổ chức Công đoàn tập hợp đông đảo công nhân lao động các ngành nghề đứng vào hàng ngũ kháng chiến, cùng với thanh niên, nông dân, phụ nữ, đã tạo thành nền tảng hùng hậu cho Mặt trận Việt Minh.

Nhằm thu hút mạnh hơn nữa các giới tôn giáo, công thương gia, trí thức vào Mặt trận đoàn kết toàn dân kháng chiến, kiến quốc, cuối tháng 5-1946, Hội Liên hiệp quốc

dân Việt Nam được thành lập. Tổ chức chính trị rộng rãi này triển khai ở Bình Thuận năm 1947. Nhằm làm cho Mặt trận đoàn kết toàn dân thật sự vững chắc, đầu năm 1948, tổ chức Việt Minh và Liên Việt hợp nhất làm một, vẫn gọi là Liên Việt. Để làm nền tảng cho Mặt trận, các giới đoàn thể được tổ chức gọn nhẹ - Trừ Hội Phụ nữ, còn BCH đoàn thể huyện, tỉnh đều giải thể, bổ sung nòng cốt cho xã và các cơ quan kháng chiến, tăng cường chất lượng sinh hoạt cho bên dưới. Trong tình hình đó, BCH LĐLĐ tỉnh chuẩn bị triển khai chủ trương mới thì quân Pháp cần quét đánh chiếm Gò Bồi. Cơ quan Công đoàn tỉnh lại phân tán. Báo Chiến Thắng chưa kịp lên khuôn in số thứ 2 thì bị giặc cướp phá sạch.

Tuy vậy, đến đầu năm 1949, phong trào các đoàn thể ở cơ sở xã vẫn còn quá yếu, không tập hợp được sức mạnh của toàn dân, nhất là vào thời điểm cuộc kháng chiến cả nước đang chuẩn bị chuyển sang giai đoạn tích cực cầm cự và chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Thực hiện chủ trương của trên, Tỉnh ủy Bình Thuận tiến hành củng cố các đoàn thể, xây dựng lại hệ thống các giới. Vào thời gian này, BCH-LĐLĐ tỉnh được khôi phục lại, do đồng chí Nguyễn Kim Bưu làm thư ký, đồng chí Nguyễn Hữu Vinh làm phó thư ký. Lực lượng công đoàn cơ sở được tăng cường. Đến tháng 4-1949 toàn tỉnh có 7 BCH công đoàn và 15 phân đoàn cơ sở gồm 4.936 đoàn viên tập hợp trong các ngành vận tải, hỏa xa, công binh xưởng, quân đội, thương nghiệp, diêm nghiệp và các công đoàn thợ thủ công.

Ở vùng địch kiểm soát, nhiều đoàn viên công đoàn là những cơ sở cách mạng tin cậy. Anh chị em tham gia cảm tử thành, hoạt động du kích diệt ác trừ gian và làm nòng cốt đấu tranh giành quyền sống. Trong các ngày lễ năm

1949, công đoàn hỏa xa Mường Mán tổ chức treo cờ tại đề pô và phối hợp với bộ đội đánh sập 3 toa tàu và làm hư một đầu máy xe lửa trên tuyến đường sắt Mường Mán - Ma Lâm - Hưởng ứng lời kêu gọi của Công đoàn tỉnh, gần 100 công nhân là thợ mộc, thợ cưa, và vận tải biển ở Phan Thiết thoát ly ra căn cứ bổ sung vào các xưởng đóng thuyền của Phân ban kinh tế cực Nam ở Hàm Tân, tham gia sản xuất vũ khí ở Công binh xưởng và trại rèn sản xuất cuốc cày ở vùng giải phóng Hàm Tân.

Ở vùng căn cứ, sau khi củng cố lại BCH Công đoàn tỉnh, cơ quan chuyển vào Hàm Tân, các thành viên được cử về phụ trách những cơ sở kinh tế mới thành lập, như đồng chí Lê Trung Tâm phụ trách Công đoàn ngư nghiệp Hàm Tân và Công đoàn Lý Chính Thắng của phân ban kinh tế cực Nam. Một trại rèn được thành lập ở Khe Gà, xã Tân Thành mang tên trại Huỳnh Chương, người cán bộ công đoàn giữ vững khí tiết bị giặc Pháp bắn ở động Bà Hòe. Trại rèn có 10 công nhân chuyên sản xuất nông cụ phục vụ mở màng sản xuất tự túc ở vùng giải phóng và cung cấp cho số đồng bào Đồng Nai tản cư ra Hàm Tân. Nguyên liệu của trại rèn là những thanh tà vẹt bóc ở đoạn đường sắt Mường Mán - Suối Kiết chuyển về đây vừa phục vụ sản xuất cho ta, vừa làm gián đoạn giao thông địch.

Nhìn chung, từ khi giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1949, phong trào công nhân lao động và Công đoàn Bình Thuận có bước phát triển về tổ chức và số lượng. Vai trò tiên phong của giai cấp công nhân ở vùng tự do và vùng địch kiểm soát được thể hiện rõ nét.



**Đồng chí Nguyễn Kim Bưu (người mặc quần áo đen - thứ hai từ phải sang)
Thư ký Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận (Đầu năm 1947 - 7/1950).**



**Đồng chí Đỗ Khắc Kinh, Tỉnh ủy viên, Thư ký Liên đoàn Lao động
tỉnh Bình Thuận (7/1950 - 4/1951).**

Tuy nhiên, chủ trương giải thể BCH một số giới đoàn thể cấp tỉnh, huyện, trong đó có công đoàn, làm cho hoạt động công đoàn lúng túng. Mãi đến giữa năm 1948, hệ thống lãnh đạo công đoàn từ tỉnh, huyện đến cơ sở mới được khôi phục, tạo khả năng cho phong trào công nhân lao động phục vụ kháng chiến kiến quốc tốt hơn, mạnh hơn, góp phần giành nhiều thắng lợi.

III - ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN, ĐỘNG VIÊN CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN, ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1950 - 1954)

Từ năm 1950, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến quan trọng. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa được củng cố, tăng cường về mọi mặt có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân các nước thuộc địa và tư bản chủ nghĩa.

Đối với nước ta, chiến dịch biên giới giành thắng lợi vẻ vang đã tạo điều kiện đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn mới. Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta, hết lòng ủng hộ về tinh thần và vật chất để nhân dân ta tăng thêm sức tự lực tự cường đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Đối với công đoàn, nhiệm vụ cấp bách đặt ra là xây dựng và củng cố tổ chức ngày càng vững mạnh, động viên công nhân lao động thực hiện thật tốt vai trò nòng cốt trong phong trào sản xuất và đấu tranh phục vụ tiền tuyến, giành thắng lợi to lớn mới.

Đại hội Công đoàn toàn quốc lần thứ nhất (1-1950) tại chiến khu Việt Bắc với hơn 200 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 30 vạn đoàn viên, 1.092 công đoàn cơ sở trong cả nước thổi vào phong trào công nhân lao động Bình Thuận một luồng gió mới.

Tuy vậy, vào thời gian này, tình hình chiến trường Bình Thuận gặp nhiều khó khăn. Với chiến thuật thấp canh, lô cốt dày đặc ở vùng thị xã, thị trấn, ven các tuyến giao thông huyết mạch, thực dân Pháp phần nào thực hiện được mục đích kiểm soát dân trong các khu tập trung, đánh đập cán bộ, du kích ra xa các vùng làm chủ ở phía Bắc và phía Nam tỉnh.

Tháng 12-1949, hội nghị Tỉnh ủy họp tại Cóc Chua đề ra nhiệm vụ đơn giản huyện, kiện toàn tỉnh, củng cố xã, đẩy mạnh công tác dân vận, mặt trận, tổng động viên nhân vật tài lực phụng sự tiền tuyến.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, muốn đạt yêu cầu trên, các giới đoàn thể cần phải được xây dựng vững mạnh. Nhiều cán bộ có năng lực được điều sang công tác mặt trận và đoàn thể.

Cũng vào cuối năm 1949, đồng chí Hoàng Trình đại diện Liên đoàn Lao động Liên Khu V vào Bình Thuận kiểm tra, giúp công đoàn tỉnh chấn chỉnh lại tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc, đào tạo cán bộ công đoàn, đặt lại hướng hoạt động của công đoàn phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Trước đó, tháng 3-1949, một sự kiện khác đến với Công đoàn Bình Thuận. Trung ương và Liên Khu ủy Khu V lập Ban cán sự Đảng cực Nam chỉ đạo 3 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Về công đoàn, Ban cán sự Công đoàn cực Nam cũng ra đời gồm một số cán bộ công đoàn chủ

chốt 3 tỉnh : Nguyễn Kim Bưu (Bình Thuận), Hồ Ngọc Tấn (Ninh Thuận), Nguyễn Duy Tính (Khánh Hòa). Nhân sự chủ chốt của Công đoàn Bình Thuận cũng có sự thay đổi. Đồng chí Đỗ Khắc Kính, nguyên Bí thư Huyện ủy Phan Lý bị địch bắt, vượt ngục ra được chỉ định làm thư ký công đoàn tỉnh thay đồng chí Nguyễn Kim Bưu.

Hệ thống công đoàn các cấp được củng cố theo hướng tăng cường cho cơ sở. Đồng chí Lê Trung Tâm được bổ sung làm thư ký Công đoàn Phan Thiết, nơi tập trung các cơ quan đầu não của kẻ thù và cũng là nơi tập trung đông công nhân lao động. BCH công đoàn các huyện khác cũng được tăng cường năng lực lãnh đạo. Hướng hoạt động công đoàn nhắm vào vùng địch kiểm soát nhằm tập hợp nhiều công nhân lao động vào tổ chức công đoàn được xác định. Tại vùng địch kiểm soát, công tác cán bộ Công đoàn cơ sở có cải tiến. BCH Công đoàn phường có 3 thành viên và phân ra nhiều phân đoàn, mỗi phân đoàn có 3 tổ. Cán bộ công đoàn từ tổ trưởng trở lên được triệu tập ra căn cứ để tập huấn công tác công đoàn. Ở Phan Thiết, sau các đợt tập huấn, nhiều cán bộ công đoàn hoạt động nội thị được kết nạp vào Đảng Cộng sản.

Để củng cố thêm một bước về tổ chức và quán triệt nhiệm vụ công đoàn thời kỳ chuyển mạnh sang tổng phản công, ngày 1-7-1950, Hội nghị đại biểu công đoàn toàn tỉnh họp tại Trại Mấu, thuộc địa bàn huyện Hàm Thuận (từ 10-1950 Trại Mấu thuộc căn cứ Lê Hồng Phong, năm 1951 đổi thành huyện Lê Hồng Phong). Hội nghị bầu lại BCH gồm 7 thành viên. Các đồng chí : Đỗ Khắc Kính, Tỉnh ủy viên làm thư ký ; Nguyễn Hữu Vinh phó thư ký ; Lê Thanh Tâm, Ủy viên Thường vụ (1) ; Lê Văn Tá, Nguyễn Văn Côi đại diện ngành

(1) Đ/c Lê Trung Tâm lúc này đổi là Lê Thanh Tâm.

giao thông bưu vận ; Đỗ Bá Thiện đại diện ngành hỏa xa ; một ủy viên khác dành cho đại diện công binh xưởng và một ủy viên dự khuyết. Sau đó, đồng chí Hoàng Xuân Sinh đại diện Công đoàn Liên Khu V vào công tác được bổ sung làm Ủy viên Thường vụ và thời gian sau được phân công phụ trách ngành hỏa xa Mường Mán, nơi tập trung nhiều đầu mối đường sắt trong tỉnh. (1).

Cuối năm 1949, Công đoàn Liên Khu 5 phát động đợt thi đua với mục tiêu “gây cơ sở, phá kỷ lục, cải tiến và phát huy sáng kiến”, đưa phong trào công nhân lao động trong Khu tiến lên bước phát triển mới. Hưởng ứng đợt thi đua nhằm nâng cao hiệu quả công tác công đoàn các vùng, BCH Công đoàn tỉnh đã tổ chức bồi dưỡng nhận thức chính trị, ý thức giai cấp cho đội ngũ đoàn viên.

Ở vùng địch kiểm soát, nội dung bồi dưỡng bổ sung thêm vấn đề ý thức giai cấp, tinh thần đấu tranh cách mạng, công tác địch nguỵ vận, chống bắt lính, vận động quần chúng ủng hộ cách mạng, vận động công nhân thoát ly tham gia kháng chiến kiến quốc. Ở các xí nghiệp, nhà máy của địch, vận động đoàn viên tham gia phá hoại ngầm, làm tê liệt từng bộ phận máy móc nhà máy đèn, đề pô xe lửa... Ở vùng giải phóng, vận động công nhân lao động cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, sản xuất phụ tùng thay thế, phục hồi các máy hư hỏng đưa vào sử dụng. Công đoàn

(1) Theo tự thuật của đồng chí Lê Văn Tá : Trong BCH CĐ tỉnh, Lê Văn Tá phụ trách tuyên huấn, Phạm Kiểm Thanh phụ trách hỏa xa Mường Mán, Lê Thanh Tâm phụ trách thị xã Phan Thiết, Nguyễn Ngọc Ký phụ trách ngành xe lửa, Hoàng Xuân Sinh Thường trực CĐ tỉnh.

Ngoài ra 2 cán bộ CĐ : Trần Huấn phụ trách Công đoàn giao thông vận tải, Nguyễn Xuân phụ trách Công đoàn xe ngựa.

công binh xưởng học tập noi gương tinh thần dũng cảm quên mình, tận tụy phục vụ kháng chiến của anh hùng lao động Ngô Gia Khảm và kỹ sư Trần Đại Nghĩa Công đoàn xã phường vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hăng hái đi dân công phục vụ chiến trường.

Các cuộc vận động nêu trên được công nhân lao động các vùng nhiệt liệt hưởng ứng. Phần lớn lao động vùng căn cứ đều tạo thế sống 2 chân, hàng ngày đưa than củi vào nội thị bán và đưa về hàng tiêu dùng và các loại vật liệu phục vụ công binh xưởng chế tạo vũ khí. Công nhân ngành vận tải dùng xe tải, ghe thuyền chuyển lương thực, thực phẩm, văn phòng phẩm ra những điểm hẹn để đưa lên chiến khu. Ngay trong nội thị Phan Thiết, cơ sở đoàn viên đã cùng cơ sở các giới xây dựng Xóm Đầm ở Bình Hưng, xóm Lò Heo, Động Giá ở Phú Trinh, xóm Cồn Cỏ, động Làng Thiêng ở Đức Nghĩa, Xóm Câu, xóm Ghe ở Lạc Đạo, xóm Cồn Mắm ở Phú Hải thành căn cứ lỏm, tạo bàn đạp cho cán bộ Đảng, đoàn thể, cảm tử đội bám trụ hoạt động. Công đoàn thị còn tổ chức xuống từ Phan Thiết ngược sông lên cầu 40 lấy nước ngọt về cung cấp cho nhân dân nội thị, lúc về ngụ trang chở thêm tài liệu, báo chí, đạn dược và bí mật đưa cán bộ bên ngoài vào nội thành bám trụ công tác. Ở các bến Bình Hưng, Văn Thánh, Cồn Chà, công nhân, thủy thủ ghe bầu, ghe lưới từ nhiều hướng hành trình khác nhau đến các bến hẹn Khe Cả, Xóm Trạm, Suối Nước, Bình Thiện chuyển vãi vóc thuốc men, đường sữa, vật dùng của đồng bào nội thị ủng hộ kháng chiến.

Năm 1950, Hội nghị Tỉnh ủy đề ra những nhiệm vụ cụ thể cho các cấp công đoàn : (1)

(1) Biên bản cuộc hội nghị Tỉnh ủy mở rộng kiểm điểm công tác từ tháng 8 đến 12-1949 và chủ trương công tác năm 1950 - tư liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ký hiệu II D b1.

- củng cố Công đoàn thị xã, nhất là tổ chức cho được tổ chức Công đoàn trong nhà máy đèn.

- củng cố Công đoàn hỏa xa Mường Mán, diêm nghiệp ở Duồng, thủy trình ở Phan Rí Cửa.

- Huy động Công đoàn đứng ra đấu tranh, từ nay đến giữa năm 1950 tổ chức một cuộc đấu tranh có tiếng vang của Công đoàn.

- Xúc tiến phá hoại trong lòng địch :

- Tổ chức thi đua mạnh mẽ trong Công đoàn vùng giải phóng, đặc biệt chú ý Công đoàn Công binh xưởng.

- Chú ý quan tâm đến đời sống công nhân (liên lạc, an ủi, động viên, tuyên dương người tốt và ủng hộ tài chính).

- Thực hiện quỹ tương trợ, phát triển rộng để cứu trợ cho đoàn viên, đến tháng 3-1950 phải xây dựng đều quỹ ở các tổ.

- Thành lập các hợp tác xã, thực hiện tương trợ giúp đỡ lẫn nhau làm và ăn chia trong nghề biển.

- Đến hạ bán niên năm 1950, Công đoàn tỉnh phải tự túc về văn phòng phẩm và dụng cụ lao động.

- Đến cuối năm 1950, phấn đấu tự túc về mọi mặt và góp phần tự túc cho cơ quan ngôn luận của Công đoàn cấp tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, năm 1950, phong trào công nhân lao động và Công đoàn Bình Thuận có nhiều tiến bộ mới. Hệ thống tổ chức công đoàn phát triển. Toàn tỉnh có 23 tổ chức công đoàn và phân đoàn với số lượng tháng 1-1950 có 3.230 đoàn viên (do địch dồn dân phía Bắc tỉnh nên so với cuối năm 1949 có ít hơn). Đến tháng 11-1950

được phục hồi trở lại, toàn tỉnh có 4.470 đoàn viên so với 10.000 lao động trong tỉnh và được tổ chức thành 11 Công đoàn cơ sở, trong đó công đoàn vùng địch hậu 2.831 đoàn viên ; Công đoàn phòng vận tải tiếp tế cực Nam 218 đoàn viên ; 5 phân đoàn Công binh xưởng 237 đoàn viên ; phân đoàn trong vùng căn cứ và vùng bản lề 1.184 đoàn viên.

Sau hội nghị đại biểu Công đoàn toàn tỉnh tháng 7-1950, đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp được củng cố. BCH Công đoàn tỉnh có 7 Ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết, 9 cán bộ và 1 ban cán sự Đảng 3 người. Cán bộ Công đoàn cấp cơ sở và phân đoàn có 142 người. So với trước, thực hiện chủ trương của trên, đã giảm một số ban nên bộ máy gọn nhẹ hơn. Đến cuối năm 1950, BCH Công đoàn tỉnh chỉ còn 5 ủy viên và 6 cán bộ làm việc, số còn lại phân đi công tác ở Ninh Thuận và Lâm Đồng.

Đối với các huyện, trừ thị xã Phan Thiết, đến cuối năm 1950 không có BCH Công đoàn huyện, chỉ lập Công đoàn theo ngành nghề, như Công đoàn Công binh xưởng do đồng chí Ba Tâm là thư ký, Công đoàn hỏa xa Mương Mán đồng chí Phan Kiếm Thanh phụ trách, Công đoàn ngư nghiệp Hàm Tân đồng chí Lâm Hòa Thế phụ trách, Công đoàn ngư nghiệp Tuy Phong đồng chí Nghiệp phụ trách, Công đoàn thị xã Phan Thiết đồng chí Lê Thanh Tâm ủy viên BCH Công đoàn tỉnh phụ trách cùng với 2 ủy viên Nguyễn Văn Anh (trưởng ga xe lửa), Nguyễn Quốc Thùy (cán bộ thị xã). Còn Hàm Tân là vùng giải phóng nên từ cuối năm 1949 trở đi, các cơ quan trạm trại của tỉnh và phân ban kinh tế cực Nam về đây xây dựng cơ sở vật chất phục vụ kháng chiến khá đông, nên Công đoàn cơ sở khá mạnh. Đó là : Công đoàn xí nghiệp 82 (sản xuất muối Cửa Cạn) Công đoàn Xí nghiệp 22 (sản xuất giấy), Công đoàn Trạm quân lương,

Công đoàn Trường huấn luyện tân binh, Công đoàn Trạm xá Miền Nam, Công đoàn Phân ban kinh tế cực Nam, Công đoàn Trạm bưu vận Tây Sơn, Công đoàn Trạm hàng hải, Công đoàn Trường trung tiểu học Bình Dân, Công đoàn Công binh xưởng 812.

Số lượng đoàn viên Công đoàn 2 Xí nghiệp 82 và 22 sản xuất muối và giấy thuộc Ty kinh tế do đồng chí Mai Cách phụ trách có 100 đoàn viên. Sản lượng muối đủ cung cấp cho các vùng giải phóng trong tỉnh và chi viện cho một số đơn vị Đông Nam bộ. Sau khi Trung đoàn 82 (Bình Thuận) và Trung đoàn 81 (Ninh Thuận) nhập thành Liên Trung đoàn 81 - 82, rồi Trung đoàn 812 thì Công binh xưởng Ninh Thuận cũng kéo vào nhập với Công binh xưởng Bình Thuận gọi là Công binh xưởng 812 do đồng chí Phan Học làm chỉ huy trưởng, lực lượng công nhân khá mạnh, số đoàn viên Công đoàn khá đông. Công binh xưởng 812 ngoài việc rời sạc (recharge) các loại đạn đúng với kích cỡ các loại súng bộ đội hiện có, còn sản xuất các loại vũ khí F1 dùng đánh đồn, chế tạo súng phóng bom, đạn ba đô ka để đánh xe cơ giới của địch. Với quân số gần 237 đoàn viên sinh hoạt trong 5 phân đoàn, Công đoàn Công binh xưởng 812 là Công đoàn được tổ chức chặt chẽ nhất.

Ở vùng địch kiểm soát và vùng tranh chấp, trong ngư nghiệp và diêm nghiệp, cán bộ công đoàn phụ trách 2 ngành này xây dựng 2.830 đoàn viên công đoàn, hỏa xa Phan Thiết - Mương Mán xây dựng được 70 đoàn viên. Duy chỉ nhà máy đèn 40 công nhân mới có 3 cơ sở, nhà máy nước lúc này chưa tổ chức được cơ sở nào.

Lực lượng công nhân ngành bưu vận cũng khá mạnh, nhưng triển khai trên những tuyến đường dài, không tập trung như các đơn vị khác. Từ cuối năm 1949, để phục vụ chuyển cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới, ngành giao bưu vận cả nước đã hình thành hệ thống từ Bắc vào Nam. Đường bộ từ Liên Khu 5 vào Ninh Thuận đi qua Vĩnh Hảo, Hòn Hồng (xã Hồng Lâm) đến Rẫy Thơm (xã Hàm Đức). Từ đây đường liên lạc chuyển thành 2 hướng ; Rẫy Thơm đi Mương Mán vào tỉnh Biên Hòa ; Rẫy Thơm đi Hàm Liêm vào Tân Thuận, đi Tân Hà vào tỉnh Bà Rịa. Với khoảng 300 cán bộ công nhân, từ năm 1949 ngành đã thành lập Công đoàn ngành cấp tỉnh do đồng chí Nguyễn Hữu Vinh làm thư ký. Năm 1951 củng cố thêm ngành liên lạc, nên các tuyến đường bộ trong tỉnh được chia làm 3 trạm chính. Trạm tổng phát hành (trạm II) đóng ở căn cứ Lê Hồng Phong. Trạm I đóng ở Bắc Bình và trạm III đóng ở Hàm Tân. Các tuyến giao thông đường thủy được củng cố. Từ trạm Trũng Lòng Mang (Khu Lê Hồng Phong) hàng hóa được chuyển tiếp vào trạm Khe Gà (còn có tên gọi là trạm Tây Sơn) và chuyển tiếp chặng thứ hai vào trạm Thắng Bình giáp với tỉnh Bà Rịa. Đoàn viên Công đoàn giao bưu vận làm việc theo tuyến, do điều kiện bí mật, ít tiếp xúc với bên ngoài. Và dù đặc điểm công tác luôn di động, nhưng đoàn viên ai cũng nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh để sống, công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, dù hoàn cảnh rất khó khăn, BCH Công đoàn tỉnh vẫn gắng sức chăm lo công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Năm 1950 mở 3 lớp tập huấn : Một lớp dành cho cán bộ Công đoàn và Phân đoàn cơ sở 25 học viên ; một lớp đào tạo giảng viên Công đoàn cấp

tỉnh và huyện 25 học viên và một lớp dành cho cán bộ Công đoàn cơ sở bên trong 10 học viên.

BCH Công đoàn tỉnh cũng rất quan tâm đến việc động viên sức người sức của của công nhân lao động phục vụ tiền tuyến : Trong 2 đợt tổng động viên cho chiến dịch Hè và Đông Xuân 1950 - 1951, đoàn viên Công đoàn toàn tỉnh ủng hộ 824.000 đồng tín phiếu, 3.350 đồng Đông Dương, bán chịu cho kháng chiến 385.000 đồng tín phiếu lúa gạo... Trong 2 đợt tổng động viên này, 150 đoàn viên công đoàn đã hăng hái tòng quân cầm súng giết giặc cứu nước... Một số số liệu động viên nêu trên của công nhân lao động và công đoàn đã hòa vào dòng thác nhân vật tài lực của các tầng lớp nhân dân phục vụ tiền tuyến gồm 950 xe lúa, 30 tấn đậu các loại, 150 con trâu bò, 2.400 mẫu ruộng hiến, trên 8 triệu đồng tín phiếu, 200.000 đồng Đông Dương và hàng vạn ngày công phục vụ chiến dịch đã thực sự trở thành phong trào thi đua ái quốc sôi nổi dấy lên khi thế chuyển mạnh sang tổng phản công, biển khẩu hiệu “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” thành hành động cách mạng cụ thể.

Trong lúc đó, phong trào đấu tranh của công nhân vùng thị xã, thị trấn cũng có bước phát triển trong các dịp lễ ngày Quốc tế Lao động 1-5, ngày 20-7. Đặc biệt cuộc đấu tranh ngày 9-2-1950 do BCH Công đoàn tỉnh tổ chức chào mừng Đại hội Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã có tiếng vang. Các tổ chức Công đoàn ở Hòa Đa đấu tranh chống thuế “tonnage” và chống địch cấm ngư dân đi biển xa... Công nhân hỏa xa nhiều lần cạy phá đường rây xe lửa, làm hư 20 cầu sắt, làm hỏng khoảng 20 km đường sắt. Lao động làm nước mắm ở Mũi Né đấu tranh đòi giảm thuế mỗi tấn nước mắm 5 xu so với mức thuế địch qui định.

Đầu năm 1950, Tỉnh ủy chủ trương tiến sâu vào vùng địch hậu. Phan Thiết là nơi tập trung đông công nhân lao động nên Tỉnh ủy và BCH Công đoàn đều tập trung sức về đây. Toàn thị xã có 929 hội viên công đoàn. Hình thức sinh hoạt được tổ chức lại chặt chẽ. Nơi số lượng đoàn viên đông thì tổ chức phân đoàn, nơi ít thì lập tiểu tổ. Trên các mặt đấu tranh chống địch, tác dụng vai trò của đoàn viên công đoàn được nâng dần lên. Việc chống bắt lính diễn ra dưới nhiều hình thức. Địch bắt cần thì vận động các giới đồng bào la ó, níu kéo, gây náo động phố phường, chỉ hầm, tường, trần nhà cho thanh niên tránh lánh. Những đợt địch lùng sục lớn thì đưa thanh niên ra vùng ven, dùng ghe đưa ra biển. Địch bắt đóng thuế mới, tăng thuế cũ thì dùng lý lẽ, viết đơn xin kêu, trì hoãn, không nộp.

Từ khi chuyển phương châm công tác vào vùng địch hậu, đoàn viên Công đoàn tích cực tham gia tạo thế bám trụ cho cán bộ bên ngoài. Các dạng hầm bí mật phát triển : vách đôi, thùng chượp cá 2 đáy, hầm có nhiều ngăn, nhiều ngách ăn thông dưới chân tường nhiều nhà, chỗ trú nấp trên máng xối... Ở vùng ven hầm được đào qui mô hơn, giấu được cả tiểu đội. Những đoàn viên công đoàn nữ nối liên lạc với trong, ngoài thì chế kiểu nón lá 2 vành để chuyển công văn tài liệu an toàn, bí mật.

Ở vùng địch hậu Tánh Linh, tình hình khó khăn hơn thì công đoàn, các giới đoàn thể cùng với du kích, chính quyền hình thành các tổ tam tam để làm nòng cốt lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân. Ở Tuy Phong mạng lưới hội viên các giới đoàn thể phát triển khá mạnh, trong đó công đoàn có 260 người. Nhiều đoàn viên Công đoàn hăng hái ra vùng căn cứ đi dân công phục vụ chiến dịch, tham gia du kích...

Càng tiến đến thắng lợi, cuộc đọ sức giữa ta và địch càng trở nên quyết liệt. Khi ta mở các chiến dịch ở phía Bắc tỉnh, địch phản kích đánh phá vùng phía Nam tỉnh, ra sức khủng bố vùng tạm chiếm Phan Thiết, càn quét vùng Tam Giác Hàm Thuận, làm cho ta bị tổn thất về người và của.

Trong toàn tỉnh, đầu năm 1952, địch đóng 91 cứ điểm cùng với 270 tháp canh. Năm 1953, chúng đóng thêm một số đồn ở Bàu Gia, Xóm Bàu. Ở Phan Thiết, địch kiểm soát nghiêm ngặt các ngã đường ra vào thị xã, truy lùng cán bộ bí mật nằm vùng, bắn pháo ra núi Ba Hòn, bưng Cò Ke. Hoạt động cơ sở bên trong gặp nhiều khó khăn. Nhiều cán bộ công đoàn bị bắt hoặc bị lộ không hoạt động được. Trước tình hình đó, một số cơ sở Công đoàn chuyển gia đình ra bưng Cò Ke hình thành khu dân cư 20 gồm 20 hộ, khoảng 100 người, làm ăn sinh sống tại đây. Trong số này, nhiều đoàn viên công đoàn lại lập thế 2 chân tìm cách ra vào thị xã tiếp tục phục vụ kháng chiến như trước.

Vượt qua khó khăn, phong trào kháng chiến trong tỉnh lại tiến bước. Về tổ chức, sự kiện có ý nghĩa là vào tháng 4-1951, huyện căn cứ Lê Hồng Phong và huyện Bắc Bình được hình thành. Đồng chí Đỗ Khắc Kính, Tỉnh ủy viên, thôi giữ chức thư ký Công đoàn tỉnh, chuyển sang làm Bí thư huyện căn cứ Lê Hồng Phong. Công việc cơ quan lãnh đạo Công đoàn tỉnh giao lại cho đồng chí Nguyễn Hữu Vinh, Lê Văn Tá nắm đầu mối chỉ đạo phong trào công nhân lao động vùng căn cứ, vùng bản lẻ và vùng địch kiểm soát. Hướng hoạt động chủ yếu là chuyển phương châm, phương thức công tác vào vùng địch hậu để tập hợp công nhân lao động vào tổ chức Công đoàn đóng vai trò nòng cốt trong các cuộc đấu tranh.

Sau Hội nghị đại biểu toàn tỉnh lần thứ hai (tháng 8 năm 1952) thì từ những năm 1952 - 1953, tỉnh cử nhiều cán bộ ra vùng tự do Liên Khu 5 dự các lớp chỉnh huấn, chỉnh quân, khi trở về mở các lớp tại địa phương. Nhiều cán bộ và đoàn viên công đoàn được học tập, quán triệt quan điểm nhiệm vụ mới của giai cấp công nhân. Phối hợp với chiến trường chính Điện Biên Phủ, quân dân Bình Thuận liên tiếp chiến thắng ở Ngã Hai (1952), Sông Quao (1953), Mũi Né (1953), Nhà hàng Liên Thành (1953), đánh tiêu hao nặng 8 tiểu đoàn Âu Phi trong trận càn quét khu Tam Giác (1953), bước sang năm 1954 tiêu diệt một loạt cứ điểm La Dày, Gia Bát, Lút Xe, Sông Phan, Suối Kiệt ở Tánh Linh, san bằng các đồn Lương Sơn, Duồng, Sông Lũy, Sông Lòng Sông phía Bắc tỉnh và đêm 31-7-1954 tiêu diệt đồn Sông Dinh phía Nam tỉnh. Đây là trận đánh cuối cùng của chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 ở Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp.

Trong chiến dịch lịch sử này, công nhân lao động Bình Thuận luôn gắn chặt với tiền tuyến. Công nhân công binh xưởng lao động sản xuất vũ khí cả ngày đêm. Các loại mìn, lựu đạn, súng phóng lựu đạn, đạn ba đô ca, đạn SKZ được chế tạo vượt mức kế hoạch. Súng hư, đạn lép được sửa chữa kịp thời. Khu căn cứ nơi xưởng đóng vang động tiếng máy, tiếng búa, tiếng đe. Công nhân in hợp lý hóa công việc, một số đi mặt trận phục vụ chiến đấu, một số chuyển dụng cụ đồ nghề ra phía trước in báo, bản tin, tranh cổ động trực tiếp phục vụ chiến trường. Công đoàn các xí nghiệp giấy, dệt, muối, công đoàn các ngành nghề thủ công vùng giải phóng, vùng bản lề cử những đoàn viên trẻ, khỏe đi dân

công tải vũ khí, lương thực, khiêng cáng thương binh phục vụ chiến dịch. Công nhân lao động ngành giao thông liên lạc trên bộ, trên biển, trên không luôn có mặt trên các tuyến trọng điểm, đáp ứng nhu cầu của lãnh đạo, chỉ huy.

Ngày 7-5-1954, quân ta đánh tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của thực dân Pháp. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa quyết định, kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta. Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết. Pháp và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, và với Việt Nam lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, sau đó thực hiện tổng tuyển cử để thống nhất đất nước.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, Bình Thuận là vùng tập kết 80 ngày. Cùng với hơn 300 cán bộ dân chính Đảng và 1.400 chiến sĩ lực lượng vũ trang, một số cán bộ công đoàn và công nhân lao động chuẩn bị xuống tàu tập kết ra miền Bắc, một số được chọn ở lại phục vụ cách mạng miền Nam, tiếp tục đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Những thành tích to lớn mà công nhân lao động Bình Thuận trên tất cả các vùng, phía trước cũng như phía sau, đã đạt được trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn. Chín năm kháng chiến trường kỳ là 9 năm đội ngũ công nhân lao động Bình Thuận nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, ý chí tự lực tự cường, vượt mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Đảng giao.

Chương III

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1975)

I - KIẾN TRÌ TẠO THỂ TẠO LỰC BÊN TRONG, PHÁT HUY VAI TRÒ CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÙNG ĐỊCH KIỂM SOÁT.

Tháng 7-1954, với chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại, quân dân ta đã buộc thực dân Pháp ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, công nhân độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng đất nước ta còn bị chia làm 2 miền : lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam còn dưới ách thống trị của đế quốc và tay sai, tiếp tục làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đang chiến thắng giòn giã, khí thế lên cao, nay cùng toàn miền Nam tập kết chuyển quân, vùng tự do và vùng căn cứ du kích trở thành vùng đối phương kiểm soát, từ đầu

tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị, từ chỗ có chính quyền, có quân đội chuyển sang hoạt bí mật, đấu tranh bất hợp pháp, nhân dân Bình Thuận không tránh khỏi ngỡ ngàng trước bước ngoặt mới của cách mạng.

Lúc bấy giờ, với công nhân lao động vùng thị xã, thị trấn, đặc điểm lịch sử này hết sức đậm nét. Kể từ ngày 25-8-1945 cùng toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền đến ngày 31-1-1946 thực dân Pháp tràn đến tái chiếm, công nhân đô thị Bình Thuận chỉ hưởng độc lập tự do vỏn vẹn 125 ngày. Đại bộ phận thời gian sống và hoạt động ở vùng địch chiếm đóng. Nay bước vào cuộc chiến đấu mới với kẻ thù mới là đế quốc Mỹ, lịch sử lại trao cho nhiệm vụ tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của công nhân lao động làm lực lượng xung kích đánh đổ dinh lũy cuối cùng của địch tập trung ở thị xã, thị trấn. Vũ khí chủ yếu là tinh thần dân tộc, ý thức giai cấp, niềm tin vào ngọn cờ dẫn đường chỉ lối của Đảng và sự kiên trì bám trụ trong lòng địch, dũng cảm đương đầu với mọi khó khăn thử thách, vươn tới mục tiêu thắng lợi.

Hơn nữa, cũng như toàn miền Nam, ở Bình Thuận, nhằm tạo cơ sở kinh tế phục vụ chiến tranh xâm lược, đế quốc Mỹ và tay sai đã đầu tư mở mang một số ngành : thương mại, dịch vụ, chế biến lâm hải sản, xây cất, giao thông vận tải... nền công nghiệp tuy nhỏ bé nhưng cũng có bước phát triển nhất định. Từ đó, so với hồi kháng chiến chống Pháp, lực lượng công nhân lao động đông hơn, tập trung hơn, sức mạnh đấu tranh tăng lên đáng kể. Theo địa chỉ của nguy quyền, vào thời điểm năm 1970, mảnh Bình Thuận có tất cả 7.300 công nhân lao động làm việc trong 3.266 xí nghiệp, trong đó : 1.850 người làm việc ở 657 xí nghiệp kỹ nghệ, tiểu công nghệ ; 2.050 người làm việc ở 940 xí nghiệp vận

tải, dịch vụ và nghề tự do, 3.400 người làm việc trong 1.669 xí nghiệp thương mại. Ngoài ra còn có 22.000 ngư dân lao động chuyên sống về nghề biển, một lĩnh vực kinh tế rất quan trọng của địa phương. Khác với các đô thị lớn Sài Gòn - Chợ Lớn, Đà Nẵng, Nha Trang... Bình Thuận có rất ít xí nghiệp trên 100 công nhân, đa số chỉ sử dụng 20 công nhân trở xuống. Chỉ có hãng thầu Pacific sử dụng 200 công nhân (có 180 công nhân Việt Nam), hãng cá hộp Intraco sử dụng 120 công nhân, hãng thầu Trần Ngọc Tuấn xây cất cầu Phan Thiết sử dụng 110 công nhân, trung tâm điện lực Phan Thiết chỉ có 35 công nhân. Những cơ sở kỹ nghệ nhỏ gồm : 230 cơ sở chế nước mắm cá biển (Phan Thiết 121, Hải Long 53, Phan Rí 19, Tuy Phong 7), 1 xưởng cá hộp tại Phan Thiết sản xuất hàng năm 180.000 hộp cá (đã nghỉ hoạt động), 8 xưởng dệt sản xuất mỗi năm độ 250.000 mét vải, 8 xưởng làm nước đá sản xuất hàng năm 15.000.000 kg, 1 xưởng làm kem 7.200 ký/năm, 9 nhà máy điện, 27 lò gạch ngói 10.000.000 viên/năm, 12 xưởng đúc gạch bông, 6 lò vôi, 6 lò làm tẩm sản xuất hàng năm 1.200.000 tẩm, 8 xưởng cửa máy, 2 cơ sở muối cá tại Phan Thiết, 3 nhà in, 3 xưởng chế tàu vị yếu, 4 xưởng chế biến phân xác mắm, 7 cơ sở hàn gió đá và 865 nhà tiểu công nghệ, đa số hành nghề có tính cách gia đình như thợ cửa, thợ nề, thợ mộc, đóng giày, làm guốc, làm đồ trang sức, hớt tóc, may mặc, làm bánh... Ngoài ra, tại Phan Thiết còn có 6 trại cửa gỗ đóng ghe, tại Hòa Đa có 2 lò nấu muối bột. Tại Lại An (Thiện Giáo), An Hải, Phước Thiện Xuân (Hải Long) có 40 khung dệt dệt bươm mỗi năm sản xuất độ 20.000 cuốn dệt.

Mảng Bình Tuy (1), địa bàn có 8/10 diện tích là rừng núi, ngành nghề khai thác chế biến lâm sản, nhất là gỗ

(1) Mỹ nguy lập tỉnh Bình Tuy năm 1957 gồm các quận Hoài Đức, Tánh Linh, Hàm Tân và thị xã Lagi.

thượng hạng gỗ đỏ, cẩm lai, giáng hương, trắc...phồn thịnh hơn sản xuất nông nghiệp. Toàn địa bàn có 210 chiếc xe be hoạt động gồm 2 loại xe chạy đường trường và xe chạy băng rừng, mỗi xe có từ 6 - 8 công nhân lao động, 21 xưởng cưa xẻ gỗ đóng thuyền, làm đồ mộc dân dụng, mỗi xưởng có từ 8 - 10 công nhân lao động. Cơ sở công nghiệp quan trọng có : nhà máy phát điện của Trung tâm Điện lực Bình Tuy 15 công nhân, nhà máy phát điện của Chi điện lực Hàm Tân 5 công nhân và nhà máy nước của Trung tâm cấp nước Bình Tuy 18 công nhân.

Giống như Bình Thuận, các ngành nghề mại Bình Tuy chỉ có ngư nghiệp tương đối phát đạt vì được thừa hưởng một vùng biển giàu hải sản. Sản lượng đánh bắt ngày càng tăng do việc canh tân hóa các phương tiện thuyền nghề : trang bị động cơ và dùng lưới nylon thay cho cước chỉ. Toàn địa bàn có 128 ngư thuyền gắn động cơ và 1.300 ngư thuyền được động cơ hóa theo từng loại nghề đánh bắt trên biển. Với đặc điểm đất rộng, người thưa, nhưng giàu lâm sản, hải sản, ngành thương mại cũng phát triển theo với 5 trạm xăng, 250 tiệm tạp hóa, 13 tiệm bán thuốc tây, 12 tiệm vàng, 14 đại lý gạo, 4 vựa vật liệu xây cất, 37 nhà máy xay gạo, 3 nhà máy nước đá.

Tất cả các cơ sở công nghiệp nhỏ và ngành nghề tiểu thủ công nói trên ở Bình Thuận, Bình Tuy thu hút một số lượng công nhân lao động đáng kể. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, bước vào cuộc chiến đấu mới, nhiệm vụ của công nhân lao động đô thị nặng nề, nhưng không đơn độc.

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng đi lên CNXH là hậu phương lớn và vững chắc của cách mạng miền Nam. Công nhân lao động và đồng bào miền Bắc luôn đứng bên cạnh

công nhân lao động và đồng bào miền Nam. Đặc biệt, sự chuyển hướng chỉ đạo của Đảng ở miền Nam hết sức nhạy bén. Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chỉ thị của Liên khu ủy 5, Tỉnh ủy Bình Thuận đã khẩn trương sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo, các tổ chức Đảng, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Trước hết chọn những đảng viên có tư tưởng vững vàng, có năng lực và sức khỏe, tự nguyện ở lại bám trụ chiến đấu. Tỉnh ủy có từ 5 đến 7 ủy viên, huyện ủy, thị ủy có từ 3 đến 5 ủy viên. Mỗi chi bộ có từ 2 - 3 đảng viên, có đảng viên sinh hoạt đơn tuyến. Về phương thức hoạt động, tất cả cán bộ ở lại phải theo phương thức bí mật : Thay tên đổi họ thường dùng, ăn ở đi lại không để lại dấu vết, giao dịch tiếp xúc theo nguyên tắc ngăn cách. Trong cùng một tổ chức, việc ai nấy biết. Hộp thư liên lạc đặt trong bông cây, bụi cỏ, khe đá. Cán bộ chia làm 2 loại : loại hoạt động công khai hợp pháp ở trong dân. Loại hoạt động bí mật bất hợp pháp nhưng không tách rời dân mà nằm sát dân, sát cơ sở.

Đối với công nhân lao động và tổ chức công đoàn vùng đô thị, Nghị quyết 9-1954 của Bộ Chính trị đã chỉ đạo “Bỏ công đoàn bí mật, các chiến sĩ công đoàn của ta cần chui vào công đoàn của địch mà hoạt động và tùy điều kiện có thể biến những công đoàn đó thành của ta, tranh lấy tự do tổ chức công đoàn, lợi dụng khả năng hợp pháp mà tổ chức công đoàn”.

Sau đó, quán triệt đường lối công vận của Đảng ở miền Nam, Liên khu ủy 5 và Liên Tỉnh ủy 3 chỉ đạo cụ thể : “Hoàn cảnh hiện nay địch ở địa vị thống trị, ta ở địa vị bị trị. Ta có uy thế về tinh thần, chính trị, địch có ưu thế về hành chính, quân sự... Phải tận dụng mọi khả năng công khai hợp pháp để sát dân, sát địch, sát phong trào, để trường

kỳ tồn tại tích trữ lực lượng... Phải dựa vào lực lượng công nhân lao động và trên cơ sở quyền lợi dân sinh dân chủ hàng ngày mà tập hợp các tầng lớp vào các tổ chức kinh tế, xã hội, văn hóa của quần chúng, tiến lên thống nhất hành động đòi hòa bình thống nhất nước nhà...”. “Đấu tranh phải chuyển mạnh trong vấn đề dân sinh và dân chủ, nhất là về dân sinh. Việc đấu tranh thống nhất nước nhà thì chú trọng đấu tranh đòi lập lại quan hệ bình thường Bắc Nam - hình thức đấu tranh phải khéo”. (1)

Như vậy, thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, chỉ có quân đội, chính quyền chuyển quân tập kết, còn Đảng không những không mất đi mà mãi mãi tồn tại trong dân như một ngôi sao dẫn đường. Đây là nhân tố có tính chất quyết định thắng lợi của phong trào công nhân lao động vùng đô thị trong cuộc đấu tranh một mất một còn với đế quốc Mỹ và tay sai.

Thế trận đấu tranh mới của phong trào công nhân lao động đô thị Bình Thuận bắt đầu từ việc triển khai thế ăn ở, bám trụ của bộ máy chỉ đạo của Đảng và những đảng viên cốt cán trung kiên.

Ở Phan Thiết, một Thị ủy bí mật gồm 5 người do đồng chí Nguyễn Tế Nhị làm Bí thư được hình thành. Lúc đầu Thị ủy ẩn mình dưới chân núi Bà Đặng, sau dời về gần Bàu Trâm, rồi ra đóng vùng Rừng Non - Ba Hòn, cách trung tâm thị xã 3 cây số theo đường chim bay về phía đông nam. Từ đây tỏa về các vùng nội ô, một hệ thống bám trụ trong công nhân lao động và các tầng lớp khác. Lấy sông Cà Ty làm ranh giới, nội ô chia làm 2 khu vực tả ngạn và hữu ngạn.

(1) Tư liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh.

Mỗi khu vực có một ban cán sự do một thị ủy viên phụ trách. Toàn thị xã chia làm 7 phường xã, mỗi phường xã có từ 2 đến 3 cốt cán bố trí theo thể hợp pháp, ăn ở đi lại hoạt động công khai. Các xóm lao động như Cồn Cỏ (Đức Nghĩa), xóm Ghe (Lạc Đạo), xóm Đầm (Bình Hưng), động Giá (Phú Trinh), cồn Mắm (Phú Hải)...trong kháng chiến chống Pháp đã từng là căn cứ lẩn tránh che giấu cán bộ ta đi về hoạt động, nay vẫn một lòng nuôi dưỡng che giấu cán bộ bám trụ “nằm vùng”.

Ở Lagi, một thị trấn biển đông dân được Mỹ nguy nâng lên thành thị xã khi chúng lập tỉnh Bình Tuy năm 1957, thế trận mới của công nhân lao động cũng được triển khai nhanh. Sau hội nghị Tỉnh ủy ở xóm Rẫy, Phong Điền, để nắm tình hình chỉ đạo kịp thời phong trào nội ô và các vùng nông thôn xung quanh, huyện ủy Hàm Tân do đồng chí Nguyễn Tiềm làm Bí thư, chuyển vào ẩn mình tại xóm Bưng Cắn Cầu, gần Suối Đót, nơi có nhiều cơ sở là cốt cán lao động từ thời kháng chiến chống Pháp. Về sau, để bảo toàn lực lượng, huyện ủy chuyển về vùng Thị Ngọt, Bàu Lờ rồi dời qua Bưng Thị. Tuy thay đổi nơi ở, nhưng huyện ủy vẫn giữ được mối liên lạc chỉ đạo phong trào các xã trong huyện. Đối với Lagi, để chỉ đạo phong trào nội ô, huyện ủy thành lập Ban cán sự miền ủy Lagi do đồng chí Bùi Sô phụ trách, sử dụng một hầm bí mật dưới lòng cống ở xóm Rẫy (nay thuộc thôn 3 xã Tân Thiện) để bám cơ sở.

Ở phía Bắc tỉnh, trong thế trận đấu tranh mới, huyện Bắc Bình được chia làm 4 miền, mỗi miền lập Ban cán sự Đảng, có mạng lưới cốt cán đảng viên sống hợp pháp trong dân các xã nông thôn, làng biển, các thị tứ, thị trấn Chợ Lầu, Liên Hương, Phan Rí... là những nơi có nhiều lao động biển thùng lều, chế biến hải sản, ngành nghề tiểu thủ công.

Lúc rút vào bí mật huyện ủy Bắc Bình đóng ở dốc Găng, động Thái An. Do đồng chí Nguyễn Kỳ phụ trách, đầu năm 1955 đồng chí Lê Thanh Hải làm Bí thư.

Tại huyện Phan Lý, Tỉnh ủy lập bộ phận chỉ đạo mang tên “Cự Giang” trực thuộc Tỉnh ủy, chuyên chỉ đạo vùng thị trấn Sông Mao, Mỹ nghệ qui hoạch xây dựng theo kiểu đô thị.

Tuân thủ đường lối công vận của Trung ương và chủ trương của Tỉnh ủy, hệ thống đảng viên cốt cán ở thị xã, thị trấn đã vận dụng có kết quả phương thức nắm và sử dụng các tổ chức nghiệp đoàn công khai và dựa vào thế hoạt động hợp pháp của các nghiệp đoàn, hướng dẫn việc tập hợp công nhân lao động các ngành nghề dưới nhiều hình thức, kể cả những nghề lao động thủ công như xe lam, xích lô, ba gác, khuôn vác rồi lợi dụng cái vỏ hợp pháp nghiệp đoàn để vận động công nhân đấu tranh.

Mảng Bình Thuận, bên cạnh nghiệp đoàn hàm hộ 48 đoàn viên, nghiệp đoàn thương thuyền vận tải 30 đoàn viên, giới công nhân lao động làm thuê lập 18 nghiệp đoàn các loại tập hợp khoảng 400 đoàn viên, trực thuộc Liên hiệp nghiệp đoàn tỉnh nằm trong Tổng Liên đoàn lao động của Trần Quốc Bửu. Riêng nghiệp đoàn ngư nghiệp có số đoàn viên khá đông : 4.000 người. Mảng Bình Tuy, nghiệp đoàn công khai cũng được địch quan tâm sử dụng. Hai năm sau khi lập tỉnh Bình Tuy, Trần Quốc Bửu và Trần Hữu Quyền từ Sài Gòn ra Lagi đôn đốc lập các công đoàn vàng. So với Bình Thuận, sinh hoạt nghiệp đoàn ở đây yếu ớt, nặng phó trương hình thức, không mấy ảnh hưởng trong quần chúng lao động. Các nghiệp đoàn y tá, nghiệp đoàn thủy vận, nghiệp đoàn vận tiêu hải sản, vì thiếu tổ chức, không chăm lo đến

quyền lợi thiết thực của đoàn viên, làm cho đoàn viên lơ là, chán nản, đã phải ngưng hoạt động. Tồn tại đến ngày Mỹ nguy sụp đổ hoàn toàn có 5 nghiệp đoàn thuộc hệ thống Tổng liên đoàn lao động. Đó là : nghiệp đoàn công nhân xe đồ chia làm 3 phân bộ, số đoàn viên khoảng 45 người. Nghiệp đoàn tài xế xe lam, số đoàn viên 130 người chia làm 3 toán, trụ sở đặt tại số nhà 149 thị xã Lagi. Nghiệp đoàn lao động ngư nghiệp chia làm 6 phân bộ gồm khoảng 400 đoàn viên, nghiệp đoàn lao động xe ba gác tập hợp 54 đoàn viên, nghiệp đoàn lao động khuôn vác tập hợp khoảng 70 đoàn viên. (1) Trong 5 nghiệp đoàn nói trên, nghiệp đoàn nào cũng có cơ sở cốt cán của ta cài vào, hoặc nằm ở các phân đoàn, hoặc đóng vai trò thành viên lãnh đạo, khiến âm mưu ly gián công nhân lao động, thỏa hiệp với quan thầy Mỹ nguy nhiều phen thất bại.

So với Tổng liên đoàn lao động của Trần Quốc Bửu, các nghiệp đoàn thuộc Tổng Liên đoàn lao công và lực lượng thợ thuyền chỉ chiếm số ít. Trong hoạt động, cả 3 tổ chức nghiệp đoàn này đều tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau. Được sự đỡ đầu của Mỹ, Tổng Liên đoàn lao động chiếm ưu thế hơn trong việc lôi kéo giới cần lao đứng về phía mình. Bên ngoài, chúng hô hào đấu tranh vì quyền lợi của người lao động, song về thực chất chúng hướng phong trào đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa cải lương và thông qua bọn phản động trong các nghiệp đoàn chỉ điểm cho địch đánh phá truy bức những đoàn viên tiến bộ. Ở Bình Thuận, để đánh lừa công nhân lao động, bọn cầm đầu công đoàn Trần Quốc Bửu về mặt xã hội đã tổ chức 2 khu xã hội tại thị xã Phan Thiết : khu xã hội Đức Thắng gồm 2 lớp học (1 lớp mẫu giáo, 1

(1) Địa chỉ nguy quyền Bình Tuy đầu năm 1975.

lớp tự) cho con em đoàn viên học miễn phí do 2 giáo viên phụ trách giảng dạy thu nhận khoảng 80 học sinh và 1 phòng phát thuốc do 1 nữ y tá trông coi. Khu xã hội thứ 2 đặt ở phường Hưng Long cũng gồm 2 lớp học với cách tổ chức giáo dục, y tế tương tự.

Cùng với việc cài nắm sử dụng các nghiệp đoàn vàng, cốt cán của ta không quên tuyên truyền cho công nhân lao động rõ bộ mặt thật của bọn cầm đầu công đoàn vàng chống phá sự đoàn kết giai cấp của công nhân và chống lại cách mạng. Phương thức hoạt động thường được nhấn mạnh là : nắm chặt bên dưới, nắm chặt cơ sở, dùng áp lực quần chúng cô lập bọn đầu sỏ, trung lập bọn lưng chừng. Trong thế trận mới, đây là cuộc đấu tranh âm thầm, lặng lẽ, nhưng không kém phần quyết liệt của cốt cán.

Lợi dụng khẩu hiệu “tự do nghiệp đoàn” của địch, nhiều cốt cán cơ sở đứng ra xin phép nguy quyền lập các nghiệp đoàn công khai để tập hợp công nhân lao động và luồn vào đó một đường dây liên hệ bí mật và bán công khai giữa đảng viên cốt cán với quần chúng. Theo phương thức này, ở thị xã Phan Thiết, ta đặt được cơ sở nòng cốt ở các nghiệp đoàn chính quyền nguy cho phép hoạt động như :

* Nghiệp đoàn thợ mộc khoảng 200 đoàn viên, có 15 quần chúng cảm tình làm nòng cốt và 1 tổ đảng 3 đảng viên lãnh đạo.

* Nghiệp đoàn tài xế xe hơi trên 30 đoàn viên, có 19 quần chúng cảm tình làm nòng cốt và 1 tổ đảng 3 đảng viên lãnh đạo.

* Nghiệp đoàn xuống nước khoảng 30 đoàn viên do 1 cốt cán ngoài Đảng và 3 quần chúng cảm tình làm nòng cốt.

* Nghiệp đoàn thợ hồ khoảng 50 đoàn viên do 1 đảng viên và 5 quần chúng cảm tình làm nòng cốt.

* Nghiệp đoàn lao công nước mắm gần 100 đoàn viên do 1 chi bộ 3 đảng viên lãnh đạo và 10 quần chúng cảm tình làm nòng cốt.

* Nghiệp đoàn thợ hớt tóc khoảng 40 đoàn viên có 1 đảng viên lãnh đạo và 5 quần chúng cảm tình làm nòng cốt.

* Nghiệp đoàn xích lô khoảng 30 đoàn viên do 3 quần chúng cảm tình làm nòng cốt.

* Nghiệp đoàn ngư nghiệp và nghiệp đoàn thủy trình thì phường nào cũng có bà con lao động biển tích cực tham gia. Cả thị xã Phan Thiết tập hợp cả ngàn đoàn viên, trong đó đảng viên làm nòng cốt đông, quần chúng cảm tình nhiều nên hoạt động khá mạnh. Các xóm vạ chài là những nơi che chở nuôi dưỡng cán bộ nằm vùng tin cậy của Thị ủy (1).

Ở các thị trấn Phan Rí Cửa, Long Hương, Chợ Lầu, Sông Mao phía Bắc tỉnh và ngay vùng nông thôn Hàm Thuận cũng hình thành nghiệp đoàn thợ may, xe ngựa, hội Thanh Minh, hội Ái hữu để đoàn kết tương trợ làm ăn, thờ tự, tín ngưỡng.

Ở một số bộ máy chính quyền ngay cấp phường xã, cơ sở công nhân lao động của ta cũng được cài vào làm ủy viên hội đồng hoặc nhân viên giúp việc.

Có thể nói ở vùng đô thị Bình Thuận những năm đầu đấu tranh chống Mỹ, giữa lúc địch ngập chìm trong cơn khủng hoảng phe phái, bộ máy quyền thiết lập chưa vững

(1) Tư liệu của đồng chí Mười Lưu, nguyên TV Thị ủy Phan Thiết thời kỳ chống Mỹ phụ trách nội ô.

chắc, cùng với phong trào chung, thế trận mới của công nhân lao động triển khai đều khắp. Đã xuất hiện nhiều hành động cách mạng thể hiện niềm tin tưởng Đảng, làm chỗ dựa cho Đảng trên tuyến đầu đấu tranh vì mục tiêu hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước. Ở thị xã Phan Thiết, anh Năm Tý ở đường Trại Cửa, phường Đức Nghĩa là một ví dụ. Anh là một thợ mộc nghèo, ngôi nhà nhỏ lọt thỏm giữa một khu đông dân cư, được Thị ủy chọn làm nơi sinh hoạt chi bộ đầu tiên trong phường. Được sự che chở của nhân dân, phòng họp bí mật, kín đáo, có cờ Đảng, cờ Tổ quốc, ngôi sao và hình búa liềm màu vàng và ảnh chân dung lãnh tụ Hồ Chí Minh, tạo bầu không khí trọng thể, thiêng liêng. Lực lượng cảnh giới cuộc họp chi bộ không ai khác người vợ và mấy đứa con gái của anh. Cả gia đình đều là hạt nhân lao động tin cậy của Đảng.

Sau cuộc họp chi bộ, một mạng lưới hạt nhân lao động khác được hình thành trong giới thợ mộc, thợ nề, thợ sắt, thợ làm bánh ngọt, thợ hớt tóc, nghiệp đoàn xuống nước ở đường Trại cửa, xóm Cồn Cỏ, xóm Chùa Ông, đường Lý Thường Kiệt, đường Gia Long, đường Duy Tân, chọn cơ sở lập đội tự vệ, làm hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, đoàn kết công nhân lao động đấu tranh bảo vệ cuộc sống hàng ngày.

Một cán bộ công đoàn cũ thời kháng chiến chống Pháp, được Thị ủy giao nhiệm vụ vừa phụ trách phong trào lao động xóm động Làng Thiêng, vừa trực tiếp hướng dẫn mạng lưới cốt cán từng xóm nắm vững phương thức hoạt động mới là triệt để lợi dụng các khả năng công khai hợp pháp để tập hợp lực lượng, tổ chức quần chúng, từ những quyền lợi dân sinh kinh tế hàng ngày mà nâng phong trào nghiệp đoàn lên, cụ thể như vận động tương trợ giúp đỡ nhau lúc ốm đau, hoạn nạn, ma chay, nghèo khó, neo đơn. Về tuyên truyền tình hình nhiệm vụ trước mắt thì dựa vào tập san Hòa Bình

của tổ chức bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn mà vận động đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà theo điểm 14C của Hiệp định Giơ-ne-vơ. Trong đấu tranh, phong trào công khai hợp pháp của các nghiệp đoàn có sự phối hợp, hỗ trợ của hội Tương tế, hội Thanh minh, hội Tiểu thương. Trong kháng chiến chống Pháp, các tổ chức xã hội này hoạt động sôi nổi đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho hội viên. Nay chuyển sang kháng chiến chống Mỹ, ta vẫn duy trì thế công khai hợp pháp, mở rộng đội ngũ cơ sở bên dưới, trong đó có nhiều chị em là vợ của cốt cán các nghiệp đoàn. Mối quan hệ gắn bó này hình thành một cách tự nhiên tinh thần đoàn kết đấu tranh với địch, giành giữ quyền lợi dân sinh dân chủ hàng ngày.

Ở Hàm Tân, cùng với việc cài nắm sử dụng các nghiệp đoàn, giữ thế đấu tranh hợp pháp, tích lũy lực lượng, ta bố trí cán bộ bất hợp pháp bên ngoài bám sát cơ sở, dùng cơ sở và quần chúng cách mạng bảo vệ cán bộ đi lại hoạt động và bám trụ hầm bí mật để chỉ đạo tại chỗ. Cơ sở xây dựng hầm bí mật bằng nhiều cách. Vùng Văn Mỹ do bùng sinh không đào hầm được thì bám bìa bùng và trong nhà làm vách đôi. Vùng Tân Thuận xây dựng hầm ở bìa rào và ngay trong nhà. Mảng Tân Phước, Lagi, sát nách thị xã, nhiều cơ sở công nhân lao động chấp nhận sự hiểm nguy xây hầm bí mật che giấu nuôi dưỡng cán bộ ngay trong nhà. Có gia đình lao động ở Hồ Tôm đã nuôi giấu đồng chí Nguyễn Tiềm Bí thư Huyện ủy hết sức nhiệt tình. Lúc túng thiếu, gia đình đã đem bán cả tư trang để mua gạo, thức ăn, thuốc men.

Mảng ngoại ô Lagi cũng có những cơ sở lao động rất chí cốt, có gia đình cả vợ chồng con cái đều tham gia nuôi dưỡng và che giấu cán bộ, có lúc chồng bị bắt, vợ vẫn làm nhiệm vụ liên lạc tiếp tế. Chính qua những cơ sở lao động

chí cốt này mà cán bộ nằm vùng hoạt động hợp pháp, dù bị địch thường xuyên theo dõi, vẫn nối được liên lạc với những gia đình kháng chiến cũ, nhen nhóm gây lại phong trào. Nhờ sự đùm bọc của những người lao động mà các đồng chí Năm Sô, Sáu Tình bám được nội và ngoại ô Lagi để xây dựng cốt cán cơ sở trong công nhân lao động.

Lúc bấy giờ ở Liên tỉnh 3 và Bình Thuận, trong công nhân lao động bố trí phục vụ cách mạng miền Nam còn phải kể đến đơn vị vận tải biển mang ký hiệu 255. Đây là một tổ chức công đoàn thời kháng chiến chống Pháp được ta cài lại hoạt động hợp pháp. Đơn vị 255 chia làm nhiều tổ, mỗi tổ một thuyền, mỗi thuyền 3 công nhân đứng chân dọc theo bờ biển từ La Gàn, Phan Rí đến Phan Thiết, Khe Gà, Cù Mi... Bình thường, với chiếc thuyền cách mạng giao, anh em đi biển đánh cá hoặc vận tải thuê, làm ăn sinh sống với gia đình, khi có nhiệm vụ của cách mạng thì nối đường dây giao thông trên biển. Tháng 5-1957, Võ Xuân Viên, một trong những người lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh ủy đầu hàng địch, đánh phá nhiều đầu mối cơ sở quan trọng. Đơn vị 255 bị địch đánh tan tác. Ghe thuyền bị tịch thu, công nhân lao động kẻ bị bắt, người bị đày, ly tán khắp nơi, đơn vị 255 không còn hoạt động nữa.

Hòa bình độc lập, thống nhất là khát vọng cháy bỏng của công nhân lao động và toàn thể nhân dân ta. Vì mục tiêu cao cả này, đồng bào ta đã hy sinh biết bao xương máu trong 9 năm kháng chiến chống Pháp mới giải phóng được miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội. Nay khát vọng này được Hiệp định Giơ-ne-vơ qui định thực hiện bằng phương pháp hiệp thương tổng tuyển cử, công nhân lao động đều mừng vui, hễ có dịp là vùng lên đấu tranh không gì dập tắt nổi. Một cuộc diễu hành lớn của nông dân, công nhân lao động Xóm Chồi, Hàm Liêm, Hàm Thuận và Phan Thiết diễn ra

tháng 10-1954. Đoàn diễu hành cuốn hút hàng ngàn người tham gia, hô vang khẩu hiệu mừng hòa bình đã về với dân tộc, quê hương, đất nước. Địch dùng lính com măng đô, xe bọc sắt ngăn cản từ xa nhưng không thành. Cánh cổng sắt mở toang, đoàn người vượt qua Phong Nẫm tiến vào Trinh Tường khiến lính com măng đô phải dạt xuống ruộng, xe bọc thép lùi lại. Đến chiều, lúc mặt trời sắp lặn, đoàn tràn qua đường xe lửa đến giáp đường Nhà thương. Tiếng vang của đoàn diễu hành lan khắp thị xã, dội vào các khu phố, ngõ hẻm khơi dậy tinh thần đấu tranh của công nhân lao động và các tầng lớp nhân dân.

Cùng thời gian, dưới sự chỉ đạo của Thị ủy, ở nội ô, bùng lên cuộc đấu tranh đòi địch thả những cán bộ chiến sĩ ta bị chúng bắt trong chiến tranh như Hiệp định Giơ-ne-vơ qui định. Trong cuộc đấu tranh này, công lao xá lúc nào cũng đông nghịt người. Để phòng địch giở thủ đoạn nham hiểm, cơ sở ta và gia đình tù nhân thay phiên nhau canh gác trước cổng tiếp tế cơm nước và thuyết phục lôi kéo ngục quân, ngục quyền đứng về phía mình, buộc những người cầm đầu phải trả đủ số lượng tù binh và tù chính trị bị địch giam giữ.

Cuộc đấu tranh ngày 1-5-1955 chống Mỹ - Diệm bản cùng hóa nhân dân lao động nhân đợt đổi tiền, thu hồi loại giấy bạc Đông Dương và phát hành loại giấy bạc ngục quyền miền Nam cũng là sự kiện đáng ghi nhớ. Trong những năm kháng chiến, ở vùng địch chiếm đóng thành thị cũng như nông thôn, vì thiếu tiền lẻ, bà con ta thường xé tờ bạc 1 đồng làm 2 mảnh, mỗi mảnh trị giá 5 hào, có nơi xé 5 hào thành 2 hào rưỡi, cứ thế mà qui ước chữ tín với nhau trên thị trường buôn bán làm ăn. Phần lớn loại tiền lẻ xé đôi này lại nằm trong tay tầng lớp công nhân lao động nghèo, buôn gánh bán bưng. Nay trong đợt đổi tiền, bọn Mỹ Diệm

chỉ đổi tờ bạc giấy nguyên, tờ bạc xé đôi chúng không công nhận. Để bảo vệ quyền lợi của lao động nghèo, chị em tiểu thương cử một đoàn đại biểu 30 người kéo đến tòa thị chính Phan Thiết nêu yêu sách với lý lẽ sắc bén buộc địch phải chịu đổi hết những tờ giấy bạc xé hai.

Với mạng lưới cốt cán thiết lập khắp thị xã, thị trấn các nghiệp đoàn tích cực tham gia đợt sinh hoạt tìm hiểu Hiệp định Giơ-ne-vơ. Bà con lao động giả cách tập họp đan lát giỏ cá ở sân đình, rủ đi chùa cúng kiếng cầu an cho thôn xóm, cùng ngồi chung quanh một sòng bài, chung vui trong bữa tiệc, đám giỗ, bên ngoài có người canh chừng, bên trong nghe cốt cán đảng viên truyền đạt tình hình nhiệm vụ, biện pháp đoàn kết đấu tranh chống thái độ lật lọng, xuyên tạc Hiệp định của Mỹ Diệm. Chúng kẻ khẩu hiệu nơi công cộng, bắt đồng bào dán áp phích trước cổng nhà, bị bà con ta đập xóa, bôi lem. Có những khẩu hiệu vừa kẻ buổi sáng, thì về đêm những vết chổi nhúng dầu hắc pha loăng đã quét lên, xóa nhòa. Địch tức tối quay ra đập bể những mảng tường có khẩu hiệu bị bôi xóa. Chúng càng tức tối hơn khi thấy đó đây trên nóc chợ, nơi trụ đèn những tấm băng đệm nổi bật những dòng chữ “Đả đảo Mỹ Diệm phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ”, “Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ muôn năm” đu đưa trong gió, nhiều người qua lại đứng đọc trầm trồ.

Địch bày trò tổ chức trưng cầu dân ý phế truất Bảo Đại. Từ tháng 5-1955, địch bắt đầu tuyên truyền rầm rộ âm mưu này, ở các công sở, ảnh Bảo Đại bị đập bỏ, ảnh Ngô Đình Diệm được trưng lên. Các cuộc mít tinh, biểu tình ủng hộ Diệm được bày ra. Xe tuyên truyền lưu động gắn loa phóng thanh chạy ngược xuôi trên các đường phố. Nhưng kết quả không đem lại như địch mong muốn. Cùng với các tầng lớp nhân dân, công nhân lao động Bình Thuận tỏ rõ

thái độ phản kháng. Khẩu hiệu suy tôn Ngô Đình Diệm bị xé bỏ. Ảnh Ngô Đình Diệm bị bôi mặt vẽ râu thành dị tướng, dị hình. Bị ép đi biểu tình thì người treo, kẻ trể, tốp đến trước, tốp đến sau, tốp này vừa ló mặt, tốp kia lại lén về. Khẩu hiệu đả đảo Bảo Đại, ủng hộ Ngô Đình Diệm bị hô trại đi. Đi bỏ phiếu, bà con ta không làm đúng theo sự hướng dẫn của bọn tay sai. Không ít người dùng móng tay bấm thủng mặt Diệm hoặc bỏ phiếu đổ vào túi riêng mang về nhà xé đi.

Trong đấu tranh, cùng với hình thức treo băng dêm trên nóc chợ, trụ đèn, thỉnh thoảng các nghiệp đoàn rải truyền đơn vận động nhân dân hưởng ứng công hàm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gọi nguy quyền miền Nam tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Cốt cán các nghiệp đoàn tài xế xe hơi, xe lam, thợ mộc bí mật chuyển chủ trương đến hầu khắp cơ sở. Truyền đơn còn được nhét vào khe cửa nhà công nhân ở xóm lao động, lao động biển ở vịnh chài, tiệm buôn ven phố, sạp hàng ngoài chợ. Ở Phan Thiết, chủ trương ngưng sinh hoạt nội thị 2 tiếng đồng hồ sáng 30-10-1955 của Thị ủy phổ biến đến nhiều nhà, nhiều xóm, nhiều phố được công nhân lao động nhiệt liệt hưởng ứng.

Chợ Phan Thiết dọn hàng trễ hơn mọi hôm, hoạt động buôn bán giảm đi vẻ rộn rịp. Tiệm buôn các phố cũng mở cửa chậm trễ, buộc địch phải cho cảnh sát đến gọi réo om sòm. Ven biển, 80% thuyền đánh cá không đi biển. Nhiều trại cửa nghỉ hẳn buổi sáng. Các phương tiện giao thông xích lô, xe lam, xe hơi đậu tại bến, tiếng còi xe vắng hẳn đi. Những gánh hàng rau quả trái cây các nẻo đường ngoại ô vào thị xã trở nên thưa thớt. Trên sông Cà Ty, một bè chuối mang biểu ngữ "Phải thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ" trôi lơ lửng giữa dòng. Bọn địch gác lô cốt Lò Heo dùng súng bắn

rách tấm biểu ngữ, nhưng chiếc bè vẫn nổi lênh bênh, dạt vào bến dò Văn Thánh, tạo ấn tượng đẹp vào luồng dư luận.

Cuộc đấu tranh chính trị ở đô thị phát triển. Ta và địch cọ sát nhau quyết liệt. Một số hội viên bị bắt bớ ở xóm Trại Cưa và đường Gia Long, địch đánh phá nghiệp đoàn thợ mộc ác liệt. Một vài cơ sở nhà có hầm bí mật hoặc vách đôi bị lộ. Hầm bí mật tại đình làng Thiêng, xóm Động bị khai. Phong trào lắng xuống chớ không tắt. Cuộc đấu tranh của công nhân lao động vẫn âm ỷ. Số cốt cán cơ sở chưa bị lộ tiếp tục hoạt động duy trì phong trào. Cuối năm 1956, đầu năm 1957, chấp hành chủ trương của trên, một số cán bộ chuyển vùng hoạt động hợp pháp. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt thị xã Phan Thiết như Nguyễn Tế Nhị, Nguyễn Ngọc Lưu hoạt động hợp pháp ở vùng khác. Đồng chí Nguyễn Ngọc Thắng, tức Năm Trà, được chuyển về nằm vùng ở nội thị Phan Thiết tại số nhà 49 đường Khải Định. Năm Trà có nghề thợ may làm công cho hiệu may nơi anh ở, bà con trong xóm thường gọi là anh thợ Ba. Cùng thời gian, số cốt cán lao động đường Trại Cưa bị bắt trong đợt đấu tranh đòi hiệp thương được thả ra, đồng chí Năm Trà liên hệ làm quen tạo chỗ dựa gắn bó, tin cậy, gây dựng lại phong trào công nhân lao động.

Đặc biệt, công nhân lao động vẫn là vỏ bọc tin cậy che giấu, nuôi dưỡng cán bộ của Đảng trong những năm tháng gay go, gian khổ. Vẫn hầm bí mật, nhà vách đôi nghèo nàn mà kín đáo. Vẫn thức ăn nước uống đem vào tận buồng, kể cả chiếc tín nhỏ dùng để tiểu tiện. Vẫn những con người cần cù, chất phác giác ngộ làm trinh sát. Nhờ có nhiều chỗ bám trụ trong công nhân lao động mà cán bộ lãnh đạo Thị ủy đi lại hoạt động thuận lợi. Thậm chí có nhà cơ sở ở phường Đức Thắng cách Ty cảnh sát ngục độ 100 mét vẫn là nơi hội họp an toàn của Ban cán sự hữu ngạn. Cả những

cốt cán lao động ở phường Lạc Đạo là tín đồ Thiên chúa giáo cũng đào hầm bí mật che giấu cán bộ bám trụ những năm 1955 - 1957.

Ở xóm chài phường biển Bình Hưng, vợ chồng anh Mai Sửu, chị Nguyễn Thị Nở thuộc nghiệp đoàn thủy trình là những cốt cán lao động biển trung thành tận tụy với cách mạng. Sau hòa bình anh chị được Thị ủy Phan Thiết bí mật giao nhiệm vụ chế biến nước mắm, mua bán lâm sản, hoạt động kinh tài cho cách mạng. Với số vốn 30.000 đồng (tiền ngụy quyền miền Nam), anh chị được phép sắm một chiếc ghe buôn trọng tải 6 tấn, kết hợp buôn bán gậy quỹ với tổ chức đường dây liên lạc trên biển... Năm 1956, chiếc ghe buôn được lệnh chở đồng chí Trần Lê, Bí thư Liên tỉnh ủy 3 kiêm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, sau này là Bí thư Khu ủy VI - từ Bình Thuận đi Quảng Nam - Đà Nẵng họp Khu ủy Khu 5. Anh Mai Sửu thuyền trưởng cùng một số cốt cán rút từ tổ công nhân vận tải đơn vị 255 đóng tại Phan Thiết đảm nhận nhiệm vụ quan trọng này. Giấy phép của chuyến đi đóng dấu của địch núp dưới danh nghĩa chở hàng lâm sản nước mắm, cá khô, dầu rái, chai phà của Bình Thuận ra Đà Nẵng. Cuộc hành trình đầy vất vả, gian nan. Lúc dùng xuống nhỏ đưa đồng chí Trần Lê từ bến đò Văn Thánh băng qua lô cốt Lò Heo, cầu Quan, địch kiểm soát gắt gao, đèn pha chiếu sáng cả một vùng. Lúc thuyền nhỏ neo từ bến cá Bình Hưng vừa ra tới biển đã quần với sóng to, gió lớn. Cung đoạn hành trình dài cả ngàn dặm. Với tài nghệ dạn dày sông nước và lòng yêu nước, yêu cách mạng, anh Mai Sửu và những cốt cán công nhân vận tải biển đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đồng chí Trần Lê đến địa điểm liên lạc an toàn. Đây là một trong những thành tích lớn của nghiệp đoàn thủy trình trong những năm đầu chống Mỹ ở vùng đô thị Bình Thuận.

Nhìn chung, những năm 1955 - 1958, cuộc đấu tranh của công nhân lao động Phan Thiết diễn ra sôi nổi. Khí thế quần chúng lên cao. Lấy nghiệp đoàn vàng của địch làm vỏ bọc, hệ thống cơ sở cốt cán trong công nhân lao động phát triển tương đối mạnh.

Mảng Bình Tuy, cuộc đấu tranh chính trị đầu tiên của quần chúng lao động có tiếng vang là vụ Kinh - Chi - Mỹ - Phát. Kinh - Chi - Mỹ - Phát là 4 cán bộ kháng chiến của ta không đi tập kết mà về sống bình thường với gia đình ở quận lỵ Hàm Tân. Trên địa bàn này, sau khi tiếp quản vùng ta, địch gấp rút xây dựng bộ máy tay sai tuyên truyền, xuyên tạc Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954, tiến hành chính sách "tố cộng", hạ uy thế những người kháng chiến cũ, buộc những người kháng chiến cũ ra trình diện, làm tờ ly khai Đảng, khai báo kho tàng, vũ khí, tài liệu và những tài sản khác. Những ai kiên cường, bất khuất, giữ vững ý chí tinh thần bị chúng bí mật thủ tiêu.

Vụ Kim - Chi - Mỹ - Phát được cốt cán ta chuẩn bị đầy đủ nội dung đơn kiện. Hàng ngàn người đổ ra đường kéo lên xã, quận, đón Ủy ban quốc tế giám sát đình chiến đến Lagi đưa kiến nghị, nêu yêu sách đòi không được trả thù những người kháng chiến cũ. Trước áp lực to lớn của bà con ta, địch phải nhượng bộ, trả tự do cho 4 đồng chí Kinh - Chi - Mỹ - Phát. Với quần chúng lao động làm nòng cốt, thắng lợi đấu tranh chính trị này ở Hàm Tân được coi là bài học kinh nghiệm dựa vào pháp lý Hiệp định Giơ-ne-vơ, dù không tương cở, biểu ngữ vẫn bộc lộ thái độ quyết liệt với kẻ thù.

Từ cuộc đấu tranh này, phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ sôi nổi trên nhiều địa bàn mảng

Bình Tuy. Cùng với các tầng lớp nhân dân, đông đảo quần chúng lao động quận ly Tam Tân, thị trấn Võ Đắc, Lạc Tánh tập hợp trong các nghiệp đoàn đã tham gia ký kiến nghị, cử đại biểu đưa kiến nghị đến các cơ quan nọy quyền, Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Tuy có cuộc đấu tranh bị đàn áp quyết liệt cốt cán của ta bị đánh đập trọng thương, nhưng quần chúng vẫn đoàn kết đấu tranh, làm đơn kêu kiện đến xã, quận, buộc địch phải nhượng bộ, thả những người bị bắt.

Trên địa bàn Lagi, ngoài số truyền đơn, khẩu hiệu huyện đưa về, cơ sở công nhân lao động còn viết tay hàng trăm truyền đơn, khẩu hiệu, bươm bươm tán phát sâu rộng vào quần chúng. Lần đầu tiên ngư dân lao động Lagi công khai phản kháng chính sách o ép lao động, kìm tỏa việc làm ăn trên biển của ngư dân. Giữa năm 1958, nọy quyền và công đoàn vàng lập hợp tác xã ngư nghiệp, bắt mỗi ngư dân phải đóng cổ phần, sản lượng hải sản đánh bắt được phải bán cho hợp tác xã có thế lực địch chi phối.

Trước sự bất công này, không những ngư dân Lagi mà cả ngư phủ miền Bắc mới di cư vào cũng phản đối kịch liệt. Dịp lễ xuống nghề cổ truyền năm đó, bà con ngư dân đánh bắt được nhiều tôm cá, nhưng những người cầm đầu hợp tác xã trở mặt không mua, lấy cớ không có nước đá dự trữ. Cốt cán ta trong nghiệp đoàn ngư nghiệp vận động đấu tranh đòi bồi thường, làm đơn ký tên tập thể cử người vào Sài Gòn kêu kiện. Kết cục hợp tác xã ngư nghiệp bị tẩy chay, đến cuối năm 1959 phải giải thể.

Ở phía Bắc tỉnh, công nhân lao động các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong tích cực tham gia tẩy chay trò hề trưng cầu dân ý phế truất Bảo Đại, dùng nhiều lý lẽ chống

“tố cộng”, bảo vệ những người kháng chiến cũ. Lao động biển Phan Rí Cửa, Long Hương, Duông, La Gàn kéo ghe lên bờ, không đi biển. Công nhân lao động thị trấn Chợ Lầu, Sông Mao dán khẩu hiệu, truyền đơn ở cầu Sông Lũy, ga xe lửa Sông Mao. Trong các cuộc đấu tranh trực diện, nhiều người khôn khéo dùng những việc cụ thể để vạch mặt kẻ thù. Cuối năm 1955, được cốt cán ta hướng dẫn, hàng ngàn lao động nghèo người Nùng đã biểu tình tại ga Sông Mao, chặn xe tên phó đốc sự nguy quyền, đòi trợ cấp cho những người di cư.

Về Mỹ nguy, sau khi thiết lập ổn định bộ máy tay sai từ tỉnh, huyện đến xã, phường, cường độ đánh phá cách mạng diễn ra ác liệt. Với khẩu hiệu “tiêu diệt tận gốc Cộng sản”, “giết lầm còn hơn bỏ sót”, chúng phát động các chiến dịch “tố cộng” triển miên, hết đợt này đến đợt khác. Trọng điểm khủng bố là vùng tự do và vùng căn cứ du kích cũ, dần dần mở rộng ra cả vùng nông thôn, vùng ven và thị xã, thị trấn. Ở Bình Thuận qua 3 năm tố cộng 1955 - 1958, Mỹ Diệm đã gây cho phong trào công nhân lao động nhiều tổn thất nặng nề. Viện cơ trong công nhân lao động có nhiều việt cộng nằm vùng, nhiều cơ sở Cộng sản, chúng tuyên truyền âm mưu rằng cộng sản lũng loạn các nghiệp đoàn, nên xúc tiến tố cộng mạnh ở các khu lao động dân cư. Cơ sở nội thị và vùng ven bị bể vỡ. Hàng loạt cốt cán lao động và cán bộ nghiệp đoàn bị bắt bớ, thủ tiêu. Số chuyển vào Sài Gòn hoặc chuyển đi các nơi khác cũng không thoát khỏi bàn tay đẫm máu của mật thám. Một số ít còn lại thì nằm im. Nhiều cán bộ của Đảng hoạt động hợp pháp bị bắt và hy sinh. Hệ thống chỉ đạo bên trong bị đứt nhiều mảng. Phong trào công nhân lao động lâm vào tình cảnh hết sức khó khăn. Ở thị xã Phan Thiết, đồng chí Nguyễn Tế Nhị

hoạt động hợp pháp bị bắt ở Sài Gòn, giải về Bình Thuận rồi đày đi Côn Đảo, đồng chí Nguyễn Ngọc Lưu phải lánh ra ở Phan Rang, Ninh Thuận. Đồng chí Trần Soạn, một cán bộ đã từng gắn bó với phong trào công nhân đường sắt Mương Mán - Gia Huynh, được điều về Phan Thiết thay đồng chí Nguyễn Tế Nhị làm Bí thư Thị ủy được mấy tháng đã bị địch bắt tra tấn, bỏ đói, bỏ khát, còng tay, xích chân, dọa đày đến cực độ. Địch chuyển đồng chí vào Sài Gòn nhốt ở khám Chí Hòa tiếp tục tra tấn dã man cho đến chết. Đồng chí hy sinh anh dũng tháng 11-1960.

Bị Võ Xuân Viên phản bội, khai báo, chiếc ghe buôn đưa đồng chí Trần Lê đi công tác ra Khu 5 năm 1956 bị phát giác, anh Mai Sửu bị bắt tra tấn dã man và bị đày đi Côn Đảo. Số công nhân vận tải biển khác, người bị đày đi Côn Đảo, người bị giam tại nhà lao Phan Thiết. Đơn vị vận tải biển tan vỡ.

Những gia đình cơ sở bị phát hiện hầm bí mật, nhà vách đôi cũng bị địch khủng bố cực kỳ tàn nhẫn. Nhiều cốt cán lao động kiên trung, không khai báo với địch nửa lời, khi địch thả về mang chứng bại liệt cho đến khi qua đời. Những cốt cán lao động tin cậy đã từng dẫn đường đưa đồng chí Trần Lê từ vùng ven vào nội thị, lúc bị bắt bị địch đánh chết trước sân nhà. Bị địch lùng sục gặt gao chưa tạo được chỗ dựa khác, đồng chí Năm Trà và một số cán bộ bám trụ phải dạt ra ngoài. Cơ sở nội thị bị lộ, liên lạc trong ngoài khó khăn, phong trào nghiệp đoàn nhiều lúc cơ hồ như bị suy sụp tan rã.

Mảng Bình Tuy, biết địa bàn huyện Hàm Tân và thị xã Lagi là căn cứ rộng lớn của cuộc kháng chiến chống Pháp không chỉ cho chiến trường Bình Thuận mà cả vùng

cực Nam Trung bộ, nên địch bủa giăng, gián điệp, thám báo, cảnh sát kèm kẹp quần chúng ngặt nghèo. Đánh hơi được Ban cán sự Miền ủy Lagi đóng ở Suối Sâu (nay thuộc xã Tân An), địch mở cuộc đột kích vây bắt đồng chí Phạm Chí Thành, tra tấn dã man đến nỗi không còn mảnh vải che thân. Nhắm vào những gia đình có người thân là chồng, con, anh em đi tập kết hoặc thoát ly kháng chiến, chúng dựng hồ sơ khép vào tội hoạt động cho cộng sản và ra lệnh phong tỏa tài sản. Nhưng điều bất ngờ đối với địch là số bị bắt sẵn sàng chấp nhận sự hy sinh chứ không khai báo. Tuy vậy, sau các cuộc đấu tranh ta bị bộc lộ lực lượng, địch bắt cần, đánh ẩu, phá vỡ hầu hết các tổ chức bên trong, theo dõi ráo riết số cốt cán ẩn nấp trong các nghiệp đoàn.

Phản bội Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, Mỹ Diệm không chỉ làm cho đời sống tinh thần thoi thóp, bất an mà còn làm cho đời sống kinh tế của công nhân lao động ngày càng sa sút. Điều này rất dễ nhận thấy ở các đô thị lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn và cũng biểu hiện rõ rệt ở những thị xã, thị trấn biển nhỏ về dân số và vị trí công nghiệp như Phan Thiết, Lagi, Phan Rí, Duồng, Long Hương. Cụ thể như việc từ chối lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Bắc, Nam, Mỹ - Ngụy đã làm cho sản xuất đình đốn, nhất là nghề chế biến nước mắm ở Bình Thuận mất đi một thị trường tiêu thụ rộng lớn. Giới hàm hộ thu hẹp phạm vi hoạt động. Số trai, lều giảm. Lao động chế biến hải sản mất nhiều việc làm. Cả nghề làm tẩm nung vôi cũng bị co hẹp lại, việc làm ăn của lao động đánh quai ràng, sức tụt, đóng nước mắm vào tẩm cũng bị điều đứng. Cuối thập kỷ 50, mùa cá mòi, mùa cá nục kém hơn trước, đời sống bần nhê hết sức lao đao. Trong lúc đó, các chiến dịch tố cộng tàn bạo của Mỹ ngụy đã buộc đồng bào nông thôn

phải bỏ đồng ruộng, lánh cư vào thị xã, thị trấn ngày càng đông. Bà con làm đủ các thứ nghề để kiếm sống : khuân vác, quét đường, đập xích lô, thợ mộc, thợ nề, lơ xe. Đối lại, địch chỉ lo tăng cường các hoạt động quân sự, đồn quân, bắt lính chớ không mở một công trình, xí nghiệp đáng kể để thu những người thiếu việc làm, khiến cho nạn thất nghiệp ở thị xã, thị trấn gia tăng không ngừng. Tình cảnh này làm cho công nhân lao động tăng thêm sự căm phẫn đối với đế quốc Mỹ và tay sai.

Nhìn lại những năm 1954 - 1956, phong trào công nhân lao động đô thị Bình Thuận có bề rộng sôi nổi. Dựa vào thế hoạt động hợp pháp của các nghiệp đoàn, đảng viên hoặc đoàn viên cốt cán đã chỉ đạo, hướng dẫn việc tập hợp công nhân lao động các ngành nghề dưới nhiều hình thức, kể cả những ngành nghề lao động thủ công, giản đơn như xe lam, xích lô, xe ba gác, khuân vác rồi tận dụng mọi khả năng hợp pháp để tổ chức đấu tranh, biểu dương khí thế.

Nhưng từ năm 1957 đến năm 1959, chính sách tố cộng, khủng bố đẫm máu của địch đã đẩy cách mạng vào chỗ suy thoái, chịu nhiều tổn thất nặng nề. Phong trào công nhân lao động bị bộc lộ lực lượng nên cốt cán trong các nghiệp đoàn bị đánh trúng, bể vỡ. Công tác tổ chức và hoạt động công đoàn gặp nhiều khó khăn. Phương thức đấu tranh hợp pháp đơn thuần bị bạo lực phản cách mạng của địch đánh phủ đầu, không còn phù hợp nữa.

Giống như toàn thể nhân dân, khát vọng về chuyển hướng đường lối đấu tranh âm ỷ trong lòng công nhân lao động đô thị Bình Thuận. Mọi người mong mỗi chờ đón một luồng gió mới của phong trào cách mạng miền Nam.

Cùng với cả miền Nam, luồng gió mới đã đến với nhân dân các dân tộc Bình Thuận nói chung và công nhân lao động Bình Thuận nói riêng. Năm 1958, giữa lúc các đồng chí lãnh đạo địa phương đang còn băn khoăn suy nghĩ không biết nên đưa phong trào phát triển theo hướng nào thì ánh sáng của bản “Đề cương cách mạng miền Nam” do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo rơi đến. Tinh thần bản Đề cương được hội nghị lần thứ 15 BCHTW Đảng họp tháng 1 năm 1959 xây dựng thành Nghị quyết chỉ rõ : Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh quần chúng, dựa vào lực lượng quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc phong kiến, giải phóng miền Nam.

Đầu năm 1960, NQ15 được chính thức phổ biến. Hội nghị Tỉnh ủy Bình Thuận họp tại buôn Rapú giáp Lâm Đồng đã đánh giá âm mưu, thủ đoạn địch, tình hình phong trào quần chúng địa phương, đề ra công tác cấp bách trước mắt là đẩy mạnh xây dựng căn cứ địa miền núi, phục hồi cơ sở cách mạng, rút thanh niên xây dựng lực lượng vũ trang, từng bước phát triển phong trào chính trị - vũ trang của quần chúng. Như vậy, thời kỳ đấu tranh hợp pháp một chiều đã qua. Bây giờ đã đến lúc phải tạo thế, tạo lực đánh đổ kẻ thù, không phải cúi đầu, tự trói tay nộp mạng cho địch. Cùng với miền Nam, Bình Thuận muốn tự giải phóng cho mình phải làm cuộc cách mạng tháng Tám lần thứ hai.

Những chủ trương mới của Tỉnh ủy được nhanh chóng phổ biến trong cán bộ các cấp và trong cơ sở cách mạng, mang lại luồng sinh khí mới cho phong trào. Đông đảo nhân dân và công nhân lao động từ miền núi, nông thôn đến thành phố, thị xã rất phấn khởi trước bước chuyển biến đường lối

có tính chất quyết định này. Đơn vị 2/9 trung đội vũ trang đầu tiên của tỉnh ra đời. Tên ác ôn Cửu Xe bị diệt ở Hàm Liêm. Cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên ngọn cây Quao dù sát đồn Kim Ngọc và trên đỉnh núi Tà Zôn. Tiếng súng trường trị bọn địch đi lòng sục giết hại đồng bào xóm Quao nổ vang ở dốc La Hon, xã Mỹ Thạnh huyện Tánh Linh. Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng diệt gọn chi khu quận lỵ địch, phá rã khu dinh điền, giải phóng hàng ngàn đồng bào các dân tộc trở về buôn làng cũ. Những tin tức tấn công chính trị - vũ trang thắng lợi đầu tiên ấy bay vào thị xã, thị trấn làm nức lòng các tầng lớp nhân dân và công nhân lao động.

Ở Phan Thiết, cơ quan đầu não là Thị ủy được tập hợp lại. Số chuyển vùng hoạt động hợp pháp còn sống được gọi về. Số cơ sở cũ trung kiên ở nội ô và vùng ven được móc ráp chấp nối. Rừng Non, Ba Hòn vẫn là căn cứ đứng chân và lưng dựa của phong trào nội ô. Đường dây liên lạc được nối lại từ căn cứ Ba Hòn đến các căn cứ lùm bí mật ở Kim Bình, Đất Đỏ, Xóm Biển, Phú Phong, Đại Hòa... để luôn vào vùng sâu thị xã.

Tại đây, để đề phòng phong trào công nhân lao động mà địch cho là thành trì của chủ nghĩa cộng sản hoạt động tấn công từ bên trong, Mỹ Diệm ráo riết kèm kẹp các nghiệp đoàn, loại trừ những người cầm đầu không ăn cánh, dùng thủ đoạn chia rẽ, khống chế đội ngũ công nhân lao động. Về hành chính, chúng đổi Phan Thiết thành xã Châu thành nằm trong quận Hàm Thuận, quận lỵ đặt tại làng Phú Lâm. Các phường trong thị xã thì đổi thành ấp và lập 4 ấp mới : Hưng Long, Vĩnh Hải, Vĩnh Thủy, Vĩnh Phú. Vùng duyên hải phía Bắc Phan Thiết như Phú Hải, Rạng, Mũi Né chúng cho thuộc quận Hải Long.

Bị thất bại nặng nề trong chính sách “tố cộng” và “Chiến tranh một phía”, với kế hoạch “Staley - Tay lo” bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, ráo riết dồn dân, rào làng, lập ấp chiến lược, hòng tách nhân dân ra khỏi cách mạng, đồng thời ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho phong trào cách mạng miền Nam.

Ở Bình Thuận từ đầu năm 1962, địch tiến hành xây dựng ấp chiến lược khá qui mô từ nông thôn đến vùng ven thị xã, thị trấn với hệ thống hào sâu cắm chông tre, chông sắt và hàng rào kẽm gai, gài mìn và trái sáng. Tất cả những ngõ ra vào thị xã đều có đồn bót và trạm kiểm soát. Ở nội thị, những nơi nghi ta hay ra vào, chúng bắt dỡ nhà, chặt phá cây cối, ủi phá vườn tược, buộc dân phải dồn vào các khu tập trung nằm sâu bên trong, phân loại từng gia đình, lập lại sổ hộ tịch, tổ chức cái gọi là “tam gia liên bảo”, thực hiện chính sách chia rẽ, ly gián, nhân dân kèm kẹp lẫn nhau.

Khắp nơi trong tỉnh, nội ô cũng như ngoại vi, những ai bị kèm kẹp trong ấp chiến lược đều bị bóc lột nặng nề. Các mức thuế đều tăng gấp đôi. Sập hàng, cửa tiệm, máy may, xưởng thủ công ban đêm mở cửa hành nghề, buôn bán, dịch vụ phải đóng thuế. Với lao động biển, ngoài các loại thuế thuyền nghề, chúng đặt thêm thuế phơ lưới gọi là thuế “sào nạng”. Ở các cánh đồng lúa, lấy cớ ngăn chặn tiếp tế cho “Việt cộng” địch ra sức cướp lúa của nông dân. Vùng gọi là an ninh, tập trung hết lúa gạo về một chỗ. Vùng tương đối an ninh, lúa gạo chỉ để đủ ăn một tháng. Vùng bị “Việt cộng” uy hiếp chỉ để đủ ăn từ 3 đến 5 ngày. Vùng Việt cộng, kiểm soát hoàn toàn thì triệt để bao vây, phong tỏa. Chúng buộc chủ và công nhân lao động làm việc ở các máy

xay, ô tô vận chuyển phải tháo gỡ những bộ phận quan trọng đem dấu đi và bắt buộc các hàng quán trên phố ngoài chợ không được trữ bán nhiều lương thực, hàng tiêu dùng quá qui định. Lợi dụng tình thế này, bọn ác ôn đua nhau cướp giạt của đồng bào ta hàng chục bao gạo, từng cân đường, lon sữa, chai nước mắm.

Phải thừa nhận rằng đối mặt với quốc sách áp chiến lược, từng lúc từng nơi hệ thống cơ sở cách mạng bên trong bị bể vỡ, xóa trắng, phong trào bị đánh phá ác liệt, cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng. Song, vượt qua thử thách, cách mạng vẫn anh dũng tiến lên. Đội ngũ cốt cán lao động mới lại nứt nhánh đâm chồi khắp vùng ven và nội ô.

Về phong trào chung, một sự kiện lịch sử mới lại đến : Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, tập hợp tất cả các lực lượng yêu nước toàn miền Nam dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sau khi Mặt trận thành lập, ngày 17-4-1961 Hội Lao động giải phóng miền Nam (sau này đổi tên là Liên đoàn lao động giải phóng miền Nam) ra đời. Hội lấy nhà máy, xí nghiệp, xóm lao động, đường phố, ngành nghề, công sở làm đơn vị tổ chức cơ sở. Hội là lực lượng chính trị có tổ chức của công nhân lao động, là sợi dây nối liền giữa Đảng với đông đảo quần chúng lao động, tiếp nhận chủ trương chính sách lao động và kháng chiến của Đảng phổ biến đến các đơn vị tổ chức cơ sở ở nhà máy, xí nghiệp, khu phố, ngành nghề. Về tổ chức, đây là một bước ngoặt mới, một cột mốc lịch sử mới của phong trào công nhân lao động miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tuy nhiên, ở Bình Thuận nói riêng và Khu 6 nói chung, do đặc điểm chiến trường suốt thời kỳ đấu tranh chính trị

vũ trang cho đến ngày thắng lợi 30-4-1975, lãnh đạo Đảng ở địa phương không chủ trương xây dựng tổ chức công đoàn giải phóng. Để lãnh đạo phong trào công nhân lao động, cấp ủy chỉ thành lập Ban dân vận do đồng chí Thường vụ cấp ủy phụ trách. Trong Ban dân vận có một thành viên chuyên giúp cấp ủy theo dõi phong trào công nhân lao động các thị xã, thị trấn, làm luôn chức năng nhiệm vụ của công đoàn giải phóng, vừa chỉ đạo xây dựng cơ sở nòng cốt và tiểu tổ bí mật, vừa chú trọng các tổ chức công khai hợp pháp, qua đó tập hợp công nhân lao động đấu tranh. Theo tinh thần đó, trên địa bàn Khu 6 và Bình Thuận, năm 1964 Khu ủy bố trí đồng chí Thống Nhất (Nguyễn Trung), Tỉnh ủy bố trí đồng chí Cửu Long (Phan Phương Quế) làm cán bộ công vận giúp cấp ủy chỉ đạo phong trào công nhân lao động đô thị. Tuy vậy, một sự kiện đáng nhớ : Năm 1962, đồng chí Nguyễn Tiềm, Tỉnh ủy viên, thay mặt cho công nhân Bình Thuận được cử vào đoàn đại biểu Liên Đoàn Lao động giải phóng miền Nam dự hội nghị giai cấp công nhân thế giới đoàn kết với giai cấp công nhân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược do Liên hiệp công đoàn thế giới tổ chức tại Hà Nội. Đại biểu công đoàn trên 100 nước châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương đã dự cuộc hội nghị lớn này.

Không thành lập hệ thống tổ chức công đoàn giải phóng từ tỉnh đến cơ sở, nhưng trong chỉ đạo, các cấp ủy và cán bộ công vận ở khu và tỉnh trước sau vẫn quán triệt quan điểm công vận của Trung ương Cục miền Nam thể hiện trong tuyên bố của Hội lao động giải phóng khi thành lập : “Đoàn kết chặt chẽ toàn thể giai cấp công nhân và những người lao động, chân tay cũng như trí óc, không phân biệt đồng bào đa số hay thiểu số. Hội đoàn kết anh chị em lao

động Hoa kiều cũng đang bị Mỹ Diệm áp bức, bóc lột thậm tệ. Hội cương quyết cùng anh chị em nông dân, các nhà tư sản cùng các đồng bào khác trong mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đẩy mạnh cao trào đấu tranh bảo vệ và giành giật các quyền lợi kinh tế, văn hóa thiết thân hàng ngày, tiến lên đánh đổ chế độ thuộc địa đẫm máu ở miền Nam, thành lập Liên minh dân tộc, dân chủ, thi hành chính sách độc lập, hòa bình, trung lập, thực hiện các quyền tự do và cải thiện đời sống cho toàn dân". (1)

Hưởng theo đường lối công vận của Đảng và chủ trương của Hội lao động giải phóng, ở thị xã Phan Thiết, nơi tập trung nhiều nhà máy, xí nghiệp công sở và công nhân lao động, Thị ủy phân công một Thị ủy viên chuyên trách phong trào công nhân lao động theo địa bàn bám trụ của mỗi người. Từ năm 1964 trở đi, Thị ủy phân công đồng chí Mai Hình, nguyên Chánh văn phòng cơ quan Thị ủy, một trong những cán bộ công đoàn thời kháng chiến chống Pháp, phụ trách phong trào công nhân lao động. Đến năm 1967, nhận thấy Phan Thiết về kinh tế, chính trị có vai trò vị trí rất quan trọng mà bộ phận theo dõi công tác công vận quá mỏng, Tỉnh ủy tăng thêm cho thị xã đồng chí Hồ Phương Nam, quê ở Duông, một cán bộ trước đây đã từng tham gia công tác vận động công nhân đồn điền cao su ở Nam bộ. Năm 1968, đồng chí Mai Hình hy sinh, đồng chí Hồ Phương Nam thay thế phụ trách bộ phận công vận thị xã. Cuối năm 1968 trong một trận đụng độ với địch khi luồn sâu vào thị xã, đồng chí Hồ Phương Nam bị thương nặng, lui về điều trị ở phía sau, Tỉnh ủy bổ sung đồng chí Vũ Văn, nguyên là cán bộ công

(1) Sách "Công nhân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước" 1954 - 1975 tác giả Cao Văn Lượng. NXB KHXH 1975, trang 65.

đoàn miền Bắc tăng cường về tiếp nối theo dõi phong trào công nhân lao động bên trong cho đến ngày 19-4-1975 thị xã Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận hoàn toàn giải phóng.

Nhờ có bộ phận công vận chuyên trách, nghiên cứu làm tham mưu, thị xã Phan Thiết đã xây dựng được một số cán bộ hợp pháp sinh sống và hoạt động ở vùng ven lỏi vào nội ô móc nối xây dựng cơ sở trong công nhân lao động ở nhà máy đèn, nhà máy nước, ga xe lửa, chợ Phan Thiết, các vùng tập trung đông lao động biển, lao động nước mắm thuộc các phường Phú Trinh, Bình Hưng, Hưng Long, Đức Thắng, Lạc Đạo, Đức Long, Đức Nghĩa, mỗi nơi ít nhất là 1 tổ 3 người, nơi nhiều nhất 2, 3 tổ. Mỗi cơ sở cách mạng đều có chân rết quần chúng cảm tình và tùy theo tính chất nghề nghiệp làm ăn của mỗi người mà sử dụng phương thức công tác bất hợp pháp hay hợp pháp. Ở chợ Phan Thiết cứ mỗi ngành hàng cố định tại chợ có một tổ cơ sở 3 người. Ở các xóm lao động ngoài số cơ sở do cốt cán xây dựng, còn có một số cốt cán thuộc hệ thống đường dây riêng của Thị ủy, làm nhiệm vụ đặc biệt do Thị ủy giao.

Theo số liệu Thị ủy Phan Thiết còn lưu giữ, cuối năm 1963, số lượng cơ sở nội thị gồm công nhân lao động và các giới khác, tăng gấp 2 lần so với đầu năm, trong đó có 27 cốt cán trung kiên, 56 cơ sở và trên 900 quần chúng cảm tình.

Đến quý 4-1972, cơ sở cốt cán nội ô 190 người, trong đó 16 cơ sở là công nhân lao động, cơ sở cốt cán các ấp vùng ven 227 người, có 5 đảng viên. Cũng ở nội ô Phan Thiết, vào thời điểm tháng 1-1975, sau một thời gian bị đứt liên lạc, các cơ sở đều được nối lại và phát triển thêm 118 cơ sở mới, xây dựng 290 quần chúng cảm tình.

Vùng thị trấn các huyện phía Bắc tỉnh dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy huyện, đến quý 4-1972, hàng chục cơ sở cũng được xây dựng trong công nhân lao động ở Long Hương, Phan Rí cửa, Chợ Lầu, như Hòa Đa Bắc 21, Hòa Đa Nam 5, Tuy Phong 64. Vào thời gian này, tính chung mạng Bình Thuận, cơ sở trong công nhân lao động có tất cả 116 người. Nhiều cơ sở chỉ chuyên trách một nhiệm vụ : nắm tình hình địch, vận động quần chúng, liên lạc, tiếp tế cho cách mạng. Có cơ sở là tự vệ mật hoạt động 3 mũi chính trị, binh vận, vũ trang.

Mạng Bình Tuy, nhất là thị xã Lagi, cuối năm 1960, nhằm đáp ứng nhiệm vụ cách mạng trước tình hình mới, huyện ủy Hàm Tân thành lập Ban cán sự quần chúng nội ô Lagi phụ trách việc phục hồi và phát triển cơ sở trong các nghiệp đoàn xe đò, xe lam, xe ba gác, xe be khai thác gỗ, lao động khuôn vác, lao động làm nước mắm, đánh bắt hải sản.

Cơ sở còn được xây dựng trong công nhân nhà máy nước, nhà máy đèn, giới giáo chức, học sinh sinh viên và trong cả ngũ quân vốn là con em lao động bị bắt lính, đơn quân. Đến tháng 12-1964, thực lực chính trị bên trong của cả mạng Hàm Tân có 4 Ban cán sự vùng, 3 đảng viên đơn tuyến, 9 trung kiên, 91 cơ sở, 43 quần chúng cảm tình, 8 tiểu tổ đoàn thể, 24 hội viên. Đến tháng 5-1965 phát triển lên 683 cơ sở các loại, trong đó thị xã Lagi có 17 cơ sở trung kiên, 9 quần chúng cảm tình, quận lỵ Tam Tân có 13 nòng cốt, 4 cảm tình. Cũng ở Lagi đến năm 1973 nội ô đã có 1 đảng viên, 28 cơ sở mật, 1 tổ trung tâm trong học sinh. Các giới nghiệp đoàn lao động, ngư dân, nông dân, thanh niên, phụ nữ đều có cơ sở làm đầu mối.

Như các đô thị khác ở miền Nam, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy hy sinh gian khổ, cơ sở công nhân lao động đô thị Bình Thuận không phải lúc nào cũng nguyên vẹn. Quá trình cọ xát quyết liệt với kẻ thù, phong trào cách mạng lúc lên lúc xuống, số lượng cơ sở bên trong lúc ít lúc nhiều. Nhiều người bị địch bắt tù đầy tra tấn, hy sinh anh dũng. Một số khác bị đứt liên lạc nằm im hoặc bỏ việc.

Cũng có cơ sở dao động, đầu hàng, phản bội, làm tay sai cho địch, đánh phá phong trào. Số này chiếm rất ít. Như đã thành quy luật, số cũ có người bị tà đi, số mới lại đâm chồi, nứt nhánh, làm nòng cốt cho phong trào quần chúng đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang giành quyền dân sinh, dân chủ, phối hợp với bên ngoài diệt ác, phá kềm, tấn công địch ngay trong lòng địch.

Hình thái đấu tranh diễn ra thiên hình vạn trạng, quy mô nhỏ lẻ công nhân lao động đã đấu trí, đấu lý, đấu lực với địch một cách khôn khéo. Ví như việc rào ấp chiến lược, dọc 2 bên bờ sông Phan Thiết gây rất nhiều trở ngại cho ngư dân lao động đi làm biển. Bởi ngư dân thường cất nhà chõ, nhà cọc bên bờ sông, ghe thuyền đi làm về neo ngay bên nhà, cạnh bãi để tiện việc chuyển cá, đi chợ, phơi lưới, vá lưới bên sông. Khi chưa nhổ neo, nổ máy, giương buồm cho ghe ra biển, bà con vừa ở nhà đan lưới, đánh neo, vừa có thể trông ghe, trông nghề. Bây giờ thì ngược lại, vào ấp, ra ấp đi biển phải thưa, phải trình. Hàng rào bịt bùng, đêm cũng như ngày không thể nào nhìn thấy ghe thuyền, sông nước. Được cơ sở ta lãnh đạo, đồng bào lặn lẽ nhỏ rào vát xuống sông, hoặc làm củi đun bếp, nay một ít, mai một ít, chẳng bao lâu rào ấp chiến lược nhiều đoạn trống hoang, việc gánh cá đi chợ, phơi lưới, neo thuyền không còn bị bó

buộc nữa. Ở Đức Nghĩa, Phú Trinh, Đức Long, Kim Hải, lao động biển cũng âm thầm nhổ chông, nhổ rào dọc sông, dọc biển để thuận tiện cho ghe thuyền khuya sớm đi lộng về khơi. Nhiều đoạn rào các ấp trong nội thị cũng lần lượt bị nhổ phá. Địch ra lệnh cho mỗi gia đình ở cạnh đoạn rào bị phá phải nộp 200 đồng tiền phạt và buộc phải rào lại. Bà con lao động kịch liệt phản đối viện lẽ “Quốc gia” rào bít đường đi làm ăn thì bà con tôi phải phá mới có lối đi, chẳng lẽ ngồi trong ấp chịu chết đói hay sao ? Ở Phan Thiết, sau ngày Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các vòng rào trong nội thị cũng đổ theo. Chỉ trong vòng 1 tuần lễ, bà con lao động đã phá banh 40%, riêng 2 ấp Đức Nghĩa, Phú Trinh, vòng rào bị vỡ 27 đoạn.

Duồng là một làng biển sầm uất nằm chếch về phía Nam La Gàn, nằm sâu trong vùng địch kiểm soát. Phú Đức và Hà Thủy là 2 thôn làm cá và muối, công nhân lao động ngư nghiệp, diêm nghiệp tương đối đông. Ở đây, cơ sở lao động dùng thuyền từ đường biển luôn lách qua các bến bãi đưa cán bộ bên ngoài vào bên trong hoạt động. Có cơ sở làm nước mắm đóng thùng làm nước mắm đường kính 2m - 2,5m, cao 2,5 m - 3m, khoảng giữa 2 ngăn, ngăn trên muối cá, ngăn dưới có cửa ra vào, đóng mở rất khéo để che giấu cán bộ. Nhờ vậy ở Duồng với cơ sở lao động biển làm vỏ bọc, cán bộ ta đã có thể ra vào, ăn ở hoạt động trong nhiều năm.

Mảng Bình Tuy, với ấp chiến lược kiểu mẫu Phước Thọ ở nội ô Lagi, ấp chính trang Tam Tân nằm sát nách chi khu quận lỵ, cũng rào kẽm gai, hào chông, gài lựu đạn, trái sáng... Đồng bào ta cho trâu bò dẫm phá dần từng mảng rào, mở nhiều ngõ ngách đi lại thông thương, ra vào ấp không theo cổng quy định. Chẳng bao lâu, ấp chiến lược

không còn là nơi bất khả xâm nhập. Các chiến sĩ đội mũ công tác bên ngoài vẫn vượt qua “2 sông 3 núi” đưa ánh sáng cách mạng vào bên trong ấp. Để giành giật dân sinh, dân chủ, bà con lao động biển còn chống đấu giá Hồ Tôm, chống bọn tay sai trong phong trào cách mạng quốc gia âm mưu tăng thuế nước mắm, tăng thuế thuyền sách, giữ độc quyền mua bán cá trong hợp tác xã nghề cá, độc quyền cả gạo, thuốc tây, gây nhiều thiệt hại cho đời sống nhân dân lao động. Các cuộc đấu tranh này giằng co với địch trong nhiều năm, cuối cùng giành được thắng lợi.

Thời kỳ chống “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, Chiến tranh Việt Nam hóa” của đế quốc Mỹ, cùng với phong trào chống phá ấp chiến lược, công nhân lao động đô thị Bình Thuận đã ghi vào trang sử của mình rất nhiều sự kiện đấu tranh 3 mũ chính trị, binh vận, vũ trang. Xin ghi lại một số cuộc nổi bật. Đó là cuộc chống đuổi nhà ở xóm lao động Cồn Chà, nơi thuyền nghề làm ăn sầm uất nhất ở Phan Thiết. Từ năm 1958, địch đã có chủ trương giải tỏa xóm lao động Cồn Chà để xây dựng bến cảng. Chúng cho tay sai đốt trại nhưng túp lều che lá của bà con làm nghề khuôn vác, lao động trại lều, ngư dân thuyền nghề trên sông, trên biển. Trước sức đấu tranh quyết liệt của bà con ta, địch chùn tay, ngưng việc giải tỏa. Năm 1963 chúng mưu toan thực hiện trở lại chủ trương này. Ngày ngày những chiếc xe tải lớn chở đá núi về đổ bên phía bãi Thương Chánh. Phía bên bãi Cồn Chà, cảnh sát ra lệnh đuổi xóm nhà lá ở cuối bãi. Liên tiếp nhiều ngày, từ sáng sớm những toán cảnh sát thay nhau đến thúc ép, hăm dọa nhà nào không tự dỡ đi, xe cơ giới sẽ kéo đổ sập, nghiền nát tất cả đồ đạc trong nhà. Tên cảnh sát trưởng cũng đến tận nơi hò hét, đôn đốc.

Những ngày đầu, cũng có năm ba hộ sợ sệt dỡ nhà đi nơi khác. Được cơ sở ta chỉ đạo, hướng dẫn, đa số bà con lao động trong xóm đồng lòng kiên quyết không đi, làm đơn xin được ở nguyên tại chỗ, làm ăn sinh sống ổn định. Nhân có viên trưởng đến thị sát, bà con xúm lại vây quanh trực tiếp trình bày tình cảnh nghèo khó của lớp người lao động quanh năm đầu tắt mặt tối, "ba lần dời nhà bằng một lần nhà cháy", gạo tiền kiếm không ra lấy đâu mà dời dọn làm nhà mới. Cuối cùng thấy bà con lao động xóm Cồn Chà nói có lý, viên trưởng phải nhượng bộ, ra lệnh tạm hoãn việc đuổi nhà.

Quy mô cuộc đấu tranh này không lớn, tính quyết liệt không cao, nhưng nhờ đoàn kết nhất trí, lý lẽ rõ ràng, kiên trì mục tiêu đã định, nên bà con xóm lao động Cồn Chà được ở yên chỗ cũ, bám bãi làm ăn cho đến ngày giải phóng.

Năm 1966, sau khi chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" thất bại, đế quốc Mỹ bắt đầu triển khai chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Chúng đổ vào Bình Thuận lữ đoàn Mỹ 199, 173, chiến đoàn 3/506 gồm 1 trung đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo binh với 10 khẩu pháo 105 ly, 175 ly, 1 chi đoàn xe bọc thép gồm 20 chiếc M118, M41, 1 đại đội công binh, 11 phi đoàn không vận có 15 chiếc máy bay các loại. Được trang bị vũ khí hiện đại, bọn xâm lược Mỹ liên tục hành quân càn quét, bắn pháo nòng ngắn, nòng dài, rải thảm bom B52, rải chất độc hóa học, tàn phá làng mạc, phố phường. Chúng giết cả người già, em bé, phụ nữ mang thai, bà con nông dân trên đồng ruộng, đồng bào chài lưới ngoài biển cả.

Ngày 10-8-1969, giặc Mỹ dùng 2 máy bay lên thẳng phóng pháo vây bắn đoàn ghe của ngư dân Phan Rí Cửa thuộc huyện Hòa Đa trong lúc đoàn ghe đang đánh cá ngoài

biển. Toàn bộ đoàn ghe 50 chiếc và trên 200 ngư dân làm nghề chài lưới đều bị đánh tan tác... Xác người, xác ghe trôi lênh bênh trên mặt biển, chỉ còn 1 người sống sót đến tối mới dạt vào bờ. Hành động tàn sát dã man của giặc Mỹ làm bốc cao ngọn lửa căm thù trong ngư dân lao động. Hàng trăm người đội khăn tang kéo đến các cơ quan ngụy quyền huyện, tỉnh tố cáo tội ác của giặc Mỹ, đòi bồi thường nhân mạng và tài sản ghe thuyền cho ngư dân.

Cuộc đấu tranh nói trên chưa nguôi thì ngày 1-9-1970, trong 1 cuộc càn quét vòng ngoài bảo vệ cho quân ngụy bình định vòng trong lính Mỹ lữ đoàn 199 hãm hiếp 2 mẹ con bà Bạc, ấp Hiệp Nhơn, quận Hàm Tân đang cấy lúa ngoài đồng. Thực hiện xong hành động thú tính tưởng rằng nạn nhân đã chết, chúng vui xác 2 mẹ con xuống ruộng bùn. Bà con trong làng phát hiện tri hô cứu chữa, khiêng cáng đến bệnh viện Bình Tuy thì cả 2 đều chết. Cơ sở ta kịp thời lãnh đạo tổ chức thành một cuộc đấu tranh chính trị lớn, biểu thị thái độ đui Mỹ một cách công khai. Lực lượng đấu tranh khiêng xác nạn nhân xuống đường biểu tình đông đến trên 3.000 người. Đoàn biểu tình do nông dân vùng ven, công nhân lao động quận lỵ Tam Tân và nội ô Lagi đi đầu, thu hút đồng bào Phật tử, gia đình binh lính, công chức ngụy quyền tham gia kéo về tòa hành chính ngụy quyền Bình Tuy và cơ quan MACV, nơi trú đóng của bọn cố vấn Mỹ, đưa kiến nghị, hồ khẩu hiệu đả đảo đế quốc Mỹ. Bọn ngụy quyền đổ lỗi cho quan thầy Mỹ. Bọn cố vấn Mỹ trong doanh trại đóng kín cổng, dấu mắt. Đội hình biểu tình rầm rộ diễu hành về thị xã Lagi trên đoạn đường dài hơn 3 cây số. Trước tội ác không thể chối cãi và áp lực của quần chúng, ngụy quyền Bình Tuy phải điện khẩn về Sài Gòn những yêu sách của nhân dân. Sau đó ít ngày, lữ đoàn 199 Mỹ đóng quân

ở Hiệp Nghĩa xuống tàu rời khỏi Hàm Tân. Trong cuộc đấu tranh này, nông dân và công nhân lao động đã liên kết chặt chẽ, tạo sức mạnh nòng cốt lôi kéo các tầng lớp khác tham gia.

Trong đấu tranh chính trị, binh vận, một đặc điểm nổi bật khác là từ khi quân Mỹ tràn vào miền Nam nước ta, công nhân lao động Bình Thuận đã động viên được đông đảo học sinh các trường trung học vào mặt trận yêu nước, chống Mỹ. Điển hình là trường Phan Bội Châu, một trường trung học lớn ở Phan Thiết. Trong thành phần học sinh có con em công nhân lao động ở nội thị, vùng ven thị xã, phần lớn có truyền thống yêu nước, là con em của cán bộ chiến sĩ ta đang chiến đấu ngoài mặt trận hoặc công tác nơi chiến khu. Đầu năm 1966, một cuộc mít tinh và biểu tình lớn gồm 5.000 người diễn ra tại khuôn viên chùa Phật Học. Các ngã đường đông nghẹt người dự. Rất đông công nhân khuôn vác bến xe, bến cảng, anh em kéo xe ba gác chở hàng ở các chợ, anh em lái xe lam, đạp xích lô, thợ mộc, thợ nề các xóm lao động, công nhân nhà đèn, nhà máy nước hòa mình vào cuộc đấu tranh lớn của học sinh. Một công nhân làm nghề sửa chữa điện tử đã giúp học sinh loa, am-li để tiếng nói đấu tranh vang xa trên các phố. Các phố có đoàn đi qua, đồng bào đặt bàn bên lề đường bày các loại nước giải khát ủng hộ.

Đây là cuộc đấu tranh chống Mỹ lớn nhất của học sinh, sinh viên Bình Thuận được cơ sở ta lãnh đạo chặt chẽ, lao động các nghiệp đoàn tham gia hỗ trợ đông, lôi cuốn cả gia đình Phật tử, cảnh sát và binh lính nguy, hình thành mặt trận đoàn kết chống Mỹ rộng rãi chưa từng thấy.

Trên lĩnh vực binh vận, công nhân lao động đô thị Bình Thuận cũng góp phần rất tích cực. Cũng như các giới đồng bào khác, con em họ cũng bị bắt lính đôn quân, canh gác đồn bót, bị đẩy đi chiến trường chết thay cho Mỹ. Họ không thể để huyết thống dân tộc, giai cấp bị hoen ố, không thể mặc nhiên để con em mình cầm súng Mỹ bắn giết người thân, càn quét đốt phá xóm làng quê hương.

Bà con lao động nội ô Lagi nhớ mãi cuộc binh biến đầu tiên nổ ra ở đồn Phước Thọ đầu tháng 3-1962. Tại đây, một tổ nội tuyến dân vệ là con em lao động biển được sự hỗ trợ của các chiến sĩ vũ trang bên ngoài đã nổ súng diệt tên đồn phó, đánh tan trung đội dân vệ, mang vũ khí về với cách mạng. Sau này, tấm mình trong chiến đấu và công tác đầy gian khổ, tổ cơ sở nội tuyến trở thành những cốt cán tin cậy của ban cán sự Lagi.

Ở thị xã Phan Thiết và các thị trấn Phan Rí, Long Hương, Chợ Lầu, Duông, trong các chiến dịch bắt lính, các đội tầm nã của địch thường sục vào ngõ hẻm, xóm lao động gặp thanh niên đâu bắt đấy, ai chạy chúng bắn bỏ. Trên biển, chúng cho tàu đi tuần kiểm soát ghe nghề của ngư dân. Ngư dân nảy ra sáng kiến cấu tạo hầm giấu người trên ghe ngụy trang kín đáo. Hòn Lao Câu nằm cách cửa biển Long Hương vài cây số được ngư dân tạo thành trạm trung chuyển chống bắt lính. Hàng chục thanh niên được cha mẹ đưa ra đảo làm nghề. Thoáng thấy địch từ bờ phóng tàu bo bo ra, lập tức thanh niên nằm ép mình dưới khoang hầm, chiếc thuyền rồ máy ra biển xa kéo lưới, thả câu, chờ hết đợt bắt lính mới trở vào bờ. Trong đất liền, ở các xóm lao động, bà con làm nghề thủ công mộc, nề, sửa máy, kéo xe, khuân vác... ngấm hình thành một mạng lưới canh gác, báo động bằng nhiều ám hiệu : cố tình gây gỗ, kêu réo, nín kéo

bọn đi tầm nã để đánh tháo, giải vây cho con em mình. Các mẹ, các chị bán bánh trái, hoa quả, quà vật đầu xóm là những điểm canh gác, báo động. Những em nhỏ bán bi, đánh đáo đầu ngõ hẻm là đường dây ám hiệu. Cả những công nhân lao động tóc bạc, lưng còng cũng là lực lượng bảo vệ con cháu rất tích cực. Một lần, ở xóm Cồn Chà, Đức Thắng, Phan Thiết, một thanh niên bị bọn tầm nã rượt bắt chạy vội lên thang gác một gia đình bốn đời làm nghề đan lát. Tên lính nguy chạy theo toan bước lên cầu thang, một cụ già đang vót nan đan rổ đứng phắt dậy vung con dao quát : Ông bước lên cầu thang, tôi chém đầu. Tên lính nguy hoảng hốt đứng chững lại rồi bỏ đi.

Đồng thời với đấu tranh binh vận, chống đôn quân bắt lính góp phần làm rệu rã hàng ngũ địch, công nhân lao động đô thị Bình Thuận hăng hái động viên con em mình gia nhập lực lượng vũ trang giải phóng, vào đội mũi công tác, tổ du kích mật ngày đêm bám làng, bám ấp, bám địch, diệt ác phá kềm, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Một số lớn đã hy sinh anh dũng để lại tiếng thơm cho gia đình, phố phường, thôn xóm. Có những gia đình công nhân đã hiến dâng tất cả con trai, con gái cho kháng chiến. Gia đình ông Phan Tịnh, bà Nguyễn Thị Mùi ở phường Đức Nghĩa, thị xã Phan Thiết là một điển hình làm vẻ vang cho dân tộc và giai cấp. Ông bà ở đường Trại Cửa, ông chuyên nghề thợ mộc, bà bán xôi, tần tảo nuôi con. Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông bà cho 2 người con trai lớn Phan Lý, Phan Thông lên đường chiến đấu trong đơn vị Phòng điệp và đã lần lượt hy sinh.

Năm 1950, hưởng ứng lời kêu gọi tổng động viên nhân vật tài lực cho tiền tuyến, ông bà gia nhập đơn vị Bạch Đằng chuyên đóng thuyền vận tải đường biển của Phân sở kinh tế cực Nam đặt tại Cù Mi, Hàm Tân. Tiếp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông bà trụ tại vườn đất cây số 16 xã Hàm Kiệm làm cơ sở cho Thị ủy Phan Thiết và tiễn 2 con còn lại nối gót 2 anh lên đường chiến đấu, một làm y tá cơ quan Thị ủy, một làm đội viên đội vũ trang công tác trong đợt II Xuân Mậu Thân 1968 bám trụ ở ấp Kim Hải và hy sinh anh dũng. Năm 1970 phát hiện trong đất vườn có thùng đại liên cất giấu tài liệu kháng chiến, ông bị địch bắt về đồn Ngã Hai tra tấn khai thác, ông một mực giữ tròn khí tiết và đã qua đời tại vườn đất nhà sau khi được thả. Ở Lạc Đạo, gia đình ông Mai Hớn cũng là tấm gương lao động biển tiêu biểu. Ông, bà, 4 con trai, 5 con gái, 1 con dâu đều thoát ly tham gia kháng chiến và làm cơ sở nội thành phục vụ hết mình vì cách mạng. Ông và 2 con trai đã hy sinh anh dũng. Thật hiếm thấy những gia đình công nhân lao động thủy chung trọn vẹn với cách mạng như vậy.

Mảng Hòa Đa, Tuy Phong, sau phong trào đồng khởi 1960, lao động các làng biển và công nhân các ngành nghề ở thị tứ, thị trấn Phan Rí, Long Hương, Chợ Lầu đều sớm đưa con em mình ra rừng đi với cách mạng, 17 thanh niên xã Hồng Chính đã bí mật rời làng quê lên chiến khu tham gia xây dựng đơn vị 2/9, đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, 117 con em làng biển La Gàn, 94 con em làng biển Duồng đã vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường, số còn sống trở về làng quê rất ít.

Tương tự như vậy, theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, công nhân lao động và nhân dân mảng nội ô Lagi đã hiến

dâng cho Tổ quốc 95 liệt sĩ chống Mỹ, trong đó tên tuổi và hình ảnh đồng chí Lê Minh Công được xếp lên hàng đầu.

Trong đấu tranh vũ trang của cơ sở bên trong, phải kể đến vai trò của du kích mật. Phần lớn anh chị em là con em công nhân lao động. Nhiều tổ viên làm chức năng chiến sĩ vũ trang cách mạng tại chỗ, nằm trong dân, ở ngay trong nhà mình, thuộc từng ngõ ngách thôn xóm, phố phường, biết mặt mày tính nết, quy luật đi lại của từng tên ác ôn, biết đồn bót nào lỏng lẻo, vị trí quân sự nào kiên cố, làm tai mắt cho bộ đội bên ngoài tấn công tiêu diệt địch.

Mảng nội ô Lagi, cơ sở công nhân lao động tích cực tham gia diệt ác, phá kềm, làm lỏng nhão, bộ máy kềm của địch. Việc nắm chắc tình hình phục vụ đội vũ trang công tác Hòa Thanh bản gục một tên tình báo ngay trong sòng bạc giữa lòng thị xã đầu năm 1970 là một trận đánh xuất sắc làm khiếp đảm những tên tay sai chỉ điểm của địch. Ngay giữa trung tâm đầu não của địch, những hoạt động vũ trang của công nhân lao động các ngành nghề luôn là mối lo sợ của Mỹ ngụy.

Mảng nội thị Phan Thiết, năm 1967 tổ du kích mật Đức Nghĩa đã vẽ sơ đồ Lữ quán Anh Đào, chi cảnh sát Châu thành, hướng dẫn tổ biệt động thị đội vào nằm tại gia đình cơ sở xóm động Làng Thiêng để nắm thêm quy luật hoạt động của địch, trừng trị bọn cố vấn Mỹ và sĩ quan tình báo ngụy. Tổ du kích mật Lò Heo, Phú Trình nắm qui luật tuần tra của chiếc ca nô địch trên sông Cà Ty tạo điều kiện cho tổ biệt động thị đội đánh chìm ngay giữa lòng thị xã. Ở Đức Long, Lạc Đạo, từng lúc tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ của du kích mật khuấy động vùng ven, vang dội từ hữu ngạn sang tả ngạn, làm cho Mỹ ngụy điên đầu không sao lường đoán nổi.

Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là thời điểm du kích mật và cốt cán cơ sở công nhân lao động đô thị Bình Thuận hoạt động rất sôi động. Đối với công nhân lao động, nhiệm vụ trong chiến dịch này là : “Phát động quần chúng ở thành thị và nông thôn tạm bị chiếm nổi dậy khởi nghĩa, kết hợp 2 đòn tiến công đó tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng lực lượng quân sự Mỹ ngụy, đánh đổ ngụy quyền, làm tê liệt bộ máy chiến tranh của Mỹ ngụy, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta”. (1)

Ở chiến trường Khu 6, thị xã Phan Thiết được chọn là trọng điểm số 1. Nhận lệnh vào giờ G chậm, yếu tố bất ngờ không còn nữa, 3 cánh quân tây, nam, bắc của ta vẫn tràn vào thị xã tấn công địch với khí thế mãnh liệt. Nhưng địch cũng phản kích điên cuồng. Cốt cán cơ sở công nhân lao động bên trong chưa hội đủ điều kiện lãnh đạo quần chúng, kết hợp với đòn quân sự, nổi dậy làm chủ phố phường, nhà máy. Tuy vậy, mỗi người mỗi việc đã thể hiện vai trò tiên phong của mình bằng những hành động cụ thể. Công nhân lao động Làng Thiêng, Đức Nghĩa đã nhường vườn tược, nhà cửa cho bộ đội ém quân, giúp việc trinh sát, cảnh giới. Trong cảnh bom rơi đạn nổ, nhiều bà con ở xóm Khoai, Chợ Gò không tránh lánh mà dũng cảm đem gỗ ván, bàn ghế, đồ đạc trong nhà ra giúp bộ đội xây công sự, bảm trận địa. Có cụ già ở xóm Khoai chỉ đường cho bộ đội len lỏi qua các hàng rào, bờ tường nổ súng vây ép tiểu khu, tòa hành chính. Du kích mật, đội công tác Phú Trinh dẫn bộ đội tiến vào Lò Heo tiến công biệt khu Bình Lâm, trung tâm thẩm vấn. Trên các đường phố xuất hiện truyền đơn, biểu ngữ, tài liệu

(1) Nghị quyết công vận của Trung ương cục 12/1967.

phổ biến 10 chính sách của MTDTGPMN. Một số gia đình nội thị đưa bộ đội bị thương về nhà che giấu, cứu chữa, khi bình phục dùng xe bò ngụy trang đưa ra vùng ven giao cho đơn vị.

Cốt cán cơ sở vùng Láng Muối, Lại Yên, Xuân Phong, Đại Nấm, Tam Giác tổ chức quần chúng thành từng đoàn, băng qua lửa đạn tiếp tế lương thực, vũ khí, khiêng cáng tử sĩ, thương binh về hậu cứ. Đặc biệt, bốn cô gái của làng dệt dệt buồm Lại Yên Hạ, cơ sở của đơn vị 415 cải trang dân thường băng qua chiến địa, vượt đò giang cách trở vào tận trung tâm thị xã làm nhiệm vụ trinh sát tình hình địch. Không thể nào ghi hết những hành động nổi dậy mang ý nghĩa khởi nghĩa của công nhân lao động nội ô và vùng ven Phan Thiết.

Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968 của quân dân ta tuy chưa thực hiện được quyết tâm ban đầu là “đánh chiếm làm chủ thị xã” nhưng đã làm rung chuyển trung tâm sào huyệt quân sự của địch, gây cho chúng những tổn thất nặng nề, trong đó công nhân lao động đóng góp một phần xương máu.

Với thắng lợi to lớn giành được trong Xuân Mậu Thân - 1968, cục diện cách mạng miền Nam chuyển sang bước ngoặt mới. Ta buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn hội nghị Paris, xuống thang chiến tranh, rút quân về nước, chỉ hòa hơi tiếp sức cho quân ngụy bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, lấy chương trình bình định cấp tốc, bình định đặc biệt, bình định phát triển làm then chốt hòng chiếm lại những vùng đã mất, đẩy ta xa ra các thị xã, thị trấn, cứ điểm quân sự. Lúc bấy giờ, chỉ đạo phong trào bên trong Tỉnh ủy ra nghị quyết “vượt qua gian khổ, kiên trì bám trụ xây dựng thế đứng vững chắc vùng ven, giữ vững thế tấn công chính trị trong nội thị, tổ chức cơ sở đơn tuyến chặt chẽ đi đôi với

nâng cao chất lượng du kích mật, tự vệ mật, tăng số lượng lên 4 - 6 lần so với trước, chiếm 4% trong cơ sở nội thị.”(1) Quán triệt nghị quyết của Tỉnh ủy, bộ phận công vận Thị ủy Phan Thiết cùng các đội mũi công tác lại len lỏi ngủ bụi, nằm hầm bám chắc địa bàn tả ngạn, hữu ngạn sông Cà Ty, chỉ đạo phong trào công nhân lao động bên trong tạo thế và lực mới. Cơ sở vùng ven cấm sâu trong quần chúng lao động Trinh Tường, Xuân Phong, Đại Năm. Cơ sở nội thị mọc nổi xây dựng ở nhà máy nước, nhà máy đèn, ga xe lửa, nghiệp đoàn xe hơi, xe lam. Du kích mật, nắm tình hình, vẽ sơ đồ, táo bạo đánh mìn diệt địch ở Ty Bưu Điện, đài phát thanh, lầu nước. Năm 1973, lợi dụng âm mưu của phe cánh Nguyễn Văn Thiệu lừa mị quần chúng để kiểm phiếu khi lập chính phủ 3 thành phần, cơ sở công nhân lao động đẩy mạnh hoạt động công khai hợp pháp, cài người vào các tổ chức do địch lập ra để vận động giáo dục quần chúng dưới hình thức “xanh vỏ đỏ lòng”. Thậm chí những em bé đánh giầy sống lang thang trên đường phố cũng được tập hợp thành hội, nhóm nghề nghiệp. Tính ra, những năm 1973 - 1974, thị xã Phan Thiết có khoảng 20 hội, nhóm nghề nghiệp và sinh hoạt xã hội. Lực lượng nòng cốt ở nội ô lúc này có 86 cơ sở, trong đó có 4 đảng viên, các ấp vùng ven có 204 cơ sở, với 5 đảng viên.

Tình cảnh thất nghiệp luôn đe dọa công nhân lao động. Bởi lẽ những năm Mỹ đổ quân vào, kèm theo bước chân xâm lược là hàng núi hàng viện trợ quân sự và kinh tế. Ngoài vũ khí, đạn dược, khí tài chiến tranh là hàng vạn tấn dây thép gai, xi măng, sắt thép, tấm lợp, hàng tiêu dùng. Các dịch vụ xây cất, sửa chữa cơ khí, giặt ủi, hớt tóc, bồi phòng thu hút nhiều nhân công. Giữa năm 1970, quân Mỹ rút dần, việc làm ở sở Mỹ không còn nữa. Đời sống công

(1) Theo tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh.

nhân lao động lất bắt lao đao. Theo số liệu thống kê của
ngụy quyền, tổng số dân của xã Châu thành Phan Thiết năm
1971 từ 6 đến 50 tuổi có 45.307 khẩu, số buôn gánh bán
bưng chiếm 14.076 người, số không có nghề nghiệp 19.835
người. Mảng Lagi, tức địa bàn xã Châu thành Phước Hội,
địch đã hình thành 9 ấp với khoảng 30.000 dân, riêng vùng
nội ô thị xã có 16.937 người, trong đó công nhân lao động
đời sống rất vất vả. Thêm vào đó, để bù đắp ngân sách cạn
kiệt do viện trợ của Mỹ giảm, ngụy quyền tìm mọi cách
tăng thuế. Sản xuất, mua bán đình đốn, đời sống khó khăn,
thúc đẩy công nhân lao động đoàn kết, đấu tranh, giành giữ
quyền lợi kinh tế hàng ngày. Tranh thủ được nhân viên thu
thuế chợ, tiểu thương các chợ trì hoãn việc nộp thuế, số bán
rau hành đòi giảm thuế chỗ ngồi và chống đuổi chợ. Bà con
các xóm lao động chống đóng thuế rác. Để đòi hạ giá xăng
dầu, lao động biển kéo ghe lên bờ, không hành nghề. Nghiệp
đoàn xe vận tải, xe lam trưng biểu ngữ biểu tình phản đối
việc tăng giá nhiên liệu. Dù che đậy, lừa mị, bọn ngụy quyền
cũng không tránh được sự phẫn nộ uất ức của công nhân và
lao động.

Cũng như thời gian trước, những năm 1969 - 1973, công
nhân lao động đô thị Bình Thuận coi việc vận động tiếp tế
ủng hộ cách mạng là một nhu cầu cấp thiết. Vấn đề nan
giải không phải ở tấm lòng mà là địa điểm chuyển tiếp từ
bên trong ra bên ngoài bị địch theo dõi gắt gao. Đối phó
lại, cơ sở lao động ở Lagi đánh lừa địch bằng cách đi ngủ
đêm nhà khác, để lại chìa khóa một nơi báo trước cho đội
công tác vào lấy thực phẩm. Cơ sở lao động Phước Lộc, Hồ
Tôm dùng ghe đánh cá chuyển hàng tiếp tế từ Lagi ra chiến
khu. Có lần trên ghe chở cả tấn gạo và thực phẩm, thuốc
men chuyển ra vùng căn cứ gặp phải sóng bờ mùa gió chướng
không cập được vào điểm hẹn, ghe phải neo chờ, vừa sẵn
sàng đối phó với sự phát hiện của địch, vừa tìm liên lạc với
căn cứ và đã giao chuyển hàng hóa an toàn. Ở Phan Thiết,

tiền bạc, vật dụng, thực phẩm nhân dân nội thị ủng hộ tăng lên rất nhanh. Cốt cán cơ sở trong nghiệp đoàn xe lam, xe hơi phải đặt kế hoạch thật bí mật cho từng lái xe trên từng đoạn đường để vận chuyển đến các trạm dọc quốc lộ 1, từ đó dân công đến mang tải về căn cứ. Trên biển, để tránh sự kiểm soát của hải thuyền, ngư dân lao động dùng thuyền, thúng câu cá ven bờ vận chuyển vật phẩm về xóm Trạm, quán Thùng là những điểm hẹn tiếp tế cho cách mạng đã vô hiệu hóa sự kiểm soát của địch, bằng gánh bộ, đèo xe đạp, chở honda một cách khôn khéo, bà con đã hút gạo từ Long Hương, Phan Rí, Chợ Lâu về tích trữ trong lu, trong khạp, rồi dùng thuyền lướt sóng, vượt ghềnh chuyển ra căn cứ lồm là vùng đất vườn, động cát, giấu trong bờ động, dưới gốc cây. Thực hiện khẩu hiệu “ngày địch, đêm ta”, đêm đêm những tấn lương thực, thực phẩm tuôn về vùng căn cứ giải phóng như một dòng chảy. Có thể nói đất vườn làng biển La Gàn là cái kho hậu cần quan trọng của các lực lượng kháng chiến huyện, tỉnh, Khu 6, nhất là các tiểu đoàn 186, 840 và cả tỉnh bạn Ninh Thuận.

Giống như La Gàn, lao động làng biển Duồng cũng tổ chức những chuyến thuyền chở hàng ngàn lít nước mắm, hàng trăm mét vải và các vật phẩm khác đến các điểm hẹn Trại Lưới, Gành Đá, Gành Rái tiếp tế cho cách mạng. Cũng có lần bị địch phát hiện, chúng dùng pháo 105 ly từ Long Hương dội qua, làm thuyền bị chìm, gây tổn thất, song cơ sở lao động biển Duồng không vì thế mà xao nhãng nhiệm vụ.

Với 3 mũi đầu tranh chính trị, binh vận, du kích mật và những vật phẩm tiếp tế ủng hộ cách mạng, công nhân lao động và đồng bào đô thị Bình Thuận đã góp phần công sức vào thắng lợi của chiến dịch Hè 1972 và của mặt trận tấn công ngoại giao ký kết Hiệp định Paris 1-1973, làm phá sản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ, tạo đà vươn tới thắng lợi cuối cùng những năm sắp đến.

II - CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÙNG CĂN CỨ GIẢI PHÓNG NÊU CAO Ý CHÍ TỰ LỰC TỰ CƯỜNG ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN.

Ở Bình Thuận, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, song song với phong trào CNLD vùng căn cứ giải phóng. Do đặc điểm chiến trường, tuy không lập tổ chức công đoàn, nhưng cán bộ, chiến sĩ dân chính Đảng, công nhân lao động các ngành thông tin liên lạc, sản xuất vũ khí, cơ khí dân dụng, hàng tiêu dùng thiết yếu đều chiến đấu và công tác theo truyền thống giai cấp công nhân như hồi kháng chiến chống Pháp. Tiền tuyến gọi, có vũ khí, khí tài, lương thực, thực phẩm. Hậu phương gọi, có dụng cụ cuốc cày, dao rựa vỡ ruộng, làm nương, sản xuất tự túc. Ý chí tự lực tự cường luôn thường trực trong lao động sản xuất và đời sống.

Trên lĩnh vực thông tin liên lạc, lớp công nhân lao động có mặt đầu tiên ở vùng căn cứ trong những ngày đầu chống Mỹ là những người thông tin vô tuyến và chiến sĩ giao liên.

Số lượng công nhân thông tin vô tuyến không đông, chỉ có 6 người gồm thợ điện, cơ công, báo vụ, thợ máy nổ, gọi chung là bộ phận điện đài. Máy móc thiết bị là những bộ máy thu, phát, máy ra-gô- nô quay tay, máy nổ, bình ắc qui chiến lợi phẩm thu được trong kháng chiến chống Pháp. Bộ phận điện đài phục vụ chung cho Tỉnh ủy Bình Thuận và Liên tỉnh ủy 3 (1), nối liên lạc với Ninh Thuận, Khánh Hòa, Khu 5, Đông Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam.

(1) Liên tỉnh ủy 3 gồm Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng do đồng chí Trần Lê làm Bí thư. (S)

Năm 1956, Liên tỉnh ủy 3 chuyển ra đóng ở vùng căn cứ Ninh Thuận, Khánh Hòa, bộ phận điện đài Bình Thuận hoạt động độc lập, số lượng công nhân và thiết bị ít hơn, nhưng mạng lưới liên lạc vẫn nối xa như cũ. Tháng 7-1961, Khu 6 thành lập, Ban Thông tin khu ra đời. Bộ phận thông tin Bình Thuận về ngành dọc chuyên môn, nằm trong hệ thống thông tin khu. Năm 1960, phong trào đồng khởi bùng nổ, khối lượng công việc tăng lên được Tỉnh ủy cho phép, bộ phận thông tin Bình Thuận đào tạo tại chỗ được vài báo vụ viên, số lượng công nhân vô tuyến tăng lên 5 người. Những năm sau, cuộc kháng chiến chống Mỹ phát triển, nhu cầu thông tin vô tuyến phát triển theo. Ngành quân sự và các địa bàn xung yếu : Tuy Phong, Hòa Đa Bắc, Hòa Đa Nam, Thuận Phong, Phan Thiết lần lượt trang bị điện đài, mỗi đài có 3 - 4 công nhân vô tuyến. Được sự chi viện của Trung ương và gửi đi đào tạo ở Khu và R (1) lực lượng ngành điện đài Bình Thuận đông lên. Riêng đài tỉnh kể cả sản xuất, bảo vệ có tới 15 người.

Đầu năm 1967, thực hiện chủ trương của trên, các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong phía Bắc Bình Thuận và vùng K67 phía Nam Tuyên Đức được tách ra để lập tỉnh Bắc Bình. Bộ phận thông tin Bình Thuận san sẻ công nhân và thiết bị lập điện đài cho tỉnh mới. Tháng 8-1968 tỉnh Bắc Bình giải thể. Các huyện nói trên trả về cho tỉnh cũ, đồng thời các huyện thị phía Nam Bình Thuận như Hoài Đức, Tánh Linh, Hàm Tân, Lagi tách ra lập tỉnh Bình Tuy theo địa giới hành chính của ngụy quyền Sài Gòn (2). Công nhân, thiết bị điện đài Bắc Bình chuyển thành bộ phận điện

(1) R : Mật danh chung của Khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam.

(2) . Ngụy quyền Sài Gòn lập tỉnh Bình Tuy năm 1957.

đài tỉnh Bình Tuy. Mấy năm sau, phong trào mở ra, tỉnh Bình Tuy phát triển thêm các đài Hàm Tân, Lagi và huyện căn cứ Nam Thành phía Bắc sông La Ngà. Đến năm 1973, cả hai bộ phận thông tin Bình Thuận, Bình Tuy với mạng lưới vô tuyến điện gồm 8 đài tỉnh, 7 đài huyện, thị xã, 2 đài cơ động tăng cường, hoạt động song song cho đến ngày cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc.

Hai ngành thông tin vô tuyến và giao thông đường bộ như hai anh em sinh đôi. Thông tin vô tuyến nối liên lạc bằng đường trời. Giao thông đường bộ nối liên lạc bằng đôi chân đi trên mặt đất. Nhưng khác với công nhân vô tuyến, đội quân giao liên ngay từ những ngày đầu chống Mỹ đã có mạng lưới đường dây từ tỉnh đến huyện, xã. Đường dây này có 2 loại : đường dây hợp pháp hoạt động riêng biệt trong vùng địch kiểm soát do đồng chí chủ chốt cấp ủy trực tiếp nắm. Đường dây bất hợp pháp hoạt động công khai ở vùng căn cứ giải phóng. Ở tỉnh có ban hành lang (1) trạm tổng phát hành và các trạm trực thuộc đứng chân trên đường dây Trường Sơn chạy xuyên qua tỉnh. Các huyện, thị xã, cơ quan ban ngành, xã căn cứ giải phóng và đội công tác đều có tổ giao liên thay phiên nhau đi trực nối với đường dây tỉnh, đường dây huyện, đường dây cơ sở. Do vậy, đội quân giao liên có số lượng khá đông. Theo số liệu còn lưu giữ, đến năm 1971, quân số mảng đường dây liên lạc Bình Thuận có 154 người, trong đó 67 trực thuộc tỉnh, 77 trực thuộc huyện ; mảng đường dân liên lạc Bình Tuy có 54 người công tác ở 5 trạm trực thuộc tỉnh và 6 trạm huyện, thị xã. Nếu tính cả giao liên các ban ngành, cơ quan, đơn vị, xã căn cứ, đội công tác, quân số cả 2 mảng đông tới 300 người.

(1) Những năm sau gọi thống nhất là ngành giao bưu.

Dù tính chất công tác khác nhau, hai ngành thông tin vô tuyến và giao thông liên lạc đường bộ đều cùng chung một nhiệm vụ : giữ vững mạch máu liên lạc của Đảng trên xuống, dưới lên, trong ra, ngoài vào và ngược lại thông suốt trong bất cứ tình hình nào. Cả 2 đều nêu cao tinh thần chịu đựng hy sinh gian khổ, vừa công tác phục vụ hết mình cho lãnh đạo, vừa sẵn sàng chiến đấu tự bảo vệ mình, vừa tăng gia sản xuất, mang tải, tự trang trải cái ăn, cái mặc trong đời sống hàng ngày. Nhiều tấm gương sáng xuất hiện. Về ngành thông tin, tại Đại hội chiến sĩ thi đua công nông binh toàn tỉnh năm 1964, đơn vị thông tin được Đại hội biểu dương về những sáng kiến cải tiến kỹ thuật sửa chữa máy móc thiết bị, sử dụng những linh kiện, vật liệu sẵn có chế tạo bộ máy thu phát gọn nhẹ cơ động, phục vụ chiến trường rất tiện lợi. Đồng chí trưởng bộ phận được phong danh hiệu chiến sĩ thi đua và đề nghị trên thưởng Huân chương giải phóng hạng 3.

Về ngành giao bưu, dù đi trên những tuyến đường rừng heo hút hay len lỏi vượt qua đèo bót, áp chiến lược, địa bàn nào cũng nổi bật niềm tin yêu và lòng trung thành với Đảng, cách mạng. Điển hình như đồng chí Năm Thị ở trạm Bá Ghe, huyện Phan Lý, đồng chí Tám Hồng ở trạm bưng Cò Ke phía Nam thị xã Phan Thiết : Năm 1957 giữa lúc địch “tố cộng” đánh phá cách mạng rất ác liệt, hai chiến sĩ giao bưu này vẫn một mình bám trụ ở rừng sâu, bên bờ chịu đựng cảnh đói cơm lạt muối, giữ đường dây liên lạc của Đảng không bị đứt.

Theo ước tính của những đồng chí phụ trách đường dây trước đây, trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ tổng cộng đội ngũ giao liên Bình Thuận đã thực hiện các chuyến hành trình dài khoảng 7 triệu 500 ngàn ki-lô-mét và nhận

chuyển trên 145 tấn công văn, tài liệu, thư từ, báo chí, bưu phẩm các loại.

Chiến sĩ thông tin vô tuyến đã nhận chuyển an toàn chính xác khoảng 10 triệu bức điện tín, trên 10 triệu bản tin thông tấn xã trong nước và quốc tế phục vụ cấp ủy Đảng các ban ngành và bằng việc quay ra-gô-nô bằng tay, bằng chân, tiết kiệm được 1/3 nguồn pin máy vô tuyến điện.

Với những thành tích trên, 2 ngành thông tin và giao bưu được chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng 3 Huân chương chiến công giải phóng hạng 1, hạng 2, công nhận 30 trạm giao bưu, 11 đài thông tin xuất sắc, 98 công nhân vô tuyến và chiến sĩ giao liên đạt danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ, diệt ngụy và gần 100 chiến sĩ khác được thưởng huân chương, huy chương các loại.

Trong đội quân lao động vùng căn cứ giải phóng trên lĩnh vực cơ khí, công nhân xưởng quân giới Cao Thắng có vai trò rất quan trọng. Hình thành năm 1961 tại vùng núi Xa Lôn, sau này có lúc lấy phiên hiệu đơn vị 416, xưởng được giao nhiệm vụ sản xuất và sửa chữa vũ khí phục vụ chiến trường. Lực lượng công nhân ban đầu chỉ có 5 người : 2 công nhân cơ khí, 1 công nhân hóa chất xin ở Liên tỉnh 3 và 2 cán bộ kỹ thuật thuộc Ban quân sự tỉnh cùng một số dụng cụ đồ nghề.

Từ cái vốn lao động ít ỏi đó, bằng cách đào tạo tại chỗ và tiếp nhận nguồn công nhân kỹ thuật chi viện của Trung ương, xưởng quân giới Cao Thắng lớn mạnh dần lên với các Ban chuyên môn : Ban cơ khí gồm tiện, rèn, gò, nguội chuyên sửa chữa, chế tạo các bộ phận cơ khí của súng đạn và khí tài phục vụ chiến đấu ; Ban đúc, mộc chuyên làm khuôn nấu gang đúc lựu đạn, mìn và làm báng

súng các loại ; Ban hóa chất chuyên chế tác bộ phận phát lửa và nhồi các loại thuốc nổ, thuốc phá vào đạn, lựu đạn, mìn ; Ban tiếp liệu chuyên sưu tầm, tiếp tế nguyên vật liệu. Năm 1967, số lượng cán bộ công nhân lên đến 40 người.

Qui mô như vậy, nhưng xưởng quân giới Cao Thắng thực chất là một công trường thủ công, máy móc chỉ có một bàn tiện băng dài 80 phân và một máy khoan nhỏ, cả hai đều dùng sức người quay, chớ không có máy nổ phát động lực. Tuy vậy, cán bộ công nhân xưởng Cao Thắng vẫn nghiên cứu chế tạo được nhiều loại vũ khí đáp ứng nhu cầu của chiến trường : thủ pháo, ba dờ min, bộc phá ống dùng phá rào, bộc phá khối dùng đánh đồn, đánh lô cốt, đánh cầu, mìn muối, mìn định hướng ĐH : ĐH 5, ĐH10, ĐH15, ĐH20... Ngoài ra, anh em còn sửa chữa các loại súng ngắn, súng trường, súng máy, súng cối 60 ly, 82 ly, súng ĐK 57, làm lại bộ phận cơ bả, thay thế cò, hiệu chỉnh máy ngắm, sửa chữa bệ súng, cải tiến đầu đạn hỏa tiễn thành mìn tự động, đạn AT bắn thủ công thành bắn tự động, ép đạn súng trường Mas 36. Một thành công lớn của xưởng quân giới Cao Thắng trong chống Mỹ là đã tự chế tạo bộ lửa, kíp nổ cho các loại đạn, lựu đạn, mìn, thủ pháo với chất lượng tốt và dùng vật liệu sưu tầm tại chỗ sản xuất mới các bộ phận cơ khí súng ĐKZ như kính kiểm tra xạ kích, nhíp cò, hãm cò, kim hỏa, máy chỉnh hướng.

Ngoài nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa vũ khí, công nhân xưởng Cao Thắng còn rèn cuốc, rìu, rựa, dao găm, liềm, hái, lưỡi cưa, gò thùng nấu ăn, thùng sấy, thùng gánh nước, thùng chứa nước, thùng đựng vũ khí, làm băng súng, quạt lò rèn, máy tiện gỗ, đóng cối xay, cối giã, xây cất lều trại, vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ tiền tuyến, dân sinh.

Ở Khu 6, người bạn đồng hành của xưởng quân giới Cao Thắng Bình Thuận là xưởng C.90 ra đời tháng 10-1962 tại cánh rừng ven sông Krông A na, Nam Đắc Lắc. Tiền thân của xưởng C.90 là đơn vị lò rèn gồm 10 công nhân trực thuộc hậu cần quân khu. Với một số dụng cụ thủ công : bễ thụt, đe, búa, kềm, đơn vị chuyên sản xuất cuốc, rựa, dao, xà gạc... cho bộ đội và nhân dân trong vùng phát rẫy, làm nương, sản xuất tự túc.

Chiến trường ngày càng phát triển. Bộ đội, du kích cần rất nhiều vũ khí tự tạo để mở rộng chiến tranh du kích. Chuyển xuống đóng ở ven sông Krông A na, xưởng quân giới C.90 vừa trồng tía tự trang trái cái ăn, vừa bắt tay sản xuất mìn muối và lựu đạn chày. Cả hai loại vũ khí này đều đúc bằng gang, riêng lựu đạn chày thêm bộ phận gỗ tiện tròn làm tay ném. Giữa rừng núi Nam Tây Nguyên, tìm ống nước bằng gang làm nguyên liệu đúc vỏ mìn muối, lựu đạn chày là cả một kỳ công. Còn việc nấu gang làm khuôn thủ công, thì anh em đã dạn dày kinh nghiệm. Đúc khuôn đất hay khuôn cát thì sẵn đất cát trong núi, lấy về trộn kỹ, loại bỏ sỏi đá lợn cợn, pha chế hợp lý với bột than củi tán nhuyễn. Nồi nấu gang thì lấy thùng phuy cất đôi đắp đất dày để giữa nhiệt, miệng trở hình phễu để rót gang vào khuôn. Cái khó là quạt gió cũng tự chế được. Cánh quạt làm bằng tôn 2 ly, trục quay, ổ bi tận dụng những thứ sẵn có, chế thêm một bàn đạp chân nhẹ nhàng thay cho quay tay tốn quá nhiều sức lao động. Than cung cấp nhiệt nấu gang chảy thành nước thì dùng than củi đốt trong rừng, bộ lửa và thuốc phá đã sẵn có trong kho. Những quả mìn muối và lựu đạn chày chế tạo đầu tiên trông đẹp mắt : trơn láng, rãnh hình mắt mãng cầu độ dày đều, cho nổ thử, miếng nhỏ, sức công phá mạnh. Không đủ nguyên liệu sản xuất

hàng loạt, việc chế tạo mìn muối và lựu đạn chày tạm dừng. Nhưng dù sao, đó cũng là thành quả lao động đáng quý của công nhân quân giới C.90 giữa rừng sâu, núi thẳm thiếu thốn mọi bề.

Năm 1963, thực hiện chủ trương điều chỉnh chiến trường của trên, Khu 6 chuyển “đại bản doanh” đến vùng Cát Tiên sông Đồng Nai thượng. Trên đường di chuyển, lúc qua Bình Thuận, C.90 được lệnh sát nhập vào xưởng Cao Thắng đóng ở căn cứ Xa Lôn. Xưởng Cao Thắng được tăng cường một lực lượng công nhân kỹ thuật đáng kể, đủ sức chế tạo và sửa chữa một khối lượng lớn vũ khí phục vụ chiến trường : thủ pháo, ba lô mìn, bộc phá ống, bộc phá khối, mìn định hướng ĐH5, ĐH10, ĐH15, ĐH20 như nói ở trên.

Lúc này, xưởng Cao Thắng có 2 bộ phận khá mạnh : hóa chất và cơ khí. Bộ phận hóa chất gồm nhiều thợ được đào tạo cơ bản về chuyên môn, dùng nguyên liệu thủy ngân hòa chế bộ phận phát lửa, dây cháy chậm, sử dụng thuốc đi-na-mít lấy trong quả bom không nổ của địch làm thuốc nổ, thuốc phá nhồi vào thủ pháo, bộc phá, mìn định hướng, cung cấp cho bộ đội công đồn, đánh viện rất hiệu quả. Bộ phận cơ khí gồm nhiều thợ tiện, thợ nguội, thợ gò, thợ rèn giỏi kỹ thuật đã làm ra các bộ phận thay thế chỗ hư hỏng của súng trường, súng máy, súng ĐK y như làm bằng máy.

Tháng 10-1963 với những quả mìn chế tạo chất lượng cao, sức công phá mạnh, xưởng quân giới Cao Thắng đã giúp bộ đội đánh diệt cỗ “xe lửa một” hộ tống 4 toa tàu chở hàng quân sự của địch từ Mương Mán chạy về Sài Gòn mà trước đây đạn ĐK 57 không xuyên nổi thành xe, mìn ĐH10 thổi không thủng đáy xe.

Xưởng quân giới Cao Thắng có một người bạn đồng hành nữa là K.30 trực thuộc quân khu, lập năm 1964 ở vùng núi K.59 Đồng Nai thượng, tỉnh Phước Long do đồng chí Đỗ Thính, nguyên thư ký công đoàn quân giới Liên khu 5 hồi kháng chiến chống Pháp phụ trách. Năm 1966, thực hiện chủ trương điều chỉnh chiến trường lần thứ hai của trên, Khu 6 chuyển xuống Bình Thuận, đóng căn cứ ở vùng núi Đăng Sách, huyện Di Linh. Xưởng quân giới K.30 cũng chuyển theo, đóng ở vùng suối Tà Mai một nhánh của sông Cà Giây phía Bắc huyện Bắc Bình hiện nay. Lúc được phân công đi B lập ngành quân giới cho Khu 6, đồng chí Đỗ Thính được Bộ Quốc phòng chỉ viện nhiều cán bộ chuyên môn và thợ kỹ thuật giỏi nên K.30 cũng là một xưởng mạnh về hóa chất và cơ khí, được trang bị máy tiện, máy bào, máy khoan.

Để sản xuất được thường xuyên, xưởng Cao Thắng và xưởng K.30 mỗi nơi đều có ban tiếp liệu chạy lo nguyên vật liệu. Ban này hoạt động rất tích cực, phân công nhau đi khắp hang cùng ngõ hẻm, sưu tầm bom đạn lép của địch để tháo lấy thuốc nổ, cửa máy bay, xe hỏng của địch lấy nhôm, mô tơ, ốc vít, dây đồng, đến những nơi nhân dân và du kích phá đường ray xe lửa, phá cầu cống để lấy sắt ; đi R xin thủy ngân về chế bộ phát lửa ; đi Bình Tuy công tôn kẽm về gò vỏ mìn, vỏ bộc phá. Các loại thiết bị không tự chế tạo được thì thông qua cơ sở của ngành kinh tài, hậu cần gửi mua ở vùng địch.

Hoạt động sản xuất của xưởng Cao Thắng, xưởng K.30 khẩn trương nhất là thời gian chiến trường mở các chiến dịch mở mảng, mở vùng. Khối lượng công việc chế tạo, sửa chữa dồn lên giục giã cán bộ, công nhân không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao

động, tăng cường chất lượng sản phẩm vũ khí bảo đảm phục vụ các trận đánh được kịp thời. Thời gian các lực lượng vũ trang đi vào chiến dịch, xưởng Cao Thắng, xưởng K.30 thường phân làm hai : Một bộ phận trụ ở nhà bảo đảm sản xuất ; Một bộ phận tổ chức thành những tổ nhỏ tỏa đi phục vụ bộ đội tại mặt trận, mang theo dụng cụ đồ nghề, súng đạn hư đâu sửa đó, vừa làm nhiệm vụ của người công nhân, vừa tham gia chiến đấu, chia lửa với bộ đội, du kích khi cần thiết.

Một nhiệm vụ khác của xưởng Cao Thắng và xưởng K.30 là hướng dẫn dân quân, du kích chế tạo vũ khí thô sơ để diệt ác phá kềm, bảo vệ vùng căn cứ giải phóng, hướng dẫn các huyện lập binh công xưởng thủ công. Theo hướng này, với sự giúp đỡ nhiệt tình của công nhân quân giới, các huyện Lê Hồng Phong, Hàm Thuận, Hoài Đức, Thuận Phong, Tuy Phong đã tổ chức được binh công xưởng. Chỉ với cái đe, cái búa, cái kềm, cái đục, cái mỏ hàn, có nơi sắm được cái máy khoan cầm tay, các huyện đã làm được một số vũ khí tự tạo như trái nỏ, đập lôi, bộc phá, mìn định hướng, cung cấp cho các xã đội và đội công tác, và thu nhặt đầu đạn đại bác, bom bi, lựu đạn, mìn và vật liệu chiến tranh hư hỏng của địch, chế tạo thành vũ khí đánh đầu máy xe lửa, đánh xe quân sự, xe tăng khi chống càn, đạt kết quả rất tốt. Theo báo Bình Thuận giải phóng ra ngày 2-9-1969, du kích các xã vùng Tam giác huyện Hàm Thuận, bằng đầu đạn đại bác, bom bi lép và chất nổ lấy được của địch làm thành “trái” đánh hư xe bọc thép, xe ủi đất khi chúng bung ra ủi phá địa hình. Du kích các xã Hồng Sơn, Hồng Liêm (Khu Lê Hồng Phong), Hồng Thái (Hòa Đa) cũng dùng “trái nỏ” tự tạo đánh diệt nhiều xe địch trên quốc lộ số 1, trong đó có cả xe M41, M118 của kỵ binh thiết giáp Mỹ. Có xe

bốc cháy suốt 2 giờ liền, địch cho máy bay lên thẳng đến tưới nước dập tắt vẫn không cứu được. Trong phong trào tự chế tạo vũ khí, du kích xã Hàm Kiệm đã đúc được lựu đạn đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, làm được mìn ĐH15 và cải tiến được trái bi trong đạn pháo thành đạn lỏi rất nhạy nổ, có sức sát thương địch cao, làm bọn địch càn quét vùng Gò Bồi bị loại khỏi vòng chiến đấu cả chục tên. Tại xã Mỹ Thạnh huyện Hàm Thuận có một dòng suối nhỏ - Nơi đây một tổ công nhân quân giới mở lớp tập huấn cách dùng bom bi lép của địch chế tạo thành trái nổ cho du kích. Những thao tác mở nắp, thay thế kíp nổ sao cho an toàn, cách gài trái trong lùm cây, bụi cỏ thế nào để sát thương địch cao, được công nhân cầm tay chỉ việc chu đáo. Để ghi nhớ lớp huấn luyện này, dòng suối nhỏ vô danh ấy được du kích đặt tên Suối Bom Bi lưu truyền mãi đến nay.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhiều công nhân quân giới trong khi làm nhiệm vụ đã hy sinh một cách vẻ vang : chiến đấu chống địch càn quét, bảo vệ xưởng đến viên đạn cuối cùng, چرا tháo bom lấy thuốc nổ, không may bom xẹt lửa nổ cướp, thân xác tan tành không còn một mảnh.

Trong đội quân lao động phục vụ tiền tuyến, bên cạnh công nhân quân giới, không thể không nói đến những chiến sĩ vận tải súng đạn : đơn vị H50. Đơn vị thành lập tháng 4-1967 với 30 cán bộ, chiến sĩ. Theo đà phát triển của chiến trường, quân số của đơn vị lúc đông nhất lên đến 800, lúc ít nhất 350, đa phần là nam nữ thanh niên rút từ các cơ quan quân sự, dân chính Đảng, các xã vùng căn cứ giải phóng miền núi, miền xuôi, đông nhất là người Bình Thuận. Nhiệm vụ của đơn vị được Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 giao là : vận tải hàng chiến lược, bám giữ hành lang

nối liền giữa Miền và Quân khu, liên hệ chặt chẽ với đường dây Bắc Nam. Ngoài ra, từng thời kỳ nhận thêm việc đón khách qua lại, đưa thương binh đi A điều trị và sẵn sàng nhận những nhiệm vụ đột xuất khác, kể cả tổ chức chiến đấu bảo vệ đơn vị, bảo vệ hành lang vận tải.

Trong 8 năm (1967 - 1974) đơn vị đã chuyển về Khu 6 : 2.100 tấn vũ khí đạn dược, 900 tấn lương thực, thuốc men, đóng 10 thuyền gỗ, làm 400 bè nửa đi trên sông, bắc 250 cầu các loại, cắt hơn 100 con đường, đào tạo 44 y tá, dược tá, đưa đón hơn 100 đoàn thương bệnh binh ra Bắc và cán bộ từ Miền về Khu và ngược lại, tự túc lương thực từ 3 - 4 tháng ăn. Vừa vận tải, vừa chiến đấu mở đường, đơn vị đã đánh địch hàng chục trận, loại khỏi vòng chiến đấu 140 lính Mỹ, 214 lính ngụy, bắt gọn một tổ thám kích gồm 4 tên, thu vũ khí.

Từ thành quả lao động và chiến đấu nêu trên đơn vị H50 rất xứng đáng mang danh hiệu “chân đồng, vai sắt”, “vai trăm cân, chân vạn dặm”.

Cuối năm 1969, đoàn H50 mở thêm tuyến đường sông lưu vực sông Đồng Nai, lúc đầu chèo thuyền bằng tay, năm 1972 được trang bị máy. Vận chuyển vũ khí, súng đạn bằng thuyền trên sông góp phần giảm đi rất nhiều cường độ lao động nhưng cũng lắm nguy hiểm. Người lái thuyền phải vững tay chèo, vượt qua đá ngầm, ghềnh thác, gặp lúc máy bay địch phát hiện quần đảo đánh phá, phải tự nhận chìm thuyền để cứu người, cứu hàng.

Năm 1969 nghe tin Bác Hồ mất, Đoàn phát động tinh thần tăng cung, vượt chuyển đền đáp công ơn trời biển của Bác. Năm 1972, giặc Mỹ ném bom B.52 giết hại nhân dân thủ đô Hà Nội, đoàn đề ra khẩu hiệu tăng chuyển, tăng

cân, đưa hàng nhanh tới đích, lập thành tích trả thù cho thủ đô thân yêu. Trọng lượng mang mỗi người từ 20 kg tăng dần lên 30 - 40 kg, cá biệt có nữ chiến sĩ mang 75 kg. Từ lúc thành lập đến kết thúc chiến tranh, đoàn vận tải H50 là đội quân lao động bền bỉ, dẻo dai, quyết chiến quyết thắng, phục vụ kịp thời cho bộ đội giết giặc, lập công, xứng đáng với danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang mà Đảng và Nhà nước trao tặng.

Người bạn đồng hành của đoàn vận tải H50 là đoàn vận tải Trung Sơn Tĩnh ủy Bình Thuận lập năm 1968. Đoàn H.50 phục vụ toàn Khu 6. Đoàn Trung Sơn phục vụ Xuân Mậu Thân cho bộ đội, du kích trong tỉnh, cung đoạn chủ yếu từ nam đường 20 đến các đơn vị tỉnh nhà. Sự chịu đựng gian khổ bền bỉ dẻo dai và tinh thần chiến đấu dũng cảm là nguồn động lực giúp đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Như trên đã nói, do đặc điểm chiến trường bị địch bao vây, chia cắt ở xa sự chi viện của Trung ương cho nên muốn tồn tại và phát triển, quân dân Khu 6 nói chung và Bình Thuận nói riêng phải nêu cao ý chí tự lực tự cường, tự túc lấy cái ăn. Ở vùng căn cứ giải phóng, đảm trách nhiệm vụ này không ai khác đội ngũ CNLD công tác ở các cơ quan đơn vị kinh tế, tài chính dân sự và quân sự.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, để giảm bớt sự đóng góp của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ các cơ quan quân, dân, chính, đảng phải vừa công tác, vừa sản xuất lúa, bắp, lang, mì... Tùy theo tính chất cơ quan, đơn vị, có nơi tự túc 100%, 60%, ít nhất cũng 30 - 40%. Mở đầu mùa vụ, phân công nhau theo lối già gạo : Một số ở nhà phục vụ lãnh đạo những mặt công tác cần thiết, một số vác nông cụ đi phát

rẫy, đốt nương, cày ruộng, gieo cấy, trồng tủa với tinh thần “ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí” như Bác Hồ kính yêu đã dạy.

Nhờ đó, các cơ quan đơn vị đã làm ra những giá trị vật chất không nhỏ, như vụ mùa năm 1963 (1), sau khi trừ hư hại, thất bát do nắng hạn và địch phá hoại, sản lượng lương thực tự túc qui ra thóc đạt 57.315 gạ cùng với 263 - 300 ngàn bụi mì dự trữ trên nương rẫy, lúc thiếu đói ra đào là có ngay cái ăn. Các đơn vị xưởng quân giới Cao Thắng, hậu cần, trạm giao liên T.14, kinh tài, công binh đạt và vượt chỉ tiêu tự túc 11 tháng trong năm, vượt cao nhất là công nhân quân giới Cao Thắng và cơ quan dân y được các đơn vị bạn học tập với câu thành ngữ truyền miệng lúc bấy giờ “muốn ăn bí đi dân y, muốn no mì đi Cao Thắng”. Bình quân, năm 1963, mỗi cán bộ, chiến sĩ dân sự cũng như quân sự thuộc lực lượng tỉnh tự túc lương thực được 8 tháng. Khối lực lượng các huyện, thị, xã cũng đạt kết quả tự túc khá cao : Hoài Đức 22 tháng, Tánh Linh 17 tháng, Phan Thiết 14 tháng, Hàm Tân, Bắc Bình 10 tháng... Sau vụ chính, sản xuất vụ lờ được đẩy mạnh với 150 ngàn bụi mì, 12.900 mét lang. Riêng bắp vụ lờ thu được 6.235 gạ. Cùng với sản xuất lương thực, các cơ quan đơn vị còn trồng rau, chăn nuôi, săn thịt, bắt cá để cải thiện đời sống.

6 tháng đầu năm 1963 sản được 13.920 kg thịt rừng, đánh được 22.750 kg cá, trị giá hàng trăm nghìn đồng (tiền ngụy quyền miền Nam). Xưởng Cao Thắng là đơn vị đời sống được cải thiện tốt nhất, 2 năm qua chưa hề ăn cơm với muối, nhờ thể sức khỏe luôn đảm bảo phục vụ công tác chuyên môn.

(1) Theo tài liệu lưu trữ của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh.

Cùng với tự túc lương ăn, các cơ quan đơn vị còn hoạch định phương hướng tự túc vấn đề mặc, học, dầu thắp sáng cho nội bộ và nhân dân như trồng bông lấy sợi se chỉ, dệt vải, trồng thầu dầu lấy hạt ép dầu, trồng mía ép đường, đưa nước biển vào ruộng sản xuất muối ăn, đáp ứng một phần nhu cầu đời sống kháng chiến.

Lúc từ căn cứ Đèo Nam, Mắc Cỡ chuyển xuống Búng Tròn, cán bộ thủy lợi Hội đồng cung cấp tiền phương hướng dẫn ngăn dòng sông Linh thành đập và đào mương theo chân núi dẫn nước về tưới cho vùng ruộng Mõm và đồng Cà Găng ở phía xuôi, làm cho một vùng đất cằn cỗi trở nên xanh tốt.

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được tổ chức đa dạng. Trước hết là nghề cơ khí, nhiệm vụ ưu tiên là sản xuất cuốc, cày, dao rựa, xà gạc, ní phục vụ cho nông nghiệp. Hầu hết các buôn làng đều có lò rèn, mỗi lò gồm 3 lao động, 1 thợ cả, 2 thợ phụ đánh búa và thụt bể, coi than. Đây là nghề truyền thống lâu đời của đồng bào các dân tộc. Xà gạc, rìu dùng để phát rẫy, chặt cây, đẽo gỗ làm nhà, làm quan tài, làm tượng nhà mồ, làm cối giã gạo là hai công cụ tiêu biểu về tính đa năng của các lò rèn dân tộc. Lưỡi rìu, xà gạc được rèn trui rất sắc. Riêng xà gạc, ngoài chức năng cắt, chặt còn dùng để thái thịt, thái rau. Bên cạnh rìu, xà gạc, thợ rèn người dân tộc còn cho ra lò loại dao nhọn lưỡi nhỏ, mảnh, sắc, dài khoảng 15 - 20 phân dùng để chẻ mây, vót nan, đan lát và chạm khắc các loại vật dụng bằng gỗ.

Cho nên, trong phong trào công nhân lao động vùng căn cứ giải phóng, đội ngũ thợ rèn người dân tộc chiếm vị trí khá quan trọng.

Để phục vụ cuộc sống kháng chiến, ở Bình Thuận thời chống Mỹ, ban kinh tài, Hội đồng cung cấp tiền phương và ngành hậu cần quân sự còn phát triển nghề cơ khí qui mô hơn, đông công nhân hơn. Mỗi nơi đều có bộ phận rèn, mộc. Bộ phận rèn dao, cuốc, rựa, rìu phục vụ các cơ quan, đơn vị sản xuất tự túc, rèn cuốc công sự phục vụ bộ đội đào công sự tác chiến. Bộ phận mộc đóng xe bò, xe trâu bánh nẹp sắt dùng chở lương thực, thực phẩm giao lưu nội địa hoặc hàng chiến lược mua ở cửa khẩu về, đóng cối xay xát gạo phục vụ chiến trường thay cho cối giã gạo chày tay vừa ít, lại vừa chậm. Năm 1963, bộ phận mộc ngành hậu cần quân sự đóng thuyền phục vụ cho cán bộ, chiến sĩ đi lại trên sông La Ngà, đoạn Tà Là Ngào, Ca Ri và từ vàm Đãng Sách xuống Xa Lôn, mùa nước lũ giúp cho trạm giao liên F4 có thuyền đưa khách sang sông, rút ngắn bớt đường bộ nhiều đèo dốc. Những năm 1964 - 1965 quân dân Bình Thuận giải phóng quận Hoài Đức, bắc sông La Ngà. Vùng căn cứ mở rộng, ngành hậu cần quân sự đã đóng thuyền máy chạy trên sông La Ngà, chuyên chở lương thực, thực phẩm, súng đạn xuôi ngược các khúc sông Võ Xu - Tà Mỹ - Tà Bao.

Ở vùng căn cứ giải phóng Bình Thuận cơ sở cơ khí đóng bên bờ sông Tà Mỹ của Hội đồng cung cấp tiền phong là lớn hơn cả. Cơ sở này có các bộ phận rèn, mộc và chế biến lương thực, số thợ khi đông nhất lên tới 50 - 60 người. Năng suất rèn một tháng được 100 công cụ : rìu, rựa, dao phục vụ sản xuất. Bộ phận mộc đóng máy chế biến lương thực, khung dệt vải, ngoài ra còn nhận sửa chữa vũ khí hỏng phần mộc cho bộ đội, du kích. Chế biến lương thực có lò sấy mì lát, công suất 1 tấn mì lát/1 ngày. Đi đôi với lò sấy là hệ thống 4 máy xắt khoai mì đủ số lượng mì lát

tươi cho máy sấy hoạt động. Năm 1969, dịch rải chất độc hóa học, cả một cánh rừng mì nhiễm độc chết sạch. Không có mì để sấy, cán bộ, công nhân, với sự hợp tác của đồng bào dân tộc, chuyển sang chặt cây xà bu lấy bột để sấy, kịp thời cung cấp lương ăn cho các đoàn vận tải, nhất là đơn vị H.50. Lúc này bên cạnh lò sấy công nhân cơ khí lại tự thiết kế đóng máy rây bột xà bu hoạt động cho đồng bộ. Ban đêm thắp đèn chai khói bốc khét lẹt, cán bộ, công nhân nẩy ra sáng kiến làm thủy điện nhỏ ở thác nước Tà Mỹ. Sáng kiến được thực hiện thành công, điện phát sáng trưng, nhưng vì kỷ luật bảo mật căn cứ địa nên phải xếp lại. Thời gian này, xưởng cơ khí còn mở lớp dạy gò nhôm cho thanh niên dân tộc, tổ chức đi lấy nhôm ở xác máy bay bị bắn rơi hoặc vỏ bom napan đem về gò xoong nồi, giải quyết dụng cụ nấu ăn cho đồng bào các dân tộc trong căn cứ. Kết quả ở vùng căn cứ Nam Sơn, buôn làng nào cũng có cơ sở gò nhôm, đồng bào khời nấu ăn bằng ống tre, nồi gò bễ.

Đưa cơ khí vào sản xuất nông nghiệp và đời sống kháng chiến có kết quả còn phải kể đến đơn vị mang tên Xí nghiệp Công Doanh, một hình thức tổ chức sản xuất mang tính nông công liên hiệp phôi thai ở căn cứ Nam Sơn. Xí nghiệp công Doanh thành lập tháng 2-1972 ở ngã ba Vàm Tà Mỹ, huyện Tánh Linh, lúc đông nhất có 36 cán bộ, công nhân lao động gồm 8 người kinh, 28 người dân tộc, cán bộ kỹ thuật có 1 kỹ sư hải sản và một trung cấp nông nghiệp. Cơ sở sản xuất gồm bộ phận cơ khí rèn mộc chuyên rèn cuốc, rựa phát rừng, vỡ đất, đóng cày bừa, máy quạt gió, máy cán bông, xe trượt lúa, che ép mía nấu đường và bộ phận nông trại lo việc vỡ đất, trồng cây lương thực, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Về cơ giới, bước đầu xí nghiệp

được trang bị 2 máy xới mua ở vùng địch, dự kiến sẽ mua thêm máy cày, máy bơm, đến năm 1974 khai phá được 20 ha đất. Với các loại cây trồng vật nuôi đa dạng, gắn liền với công nghiệp chế biến thủ công, xí nghiệp Công Doanh được tạo dựng như một hình mẫu kinh tế tự lực cánh sinh của vùng căn cứ giải phóng. Vào thời vụ, xí nghiệp thiếu công nhân, đồng bào dân tộc các buôn La Ngâu, La Dạ, Quao, A Ra, Đạch, Tăng Bưởi đến tham gia gieo trồng, thu hoạch. Điều có ý nghĩa quan trọng khác là ở đây, qua thực tiễn sản xuất, xí nghiệp đã đào tạo được một số công nhân lao động người dân tộc biết làm nghề mộc, nghề rèn, biết cày bừa, gieo cấy cây lúa nước, biết làm phân hữu cơ, chăm bón cây trồng tăng sản lượng.

Trong phong trào sản xuất tự túc, công nhân lao động vùng căn cứ giải phóng Bình Thuận còn sản xuất muối, nước mắm. Việc sản xuất muối rất công phu. Khu căn cứ Lê Hồng Phong đảm nhận nhiệm vụ này. Lao động vùng Suối Nước, xã Hồng Thanh dùng bồng ni lông mang nước biển vào rừng, dùng chảo gang nấu cô thành muối. Mỗi bồng nước biển nấu cô được lưng bát muối ăn, mỗi ngày 10 người làm được vài kilô muối bột. Sản lượng không nhiều nhưng tích thiếu thành đạ, giải quyết được một phần cảnh lụt muối ngặt nghèo. Năm 1964, vùng Cây Khô, Cửa Cạn, huyện Hàm Tân được giải phóng. Dưới sự hướng dẫn của Ban Kinh tài Tỉnh ủy, công nhân diêm nghiệp Trinh Tường, Phan Thiết đến đây sửa sang lại cơ sở đồng muối cũ và huy động sức dân sản xuất với qui mô lớn, mỗi năm làm được hàng chục tấn muối ăn, cung cấp cho bộ đội và nhân dân.

Dựa vào lợi thế tài nguyên, việc sản xuất nước mắm được ngành hậu cần công an nghĩ ra từ năm 1963, lúc vùng căn cứ giải phóng được mở rộng. Ở các triền sông nhỏ chảy

ra sông La Ngà, nhất là sông Xa Lôn, sông Rưng, huyện Di Linh, về mùa mưa có rất nhiều cá lơ, cá linh, sản lượng đánh bắt có khi được hàng tấn. Để tăng thêm chất đạm trong bữa ăn cho các cơ quan, đơn vị, đồng chí Năm Lương, cán bộ phụ trách ngành công an tổ chức đóng thùng muối chượp và rút nước mắm. Thùng đóng bằng gỗ bằng lạng, xảm kín các mí hở bằng chai phà sẵn có trong rừng. Mỗi thùng muối được một tấn cá chượp và lấy trên 1.000 lít nước mắm. Trong hai năm 1963 - 1964 sản xuất được trên 5.000 lít và tận dụng xác cá muối chượp làm thức ăn. Việc sản xuất nước mắm phát triển sang cả ngành hậu cần quân sự. Nhờ vậy, sản lượng nước mắm được nâng lên, góp phần cải thiện đời sống lực lượng kháng chiến và nhân dân trong vùng. Năm 1965, vùng giải phóng mở rộng xuống vùng đồng bằng đông dân, nhiều cửa, việc sản xuất tự túc muối và nước mắm mới dừng.

Quan điểm tự lực cánh sinh của CNLD vùng căn cứ giải phóng Bình Thuận còn thể hiện ở việc lập xưởng dệt, xưởng may, xưởng giấy, xưởng in.

Xưởng dệt ra đời năm 1962 ở vùng núi Xa Lôn do đồng chí Mai Hân, Trưởng ban Kinh tài Tỉnh ủy lập trên cơ sở một số công nhân quê Quảng Nam, Quảng Ngãi biết nghề dệt vải, đóng khung dệt, máy cán bông, xa kéo sợi. Vải sản xuất dùng để may bông mang tải và tự túc một phần vải mặc cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là quần áo lao động. Nguyên liệu dệt dựa vào nguồn bông đồng bào dân tộc trồng trên rẫy và chỉ sợi mua ở vùng địch kiểm soát. Ban đầu, khung dệt đóng theo kiểu cổ truyền Quảng Ngãi với con cò, cái go đập lên đập xuống dệt vải khổ 40 phân, năng suất thấp. Năm 1965, một đồng chí cán bộ kỹ thuật nhà máy dệt Nam Định tập kết về, cải tiến khung dệt theo

kiểu canh nông (Hà Đông), đưa khổ vải lên 80 - 90 phân, năng suất tăng gấp 4 lần. Với 20 công nhân và 2 khung dệt cải tiến, mỗi ngày xưởng dệt sản xuất được 40 - 50 mét vải ta, chỉ thô nhưng bền chắc.

Năm 1967, địch đổ quân càn quét căn cứ. Xưởng dệt dời lên núi Ông, Tánh Linh, hoạt động theo phương thức mới : Cán bộ công nhân không dệt tập trung nữa, mà chia nhau về các buôn Tà Mô nhỏ, Tà Mô lớn, Hàng Tẻ, Tà Mỹ... mở lớp dạy nghề dệt cho đồng bào dân tộc vùng căn cứ, vận động trồng bông, kéo sợi giữ gìn nghề dệt vải, dệt thổ cẩm theo kỹ thuật cổ truyền, tự túc vải may áo, khổ váy. Khả năng này trong vùng dân tộc miền núi rất lớn. Riêng 3 thôn vùng căn cứ Hoài Đức, với lối dệt thô sơ, chị em dân tộc đã dệt được chăn đắp, tấm choàng. Dù chỉ tồn tại 5 - 6 năm, nhưng xưởng dệt là một hình ảnh đẹp về lao động sáng tạo không bao giờ nhạt phai trong ký ức cán bộ, chiến sĩ và đồng bào dân tộc thời chống Mỹ. Gắn liền với xưởng dệt là xưởng may hình thành từ năm 1961. Sau phong trào đồng khởi, chiến trường phát triển, cán bộ các ngành dân đảng và lực lượng vũ trang ngày càng đông, nhu cầu tự túc về may mặc đặt ra khẩn cấp. Xưởng may hoạt động theo hình thức tập trung, phân tán. Bộ phận tập trung do Ban Kinh tài Tỉnh ủy và ngành hậu cần quân sự quản lý, không cơ động theo cơ quan lãnh đạo mà cố định trên những địa bàn tương đối ổn định. Mỗi nơi gồm 5 - 6 máy may và trên 10 thợ chuyên may các loại quân trang, quân phục, nón tai bèo, áo súng, ruột ghé, bao đạn, bao lựu đạn, túi dết, bao bi đông, bông, quai bông, tấm đắp võng, màn, áo trấn thủ và áo bờ-lu, mũ, khẩu trang cho quân dân y... Bộ phận phân tán, tùy theo tính chất công tác 1 - 2 cơ quan, đơn vị có 1 máy may đáp ứng nhu cầu may mặc tại chỗ

cho cán bộ, chiến sĩ cơ quan đơn vị và đồng bào vùng căn cứ. Từ khi thành lập xưởng may cho đến lúc kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, với đội ngũ thợ may lành nghề, lực lượng kháng chiến Bình Thuận hoàn toàn tự túc về quần trang, không phải nhận sự chi viện của Khu và Trung ương.

Trong phong trào lao động tự lực cánh sinh, về sản phẩm tiêu dùng, việc sản xuất giấy viết là một công nghệ đầy khó khăn. Nguyên liệu cây dó, nửa, lồ ô trong rừng nhiều vô kể. Bông gòn sẵn có trong dân - vôi tự xây lò nung lấy. Lưỡi sắt làm bàn xeo nhờ xưởng Cao Thắng làm. Khó nhất là công nghệ hóa chất với nhiều loại thuốc gởi mua ở vùng địch không dễ. Tất cả các công đoạn đều làm bằng tay, rất cực nhọc, nhất là việc dùng cối giã nát nửa, lồ ô ngâm lâu ngày dưới suối, xây lò nấu, khuấy nhuyễn thành bột. Dùng khuôn xeo, xeo thành từng tờ giấy theo kiểu đúc bánh tráng mỏng. Đó là chưa kể việc dùng máy cán quay tay cấu tạo bằng hai cái trục sắt cán miết cho hai mặt giấy mỏng đều, trải từng tờ lên trảng cỏ, dùng mặt trời phơi sấy cho khô, dùng bàn cắt xén vuông vức. Khó khăn thiếu thốn trăm bề, nhưng với 12 công nhân, năm 1962 xưởng giấy vẫn được dựng lên giữa khu rừng rậm đèo Nam, nằm về phía đông núi Ông. Mẻ giấy ra lò đầu tiên đen xấu, còn lợn cợn dăm như giấy bồi ngày xưa, nhưng quý vô cùng, vì đó là sản phẩm của ý chí tự lực tự cường, là thành quả của tinh thần dám nghĩ dám làm giữa muôn vàn khó khăn thiếu thốn. Dù đen xấu, cán bộ vẫn có giấy đóng sổ tay ghi chép, xưởng in có giấy in truyền đơn, áp phích, các lớp học của đồng bào dân tộc có giấy chép bài, làm bài thay cho nồn bẹ chuối phơi khô hoặc thẻ lồ ô chế mỏng. Xưởng giấy phục vụ sự nghiệp kháng chiến được 5 năm. Năm 1967, xưởng bị địch càn quét, đốt phá nên ngưng hoạt động.

Cũng như xưởng dệt với xưởng may, xưởng giấy và nhà in giải phóng Bình Thuận gắn liền nhau một cách tự nhiên. Chỉ có điều cùng ra đời sau phong trào đồng khởi, nhà in tồn tại đến ngày quân dân ta đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược. Phải nói rằng Bình Thuận là nơi có công nghệ ấn loát thủ công khá nổi tiếng. Kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật in thạch bản được hoàn thiện đến trình độ cao. Kháng chiến chống Mỹ, ngoài kỹ thuật in giấy sấp rất đẹp, thợ in còn tạo dựng nhà in chữ chì thủ công với bàn in tipô bằng gỗ, chữ chì gởi mua ở vùng địch, còn tất cả các bộ phận khác đều tự tạo : bàn in, hộc chữ, ghế ngồi. Các thứ “phi lê”, “in tét lin”, “lăng gô”... thì chế tạo từ mảnh bom na pan, xác máy bay. Các khâu in ấn không ngừng được cải tiến. Cái ru lô lăn mực bọc vải giả da chạy không đều thì bọc bằng a dao. Dập chữ bằng cần ép không sắc nét thì dùng búa gỗ nện đều lên bàn ép cho chữ hiện rõ. Chính từ nhà in chữ chì thủ công khéo léo này mà các loại báo chí thông tin, những lời kêu gọi, những bản tuyên bố của Mặt trận dân tộc giải phóng, UBND cách mạng, những tờ truyền đơn, những bức tranh cổ động nhiều màu, khổ lớn, những tập thơ ca chiến đấu được in ấn sắc nét không kém những ấn phẩm in bằng máy ở vùng địch kiểm soát. Với sự sáng tạo, tự lực, tự cường đáng quý, năm 1967 nhà in giải phóng Bình Thuận được UBMTDTGP miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương giải phóng hạng ba.

Trong lao động sáng tạo nêu cao ý chí tự lực tự cường của giai cấp công nhân, ngành y tế cũng góp phần công sức đáng kể. Bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, dược tá, sau phong trào đồng khởi giành quyền làm chủ nông thôn, đã bắt đầu dùng hóa chất tân dược pha chế một số thuốc thông thường. Các trạm xá, bệnh xá đã phát huy nền y học cổ truyền sản xuất

nhiều loại thuốc nam với dược liệu sẵn có ở địa phương như : viên chữa sốt rét đặt tên y học là Dabakin, viên bột phổi mồi FM6, bột dạ dày, viên an thần, rượu cao an thần, rượu Quinquina, thuốc thấp khớp, thuốc bồi dưỡng, thuốc chữa vết thương ; thuốc chữa táo bón nhuận trường, thuốc chữa ngộ độc NT9, đáp ứng một phần thuốc điều trị bệnh tại chỗ. Năm 1964, với bột NT9, ngành y tế đã điều trị cho một đơn vị bộ đội bị ngộ độc khởi bị thương vong.

Dược sự giúp sức của ngành cơ khí, các cơ sở sản xuất dược của ngành y tế đã tận dụng vỏ bom đạn của giặc làm dụng cụ pha chế thuốc : nồi nấu nước cất, nồi hấp thuốc, nồi nấu cao, bàn dập viên, thuyền tán, kẹp, kim châm cứu... Đến năm 1972, toàn tỉnh phát triển được 8 tổ dược chuyên sản xuất thuốc đông y, đáp ứng khá tốt nhu cầu điều trị bệnh ở vùng căn cứ giải phóng. Nhiều huyện sản xuất được thuốc Subtilis chữa lỏng lị, tinh chế NaCl từ muối ăn, nấu các loại cao khỉ, cao hổ cốt, cao gạc nai, cao yếm rùa, cao tóc tiên, các loại sâm bồi dưỡng cho thương bệnh binh mau phục hồi sức khỏe.

Nhìn chung, ở Bình Thuận, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vượt qua bom đạn ác liệt, phong trào lao động sản xuất, tự lực cánh sinh của công nhân các ngành dân sự, quân sự diễn ra bền bỉ, đạt nhiều thành quả to lớn trong nhiệm vụ phục vụ tiền tuyến và xây dựng vùng căn cứ giải phóng vững mạnh.

III - CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÙNG CĂN CỨ GIẢI PHÓNG VÀ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN PHỤC VỤ CHIẾN DỊCH MÙA XUÂN ĐẠI THẮNG 1975, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG.

Cuối năm 1974, đầu năm 1975, cục diện cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chuyển biến rất nhanh. Thực

hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, trong hai năm 1975 - 1976 và khi thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975, quân ta giáng những đòn sấm sét vào các căn cứ đầu não của địch ở Phước Long, Buôn Ma Thuột, Đức Lập... tạo ra nhịp độ phát triển nhảy vọt. Riêng chiến trường Khu 6, Bình Thuận, với quả đấm trung đoàn 812 tái tập ở Sông Phan, Suối Kiết, các lực lượng vũ trang địa phương đã mở những trận tấn công lớn, giành chiến thắng giòn giã : vây ép địch ở yếu khu Sông Lũy, diệt địch trên đường số 1 từ Gộp đến núi Ách, tiêu diệt chi khu quân sự Tánh Linh, hoàn chỉnh căn cứ chiến lược rừng núi Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ, tạo thế vây ép địch ở Sài Gòn và đồng bằng Sông Cửu Long.

Những chuyển biến nói trên cổ vũ mạnh mẽ phong trào công nhân lao động vùng căn cứ giải phóng và vùng đô thị Bình Thuận nỗ lực lao động sản xuất và đấu tranh phục vụ cho Tỉnh ủy chỉ đạo tấn công địch, xây dựng ta ở phía sau lẫn phía trước, giành thắng lợi to lớn trong mùa xuân 1975.

Ở vùng căn cứ giải phóng, đợt tổng động viên tiến ra phía trước phục vụ tiền tuyến diễn ra vô cùng sôi nổi. Các cơ quan ban ngành rời núi cao áp xuống đồng bằng. Nam nữ thanh niên các đơn vị khu, tỉnh, huyện tập hợp trong đoàn tải H10 hợp sức với đoàn tải H50 làm nhiệm vụ trung chuyển khí tài chiến đấu hai bên đường 20 về các chiến trường trọng điểm.

Lúc này đường vận tải Trường Sơn đã kéo dài đến miền Đông Nam bộ. Xe vận tải, xe quân sự nối đuôi nhau đổ về phương Nam như thác lũ. Hệ thống ống dẫn dầu dài 1.712 km với 101 trạm bơm đã vượt qua Tây Nguyên vào

đến Lộc Ninh. Đường dây thông tin hữu tuyến cũng đã nối Hà Nội với Trung ương cục miền Nam. Địa bàn Liên khu 5 năm 1974 mở thêm 5.560 km đường mới, nâng tổng số các tuyến đường Trường Sơn lên 16.790 km. Đường vận tải cơ giới cả mới lẫn cũ dài 900 km với 4.400 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 1.100 lái xe, thợ máy, 42 kỹ sư cầu đường, 200 xe cơ giới.

Địa bàn Khu 6 và Bình Thuận, kết hợp với gùi thồ bằng sức lao động, một tuyến đường vận tải cơ giới cũng được mở từ ngã ba Bờ Xa nam quốc lộ 20 nối với vùng giải phóng Nghệ Đức, Huy Khiêm bắc sông La Ngà ; từ đây cắt qua Núi Ông, đi dọc theo sông Bà Bích, xuôi xuống những vùng có địa danh Lăng Cậu, Ruột Ngựa, Chín Chiều, Sao Ba, giáp với Ba Bàu Giáp Nước xã Hàm Thạnh, dài khoảng 60 km, rồi theo đường xe be đò qua các xã Hàm Trí, Hàm Phú nối với đường hành lang thống nhất vượt Đốc Lá ra Ninh Thuận. Trên đoạn đường cơ giới mới mở này ngày ngày những chiếc xe tải nhãn hiệu “Zin Khor” của Liên Xô trọng tải 4 tấn phủ lá ngụy trang thay cho sức người vận chuyển một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, lương thực, ngư lưới cụ, máy in, chữ chì của miền Bắc chi viện đến các tỉnh miền núi, đồng bằng duyên hải Khu 6. Mỗi lần vượt sông không có phà, công nhân lái xe được sự giúp đỡ của dân công dùng dùi dao rựa chặt tre, bẻ mây kết thành bè lớn đưa xe qua sông.

Cùng lúc, các tuyến đường xe thồ từ Bù Đốp tỏa về các tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng, Bình Tuy, Bình Thuận, Ninh Thuận thiết lập xong. Tuyến vận tải bằng xuồng máy trên các đoạn sông Đồng Nai, La Ngà cũng được mở. Chiến trường Khu 6 không còn bị bao vây chia cắt nữa, cổ vũ các đội quân dân công phục vụ chiến trường ngược xuôi trên

các tuyến đông vui như trả hội. Đoàn H50, đoàn H10 được trang bị xe thô. Đường dốc, suối lầy, hàng sắt nặng. Nhiều đoàn viên chưa quen thô xe đạp. Qua lao động thực tiễn, xếp hàng phân tán trọng lượng, năng suất thô được nâng dần lên. Lúc đầu 2 người đẩy được 80 - 100 kg, sau tăng lên 120 - 150 kg - Có đoàn viên chưa biết đi xe đạp cũng đẩy được hàng tạ hàng. Cao điểm phục vụ chiến dịch giải phóng Tánh Linh, Hoài Đức cuối năm 1974, đầu năm 1975, các đoàn viên nữ mỗi đêm thô 3 chuyến qua đường 20, 7 đêm liền vận chuyển được 104 tấn súng đạn phục vụ chiến đấu kịp thời.

Đồng bào các dân tộc Rắc Lây, Kơ Ho cũng hăng hái phục vụ tiền tuyến, chặt cây, xẻ núi, chặn suối, lấp khe mở đường cho xe cơ giới, xe thô vận chuyển súng đạn lương thực ra mặt trận. Núi rừng âm vang tiếng dạo rựa, cuộc xẻng, tiếng máy xe rô lên dốc, vượt qua lầy, tiếng hò đẩy xe thô qua đèo, qua thác. Chưa bao giờ đội quân lao động hậu phương lại khắng khít với bộ đội tiền phương đến như vậy.

Vào thời điểm này. Tiếng pháo nòng dài của Mỹ ở nông Cà Tang im bật. Bom tạ, bom tấn của máy bay B57, B52 không còn. Bọn tàu gáo, cá lẹp cũng cút đi. Pháo nguy ở cặng ESPIC, núi Tà Zôn chỉ bắn cầm canh rời rạc. Tình hình này nói lên tương quan lực lượng trên chiến trường đã nghiêng hẳn về ta, tạo thuận lợi cho đội quân lao động hậu phương nhíp nhàng sát cánh với tiền tuyến. Ở vùng giải phóng Nghị Đức, Huy Khiêm bắc sông La Ngà, ven sông Cà Tót, Sông Do tây huyện Hàm Thuận, khu vực Búng tròn, Sông Dinh đông huyện Tánh Linh, một số "trang trại" nông nghiệp đã mọc lên. Việc sản xuất tự túc bắt đầu dùng máy cày, máy xới, máy bơm mua ở vùng địch để khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng, góp phần nâng sản

lượng lương thực toàn tỉnh năm 1973 gấp hơn 2 lần năm 1972. Được mùa, đời sống no đủ, nhân dân đóng góp 2.000 xe lúa phục vụ chiến dịch đông xuân 1974 - 1975.

Nhận thấy việc làm gạo bằng cối xây, cối giã quá chậm, ngành hậu cần sắm một cỗ máy xay sát lưu động do 3 công nhân điều khiển trực tiếp phục vụ cho các tiểu đoàn chủ lực và cơ quan đơn vị khu, tỉnh, huyện, áp ra phía trước đứng chân ở nhiều hướng, nhiều địa bàn. Cỗ máy đặt trên chiếc xe reo chiến lợi phẩm có bệ gỗ bắt bu lông, công suất xay sát 1 giờ bằng 10 người xay giã bằng tay 1 ngày. Theo kế hoạch, xe chạy đến địa điểm có nhu cầu như suối Cá Trê, đèo Sông De, cả bàu Cây Bông khu Tam Giác dưới đường sắt, lúa đổ vào, máy chạy, gạo trắng tuôn ra đũa vào kho dã chiến. Trên đường hành quân, lực lượng vũ trang, cán bộ dân chính đảng ghé ngang dồn vào ruột ghé rất tiện lợi. Những năm 1974 - 1975, dây nhà kho lợp tôn cất dưới tán rừng chân đèo Quan Hân là một trung tâm xay sát lớn phục vụ cho chiến trường Khu 6 và Bình Thuận. Tại đây, cơm vắt được nấu sẵn, những ai đi chiến trường cứ đến nhận phần cơm vắt bỏ ba lô ăn dọc đường, khỏi phải nổi lửa nấu dọc đường hành quân.

Khác với các đơn vị lao động bạn, vào cao điểm chiến dịch, không khí xưởng quân giới Cao Thắng, K30 không sôi động mà im ắng lạ thường. Bởi lẽ trừ số ít anh chị em làm công tác quản lý, cấp dưỡng, bảo vệ, còn tất cả công nhân kỹ thuật đều phân thành những tổ nhỏ với dụng cụ đồ nghề xếp trong ba lô tỏa ra tiền tuyến theo các tiểu đoàn chủ lực, các cánh quân trọng điểm, phục vụ bộ đội từng trận đánh. Súng hư, sửa chữa tại chỗ. Mìn định hướng bị lép, tra kíp nổ và bộ lửa mới kịp thời. Ống bọc phá bị câm, thay cái mới tại trận. Phà bắc chưa xong, phụ sức với lính công

binh nổi phao, cột mảng, chằng xích, nhanh chóng đưa bộ đội qua sông vào trận đánh đúng giờ quy định. Tất cả những việc cần đến tay người thợ, anh em có mặt ngay. Vào thời điểm lịch sử của đất nước, với tay kềm, tay búa, cán bộ công nhân xưởng quân giới Cao Thắng, K30 đã tích cực góp phần làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của giai cấp công nhân nơi tiền tuyến.

Cũng vào cao điểm chiến dịch mùa xuân đại thắng 1975, công nhân thông tin vô tuyến và giao bưu luôn cơ động theo cơ quan chỉ đạo ở phía trước. Mảng Bình Thuận, bộ phận điện đài từ Đèo Nam, Mắc Cở chuyển xuống Suối Le, dốc Trai Giam, cây số 34, 31 đường số 8 phía tây xã Hàm Trí, đầu năm 1975 hành quân cấp tốc xuống suối Chân Nhạng, xã Hàm Phú, rồi dịch xuống Suối Tre, Khu Tam Giác, đào hầm, dựng máy, giăng ăng ten phục vụ trận tấn công giải phóng quận lỵ Ma Lâm ngày 8-4-1975 và các ngày tiếp theo cơ động phục vụ Ban chỉ đạo giải phóng tỉnh Bình Thuận do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cầm đầu lần lượt giải phóng các huyện Tuy Phong, Phan Lý, Hòa Đa, Hải Ninh và cuối cùng là thị xã Phan Thiết 19-4-1975.

Mảng Bình Tuy, sau khi giải phòng huyện Tánh Linh ngày 24-12-1974, bộ phận điện đài đã có mặt ở suối Xe Vàng, Công sự cháy, vùng núi Lốp, từ đó lập đài cơ động phục vụ Ban chỉ đạo giải phóng tỉnh Bình Tuy chỉ đạo quần chúng nổi dậy kết hợp với đồn tấn công quân sự giải phóng quận lỵ Hoài Đức ngày 23-3-1975, sau đó giải phóng 2 huyện Nghĩa Lộ, Hàm Tân và thị xã Lagi ngày 23-4-1975.

Và đêm 26-4-1975, với bộ máy điện đài chiến lợi phẩm RT.77, hai công nhân vô tuyến Bình Thuận phối hợp với bộ phận thông tin đoàn 382 hải quân phục vụ đoàn cán bộ

dân chính đảng huyện Tuy Phong và các đơn vị bộ đội vượt biển giải phóng đảo Phú Quý sáng ngày 27-4-1975.

Vào những ngày lịch sử nói trên, công nhân vô tuyến thay phiên nhau ăn ngủ túc trực bên máy chuyển nhận hàng loạt bức điện hỏa tốc trên xuống, dưới lên. Tín hiệu điện đài phóng lên không trung khỏe khoắn, thanh thoát.

Đội ngũ giao bưu cũng hoạt động với khí thế tương tự. Ban hành lang Bình Thuận từ cầu Sông Quao nhanh chóng chuyển xuống Khu Tam Giác với quân số trên 60, rải ra trên 7 trạm. Theo tiếng gọi của chiến trường, mọi người hăng hái tăng vòng, tăng chuyến, mở đường, điều chỉnh cung đoạn, rút ngắn hành trình, nâng tốc độ đôi chân phục vụ chỉ đạo. Những cung đoạn có sông to, suối lớn thì chuẩn bị sẵn thuyền, bè, cầu, dây đưa khách và hàng qua an toàn. Một số trạm được Tỉnh ủy cấp xe đạp chạy trên các đoạn đường rừng, trảng cỏ ít dốc để chuyển những công văn, thư hỏa tốc. Nhiều trạm đào hầm trú ẩn, làm bồn nước bằng ni lông, dự trữ lương thực để cấp phát cho khách khỏi chờ đợi. Một tổ giao bưu hỏa tốc luôn cơ động theo các hướng hành quân của Ban chỉ đạo giải phóng tỉnh, xuôi ngược như con thoi, có ngày đi liên tục 3 chuyến xuyên suốt vùng căn cứ giải phóng từ Nam đến Bắc. Một tổ giao liên tiền phương khác thực hiện lệnh cắt đường dự bị từ Dốc Lá qua Hòn Mồng đến cây Dầu Ba phía Bắc tỉnh, vạch những cung đoạn thẳng, ngắn cho bộ đội dễ hành quân, phục vụ đại quân và giải phóng tỉnh nhà. Ngoài đường hành lang thống nhất và các tuyến đi huyện, chiến sĩ giao bưu Bình Thuận còn nối với các trạm tiền phương T6, 204 và T303 của lực lượng vũ trang cấp trên.

Ban hành lang Bình Tuy cũng luôn chuyển dịch cơ động theo cơ quan Tỉnh ủy. Ngay từ đầu tháng 12-1974, tất cả các trạm đều tăng hành trình mỗi tháng lên 30 chuyến để vào cao điểm chiến dịch phục vụ theo yêu cầu của lãnh đạo - Những trạm nối với tiền tuyến đều bố trí trạm trưởng, trạm phó dũng cảm, tháo vát. Trong trận đánh diệt chi khu Tánh Linh ngày 24-12-1974, các chiến sĩ giao bưu đã tham gia truy lùng tàn quân, bắt tù binh, thu vũ khí lúc bọn này tìm cách rút chạy xuống căn cứ 6 trên đường số 1. Một tổ mai phục ở Suối Kiết diệt 3 tên, bắn bị thương 5 tên khác, thu 13 súng AR15. Một tổ túc trực tại cơ quan đón đánh bọn địch men theo suối trốn vào rừng, bắt 6 tù binh, thu 6 súng. Một tổ khác nối trực với huyện Nghĩa Lộ ở núi Dài bắt thêm 1 tù binh, thu cả súng và chiến la bàn để định hướng cắt rừng khi chạy lạc. Tổng cộng trong chiến dịch giải phóng huyện Tánh Linh, các chiến sĩ giao bưu Bình Tuy loại khỏi vùng chiến đấu 15 tên địch, thu 20 súng và một số quân trang, quân dụng, làm vẻ vang cho ngành hành lang trên tuyến lửa.

Ở vùng thị xã, thị trấn do địch kiểm soát, vào thời điểm lịch sử 1974 - 1975, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nhận rõ vai trò trách nhiệm của mình, đội ngũ công nhân lao động đô thị đã xốc tới tấn công địch bằng 3 mũi vũ trang, chính trị binh vận với nhiều kiểu cách đánh sụp chính quyền địch, giải phóng quê hương.

Mảng phía Bắc tỉnh, cơ sở lao động bên trong các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong tích cực tham gia nắm tình hình địch, phục vụ bộ đội địa phương, du kích đột áp diệt ác, phá tề, đánh phá giao thông và chặn đánh địch hành quân, giải tỏa trên đường số 1. Tình hình chuyển biến mau lẹ. Quân ta liên tục thắng lớn trên các chiến trường.

Tận mắt chứng kiến tàn quân nguy thất trận ở Buôn Ma Thuột, Gia La - Kontum, Quảng Nam - Đà Nẵng, Khánh Hòa... theo đường số 1 tháo chạy về phía Nam và tinh thần địch tại chỗ dao động, rệu rã bao trùm lên bộ máy kềm, cùng với nhân dân, cơ sở lao động bên trong vô cùng phấn khởi. Bàn đạp là tụ điểm bí mật báo cáo tình hình và nhận nhiệm vụ. Công tác binh vận được đẩy lên. Các tổ binh vận hoạt động sôi nổi, xấp vô giáo dục nghĩa quân, dân vệ, phòng vệ dân sự bỏ gác, bỏ ngũ về với vợ con, vận động cảnh sát đồng tình với dân, đứng về phía cách mạng. Đối với bọn ngoan cố, du kích mật, an ninh mật La Gàn, Chợ Lầu phối hợp với đội công tác vũ trang diệt những tên bình định, thám báo có nhiều nợ máu. Ở Duồng, Long Hương, Phan Rí Cửa được tác động bởi tình hình chung, thế hoạt động của cơ sở công nhân lao động và thế đứng của cán bộ phong trào vững vàng hơn trước.

Được tin quân nguy đại bại ở quân cảng Cam Ranh, tuyến phòng ngự từ xa của chúng ở Phan Rang bị đập nát, được sự chỉ đạo của các đội công tác, cơ sở lao động các thị trấn, thị tứ, làng biển lập Ban khởi nghĩa phát động quần chúng nổi dậy đánh đổ địch, giành chính quyền theo tinh thần "huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã". Tại Long Hương, Phan Rí Cửa, cơ sở lao động đã cùng nhân dân phá banh khu đồn, áp chiến lược, trở về làng cũ xây dựng chính quyền cách mạng. Số cơ sở bám trụ ở các căn cứ lổm thì từ lòng đất trời lên tiếp sức với bộ đội du kích truy bắt bọn tề nguy mang giấy tờ, vũ khí ra trình diện với Ban khởi nghĩa.

Đặc biệt, ở làng biển Duồng, Ban khởi nghĩa được thành lập đêm 14-4-1975 tại mũi Gành Rái, xóm Bàu Khoai. Để việc này không lọt vào tai mắt bọn chỉ điểm, một cơ

sở lao động đã dùng thuyền đưa Ban khởi nghĩa ra ngoài biển họp bàn việc chỉ đạo tấn công và nổi dậy cho kịp thời cơ. Tối hôm sau, 15-4-1975, Ban khởi nghĩa họp tại nhà một cơ sở lao động khác ở thôn Hà Thủy tiếp tục bàn kế hoạch khởi nghĩa, không cho bọn ác ôn tháo chạy bằng đường biển đi các nơi. Và 4 giờ sáng ngày 17-4-1975, cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã kéo lên trên trụ sở “Hội đồng hương chính” đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của bộ máy ngụy quyền.

Mảng Phan Thiết, Thị ủy được củng cố, tăng cường UBNDCM lâm thời thị xã được thành lập. Bộ phận công vận được tăng thêm 2 cán bộ chuyên trách công đoàn.

Lúc này, hạt nhân cách mạng ở thị xã Phan Thiết có 86 cốt cán cơ sở, trong số này có 4 đảng viên, các ấp vùng ven có 204 cốt cán cơ sở, trong đó có 5 đảng viên, đến đầu năm 1975 phát triển thêm 118 cơ sở mới. So với số dân nội thị và vùng ven, thực lực này còn mỏng, nhưng so với sự bẻ vỡ hàng loạt hồi đầu năm 1974, thực lực như vậy coi như được phục hồi. Từ đó các tuyến cơ sở lao động ở Bình Hưng, Đức Long, Phú Trinh được nối lại, một số hợp thư mới được cắm sâu vào phố phường, cơ sở được xây dựng đến các xóm lao động có đông công nhân, nhiều ngành nghề. Ba mũi đấu tranh chính trị - binh vận - vũ trang được đẩy lên. Thư chúc Tết Giáp Dần - 1975 của Mặt trận DTGPMN và truyền đơn kêu gọi sĩ quan, binh lính ngụy được bí mật tán phát trong thị xã. Hàng chục binh lính địch bỏ ngũ. Sáng mồng một Tết Giáp Dần (23-1-1975), cờ cách mạng tung bay tại khu vực đồn Trinh Tường. Một tên ác ôn đến nhỏ

cờ bị trái nổ của du kích mật làm cho tan xác. Tiếp theo, cây xăng số 6 bị đốt, đồn cảnh sát Đức Long bị đánh, báo hiệu bước chuyển biến mới của phong trào CNLD ở nội ô.

Tin Buôn Ma Thuột, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Rang... thất thủ bay vào Phan Thiết. Cơ sở cách mạng trong các nghiệp đoàn xe lam, xe đò, xe vận tải xuôi ngược trên quốc lộ 8, quốc lộ 1, là lực lượng tuyên truyền tin nhanh chóng đem đến cho các khu lao động, chợ búa, đường phố niềm vui thắng lợi của cách mạng. Bà con ta lại tận mắt chứng kiến quân nguy thất thủ ở các nơi tràn vào Phan thiết cướp bóc ở đường Lý Thường Kiệt và đường Gia Long và lính địa phương quân bị đẩy ra phòng thủ vùng ven vát súng bỏ chạy, mặc cho bọn chỉ huy hò hét thúc bách. Giờ cáo chung của Mỹ ngụy đã điểm. Thời cơ khởi nghĩa chín muồi, nhiều Ban khởi nghĩa được thành lập. Đảng viên và cơ sở nội ô hướng dẫn quần chúng may cờ, sẵn sàng nổi dậy phối hợp với lực lượng vũ trang giải phóng thị xã Phan Thiết. Ở những nhà máy, xí nghiệp quan trọng như : nhà máy đèn, nhà máy nước hành động khởi nghĩa của công nhân thể hiện bằng nhiều hình thức : bí mật lập tổ tự vệ, phân công nhau bám giữ máy móc, không để địch tháo gỡ những bộ phận quan trọng mang đi khi rút chạy. Nhờ vậy, ngay sau ngày giải phóng 19-4-1975, thị xã Phan Thiết vẫn bảo đảm ánh điện, nguồn nước, phục vụ nhân dân. Tương tự như vậy, công nhân Bưu điện giữ gìn nguyên vẹn thiết bị, máy móc, kho tàng giao cho chính quyền cách mạng tiếp quản vận hành, đường thông tin vô tuyến không bị ngẽn tắc.

Ở các khu lao động, CNLD tham gia dẫn đường cho bộ đội truy lùng những ổ tề điệp, ác ôn đang lẩn trốn, kêu

gọi tàn binh ra hàng, giúp đỡ tiền bạc cho những binh lính
ngụy bỏ súng trở về quê hương. Dưới sự hướng dẫn của
các đội mũi công tác, CNLD cư trú các xã vùng ven cũng
lập Ban khởi nghĩa, tổ tự vệ vũ trang, xóa bỏ đơn vị hành
chính ấp, khu, liên gia của địch, hình thành chính quyền
cách mạng tự quản lâm thời, sôi nổi may cờ, kẻ khẩu hiệu
đón mừng ngày giải phóng.

Đặc biệt, ngay sau ngày giải phóng Phan Thiết, tiếp
thu sự chỉ đạo của Thị ủy và bộ phận công vận, công nhân
lái xe lập ban tiếp vận, huy động trên 200 xe tải chở vũ
khí, lương thực phục vụ cánh quân duyên hải tiến vào giải
phóng Sài Gòn, hang ổ cuối cùng của chế độ Mỹ ngụy ở
miền Nam.

Mảng thị xã Phan Thiết, cái túi cuối cùng chứa đựng
tàn quân ngụy ở chiến trường Khu 6, hàng ngũ địch lâm
vào cảnh hỗn quân, hỗn quan. Súng ống, xe cộ vất ngổn
ngang. Cảnh cướp bóc, tranh giành tàu thuyền trốn chạy
xảy ra như cơm bữa. Tiếp nhận được sự chỉ đạo của Thị
ủy, số cơ sở lao động hoạt động xông xáo. Mũi binh vận
được đẩy lên, vận động nhân dân, che chở lính ngụy bỏ
ngũ, đứng về phía cách mạng. Cán bộ và cơ sở ta bị giam
đồng loạt đứng lên phá nhà giam, tự giải phóng mình, trở
về với vị trí chiến đấu cũ.

Tiếng súng quân giải phóng tiêu diệt hang ổ cuối cùng
của địch ở Bình Tuy vang dội khắp nơi. Với sự tiếp sức của
đội ngũ công tác, CNLD các ngành nghề ngư dân vạm chài
ven biển Lagi, Tân Thiện, Tam Tân lập các đội tự vệ trang
bị bằng vũ khí lấy được của tàn quân địch, hướng dẫn bộ

đội đánh chiếm các cứ điểm quân sự còn lại của địch, bắt tên quận trưởng Hàm Tân. Công nhân hai nhà máy nước, nhà máy đèn, ty Bưu điện Bình Tuy do cơ sở cách mạng là những người kháng chiến cũ làm nòng cốt, đảm nhiệm công việc bảo vệ máy móc, điện nước, các phương tiện viễn thông đặt tại tòa hành chính nguy và cơ quan quân sự Mỹ, bàn giao nguyên vẹn cho chính quyền cách mạng vận hành ngay sau ngày giải phóng. Trước đây, đầu năm 1973, trong chiến dịch tấn công địch trước khi ký Hiệp định Paris, địch quản lý rất chặt các loại vải có màu xanh, vàng, đỏ, ngăn chặn cơ sở may cờ “tiếp tay với Việt cộng”. Nhưng lúc này, trước khí thế mới của cách mạng, bọn mật vụ chỉ điểm làm ngơ để nhân dân may cờ đón ngày giải phóng.

Ngày 23-4-1975, cờ Tổ quốc và cờ Mặt trận DTGP bay khắp thị xã Lagi và tỉnh Bình Tuy.

Nhìn chung, trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 cũng như suốt các giai đoạn chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ CNLD vùng căn cứ giải phóng và vùng đô thị Bình Thuận dựa trên cơ sở đoàn kết, tự lực, quyết thắng hình thành một cách tự nhiên thế 2 gọng kềm trong ngoài hợp đồng chặt chẽ phục vụ đắc lực cho các lực lượng vũ trang tấn công tiêu diệt địch, giải phóng quê hương, cùng cả nước kết thúc vẻ vang sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Ngay sau ngày giải phóng, với ý thức làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, công nhân lao động Bình Thuận là một trong những lực lượng quan trọng góp phần ổn định tình hình, giữ gìn trật tự an ninh, đưa sinh hoạt sản xuất và đời sống của nhân dân trở lại bình thường.

CHƯƠNG IV

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN 23 NĂM SAU GIẢI PHÓNG (1975 - 1998)

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, các tỉnh thuộc Khu 6 thành lập bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo theo đơn vị hành chính của chế độ cũ, trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của Khu 6. Cuối năm 1975, thực hiện chủ trương của Trung ương giải thể cấp khu lập các tỉnh mới. Các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng hợp thành tỉnh Thuận Lâm, riêng Bình Tuy được tách về Khu 7 để cùng với Biên Hòa, Long Khánh... hợp thành tỉnh Đồng Nai. Giữa lúc bộ máy tỉnh Thuận Lâm chuẩn bị đi vào hoạt động chính thức thì Trung ương lại có quyết định thay đổi : tách Tuyên Đức và Lâm Đồng thành lập tỉnh Lâm Đồng, trả Bình Tuy về lại Khu 6 để cùng với Ninh Thuận, Bình Thuận lập tỉnh Thuận Hải vào đầu năm 1976.

Đến tháng 4-1992, do yêu cầu của công cuộc đổi mới và phát triển, tỉnh Thuận Hải được tách ra thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận (gồm cả tỉnh Bình Tuy). Theo đó, tổ

chức công đoàn tỉnh cũng có sự hình thành và chia tách tương tự.

Bước sang giai đoạn mới, giai đoạn hoàn toàn độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc, cả nước xây dựng CNXH, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Tỉnh ủy và Tổng CĐVN, CNVC lao động và tổ chức công đoàn tỉnh ta đã phát huy bản chất và truyền thống cách mạng kiên cường bất khuất, ý chí tự lực tự cường, tinh thần khắc phục khó khăn gian khổ của giai cấp công nhân, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

I - TRONG 10 NĂM ĐẦU KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỰC HIỆN 2 NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985).

1. Những chuyển biến quan trọng trong đội ngũ công nhân viên chức và lao động sau giải phóng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã giành thắng lợi hoàn toàn, công nhân, lao động và nhân dân vô cùng phấn khởi. Nhưng chuyển sang giai đoạn mới của cách mạng, tỉnh ta phải đương đầu với nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh để lại : 10 vạn nguy quân nguy quyền tan rã tại chỗ, 30 vạn dân bị địch gom vào các ấp chiến lược và 18 vạn dân các tỉnh Liên khu 5 bị địch hốt đưa đến cài vào các vùng tranh chấp của ta trước đó thiếu nơi ăn, ở và việc làm ổn định, 3 vạn ha ruộng đất bị hoang hóa, 24 vạn ha rừng bị chất độc hóa học Mỹ hủy diệt, hàng ngàn công nhân, lao động các đô thị thất nghiệp. Đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch tiến hành các hoạt động bao vây, cấm vận kinh tế, chống phá cách mạng Việt

Nam, gây ra 2 cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và phía Bắc nước ta, bọn phản động Fulro trong dân tộc ít người, nguy quân nguy quyền không chịu cải tạo ra sức hoạt động, tổ chức vượt biên, xâm nhập, gây khó khăn về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, kinh tế tỉnh nhà chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu bị lệ thuộc và bị chiến tranh tàn phá nặng nề, công nghiệp bé nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật ít ỏi, vốn, vật tư và năng lượng mất cân đối nghiêm trọng. Về tổ chức và hoạt động công đoàn, mọi việc phải bắt tay gây dựng từ đầu.

Thực trạng tình hình trên có tác động, ảnh hưởng liên quan đến hoạt động của phong trào CNVC, lao động và công đoàn tỉnh nhà, nhất là trong những năm đầu sau giải phóng.

Đất nước được giải phóng, CNVC và lao động đã thật sự đổi đời : Từ địa vị làm thuê trở thành người làm chủ. Trong quá trình lao động, được giáo dục học tập, anh chị em đã nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa bóc lột và bị bóc lột, về đấu tranh giai cấp, về vai trò, vị trí của giai cấp công nhân và sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội được bồi dưỡng và nâng cao, hệ tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh từng bước chiếm ưu thế trong CNVC và lao động. Những nhận thức sai lầm, mặc cảm do bị địch đầu độc trước đây dần dần được giải tỏa. Anh chị em nhận thấy chỉ có đi theo CM do Đảng Cộng sản lãnh đạo thì công nhân lao động mới thật sự được giải phóng, nhân dân ta mới có độc lập tự do, ấm no hạnh phúc. Do đó mà họ gắn bó chặt chẽ, thiết tha yêu quý Đảng, tin tưởng vào đường lối và sự lãnh

đạo của Đảng trong công cuộc CM hiện tại. Tất cả cùng hướng về mục tiêu chung “vì Tổ quốc XHCN, vì hạnh phúc của nhân dân”.

Mười năm sau giải phóng, đội ngũ CNVC và lao động đã có bước trưởng thành đáng kể. Từ một số rất ít cán bộ, công nhân viên kháng chiến ở chiến khu về, ngoài Bắc vào hợp sức với công nhân lao động và viên chức vừa được giải phóng lo tiếp quản các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, công sở... của Mỹ nguy, đến cuối 1975 đã hình thành đội ngũ CNVC 5.500 người và đến 1985 tăng lên trên 40.000 người, trong đó khu vực sản xuất vật chất chiếm 51%. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật từ số ít ban đầu đã tăng lên 9.463 người, chiếm trên 23% CNVC trong tỉnh. Số lao động các ngành nghề ngoài quốc doanh kể cả lao động biển 30.423 người. Chưa bao giờ đội ngũ CNVC và lao động có tổ chức chặt chẽ như lúc này.

Những người thợ sống qua 2 chế độ với 30 - 40 tuổi nghề đã hăng hái, phấn khởi cùng với cán bộ CM lo tiếp thu, bảo vệ và quản lý các xí nghiệp, nhà máy, công sở... của chế độ cũ để lại như điện, nước, bưu điện, bệnh viện, trường học v.v... Họ như trẻ lại với nhiệt tình lao động sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm, sáng kiến, làm trụ cột trong các nhà máy, xí nghiệp, công, nông trường... đang ngày đêm kèm cặp truyền nghề cho lớp trẻ và luôn suy nghĩ phải làm gì để cống hiến hết sức mình cho quê hương đất nước.

Những cán bộ, CNV kháng chiến và cán bộ công nhân miền Bắc cử vào tuy ít nhưng đóng giữ vai trò nòng cốt trong các khung bộ máy các cơ quan, xí nghiệp, nông, lâm, công trường, trạm trại... làm việc nhiệt tình, tận tụy lo xây dựng các cơ sở vật chất ban đầu của CNXH.

Sự lớn lên của đội ngũ CNVC chính là sự bổ sung ngày càng đông của lớp thợ trẻ, chiếm trên 55% CNVC, sẵn có nhiệt tình yêu nước, yêu CNXH, ham hiểu biết, tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh ; Anh chị em là lực lượng xung kích trong lao động sản xuất, cải tạo XHCN, chống tiêu cực, bảo vệ cơ quan xí nghiệp, giữ gìn an ninh và củng cố quốc phòng, phấn khởi học tập nâng cao tay nghề, thực hiện ước mơ về một xã hội mới XHCN công bằng, văn minh, hạnh phúc cho mọi người.

Nữ CNVC chiếm trên 45% CNVC trong tỉnh, ý thức rất sâu sắc về cuộc đổi đời từ ngày được giải phóng. Cách mạng đã đem lại cho chị em quyền bình đẳng với nam giới trên mọi lĩnh vực hoạt động, xóa bỏ phân biệt đối xử, sự ràng buộc của phong tục tập quán lạc hậu. Chị em hăng hái tham gia công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, lập thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực lao động sản xuất, phân phối lưu thông, văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục... và đi đầu trong phong trào “người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, “giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

Lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau là những người có tri thức, giàu tính sáng tạo, đã có nhiều cống hiến đưa KHKT phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân, tích cực phấn đấu rèn luyện bản thân để trở thành những trí thức cách mạng.

Sự thay đổi lớn nhất trong CNVC và lao động là từ địa vị làm thuê trở thành người làm chủ của xã hội mới. Họ lao động cho mình, cho xã hội do mình làm chủ mà lợi ích tập thể, lợi ích nhà nước và lợi ích cá nhân hòa làm một. Đất nước còn nghèo, lại phải đương đầu với nhiều khó khăn trước mắt, song tuyệt đại đa số CNVC và lao động

đã làm việc với tinh thần mình vì mọi người, mọi người vì mình, cần cù, chịu khổ, dám nghĩ dám làm và chấp nhận mức sống đang còn lắm khó khăn.

2. Lực lượng nòng cốt đẩy mạnh công cuộc khôi phục cải tạo và phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Sau ngày giải phóng, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, toàn thể CNVC cũ và mới đoàn kết bắt tay ngay vào việc khôi phục hoạt động của các cơ sở sản xuất, dịch vụ. Trước hết là các cơ sở trực tiếp phục vụ đời sống nhân dân lao động như : Điện (trong đó có việc khôi phục, sửa chữa đường ống thủy lực Thủy điện Đa Nhim), nước, xăng dầu, bến xe, bệnh viện, hệ thống đường bộ và đường sắt, rạp hát, trường học... cải tạo và phát triển kinh tế theo kế hoạch. Phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa được phát động sâu rộng trong các nhà máy, xí nghiệp, công nông lâm trường, công sở, bệnh viện, trường học... thu hút hàng vạn CNVC và lao động tham gia, phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước. Anh chị em làm việc với tinh thần tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật lao động, tuân thủ qui trình, qui phạm công nghệ, an toàn lao động, bảo vệ của công, tiết kiệm vật tư, khai thác nguyên vật liệu tại chỗ thay thế hàng nhập, phấn đấu đạt mục tiêu năng suất cao, sản phẩm tốt, giá thành hạ. Anh chị em luôn luôn phát huy tinh thần lao động sáng tạo của người làm chủ đất nước làm chủ xã hội, tìm tòi, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để làm lợi cho nhà nước cho cộng đồng, trong đó có lợi ích của riêng mình.

Được giáo dục, phát động, CNVC càng nhận thức sâu sắc ý nghĩa “Tiết kiệm là quốc sách” và đi đầu trong tiết kiệm sản xuất và tiêu dùng. Đã khôi phục hàng trăm tấn máy móc, thiết bị, tận dụng hàng chục tấn sắt, thép phế liệu, tiết kiệm hàng trăm tấn lương thực, xăng dầu. Trước tình hình nền tài chính quốc gia đang khó khăn, CNVC đã đi đầu tiết kiệm tiêu dùng dành tiền mua công trái xây dựng Tổ quốc 7.400.100đ, vượt chỉ tiêu 23,3% và gửi tiền tiết kiệm thường xuyên có số dư đến đầu 1985 xấp xỉ 20.000.000đ, chiếm 57% tổng số dư toàn tỉnh.

Số đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm đều tăng. Phong trào xây dựng tổ đội lao động XHCN phát triển mạnh, số đơn vị đăng ký và được công nhận ngày càng nhiều. Phong trào thi đua của CNVC và lao động đã góp phần đạt nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trong 10 năm sau giải phóng (tính theo giá cố định 1982) :

+ Đưa giá trị tài sản cố định khu vực sản xuất vật chất do nhà nước quản lý từ 300,8 triệu đồng năm 1976 lên 1 tỷ đồng vào năm 1984.

+ Đưa giá trị sản lượng nông công nghiệp từ 1.700 triệu đồng năm 1976 lên 2.318 triệu đồng vào năm 1984.

+ Đưa giá trị công nghiệp, TTCN từ 686 triệu đồng năm 1976 lên 912 triệu đồng vào năm 1984.

Đã sản xuất được nhiều sản phẩm phục vụ sản xuất đời sống và xuất khẩu, có nhiều sản phẩm đạt huy chương trong các hội chợ triển lãm khu vực và toàn quốc, trong đó có 20 huy chương vàng.

Phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp diễn ra sâu rộng, liên tục nhằm thực hiện nhiệm vụ kinh tế hàng đầu của tỉnh, hỗ trợ người bạn đồng minh là nông dân, thắt chặt quan hệ giữa 2 giai cấp, tăng cường khối công nông liên minh vững chắc trong giai đoạn cách mạng mới. Hàng ngàn cán bộ, công nhân ngày đêm lao động trong nhà máy, lặn lội trên đồng ruộng để điều tra, khảo sát, qui hoạch, mở đường phục hóa, khai hoang, kiến thiết kênh mương, đồng ruộng, mở rộng diện tích trồng trọt và tưới nước, đưa điện về nông thôn phục vụ cho nông nghiệp và nông dân ; hàng vạn công cụ cầm tay, công cụ cải tiến của các nhà máy cơ khí Phan Rang, Hàm Tân, hàng vạn tấn vật tư nông nghiệp, hàng trăm con trâu từ miền Bắc chở vào để phục vụ nông dân phát triển sản xuất, chăn nuôi. Hàng trăm cán bộ thương nghiệp có mặt nông thôn đồng bằng, miền núi, hải đảo chuyên lo việc cung ứng vật tư, hàng hóa, thu mua chế biến các loại nông sản hải sản nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển và cải thiện đời sống nông dân. Kết quả lớn nhất là đã góp phần đưa sản lượng lương thực từ 221.000 tấn lên 270.500 tấn vào năm 1984, tăng 22,1% so với năm 1976. Nhờ đó, đến 1980 tỉnh ta không còn nhận lương thực chi viện của trên và bắt đầu làm nghĩa vụ đóng góp cho Trung ương.

Hải sản là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, sau giải phóng gặp rất nhiều khó khăn ; năng lực đánh bắt giảm sút mạnh do nhiều ghe thuyền bị giải bản, thiếu vốn, thiếu xăng dầu v.v... được phát động, giao nhiệm vụ, một bộ phận khá đông CNVC và lao động biển đã tích cực tham gia vào nhiều khâu như tổ chức lại sản xuất, sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, cung ứng vật tư, cho vay vốn phát triển sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm của ngư dân.

Kết quả từ 1984 trở đi đã chặn đứng được sự giảm sút thuyền nghề, cung ứng thêm hàng trăm máy tàu mới, nhiều ngư lưới cụ và phụ tùng, đóng mới 576 thuyền, đưa năng lực đánh bắt toàn tỉnh lên 42.000 CV và nâng sản lượng khai thác bình quân hàng năm lên 67.000 tấn, bình quân một lao động khai thác 3,6 tấn/năm, tăng 1,1 tấn/lao động so với sau giải phóng. Sản lượng thu mua đạt 40%. Trong 10 năm (1975 - 1985) đã chế biến 157,8 triệu lít nước mắm, 11.400 tấn hải sản khô và đông lạnh xuất khẩu đạt 15 triệu đô la, ngành hải sản đã vươn lên tự cân đối ngoại tệ nhập khẩu cho mình và góp phần cân đối cho nông nghiệp.

Cải tạo XHCN là nhiệm vụ quan trọng trong những năm đầu sau giải phóng nhằm xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với sức sản xuất. Đông đảo CNVC và lao động đã đi đầu thực hiện chủ trương đổi tiền nguy, phát hành tiền ta, tham gia phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất nhằm đưa lại ruộng đất cho nông dân không có ruộng, đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, cải tạo XHCN đối với công nghiệp và TTCN, xóa bỏ tư sản thương nghiệp và đầu nậu, chủ vừa, hàm hộ ở vùng biển. Kết hợp cải tạo với xây dựng và lấy xây dựng làm chính. Đến đầu 1984, toàn tỉnh đã hoàn thành việc cải tạo XHCN. Sau cải tạo đã vận động đông đảo nông ngư dân, thợ thủ công vào làm ăn hợp tác, khôi phục, sắp xếp tổ chức lại các cơ sở công nghiệp cũ, xây dựng nhiều xí nghiệp quốc doanh. Trên lĩnh vực phân phối lưu thông đã hình thành đều khắp mạng lưới thương nghiệp XHCN, đưa tổng mức bán lẻ trên thị trường có tổ chức chiếm 57% thị trường xã hội.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, CNVC và lao động nói chung và trực tiếp là CNVC trong các ngành văn hóa thông tin, y tế, giáo dục... đã đạt nhiều thành tích xuất sắc.

Về giáo dục, đã xóa nạn mù chữ toàn tỉnh vào năm 1977, số học sinh phổ thông các cấp tăng rất nhanh, năm học 1984 - 1985 bình quân trong tỉnh cứ 4 người dân có 1 người đi học.

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao chuyên nghiệp và quần chúng phát triển rộng khắp, phong trào xây dựng nếp sống mới, con người mới có chuyển biến đáng kể, các tàn dư văn hóa đồi trụy, phản động, mê tín dị đoan từng bước được đẩy lùi.

Màng lưới y tế phát triển khắp các xã phường, phong trào 3 công trình, 5 dứt điểm (1) phát triển rộng rãi, phong trào phòng ngừa dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân dân đạt nhiều thành tích tốt. Hệ thống bệnh viện tỉnh, huyện được xây dựng đáp ứng nhu cầu chữa bệnh của nhân dân, bình quân một vạn dân có 28 giường bệnh.

Trong tình hình kinh tế và đời sống còn nhiều khó khăn, đông đảo CNVC và lao động đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tích cực tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi heo gà, vịt... để có thêm thu nhập, cải thiện cuộc sống. Phong trào diễn ra khá sôi nổi trong các cơ quan, xí nghiệp và trong từng gia đình và kết quả hàng năm đã thu hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm...

Cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, xây dựng khu tập thể văn minh, sinh đẻ có kế hoạch bắt đầu từ sự tham gia ngày càng đông đảo của CNVC và thực sự tác động lan ra ngoài xã hội. Phong trào

- (1) Ba công trình là : Cầu tiêu, giếng nước, thùng đựng rác. Năm dứt điểm là : Sinh đẻ có kế hoạch, Trạm y tế xã, trồng và dùng thuốc nam chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu trong nhân dân và dứt điểm 3 công trình.

học tập bổ túc văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng rãi ở các cơ sở. Qua các lần hội diễn có hàng ngàn quần chúng tham gia với hàng trăm tiết mục tự biên tự diễn. Có nhiều tiết mục được chọn đi dự thi các hội diễn ở huyện, ngành và tỉnh. Rõ ràng, CNVC không chỉ là người thưởng thức thụ động mà còn có khả năng sáng tạo nghệ thuật. Nhiều anh chị em vừa là lao động tiêu biểu, chiến sĩ tự vệ giỏi, vừa là những diễn viên nghiệp dư có tài năng. Những hoạt động này đã thiết thực góp phần vào việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới XHCN.

Trong khi ra sức lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, CNVC và lao động đã cảnh giác với âm mưu của kẻ thù trong kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với đất nước ta. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc theo tinh thần và nội dung Thông tư liên tịch 01 - TCD và Bộ nội vụ phát triển rộng khắp. Hàng ngàn anh chị em tự nguyện gia nhập vào các đội tự vệ cơ quan, xí nghiệp... Mỗi người là một chiến sĩ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ sản xuất, bảo vệ thành quả cách mạng. Nhờ đó đã kịp thời dập tắt các luận điệu chiến tranh tâm lý, ngăn chặn, đẩy lùi nhiều biểu hiện tiêu cực như lãng phí, tham ô, ăn cắp tiền bạc, vật tư... đảm bảo an toàn cho cơ quan và đơn vị. Hàng ngàn thanh niên trong CNVC và lao động đã hăng hái lên đường làm nghĩa vụ quân sự. Nhiều anh chị em đã làm đơn xin tham gia tiểu đoàn tình nguyện đi chiến đấu chống quân bành trướng bảo vệ biên giới phía Bắc. Hàng trăm anh chị em được cử sang công tác và giúp đỡ tỉnh bạn Prét-vi-hia Campuchia chống bọn Khơme diệt chủng, bảo vệ thành quả cách mạng. Công tác hậu phương quân đội bằng những hình thức thiết thực như quyên góp ủng hộ các chiến sĩ, giúp đỡ, chăm sóc các gia đình có con em đi bộ đội, gia đình thương

binh, liệt sĩ được đông đảo anh chị em CNVC và lao động hưởng ứng.

Tóm lại, 10 năm sau ngày giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào CNVC và lao động tỉnh nhà đã có bước trưởng thành đáng kể. CNVC và lao động đi đầu trong các hoạt động khôi phục và phát triển sản xuất, cải tạo và xây dựng, gìn giữ an ninh và củng cố quốc phòng và trên từng lĩnh vực đã thu được thành tích xuất sắc. Trong quá trình đó, CNVC và lao động trong tỉnh đã vinh dự đón nhận nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước gồm 21 huân chương lao động các loại, cùng hàng ngàn cờ thưởng, bằng khen của Chính phủ, Tổng công đoàn, các ngành của Trung ương và chính quyền địa phương.

Trong khi khẳng định ưu điểm và tiến bộ của phong trào CNVC và lao động, đồng thời chúng ta cần thấy hết các khuyết nhược điểm tồn tại cản trở sự vươn lên của phong trào để có chủ trương biện pháp hữu hiệu tiếp tục rèn luyện, xây dựng giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh, xứng đáng với vị trí vai trò lịch sử của nó trong giai đoạn cách mạng mới. Đó là sự giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa và nghề nghiệp còn thấp. Số công nhân lâu năm có tay nghề cao, số cán bộ KHKT, quản lý, công nhân kỹ thuật còn ít, năng lực trình độ chưa đáp ứng yêu cầu. Chế độ lương bổng đối với CNVC còn bất hợp lý làm ảnh hưởng đến đời sống và việc phát huy tài năng trí tuệ của công nhân lao động. Có một số CNVC có những hành động trái với bản chất cách mạng, đạo đức và vai trò tiên phong của giai cấp công nhân nhưng chưa chú ý đấu tranh rèn luyện để tự cải tạo mình thành người công nhân XHCN.

Song dưới ánh sáng của đường lối và các nghị quyết của Đảng, cách mạng nước ta không ngừng tiến lên, quá trình đó có tác động ảnh hưởng sâu sắc việc xây dựng lập trường, quan điểm và củng cố đội ngũ công nhân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng những mặt kém của phong trào CNVC và lao động trong tỉnh dần dần được khắc phục giai cấp công nhân tiếp tục phát huy vai trò của mình, đi đầu trong công cuộc đấu tranh thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

3. Công đoàn với phong trào thi đua lao động sản xuất.

Sau ngày quê hương được giải phóng, công đoàn vừa lo xây dựng tổ chức, vừa tham gia với các ngành tiếp quản các cơ sở của chế độ cũ để lại, sắp xếp lại sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế theo kế hoạch. Các cấp công đoàn tập trung sức tổ chức phong trào thi đua XHCN, thực hiện kế hoạch Nhà nước, coi đó là nhiệm vụ trung tâm thường xuyên, nhằm các mục tiêu : năng suất, chất lượng, hiệu quả, an toàn lao động và tiết kiệm.

Căn cứ mục tiêu chung và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và nhiệm vụ từng ngành, từng đơn vị, công đoàn cơ sở cùng với chuyên môn phát động CNVC xây dựng các chỉ tiêu và kế hoạch cụ thể. Để tổ chức chỉ đạo phong trào, công đoàn đã vận dụng và phát triển các hình thức thi đua theo tinh thần và nội dung Nghị quyết 08/TCD. Công đoàn chủ động phối hợp với chính quyền các cấp triển khai thực hiện Nghị định 182/CP và 217/CP của Chính phủ. Qua đó đã giáo dục và từng bước nâng cao ý thức làm chủ, đề cao trách nhiệm và nghĩa vụ, tăng cường kỷ luật lao động, kỷ luật sản xuất trong CNVC, đã coi trọng sử dụng các hình thức như mở các hội nghị CNVC (hoặc hội nghị dân chủ trong các cơ

quan HCSN) để CNVC tham gia ý kiến về kế hoạch ; tổ chức ký kết hợp đồng tập thể giữa công đoàn và chuyên môn ; bầu Ban Thường trực hội nghị CNVC để điều hành việc thực hiện nghị quyết hội nghị CNVC đề ra. Từng thời gian, thư ký LHCD cùng Chủ tịch UBND tỉnh họp ra nghị quyết liên tịch về thi đua, tổ chức cam kết ký giao ước thi đua giữa các ngành xung quanh tỉnh nhằm động viên thúc đẩy phong trào. Những năm 1979, 1980, 1981, tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn, ách tắc. Vận dụng đường lối và chính sách kinh tế của Đảng, công đoàn phát động CNVC tích cực tham gia thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, kinh doanh XHCN, từng bước xóa bỏ bao cấp, thực hiện cân đối kế hoạch từ cơ sở, mở rộng áp dụng lương khoán, lương sản phẩm, kết hợp hài hòa 3 lợi ích, nhờ đó góp phần duy trì và phát triển sản xuất.

Nhìn chung, phong trào thi đua phát triển tương đối sâu rộng với nội dung và hình thức phong phú. Trong công nghiệp có phong trào “sáng kiến và tiết kiệm” ; Ngành giáo dục có phong trào “đạy tốt, học tốt” ; ngành y tế có phong trào học tập và làm theo lời dạy Bác Hồ “Thầy thuốc như mẹ hiền” ; ngành Thương nghiệp có phong trào “người mậu dịch viên giỏi” v.v... Trong các cơ quan HCSN có phong trào 3 cải tiến : cải tiến nghiệp vụ và kỹ thuật, cải tiến lề lối làm việc, cải tiến quản lý. Trong các ngành còn có phong trào phục vụ nông nghiệp, phong trào xây dựng đơn vị tiên tiến và tổ lao động XHCN, được đông đảo quần chúng tham gia. Từng thời gian thi đua có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kể cả việc tổng kết các chuyên đề. Phong trào đã đưa lại những kết quả rất đáng phấn khởi.

Phong trào hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm phát triển tốt. Năm 1984 số đơn vị hoàn thành kế hoạch

tăng 20,19% so với năm 1980 và tăng 5,89% so với năm 1983, trong đó có nhiều đơn vị hoàn thành vượt mức nhiều năm liền như điện Đa Nhim, Công ty cầu đường 1, Xí nghiệp In, Bưu điện, LHXN Dực, Công ty Vật tư tổng hợp, Xí nghiệp nước mắm Phan Thiết...

Phong trào sáng kiến được nuôi dưỡng thường xuyên. Từ 1976 đến 1985 có 8.519 sáng kiến (1976 - 1980 có 3.116, từ 1981 - 1985 có 5.553 sáng kiến) và nhiều đề tài nghiên cứu thực nghiệm thành công, làm lợi cho Nhà nước hàng chục triệu đồng, trong đó có hàng chục sáng kiến kinh nghiệm có giá trị của ngành giáo dục. Hội nghị tổng kết phong trào sáng kiến lần đầu (1981 - 1985) do Liên hiệp công đoàn tổ chức có sự phối hợp của UBND tỉnh đánh dấu bước phát triển mới của phong trào, qua đó đã khơi dậy, biểu dương trí tuệ và tài năng sáng tạo của CNVC và lao động. Hội nghị cũng đã trao tặng 5 huy chương lao động sáng tạo cấp tỉnh cho những đồng chí xuất sắc và cử đoàn đại biểu đi dự hội nghị sáng kiến toàn quốc tổ chức tại Hà Nội.

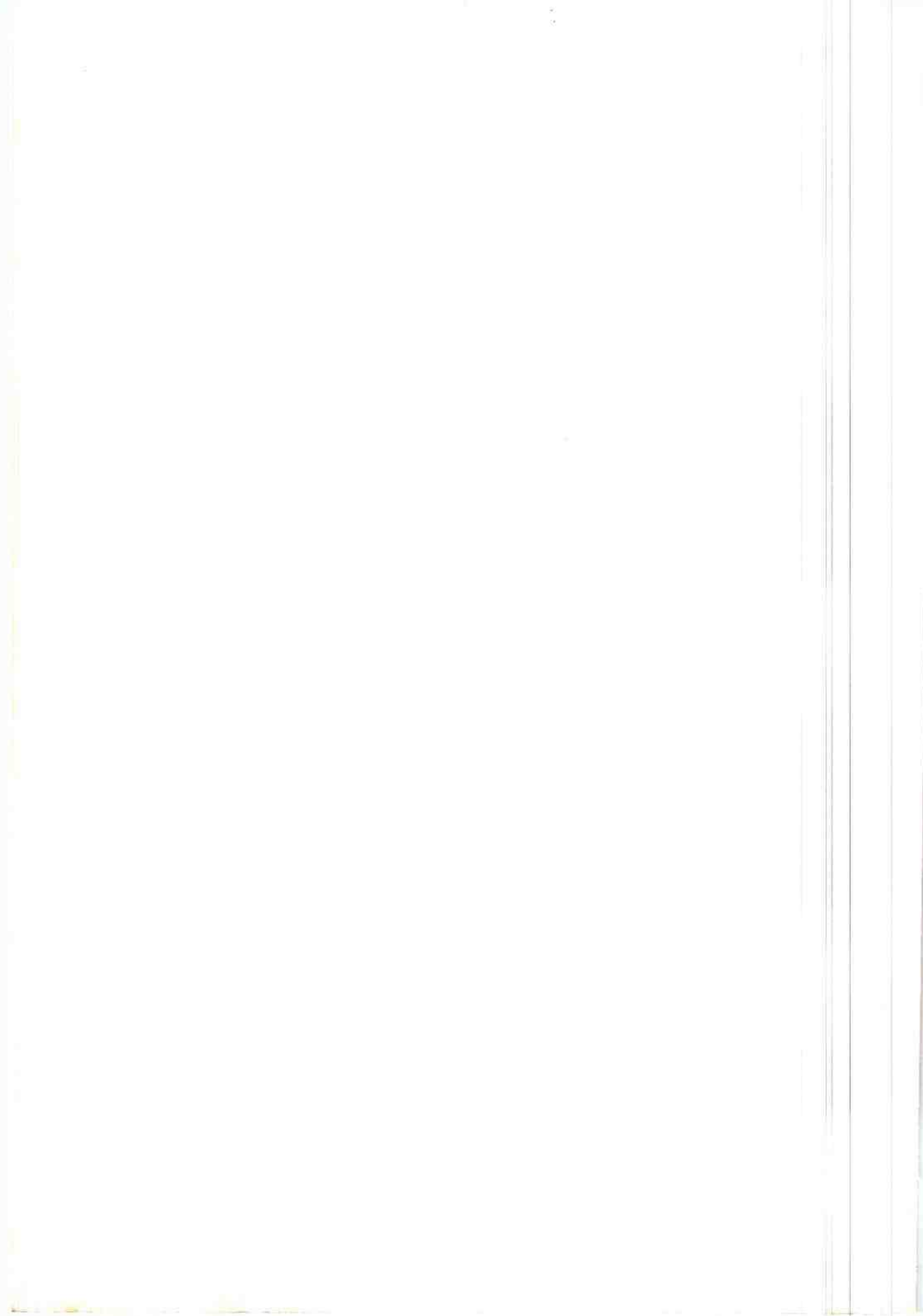
Phong trào xây dựng tổ lao động XHCN phát triển khá rộng. Từ 1979 đến 1985 có 124 lượt tổ lao động XHCN và 148 lượt chiến sĩ thi đua được cấp trên công nhận (riêng 1984 có 54 tổ và 74 CSTĐ được cấp trên công nhận). Ngoài ra nhà nước cũng đã phong tặng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân và nghệ sĩ ưu tú cho 2 cán bộ thuộc ngành VH TT. Đây là những tấm gương sáng về lòng yêu nước, yêu CNXH của những con người đã miệt mài phấn đấu hết mình vì CNXH (1).

Trong phục vụ nông nghiệp, qua tác động của CNVC vào các phong trào thủy lợi hóa, cơ giới hóa, hợp tác hóa,

(1) Số liệu trích trong sách "vinh dự to lớn, nhiệm vụ vẻ vang".



Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng III (1986)



ứng dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất... đã góp phần thắt chặt khối liên minh công - nông và đưa lại những thành tựu kinh tế rất quan trọng. So với năm 1976, năm 1984 đã nâng diện tích tưới tiêu từ 6.000 ha lên 18.000 ha, năng suất bình quân 1 ha gieo trồng từ 20,1 tạ lên 30,5 tạ, giá trị sản lượng thành phần kinh tế XHCN chiếm 72% sản lượng nông nghiệp toàn xã hội, sản lượng lương thực toàn tỉnh tăng 94,2% so với trước ngày giải phóng (1)

Phong trào thực hiện an toàn lao động theo Thông tư liên tịch 08 do công đoàn nông cốt có công an và ngành Lao động tham gia triển khai khắp các đơn vị sản xuất kinh doanh. Nhờ đó đã tăng cường kỷ luật an toàn sản xuất, xây dựng các nội qui phòng chống cháy nổ, xây dựng được mạng lưới vệ sinh viên ở các tổ sản xuất, củng cố nội qui bảo vệ cơ quan ; ngăn chặn hạn chế tai nạn lao động, bảo đảm an toàn các cơ quan xí nghiệp.

Ở những nơi làm tốt, phong trào thi đua có tác dụng nâng cao vai trò làm chủ, ý thức trách nhiệm của cán bộ CNVC và đã nảy nở nhiều nhân tố mới. Nhiều đơn vị tự vươn lên trong khó khăn, tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, khai thác tiềm năng sẵn có, giữ vững và phát triển sản xuất, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, hoàn thành kế hoạch nhà nước, giảm bớt khó khăn đời sống CNVC, đưa công tác quản lý đi dần vào nền nếp và các tiêu cực giảm đi rõ rệt. Kết quả phong trào đã góp phần quan trọng cùng Đảng bộ và nhân dân đưa nền kinh tế tỉnh nhà tiến lên, tạo được chuyển biến trong đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong tỉnh.

(1) Số liệu trích trong các báo cáo của công đoàn tỉnh.

Song chuyển biến tiến bộ của phong trào không đồng đều, còn nhiều nơi không duy trì liên tục. Cơ chế thực hiện quyền làm chủ theo Nghị định 182/CP nhiều nơi chưa thực hiện đầy đủ.

4. Công đoàn với công cuộc cải tạo XHCN.

Cải tạo XHCN là yêu cầu khách quan, tất yếu của cách mạng XHCN, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta sau khi nắm chính quyền nhằm giải phóng sức sản xuất, thiết lập quan hệ sản xuất mới XHCN. Nhận rõ tầm quan trọng và ý nghĩa của vấn đề, công đoàn đã tập trung sức tham gia công tác này từ đầu.

Công đoàn đã tiến hành tuyên truyền giáo dục đường lối chính sách cải tạo của Đảng và Nhà nước, vai trò, nghĩa vụ và quyền lợi của CNVC và lao động, giúp họ hiểu rõ các âm mưu thủ đoạn của giai cấp bóc lột, hiểu rõ tính tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt diễn ra trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Công đoàn động viên và lựa chọn nhiều cán bộ và công nhân lao động tham gia vào các chiến dịch đấu tranh xóa bỏ tư sản mại bản, cải tạo XHCN đối với tư sản dân tộc, xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, hỗ trợ ngư dân đấu tranh với đầu nậu, chủ vựa, hàm hộ, xóa bỏ bóc lột phong kiến ở vùng biển, hỗ trợ cho nông dân đấu tranh xóa bỏ các hình thức bóc lột phong kiến ở nông thôn, tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất, nhằm hoàn thành những việc còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ. Liên hiệp công đoàn đã thành lập bộ phận chuyên lo công tác cải tạo do đ/c Trần Hữu Phương, Phó thư ký LHCĐ phụ trách. Nhiều đ/c cán bộ, công nhân lao động đã lăn lộn thâm nhập quần chúng, điều tra, khảo sát, tiến hành phát động quần chúng

và cốt cán nắm tình hình các đối tượng cải tạo, kịp thời cung cấp cho cơ quan lãnh đạo tiến hành việc kiểm kê, kiểm soát, kê biên tài sản, hàng hóa, xác định mức đóng và truy thu thuế, hướng dẫn việc đăng ký hành nghề, tham gia quản lý hàng hóa và quản lý các cơ sở bị ta trưng thu, tịch thu, vận động giới chủ vào CTHD... góp phần đáng kể vào công tác cải tạo.

Gắn liền với cải tạo, đã tích cực tham gia phát động quần chúng và vận động vào các tổ chức làm ăn hợp tác. Đến năm 1984, toàn tỉnh đã hoàn thành công tác cải tạo XHCN các thành phần kinh tế. Trong nông nghiệp đã xây dựng 294 hợp tác xã và 261 tập đoàn sản xuất, thu hút trên 85% lao động nông nghiệp, thành lập 4 nông trường quốc doanh và các trạm trại kỹ thuật, công ty phục vụ nông nghiệp. Trong ngư nghiệp, xây dựng 68 hợp tác xã và 190 tổ hợp sản xuất, thu hút 76,7% công suất tàu thuyền và 58% lao động biển, lập 5 xí nghiệp quốc doanh và 3 xí nghiệp công tư hợp doanh. Trong công nghiệp và TTCN đã xây dựng được 84 hợp tác xã và tổ hợp sản xuất, thu hút 51% lao động TTCN vào làm ăn hợp tác. Khôi phục, sắp xếp và thành lập 45 xí nghiệp quốc doanh với đội ngũ cán bộ CNVC 4.350 người. Trong thương nghiệp đã hình thành đều khắp mạng lưới thương nghiệp XHCN bao gồm 141 hợp tác xã mua bán, 400 cửa hàng và hàng chục công ty quốc doanh trong các ngành thương nghiệp, lương thực, vật tư... nhờ đó việc thu mua, nắm nguồn hàng địa phương tăng 27,6 lần so 1976.

Kết quả cải tạo XHCN đã tạo điều kiện xây dựng quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất mới, thúc đẩy nền

kinh tế địa phương không ngừng phát triển. Tuy nhiên, công tác giáo dục phát động quần chúng ở một số nơi làm không sâu kỹ nên quần chúng chưa hiểu đúng, hiểu đầy đủ chính sách và chưa tạo được khí thế quần chúng tham gia mạnh mẽ. Việc xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng sản xuất mới một số nơi làm chậm.

5. Công đoàn chăm lo đời sống, bảo vệ lợi ích của CNVC.

Chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích của CNVC là chức năng quan trọng của công đoàn. Ý thức điều đó, các cấp công đoàn đã tích cực chủ động tham gia các hoạt động trên lĩnh vực này.

Trong tình hình kinh tế, đời sống còn khó khăn, các cấp công đoàn đã phối hợp với ngành chuyên môn vận động, tổ chức phong trào tăng gia sản xuất tự túc một phần lương thực trong các cơ quan, đơn vị và đã góp phần làm giảm bớt khó khăn về lương thực và cải thiện đời sống công nhân viên chức và lao động. Đơn cử như năm 1980 đã có 225/286 cơ sở gieo trồng 599 ha, thu hoạch 1.497 tấn lương thực qui gạo, nuôi 176 bò, 354 heo. Nhập kho trừ không mua lương thực nhà nước 130,732 tấn, số còn lại cải thiện bữa ăn CNVC. Việc làm kinh tế phụ gia đình như chăn nuôi, làm hàng gia công, tổ chức sản xuất phụ ở một số nơi cũng đã có tác dụng làm giảm khó khăn và cải thiện một phần đời sống CNVC.

Công đoàn bàn với chuyên môn áp dụng rộng rãi hình thức lương khoán, lương sản phẩm và các chế độ tiền thưởng tiên tiến để tăng thu nhập cho công nhân, nhờ đó có nơi tiền lương tăng 30 - 50% so với lương cấp bậc.

Bảo hiểm xã hội (1) là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta đã được công đoàn thực hiện từ đầu 1977. Đây là lĩnh vực hoạt động mang tính xã hội rộng lớn của công đoàn. Ngoài việc tuyên truyền phổ biến sâu rộng các chính sách, tổ chức hoàn thiện bộ máy quản lý từ tỉnh đến cơ sở, công đoàn vừa tổ chức thực hiện 3 chính sách đối với CNVC được nhà nước giao công đoàn quản lý là ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, vừa chăm lo bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho CNVC, đảm bảo tăng hiệu quả lao động sản xuất. Kết quả trong 10 năm (1977 - 1986) bảo hiểm xã hội tỉnh đã phối hợp với ngành tài chính và ngân hàng thu quỹ BHXH 3,7% (qui ra tiền mới) là 9.092.745đ/8.284.496đ kế hoạch và đã chi các hoạt động BHXH 9.331.096,90đ/7.629.661đ, kế hoạch - trong đó chi 3 chính sách là :

- Ốm đau 3.197.202đ/2.850.151,20đ kế hoạch.
- Thai sản 3.725.967,22đ/3.445.661,90đ kế hoạch.
- Tai nạn lao động 35.483,75đ/30.126,90đ kế hoạch.

Các cấp công đoàn có cố gắng nhiều trong việc quản lý và thực hiện tăng thu quỹ BHXH. Song do những biến động về giá cả (nhất là sau khi thực hiện chính sách điều chỉnh giá, lương, tiền) và do chế độ nghỉ lễ từ 3 tháng tăng lên 6 tháng theo quyết định 121/HĐBT nên phải chi tăng hơn định mức kế hoạch, trong khi tỷ lệ thu 3,7% theo quỹ lương vẫn giữ nguyên, làm ảnh hưởng nhiều đến việc chi cho 3 chính sách và các hoạt động BHXH. Nhưng điều cơ bản là nhờ quản lý BHXH ta đã giảm được số lượng ngày

(1) Số liệu về bảo hiểm xã hội trích trong các báo cáo của công đoàn tỉnh.

nghỉ ốm đáng kể là 338,467 ngày, góp phần tăng ngày công có ích cho xã hội.

Công đoàn cũng đã thực hiện bồi dưỡng tại chỗ cho 12.988 người, tổ chức nghỉ dưỡng sức và nghỉ hè cho 3.147 lượt người, tổ chức đưa đón 300 CNVC đi tham quan du lịch.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội công đoàn tỉnh khóa III, công đoàn thống nhất với UBND tỉnh xây dựng nhà nghỉ CNVC tại Phan Thiết, đưa vào hoạt động từ 11/85, đáp ứng được một phần nhu cầu nghỉ ngơi của CNVC trong tỉnh và phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi của CNVC các tỉnh bạn.

Cuộc vận động sinh đẻ kế hoạch do công đoàn nông cốt được đông đảo CNVC hưởng ứng. Đến 1986 có 4.120 nữ đặt vòng tránh thai và hàng ngàn CNVC sử dụng các biện pháp tránh thai khác. Năm 1983 bắt đầu thực hiện cấp phiếu đẻ của TCD, nhờ đó đã hạ tỉ lệ đẻ so với nữ từ 10,5% năm 1983 xuống 9% vào năm 1986. Tuy nhiên việc đẻ ngoài kế hoạch, đẻ đông, đẻ sớm, đẻ ngoài giá thú còn phổ biến nên việc giải quyết chính sách chưa kịp thời và có khó khăn cho người hưởng chính sách.

Công đoàn cũng đã thực hiện tốt việc thăm hỏi giúp đỡ lẫn nhau trong CNVC khi ốm đau, hoạn nạn. Từ 1977 đến 1984 đã chi hàng triệu đồng cho 26.283 lượt người do kinh phí công đoàn cấp và phát hiện đề nghị trợ cấp 2.700.000đ cho 27.000 lượt người do ngân sách nhà nước cấp. Riêng đợt trợ cấp khó khăn theo quyết định 354/HĐCP đã xét trợ cấp 4.606 gia đình với 6.243 định suất.

Nhiều công đoàn cơ sở phối hợp với chuyên môn xây dựng các bếp ăn tập thể, nâng chất lượng bữa ăn giữa ca, mở căn tin, xây dựng nhà gửi trẻ, mẫu giáo, tổ chức mua sắm hàng hóa theo tiêu chuẩn định lượng... đã góp phần

thiết thực giải quyết khó khăn trong cuộc sống hàng ngày của CNVC. Công đoàn tham gia với thương nghiệp về phân phối hàng hóa, tổ chức kiểm tra giám sát quĩ hàng hóa và việc phân phối hàng hóa theo tiêu chuẩn định lượng, góp phần ngăn chặn tiêu cực trong phân phối.

Theo kiến nghị, đề xuất của Công đoàn, UBND tỉnh đã xây dựng hàng trăm căn hộ ở các khu tập thể ; một số đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng kinh phí tự có xây nhà ở cho CNVC trong đơn vị ; Nhờ đó từng bước giải quyết các khó khăn về nhà ở, góp phần đẩy mạnh sản xuất và công tác.

Việc học tập bổ túc văn hóa, bồi dưỡng nâng tay nghề cho CNVC cũng được công đoàn nhiều nơi quan tâm thực hiện.

Nhờ thực hiện các biện pháp tổng hợp nói trên nên trước tình hình kinh tế khó khăn, tuyệt đại bộ phận CNVC vẫn gắn chặt với công đoàn, bám vị trí sản xuất và công tác, góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

Song vấn đề đời sống vẫn là nỗi lo toan lớn của Đảng, Nhà nước và Công đoàn. Mặc dù đã có nhiều chính sách biện pháp giải quyết nhưng thực tế đời sống CNVC vẫn còn khó khăn nhiều mặt. Trước tình hình đó Công đoàn một số nơi chưa chú ý đẩy mạnh các biện pháp tự cải thiện mà nặng ý lại, trông chờ vào Nhà nước.

6. Công đoàn với phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố quốc phòng, chống tiêu cực, làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội.

Đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch tích cực chống phá cách mạng nước ta. Công đoàn đã thường xuyên giáo

dục cho CNVC đề cao cảnh giác, chủ động và sẵn sàng đập tan mọi âm mưu hành động phá hoại của chúng.

Công đoàn phối hợp với Công an tỉnh phát động sâu rộng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc theo nội dung tinh thần Thông tư Liên tịch 01/TCĐ - Bộ Nội vụ và đã đạt được những kết quả cụ thể. Quần chúng đã phát hiện nhiều sơ hở trong quản lý cơ quan và đơn vị, kịp thời xử lý những phần tử xấu và nhiều vụ việc tiêu cực. Chấn chỉnh lại nội qui quản lý tài sản, nội qui bảo vệ cơ quan, tài liệu, phòng chống cháy nổ, thực hiện an toàn lao động trong sản xuất. Nhiều nơi đã kịp thời đập tan các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch, phát hiện cho cơ quan chức năng truy quét tệ nạn xã hội và các ấn phẩm văn hóa phản động, ngăn chặn đẩy lùi ảnh hưởng văn hóa đồi trụy, độc hại trong CNVC.

Tuy nhiên, vẫn còn những biểu hiện mất cảnh giác, mơ hồ với âm mưu địch, mơ hồ đấu tranh giai cấp trong giai đoạn mới.

Công đoàn đã chú ý giáo dục động viên CNVC thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự, nhất là số thanh niên CNVC trong độ tuổi. Đã đưa hàng ngàn thanh niên đi nhập ngũ. Đồng thời đã tham gia xây dựng đội ngũ tự vệ cơ quan, xí nghiệp khắp các đơn vị gồm 13.400 đội viên, được huấn luyện và có trang bị vũ khí cần thiết. Đây là lực lượng chủ yếu nòng cốt trong lao động sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an toàn cơ quan, xí nghiệp ; Có những đơn vị lực lượng tự vệ mạnh tiêu biểu trong nhiều năm liền như Xí nghiệp gạch ngói Phan Thiết, Ngân hàng Đức Linh, Ngân hàng Tấn Linh v.v...

Công đoàn đã tham gia động viên hàng trăm CNVC tình nguyện đi làm nhiệm vụ quốc tế ở tỉnh kết nghĩa

Prét-vi-hia (Campuchia) nhằm giúp bạn bảo vệ thành quả cách mạng, khôi phục phát triển kinh tế.

Công đoàn, nhất là các công đoàn cơ sở đã quan tâm thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình có người nhập ngũ gặp khó khăn. Vận động CNVC viết thư, gửi quà tặng các đơn vị bộ đội ở các đảo xa như Phú Quý, Trường Sa..., Vận động các đơn vị có người đi bộ đội sắp xếp việc làm cho số anh chị em hoàn thành nghĩa vụ, giúp đỡ các gia đình CNVC có con em đi bộ đội về được tiếp tục học hành. Những việc làm thiết thực đó có tác dụng gắn bó CNVC với Công đoàn, đồng viên CNVC làm tốt nghĩa vụ quân sự.

Song, trong CNVC vẫn còn tình hình miễn, hoãn tùy tiện, bao che, dung túng một số thanh niên lánh tránh nghĩa vụ chưa được khắc phục triệt để.

Vận động CNVC đấu tranh chống tiêu cực là nhiệm vụ thường xuyên của Công đoàn nhằm góp phần làm trong sạch nội bộ, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. Các cấp công đoàn coi trọng công tác giáo dục, phát động quần chúng, tạo ra sự nhất trí trong CNVC đối với chủ trương của Đảng và Nhà nước về chống tiêu cực theo Nghị định 228/CP. Trên cơ sở đó tự liên hệ phát hiện những sơ hở, rò rỉ, lên án mạnh mẽ những hành vi ăn cắp, hối lộ, móc ngoặc... phát giác những phần tử xấu, phê phán các biểu hiện tiêu xài hoang phí, ăn chơi sa đọa, thoái hóa biến chất và kiến nghị với đơn vị những biện pháp xử lý. Công đoàn chú ý xây dựng củng cố các mạng lưới kiểm tra và thanh tra từ tỉnh đến cơ sở và sử dụng lực lượng này làm nòng cốt trong chống tiêu cực (1). Các đội kiểm tra và ban thanh

(1) Báo cáo Đại hội Công đoàn tỉnh tháng 8-1983 ghi nhận : 1 đội kiểm tra CN tỉnh, 7 đội kiểm tra công nhân huyện thị, 156 Ban Thanh tra công nhân cơ sở gồm 883 người tham gia hoạt động.

tra phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức hàng trăm cuộc kiểm tra, thanh tra ở các cơ sở sản xuất, cửa hàng, bến xe, hợp tác xã v.v..., qua đó phát hiện hàng trăm vụ móc ngoặc, tuồn hàng, tham ô, ăn cắp của công, làm hàng xấu, hàng giả... làm thiệt hại tài sản Nhà nước và người tiêu dùng. Qua thanh tra, kiểm tra, công đoàn kịp thời giải quyết nhiều vụ việc khiếu tố của CNVC, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, thi hành kỷ luật các cán bộ và đoàn viên công đoàn phạm khuyết điểm. Đồng thời tham gia ý kiến với các cơ quan bảo vệ pháp luật và các đơn vị hữu quan xử lý các đối tượng vi phạm, bổ sung qui chế làm việc, chấn chỉnh công tác quản lý... nhằm ngăn chặn tiêu cực tái diễn.

Những nơi chỉ đạo tốt, qua đấu tranh đã ngăn chặn, hạn chế được tiêu cực, củng cố đội ngũ CNVC, tăng cường trách nhiệm và kỷ luật lao động, đẩy mạnh phong trào lao động, sản xuất, tiết kiệm trong đơn vị.

Tuy nhiên một số nơi làm không thường xuyên, liên tục, có những biểu hiện xuê xoa, bao che, thiếu kiên quyết, triệt để, và chưa chú ý bảo vệ những người đứng ra phát giác tiêu cực, chưa kết hợp chặt giữa chống và xây nên hiệu quả chống tiêu cực thấp.

7. Hoạt động công đoàn trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa :

Giáo dục chính trị, tư tưởng giữ vai trò rất quan trọng trong cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhất là đối với công nhân lao động mới giải phóng. Thông qua giáo dục làm cho CNVC và lao động hiểu rõ vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Đảng của giai cấp công nhân, xác định được chỗ đứng và trách nhiệm của mình trong công cuộc cải tạo XHCN và xây dựng CNXH.

Các cấp công đoàn đã chú ý tổ chức cho CNVC học tập các bài chính trị phổ thông cơ bản về đấu tranh giai cấp, sứ mệnh lịch sử và truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, các chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ của giai cấp công nhân và công đoàn trong giai đoạn hiện tại... Thông qua giáo dục đã từng bước nâng cao giác ngộ giai cấp, lòng yêu nước, yêu CNXH, tinh thần quốc tế vô sản, tinh thần làm chủ tập thể, ý thức lao động mới, tinh thần năng động sáng tạo, ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, tôn trọng pháp luật... trong CNVC. Hệ tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh dần dần chiếm ưu thế trong đời sống chính trị và tinh thần của CNVC.

Việc giáo dục về thời sự chính sách được các cấp công đoàn coi trọng gắn liền với yêu cầu chính trị và thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời gian.

Những năm đầu sau giải phóng, đặt mạnh việc giáo dục về vai trò vị trí giai cấp công nhân và công đoàn, truyền thống giai cấp CNVN, các chính sách cải tạo, khôi phục và phát triển kinh tế. Những năm 1979 - 1980 công đoàn đi sâu giáo dục về âm mưu của các thế lực thù địch, động viên CNVC làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Những năm 1980 - 1981 học các Nghị quyết TW về cải tiến cơ chế quản lý, chuyển hướng chính sách kinh tế, đi sâu giáo dục về Nghị định 182/CP và 217/CP về quyền làm chủ tập thể và chế độ trách nhiệm của CNVC. Những năm 1982 - 1984 tập trung tuyên truyền giáo dục việc tháo gỡ những khó khăn, ách tắc trong sản xuất kinh doanh, xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp, tạo điều kiện cho sản xuất bung ra ; Tuyên truyền giáo dục sâu rộng về giai cấp công nhân Việt Nam và tổ

chức công đoàn tập trung vào dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam.

Việc tuyên truyền giáo dục CNVC được thực hiện thông qua sử dụng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ Tuyên giáo công đoàn các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức thi tìm hiểu về giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam trong CNVC.

Cùng với giáo dục chính trị tư tưởng, các cấp công đoàn còn chú ý phát triển rộng rãi phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng trong CNVC. Hầu hết các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan xây dựng được tủ sách, phòng đọc sách, một số nơi xây dựng được câu lạc bộ, phòng truyền thống, nhiều nơi lập tổ, nhóm văn nghệ. Hàng chục đội văn nghệ nghiệp dư có nhiều tiết mục tự biên tự diễn với nội dung ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác Hồ, phản ánh gương người tốt việc tốt, chống tiêu cực... khá phong phú, đã tham gia biểu diễn trong tỉnh, huyện, thị, ngành, khu vực. Có nhiều tiết mục được giấy khen, bằng khen và huy chương, chứng tỏ CNVC có nhiều tài năng trên lĩnh vực này. Ở cơ sở, có nhiều đơn vị tổ chức được các hoạt động thể dục thể thao tại chỗ như cờ tướng, bóng bàn, bóng chuyền... và từng thời gian tổ chức luyện tập tập trung để tham gia các giải phong trào toàn ngành, tỉnh và khu vực, thu hút được đông đảo CNVC tham gia.

Phong trào học bổ túc văn hóa, chủ yếu là cấp I được nhiều nơi thực hiện, góp phần nâng trình độ học vấn của CNVC trong đơn vị.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đã góp phần tạo không khí vui tươi phấn khởi lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu trong CNVC.

Tuy nhiên, nhiều nơi còn coi nhẹ việc giáo dục chính trị cơ bản. Học tập thời sự chính sách chưa gắn chặt với việc liên hệ phân tích phê phán những nhận thức và hành động sai trái trong CNVC. Việc tuyên truyền về giai cấp công nhân và công đoàn trên các phương tiện thông tin đại chúng địa phương còn yếu. Việc học tập văn hóa chưa được coi trọng đúng mức. Phong trào văn nghệ, thể dục thể thao chưa có khởi sắc. Hệ thống mạng lưới công tác tuyên giáo hoạt động yếu, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trước tình hình mới. Nội bộ CNVC còn nhiều biểu hiện tiêu cực.

8. Công đoàn với Hội Lao động hợp tác :

Ngoài lực lượng quốc doanh, trong tỉnh còn có lực lượng lao động đông đảo trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp các ngành dịch vụ và nghề cá... họ tạo ra giá trị sản phẩm lớn trong nền kinh tế và giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động. Chính vì vị trí và tính chất quan trọng đó nên sau khi tỉnh ta được giải phóng, cấp ủy địa phương đã phân công một số cán bộ làm công tác công vận kịp thời tập hợp, giáo dục và sử dụng lực lượng này tham gia có hiệu quả nhiều lĩnh vực như : Vận chuyển hàng hóa, vũ khí phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn, nhanh chóng khôi phục lại các hoạt động công cộng, ổn định tình hình các đô thị... Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 30/CT-TV ngày 21-9-1979 về việc thành lập Hội Lao động Hợp tác và giao cho tổ chức Công đoàn phụ trách. Và ngày 5-2-1982, Thường vụ Tỉnh ủy lại có Chỉ thị số 28/CT-TV tiếp tục tăng cường lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể đối với Hội LĐHT. Liên hiệp Công đoàn đã phân công đồng chí Nguyễn Văn Sơn, Ủy viên Thường vụ làm Trưởng ban cán sự để lo chỉ đạo

Hội LĐHT. Các huyện thị có phân công đồng chí Thường vụ phụ trách công tác Hội.

Việc tập hợp giáo dục lao động các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và lao động biển nhằm xây dựng họ thành người lao động chân chính, yêu nước, yêu CHXH. Đồng thời động viên họ tích cực tham gia công tác cải tạo, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thực hiện chủ trương trên đây, tính đến 1982, qua khảo sát toàn tỉnh có 30.423 lao động các ngành nghề, trong đó 11.832 người là lao động các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và 18.600 người là lao động biển. Ta đã xây dựng 58 Hội lao động và 278 tổ Hội lao động hợp tác, gồm 11.063 hội viên, chiếm 27,5% tổng số lao động. Hội đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của công đoàn các huyện thị. Quá trình xây dựng và phát triển, có nhiều cán bộ Hội đã trưởng thành, có một số được kết nạp vào Đảng, trở thành cán bộ chủ chốt ở xã phường. Hội đã phát huy vai trò nòng cốt phong trào thi đua XHCN trong các hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện được nhiều hợp đồng kinh tế với Nhà nước, làm ra được nhiều mặt hàng xuất khẩu, thu hút số lao động dôi dư của gia đình các xã viên, hội viên và một bộ phận ngoài xã hội có công việc làm, tăng thu nhập để giải quyết đời sống.

Hội Lao động hợp tác một số nơi đã vận dụng Nghị định 182/CP vào việc quản lý hợp tác xã, nhằm phát huy quyền làm chủ của xã viên, nâng cao vị trí người lao động đẩy mạnh sản xuất.

Thông qua các đợt vận động, giáo dục, với sự nòng cốt của các hội viên Hội lao động hợp tác đã giúp cho bà con lao động nhận rõ lợi ích của làm ăn hợp tác nên ngày càng có đông người vào hợp tác xã.

Hội LĐHT đã luôn quan tâm chăm lo đời sống người lao động. Bằng việc áp dụng các hình thức lương khoán, lương sản phẩm, phát triển làm hàng gia công và nghề phụ gia đình, trợ cấp các gia đình gặp ốm đau, hoạn nạn v.v... đã có tác dụng góp phần cải thiện đời sống người lao động, gắn bó người lao động với hợp tác xã.

Từ những kết quả đạt được cho thấy việc ra đời của Hội LĐHT là cần thiết, đưa lại hiệu quả lớn trong cải tạo và xây dựng, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sản xuất phát triển.

Song sự chỉ đạo của các cấp công đoàn đối với Hội LĐHT chưa đúng mức, nhất là chưa kịp thời tăng cường cán bộ để chuyên lo công tác Hội. Mặt khác Tổng Công đoàn Việt Nam cũng chưa kịp thời có chủ trương chỉ đạo cụ thể và thống nhất vấn đề này nên các cấp Công đoàn bên dưới lúng túng, khó khăn trong tổ chức chỉ đạo.

9. Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh :

Cùng với sự trưởng thành của phong trào CNVC và lao động, tổ chức công đoàn tỉnh nhà không ngừng củng cố và phát triển.

Về tổ chức, sau giải phóng, các tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy, Ninh Thuận và một số huyện thị trực thuộc mỗi nơi có một vài cán bộ do cấp ủy cử sang làm công tác công vận. Đến cuối 1975, tỉnh và các huyện, thị xã chưa có BCH Công đoàn, ba tỉnh lúc đó có 302 đoàn viên, số đông được

ghép thành tổ, phân đoàn, nhiều nơi chưa lập BCH Công đoàn cơ sở. Sau khi lập tỉnh Thuận Hải, tháng 2 năm 1976, đã xây dựng được 107 công đoàn cơ sở gồm 3.600 đoàn viên công đoàn. Đến Đại hội công đoàn tỉnh khóa I (1/10/1977 - 4/10/1977) ghi nhận toàn tỉnh có 135 công đoàn cơ sở gồm 4.868 đoàn viên công đoàn, chiếm 24% tổng số CNVC. Và đến cuối 1985, báo cáo thành tích hoạt động 10 năm (1975 - 1985) của Thường vụ LHCD tỉnh ngày 25-11-1985 ghi nhận toàn tỉnh có 565 công đoàn cơ sở (167 sản xuất kinh doanh, 154 HCSN, 244 trường học) bao gồm khoảng 26.000 đoàn viên công đoàn, chiếm 82,35% tổng số CNVC.

Cùng với công đoàn cơ sở, công đoàn huyện, thị, ngành được thiết lập. Đầu năm 1977, toàn tỉnh có 9/13 huyện thị bố trí mỗi nơi 1 - 2 cán bộ công đoàn chuyên trách. Các công đoàn ngành cũng được hình thành và có cán bộ công đoàn chuyên trách, sớm nhất là công đoàn Bưu điện, Thương nghiệp, sau đó là Xây dựng, Giáo dục, Hải sản... Đến năm 1985, toàn tỉnh có 13 công đoàn huyện thị và 13 công đoàn ngành với biên chế : bộ phận thường trực công đoàn huyện thị có từ 1 đến 3 cán bộ, công đoàn ngành có từ 1 - 2 cán bộ. Nhiều công đoàn huyện thị và công đoàn ngành qua hoạt động thực tiễn đã phát huy tốt vai trò, chức năng nhiệm vụ của mình như các Công đoàn thị xã Phan Thiết, thị xã Phan Rang, huyện Hàm Tân..., các Công đoàn ngành Bưu điện, Thương nghiệp, Xây dựng, Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp, Hải sản...

Hoạt động của Công đoàn cấp tỉnh cũng ngày càng phát triển. Những năm 1975 - 1988 gọi là Liên hiệp Công đoàn. Sau khi thành lập tỉnh, Tỉnh ủy Thuận Hải phân công đồng chí Hồ Ngọc Tấn (Việt Hà) Tỉnh ủy viên phụ trách Công đoàn tỉnh. Bộ máy cơ quan lúc đầu có 7 cán bộ, nhân



**Đồng chí Hồ Ngọc Tấn (Việt - Hà) Tỉnh ủy viên,
Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Thuận Hải (1976 - đầu năm 1977)**



**Đồng chí Lê Văn Tân, UV. BCH. Tổng LĐLĐ Việt Nam khóa IV
Chánh Thư ký LHCD Thuận Hải khóa I (1977 - 1981)**



viên đóng tại nhà số 9 đường Trưng Vương, thị xã Phan Rang. Tháng 7-1976, Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành (BCH) LHCD lâm thời 13 ủy viên, có 2 nữ, do đồng chí Hồ Ngọc Tấn làm Chánh thư ký, đồng chí Trần Hữu Phương làm Phó Thư ký. Đầu năm 1977, trên điều động đồng chí Hồ Ngọc Tấn lên LHCD Lâm Đồng, Tỉnh ủy Thuận Hải phân công đồng chí Lê Văn Tân, Tỉnh ủy viên thay làm Chánh thư ký. BCH - LHCD lâm thời tỉnh đã thực hiện tốt việc động viên, tổ chức phong trào CNVC và lao động thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác trước mắt của Đảng bộ tỉnh, đồng thời tích cực gây dựng cơ sở, hoàn thành xây dựng hệ thống tổ chức Công đoàn từ cơ sở lên tỉnh, gắn liền với việc chuẩn bị tốt các mặt cho Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ I.

Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ I từ 1-10 đến 4-10-1977 khai mạc trọng thể tại hội trường Thư viện Tuyên Quang (1) thị xã Phan Thiết, đánh dấu bước phát triển và trưởng thành của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn tỉnh nhà sau chiến tranh. Đại hội bầu BCH - LHCD 25 người do đồng chí Lê Văn Tân, Tỉnh ủy viên, Ủy viên BCH Tổng Công đoàn Việt Nam khóa IV làm Chánh thư ký, đồng chí Trần Hữu Phương làm Phó thư ký.

Cuối năm 1977, tỉnh lỵ tỉnh Thuận Hải chuyển vào thị xã Phan Thiết. Cơ quan LHCD tỉnh đóng tại số nhà 245 - đường Trần Hưng Đạo, năm 1981 chuyển sang số nhà 241 - kê bên được sửa chữa nâng cấp bề thế hơn. Bộ máy cơ quan từ một số ít cán bộ nhân viên ban đầu, lúc này đã đầy đủ các ban với biên chế lúc cao nhất trên 40 người,

(1) Hội trường Nhà Văn hóa Thiếu nhi tỉnh hiện nay.

phục vụ được yêu cầu lãnh đạo, hướng dẫn phong trào Công đoàn tỉnh.

Đại hội Công đoàn tỉnh khóa II từ 15-1 đến 17-1-1981 tổ chức tại hội trường Trường Đảng tỉnh bên bãi biển Đồi Dương. Đại hội bầu BCH LHCD 33 ủy viên do đồng chí Vương Hồng Châu (Nguyễn Đức Tân), Tỉnh ủy viên, làm Chánh thư ký. Sau Đại hội một thời gian, Tỉnh ủy điều đồng chí Nguyễn Văn Thắng từ Sở Giao thông vận tải sang công tác LHCD và được Ban Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam đồng ý bổ sung vào BCH.LHCD và được BCH.LHCD bầu làm Phó thư ký.

Đại hội Công đoàn tỉnh khóa III từ 25-8 đến 27-8-1983 tổ chức tại hội trường LHCD (phía sau trụ sở chính) đã bầu BCH.LHCD 37 ủy viên. Tại Đại hội III, các đồng chí Vương Hồng Châu, Nguyễn Văn Thắng được tái cử làm Chánh thư ký và Phó thư ký. Riêng đồng chí Vương Hồng Châu, tại Đại hội Công đoàn toàn quốc lần thứ 5 (16/11 - 18/11/1983) được trúng cử BCH Tổng Công đoàn Việt Nam khóa V và được phân công chịu trách nhiệm, phong trào Công đoàn Thuận Hải.

Trong quá trình phát triển, bộ máy LHCD tỉnh từng bước được tăng cường số lượng và chất lượng.

Về cán bộ, đội ngũ cán bộ công đoàn trong tỉnh từ nhiều nguồn khác nhau tập hợp lại : cán bộ do cấp ủy Đảng địa phương điều động bố trí, số này tương đối đông nhưng chưa được huấn luyện ; cán bộ do Tổng Công đoàn Việt Nam bổ sung và cán bộ do Công đoàn địa phương đào tạo. Năm 1976, mới có một số ít cán bộ nhân viên chuyên trách, chủ yếu ở cấp tỉnh và một số cán bộ bán chuyên trách ở các cấp công đoàn bên dưới. Đến Đại hội công đoàn tỉnh

khóa III có 152 cán bộ chuyên trách và 4.806 cán bộ bán chuyên trách (1). Đó là chưa kể hàng ngàn anh chị em trong hệ thống mạng lưới quần chúng tích cực tham gia hoạt động công đoàn. So với 1976, cán bộ chuyên trách tăng hơn 21,5 lần, bán chuyên trách tăng hơn 19,4 lần.

Về huấn luyện, đào tạo : Năm 1976 một số huyện và tỉnh tổ chức lớp bồi dưỡng được 273 cán bộ CĐCS. Để đáp ứng nhu cầu phong trào, theo đề nghị của Công đoàn tỉnh, ngày 14-2-1979, Ban Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam ra Quyết định số 629/TC/TCĐ cho tỉnh Thuận Hải lập trường Công đoàn địa phương. Trường có bộ máy gọn nhẹ, do một đồng chí ủy viên Thường vụ phụ trách, đã mở được hàng chục lớp huấn luyện đào tạo và bồi dưỡng ngắn ngày từng chuyên đề cho Ủy viên BCH công đoàn huyện thị, ngành và công đoàn cơ sở. Kết quả đào tạo 388 đồng chí và bồi dưỡng 2.540 đồng chí. Các huyện, thị, ngành cũng đã mở lớp bồi dưỡng hàng ngàn tổ trưởng, tổ phó công đoàn.

Ngoài việc tổ chức đào tạo bồi dưỡng tại chỗ, LHCD đã cử 19 cán bộ chuyên trách đi học các trường của Tổng Công đoàn từ trung cấp đến Đại học, kể cả đi học Đại học Công đoàn nước ngoài.

Kết quả trên là sự cố gắng của các cấp công đoàn về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - Song tồn tại lớn trong đội ngũ cán bộ công đoàn là năng lực, trình độ yếu, nhất là kiến thức quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, LHCD tỉnh chưa có qui hoạch và kế hoạch lâu dài trong đào tạo cán bộ.

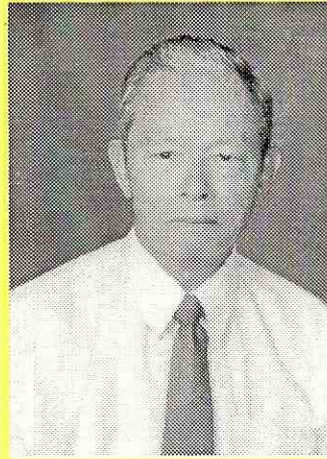
(1) Trong số cán bộ bán chuyên trách có 2.019 cán bộ tổ, 870 cán bộ công đoàn bộ phận, 182 cán bộ CĐCS và 89 cán bộ là Ủy viên BCH Công đoàn các huyện, thị, ngành.

Việc xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh theo chủ trương của Tổng Công đoàn Việt Nam được triển khai thực hiện trong toàn bộ hệ thống công đoàn, nhất là xây dựng các công đoàn cơ sở vững mạnh cả về tổ chức và tư tưởng để hoạt động có hiệu quả. LHCD đã hướng dẫn tiêu chuẩn và nội dung xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh theo chỉ thị, nghị quyết của Tổng CĐVN.

Hàng năm, LHCD giao chỉ tiêu cho các công đoàn huyện, thị, ngành và cuối năm tổ chức kiểm tra để đánh giá, phân loại. Thực hiện chủ trương này nhìn chung tổ chức công đoàn các cấp được kiện toàn một bước, nhất là ở cơ sở. Qua kết quả xây dựng công đoàn vững mạnh, có thể khẳng định công đoàn là tổ chức đáng tin cậy của Đảng, chỗ dựa vững chắc của chính quyền. Tính quần chúng, tính giai cấp của công đoàn ngày càng được nâng cao, phương thức hoạt động của công đoàn ngày càng tiến bộ. Song hoạt động công đoàn chưa đều, một số nơi hoạt động kém hiệu quả.

Công tác vận động nữ công nhân viên chức luôn được các cấp công đoàn quan tâm chỉ đạo. Về tổ chức, đến Đại hội công đoàn tỉnh khóa 3 (1983), toàn tỉnh có 139 công đoàn cơ sở tổ chức được ban nữ công, trong đó có 49 ban hoạt động khá, 62 ban trung bình và 28 ban vào loại yếu. Các cơ sở còn lại có phân công người phụ trách nữ công. Có 7/13 ngành, 10/13 huyện thị có cán bộ phụ trách nữ công.

Ngoài các hoạt động theo hệ thống công đoàn, LHCD đã phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tổ chức phong trào “người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, giải việc nước, đảm việc nhà, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình văn hóa mới, từng thời gian có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.



**Đồng chí Vương Hồng Châu, UV. BCH Tổng LĐLĐVN khóa V, TUV,
Chánh Thư ký LHCD Thuận Hải khóa II, khóa III.**



**Quang cảnh Đại hội đại biểu công đoàn tỉnh Thuận Hải
lần thứ III.**

Thông qua giáo dục vận động đã động viên và phát huy được vai trò của chị em trên mọi lĩnh vực : lao động sản xuất, chính trị - xã hội, khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật... Có hàng ngàn chị em đạt danh hiệu “người phụ nữ mới”. Ngành giáo dục có hàng trăm nữ giáo viên đạt danh hiệu “Tám gương sáng” v.v... LHCD cũng đã tổng kết biểu dương khen thưởng hàng trăm chị em nữ CNVC tài năng cấp huyện, thị, ngành và tỉnh và chọn cử đoàn đại biểu tiêu biểu của tỉnh tham dự Hội nghị tổng kết phong trào nữ CNVC tài năng toàn quốc, do TCD tổ chức.

Chị em còn là những người đi đầu trong phong trào sinh đẻ có kế hoạch. Rõ ràng, trong chế độ ta, trí tuệ, tài năng của phụ nữ không ngừng được phát huy, chị em đã đóng góp khả năng của mình trên mọi lĩnh vực hoạt động. Thành tựu kinh tế xã hội của tỉnh những năm qua có sự đóng góp đáng kể của nữ CNVC.

Song phong trào nữ công phát triển không đồng đều. Thái độ phân biệt đối xử, coi thường phụ nữ ở nhiều nơi chưa được khắc phục. Chỉ thị 44/CT-TW của Trung ương Đảng về chính sách đối với cán bộ nữ nhiều nơi chưa có kế hoạch triển khai thực hiện. Sự phối hợp giữa công đoàn và Liên hiệp phụ nữ để chỉ đạo phong trào nữ công chưa chặt chẽ.

Tóm lại, qua xây dựng và phát triển, công đoàn - một tổ chức quần chúng rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động từng bước được củng cố và trưởng thành. Tuy nhiên, tổ chức công đoàn còn nhiều mặt yếu, nhất là về năng lực, phương thức và nội dung hoạt động, cần tiếp

tục phấn đấu nhiều hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới.

*

* * *

Nhìn chung trong 10 năm đầu sau giải phóng thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1985), dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Tổng Công đoàn Việt Nam, phong trào CNVC và hoạt động công đoàn tỉnh Thuận Hải có bước phát triển và trưởng thành đáng kể.

Đội ngũ CNVC và lao động lớn mạnh không ngừng. Tổ chức công đoàn ngày càng phát triển và củng cố. Công nhân, lao động và tổ chức công đoàn đã phát huy bản chất truyền thống của giai cấp công nhân và chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn hăng hái đi đầu trên mọi lĩnh vực : khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh và củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động của phong trào CNVC, lao động và tổ chức công đoàn đã góp phần quan trọng vào những thành tựu kinh tế - xã hội to lớn của tỉnh nhà, tạo cơ sở và tiền đề đưa phong trào cách mạng trong tỉnh vững bước đi lên. Vị trí của công đoàn ngày càng được nâng cao và uy tín, ảnh hưởng của tổ chức công đoàn ngày càng sâu rộng trong toàn xã hội.

Những đóng góp đó đã được Đảng bộ và chính quyền địa phương khẳng định và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho tổ chức công đoàn tỉnh trong dịp kỷ niệm 10 năm tỉnh nhà được giải phóng.

Kết quả đạt được chứng tỏ bản chất cách mạng và tài năng sáng tạo của đội ngũ CNVC, tỏ rõ giai cấp công nhân

xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng, là lực lượng tiên phong nòng cốt trong cách mạng XHCN và xây dựng CNXH - Kết quả đó không tách rời sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ cán bộ công đoàn các cấp, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, của Tổng Công đoàn Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền và các ngành, các đoàn thể đối với tổ chức công đoàn.

Tuy nhiên, phong trào CNVC, lao động và hoạt động công đoàn còn những khuyết điểm tồn tại đáng chú ý là :

Giác ngộ của CNVC và lao động về giai cấp, về CHXH và về nhiệm vụ chính trị trên từng chặng đường quá độ lên CHXH chưa sâu sắc.

Đội ngũ CNVC có phát triển số lượng nhưng chất lượng chưa cao : Trình độ học vấn, tay nghề bậc thợ thấp, nhất là cán bộ KHKT, cán bộ quản lý, công nhân bậc cao còn ít. Ý thức làm chủ chưa cao, tiêu cực trong nội bộ CNVC chưa khắc phục tốt.

Đời sống CNVC và lao động còn nhiều khó khăn đã và đang tác động ảnh hưởng không tốt đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hoạt động công đoàn có mở rộng nhưng chưa có chiều sâu. Việc thực thi chức năng, nhiệm vụ công đoàn theo Luật định còn nhiều bất cập, nhất là chức năng kiểm tra, giám sát, tham gia quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

- Tổ chức công đoàn trong tỉnh còn nhiều nơi yếu (nhất là ở cơ sở) chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đội ngũ cán bộ công đoàn có nhiệt tình nhưng còn yếu về năng lực, trình độ, việc đào tạo, bồi dưỡng cũng

chưa được chú ý đúng mức. Qui hoạch cán bộ lãnh đạo của công đoàn chưa được đưa vào qui hoạch chung về cán bộ của cấp ủy Đảng. Chính sách đối với đội ngũ cán bộ công đoàn chưa thật hợp lý nên chưa thu hút được nhiều cán bộ làm công tác công đoàn.

Việc quản lý đoàn viên công đoàn thiếu chặt chẽ. Việc kiểm tra thi hành điều lệ chưa được chú ý thường xuyên. Tình hình vi phạm điều lệ, vi phạm tư cách, phẩm chất đoàn viên chưa kịp thời ngăn chặn.

HXXH- Về lãnh đạo, chỉ đạo còn ảnh hưởng nặng lối làm việc hành chính, quan liêu, chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động và còn coi nhẹ chỉ đạo Hội Lao động hợp tác.

Nguyên nhân các khuyết điểm tồn tại trên có phần do khách quan như : đội ngũ CNVC không thuần nhất, một bộ phận chịu ảnh hưởng các tàn dư tư tưởng cũ ; những khó khăn về kinh tế và đời sống của đất nước tác động ; sự phá hoại của các thế lực thù địch và sự phản ứng giai cấp trong thời kỳ cải tạo. Song về chủ quan chính là do :

- Việc xây dựng đội ngũ CNVC về chính trị, tư tưởng, tổ chức và nghề nghiệp chưa được sự quan tâm đúng mức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành liên quan mà trong đó công đoàn có vai trò quan trọng. Nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn ở cơ sở chưa đầy đủ. Hoạt động công đoàn chưa phản ánh được tính quần chúng rộng rãi, chưa quán triệt và xuyên suốt nội dung vấn đề phát huy quyền làm chủ của CNVC và lao động ở cơ sở.

- Năng lực tổ chức thực hiện của các cấp công đoàn còn yếu. Nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện nghiêm túc, sự lãnh đạo tập thể chưa thực hiện đầy đủ và

trách nhiệm cá nhân chưa đề cao đúng mức. Tổ chức chỉ đạo của công đoàn chưa đi sâu tác động các vấn đề kinh tế, kỹ thuật, khoa học quản lý một cách thiết thực và có hiệu quả. Sự phối hợp với các ngành, đoàn thể cũng chưa chặt chẽ.

- Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công đoàn chưa quan tâm đầy đủ, thiếu chặt chẽ, cụ thể. Nhận thức của chính quyền và các ngành về vai trò, vị trí, chức năng của công đoàn chưa rõ, chưa sâu sắc nên cộng tác, phối hợp, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn hoạt động chưa tốt.

II - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1998).

Từ năm 1986 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, cùng cả nước, phong trào công nhân lao động và hoạt động Công đoàn tỉnh ta đã trải qua một chặng đường đầy sôi động. Hoạt động công đoàn luôn gắn mình với việc cải biến nền kinh tế xã hội địa phương.

Những năm đầu của công cuộc đổi mới, cơ chế quản lý cũ và mới đan xen. Khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Tác động của khủng hoảng kinh tế xã hội thời kỳ bao cấp còn hằn sâu vào nhiều mặt đời sống : sản xuất trì trệ, lạm phát tăng nhanh. Mỹ bao vây cấm vận kinh tế - Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu tan rã, sụp đổ. Các thế lực thù địch trong nước đẩy mạnh hoạt động gây mất ổn định chính trị, phá rối an ninh quốc gia. Lòng tin của nhân dân giảm sút.

Trong bối cảnh chung đó, tỉnh ta cũng trải qua nhiều thử thách. Thời tiết diễn biến thất thường. Những năm 1988, 1990 bị thiên tai nặng. Sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp chịu nhiều tổn thất. Nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh thua lỗ kéo dài. Hàng loạt hợp tác xã làm ăn không hiệu quả. Tổ chức bộ máy và tư tưởng cán bộ chuyển biến không kịp với yêu cầu đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế rất thấp. Kinh tế mất cân đối nhiều mặt. Ngân sách, tài chính đặc biệt khó khăn. Mặt khác trong thời gian này, nhất là từ cuối năm 1990, xã hội phát sinh những vấn đề mới phức tạp, có mặt khá gay gắt.

Quán triệt quan điểm đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức và lao động tỉnh ta đã cùng toàn dân khẳng định những thành tích đã đạt được những năm qua, nhận rõ những mặt tồn tại yếu kém và xác định đúng nhiệm vụ mục tiêu đưa sự nghiệp đổi mới tỉnh nhà tiến lên cùng cả nước.

Kết quả đáng mừng là : Trên địa bàn toàn tỉnh, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN được xác lập. Cơ chế quản lý mới đã tạo ra động lực sản xuất mới. Nhân dân hăng hái góp sức lực, của cải, trí tuệ, tài năng vào việc sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống. Những đơn vị làm ăn giỏi, những tấm gương lao động điển hình xuất hiện ngày càng nhiều trên mặt trận sản xuất nông, ngư, công nghiệp và dịch vụ.

Bộ mặt xã hội ở đô thị, nông thôn, miền núi, hải đảo có những đổi thay rõ nét. Phong trào công nhân lao động

và hoạt động công đoàn gắn rất chặt với sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, an ninh quốc phòng, quyền làm chủ của dân, xây dựng chính quyền, Mặt trận và xây dựng Đảng.

Dưới đây là những chặng đường, bước đi thăng trầm và sự tác động tích cực của phong trào công nhân lao động, hoạt động công đoàn trong tỉnh vào công cuộc đổi mới ở địa phương.

1. Tình hình đội ngũ và phong trào công nhân lao động khi chuyển sang cơ chế mới.

Khi chuyển sang cơ chế mới, kể cả các huyện thị, tỉnh Thuận Hải cũ có khoảng 170 doanh nghiệp nhà nước. Tổng số CNVC khu vực nhà nước lúc bấy giờ có khoảng 40.000 người, kể cả số đơn vị của TW, trong đó 50% là nữ.

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế có trên 70% cơ sở quốc doanh do làm ăn kém hiệu quả phải giải thể hoặc sáp nhập, các đơn vị còn lại phải tổ chức lại sản xuất kinh doanh, bố trí lại lao động ở một số cơ sở còn duy trì hoạt động, tình trạng nghỉ chờ việc hoặc tự tìm lấy việc làm diễn ra thường xuyên. Các cơ quan HCSN sắp xếp lại bộ máy, giảm nhẹ biên chế. Một lực lượng khá đông CNVC bị thất nghiệp, đời sống rất khó khăn bức xúc. Năm 1992 so với 1988, số CNVC giảm 20.890 người, trong đó số nghỉ việc theo quyết định 176 và 111/HĐBT 9.091 người. Khi tách tỉnh, một bộ phận CNVC chuyển ra Ninh Thuận, riêng Bình Thuận có khoảng 17.500 CNVC, trong đó trên 5.000 người trong khu vực sản xuất vật chất.

Số lao động ngoài quốc doanh gồm lao động biển, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề khác, toàn tỉnh Thuận Hải cũ có trên 30.400 người, trong đó có trên 19.000 người vào các tổ chức làm ăn hợp tác. Thực hiện cơ chế quản lý mới, đại bộ phận HTX không kịp thời chuyển đổi cơ chế phải giải thể, xã viên phải tự tìm lấy việc làm ngoài xã hội.

Quá trình thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế tỉnh nhà từng bước chuyển dịch cơ cấu và thành phần kéo theo sự biến động của đội ngũ CNVC và lao động theo xu hướng vừa giảm, vừa bổ sung, vừa có sự chuyển dịch giữa các thành phần kinh tế. Nhìn chung số CNVC và lao động có tăng, năm 1997 tăng 1,6 lần so với năm 1993, nhưng không đồng đều giữa các ngành và khu vực kinh tế. Khu vực nhà nước tập trung vào một số ngành dịch vụ, may mặc, xây dựng, chế biến nông lâm hải sản, trong khi khu vực kinh tế ngoài quốc doanh phát triển tương đối mạnh.

Tính đến Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VI (8-1998), toàn tỉnh có 28.216 công nhân lao động (có 15.355 nữ), thuộc các thành phần kinh tế, trong đó tỉnh trực tiếp quản lý 26.814 công nhân lao động (có 14.727 nữ).

Công nhân lao động ngoài quốc doanh 12.250 người qui tụ trong 1.350 doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

- Về chất lượng :

* CNLD ý thức rõ những khó khăn trước mắt, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ủng hộ đường lối đổi mới, phát huy bản chất và truyền thống cách mạng của giai cấp CN,

đoàn kết khắc phục khó khăn, năng động trong lao động sản xuất, từng bước thích ứng cơ chế thị trường.

Tính đến cuối 1997, trình độ các mặt được nâng lên so với trước (1991 - 1992) :

* Về chính trị, số sơ cấp chiếm 36,41%, trung cấp 7,0%, cao cấp chiếm 6,12% so với tổng số CNLĐ khu vực Nhà nước. Đảng viên chiếm 10,77% và đoàn viên TNCS chiếm 17,72% CNLĐ.

* Trình độ học vấn 94,04% từ cấp II trở lên (32,05% cấp II, 61,99% cấp III).

* Trực tiếp SX chiếm 31,37% CNLĐ (có 5,24% CN kỹ thuật có tay nghề bậc 4 trở lên và 94,76% có tay nghề từ bậc 1 lên bậc 3).

* Trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ trong CNLĐ : sơ cấp 16,88%, trung cấp 36,83%, cao đẳng, đại học và trên đại học 9,94% (chủ yếu tập trung 2 ngành giáo dục và y tế).

* Số CNLĐ có trình độ ngoại ngữ từ A trở lên 3,65%, vi tính cơ bản trở lên có 2,8% (trong CB và viên chức HCSN chiếm 4,6%).

Trong CNLĐ có phong trào tự học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ học vấn, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, KHKT... để tiếp cận công nghệ hiện đại, phục vụ yêu cầu đổi mới.

Một số cơ quan, đơn vị đã chú ý sắp xếp công tác cho cán bộ, công nhân đi học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ và tay nghề để phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị.

Tuy nhiên, thành phần gốc rễ của đại đa số CNLĐ trong tỉnh là nông dân, thợ thủ công, mang nặng tính sản xuất nhỏ, làm ăn phân tán, tùy tiện, tản mạn. Đại đa số là lớp trẻ và nữ, có học vấn tương đối khá, hăng hái, dễ tiếp thu cái mới, nhưng kinh nghiệm còn ít, tay nghề thấp. CNLĐ khu vực SXKD nhất là số trực tiếp sản xuất chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu làm các ngành nghề công nghiệp nhẹ và dịch vụ, công nhân nhiều đời, công nhân bậc cao rất ít.

Lực lượng Đảng, Đoàn TN thấp, phân bố không đều, nhất là các cơ sở ngoài quốc doanh. Sự hiểu biết về giai cấp và đấu tranh giai cấp, về quan hệ bóc lột và bị bóc lột, về Chủ nghĩa Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội còn hạn chế, nhất là lớp trẻ mới vào nghề.

- Về đời sống CNLĐ vẫn còn nhiều khó khăn, do giá cả tăng cao làm cho tiền lương thực tế của CNLĐ giảm mạnh (1). Mức thu nhập trong CNLĐ giữa các ngành, các bộ phận còn có sự chênh lệch khá xa. Một số ngành có điều kiện thuận lợi như Bưu điện, Điện lực, Xổ số kiến thiết... có thu nhập bình quân gần 1.000.000 đ/người/tháng trở lên, trong khi đó, thu nhập bình quân của mỗi CNLĐ khu vực HCSN 350.000 đ và khu vực SXKD là 450.000 đ/tháng. Sự phân hóa giàu nghèo trong CNLĐ ngày càng diễn ra - Hiện có một số CB - CNVC giàu lên do lao động

(1) Năm 1996, LĐLĐ tỉnh tổ chức khảo sát tình hình đời sống, cho thấy mức thu nhập bình quân nhân khẩu hằng tháng trong hộ CNLĐ như sau : Số khá, thu nhập 300.000 đ/tháng trở lên chiếm 16,32% ; Số trung bình thu nhập 150.000 đ - 300.000 đ/tháng chiếm 59,12% ; Số đời sống khó khăn thường xuyên, thu nhập 150.000 đ/tháng chiếm 24,5%. So với lúc bắt đầu thực hiện lương mới theo Nghị định 25, 26, 27/CP, đến giữa năm 1996 tiền lương thực tế giảm 43,64%.

chính đáng của mình, nhưng cũng có một số đột nhiên giàu lên do các thủ đoạn làm ăn phi pháp, gây dư luận bất bình trong xã hội. Trong khi đó, đại đa số CNLD, kể cả những người đã về nghỉ đang sống ở mức nghèo khó, lương không đủ nuôi bản thân, phải tự lo toan, bươn chải để bảo vệ cuộc sống gia đình. Rõ ràng đang tồn tại sự bất công trong phân phối tiền lương và thu nhập trong CNLD.

Thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý, đồng thời cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế địa phương, có nhiều khó khăn và phức tạp. Cái cũ chưa xóa đi trong khi mô hình mới, chính sách mới chưa có hoặc đã ra đời nhưng chưa hoàn chỉnh. Song, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và được tuyên truyền giáo dục của Công đoàn, CNLD đã phát huy truyền thống của giai cấp công nhân, tinh thần cách mạng tiến công và ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, bám giữ vị trí của mình, đẩy mạnh lao động SX, thực hiện kế hoạch Nhà nước, cùng toàn dân thu nhiều thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng.

CNLD đã đi đầu trong phong trào thi đua “lao động giỏi”, phong trào “năng suất, chất lượng và hiệu quả”, “sáng kiến và tiết kiệm”, phong trào phục vụ nông nghiệp, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc... Anh chị em làm việc với tinh thần hăng hái, nhiệt tình, lao động sáng tạo, cần mẫn vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Các phong trào thi đua đã đưa lại kết quả tích cực thúc đẩy SXKD phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hằng năm, ổn định và phát triển kinh tế xã hội. Hàng loạt công trình điện, đường, trường, trạm, thủy lợi, bến cảng, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông và nhà máy, xí nghiệp mới... lần lượt mọc lên, nhiều sản phẩm mới ra đời phục vụ đời sống và xuất khẩu là do khối óc

và bàn tay của CNLD làm ra, đem lại hiệu quả lớn cho nền kinh tế, góp phần quan trọng vào việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong phong trào thi đua đã xuất hiện hàng trăm sáng kiến và nhiều ứng dụng thực nghiệm khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp, đã làm lợi cho Nhà nước hàng tỉ đồng. Và cũng qua phong trào đã nổi lên hàng chục đơn vị và hàng trăm cá nhân được khen thưởng dưới nhiều hình thức ở các Công đoàn huyện, thị, ngành, tỉnh đến Tổng Liên đoàn.

Tóm lại, tiến trình chuyển đổi và thực hiện cơ chế quản lý mới theo đường lối đổi mới của Đảng là một cuộc CM sâu sắc, có nhiều khó khăn, phức tạp, tác động mạnh mẽ và trực tiếp vào đội ngũ CNLD.

Song dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh, thông qua sự chỉ đạo Công đoàn các cấp, CNLD đã dần dần thích nghi với tình hình mới, tích cực khắc phục khó khăn, đi đầu tham gia sắp xếp và tổ chức lại SXKD, thực hiện chuyển đổi cơ chế, duy trì và từng bước phát triển SXKD, góp phần rất quan trọng vào việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Quá trình đó, đội ngũ CNLD được rèn luyện thử thách trong thực tế và đã trưởng thành một bước đáng kể.

Tuy vậy, phong trào CNLD chưa đáp ứng được yêu cầu công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa :

- Giác ngộ giai cấp, giác ngộ XHCN chưa cao. Trong cơ chế mới người CNLD tỏ ra năng động hơn, nhưng do tác động tiêu cực của cơ chế thị trường nên họ cũng tỏ ra thực dụng hơn.

- Trình độ tay nghề, bậc thợ đa số còn thấp, đội ngũ cán bộ KHKT và công nhân giỏi nghề còn ít. Phần lớn làm việc trong điều kiện thiết bị, máy móc đơn giản, lạc hậu, chưa tiếp cận nhiều với công nghệ hiện đại. Tác phong công nghiệp còn kém.

- Đời sống CNLĐ còn nhiều khó khăn, số đông nghèo khó, vất vả, sự phân hóa giàu nghèo đang tiếp tục diễn ra trong nội bộ CNLĐ, tạo nên sự thiếu công bằng trong xã hội.

- Phong trào hành động CM có phát triển nhưng không đều, còn nhiều nơi yếu.

2. Động viên công nhân lao động thực hiện cơ chế quản lý mới, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động SXKD, hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Tổng Liên đoàn, các cấp công đoàn trong tỉnh đã tích cực động viên CNLĐ, cùng với Đảng và Nhà nước tháo gỡ khó khăn, duy trì và phát triển SXKD, chuyển mạnh sang thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới.

Công đoàn các cấp tuyên truyền giải thích cho CNLĐ hiểu rõ đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, tổ chức phổ biến kịp thời những chủ trương, chính sách liên quan đến việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, động viên CNLĐ đi đầu trong thực hiện.

Công đoàn phối hợp với chính quyền và cơ quan quản lý triển khai thực hiện các Quyết định 315, 176, 111, 98, Nghị quyết 109 v.v... của Hội đồng Bộ trưởng và Quyết định 316 của UBND tỉnh, tham gia ý kiến sắp xếp tổ chức lại SXKD trong các doanh nghiệp, giảm nhẹ biên chế bộ máy các cơ quan, bố trí lại lao động, đảm bảo việc làm cho

CNLĐ và các biện pháp giải quyết số người dôi dư đúng chính sách chế độ Nhà nước quy định. Tham gia với cơ quan quản lý về qui chế làm việc, đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa công đoàn và chuyên môn, quy chế về sử dụng tiền lương, tiền thưởng, quỹ phúc lợi tập thể v.v..., thông qua các quy chế mà khẳng định vai trò đại diện của Công đoàn trong giám sát thực hiện các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với người lao động.

Phát huy quyền làm chủ của CNLĐ, nhiều Công đoàn cơ sở đã phối hợp với cơ quan quản lý chỉ đạo mở đại hội CNVC định kỳ theo quy định mới nhằm phát huy dân chủ ở cơ sở để CNVC góp ý xây dựng nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, đẩy mạnh SXKD đạt hiệu quả, ổn định đời sống CNLĐ, tiến hành ký thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo thực hiện những cam kết chủ yếu như việc làm, tiền lương, tiền thưởng, an toàn lao động và bảo hiểm xã hội đối với người lao động, thành lập các Hội đồng xí nghiệp, Ban Thanh tra nhân dân cơ sở và ký hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp.

Liên đoàn Lao động tỉnh tham gia Ban Chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước, tham gia Hội đồng sắp xếp lương mới, phối hợp với UBND tỉnh tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm hai năm thực hiện Luật Công đoàn v.v... LĐLĐ tỉnh cũng đã kiểm tra phát hiện những sai sót, vi phạm trong thực hiện chính sách, hợp đồng kinh tế, hợp đồng LĐ và kiến nghị với cơ quan quản lý giải quyết các quyền lợi cho CNLĐ một cách thỏa đáng (như giải quyết trợ cấp cho 117 CNLĐ ở Đức Linh, Tánh Linh nghỉ việc, giải quyết cho 772 CNLĐ ngành y tế được truy hưởng chế độ phụ cấp độc hại...).

LĐLĐ tỉnh đã chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua “Lao động giỏi” theo chủ trương của Tổng LĐLĐ Việt Nam, được các cấp công đoàn nhiệt liệt hưởng ứng. Phong trào được phát động rộng rãi trong các công đoàn cơ sở, được kết hợp với nhiệm vụ từng ngành, từng đơn vị với những hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với tình hình từng ngành nghề khác nhau, nhưng đều hướng vào các mục tiêu của “Lao động giỏi” là năng suất, chất lượng và hiệu quả, tiết kiệm, hạ giá thành, kinh doanh có lãi, an toàn lao động, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống của CNLĐ.

Phong trào được duy trì và phát triển khắp các doanh nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện, các nông - lâm trường, trạm trại, đã phát huy hàng trăm sáng kiến và ứng dụng thực nghiệm thành công nhiều đề tài có giá trị làm lợi cho Nhà nước hàng tỷ đồng. Nhiều doanh nghiệp đứng vững trong cơ chế mới, làm ăn khá tốt như nước khoáng Vĩnh Hảo, muối Vĩnh Hảo... Đặc biệt, Xí nghiệp In Bình Thuận từ kỹ thuật in typô cũ kỹ lạc hậu nay đã vươn lên với công nghệ hiện đại : hàng chục máy vi tính, máy in offset nhiều màu, máy in laser, máy tách màu điện tử, máy xén, máy gấp 3 vạch, máy vào bìa dán keo, 24 năm liền hoàn thành KH làm ăn có lãi, làm tốt nghĩa vụ nộp ngân sách.

Công ty nước mắm Phan Thiết từ 1 XN có mấy chục công nhân, phát triển thành công ty, doanh thu bình quân 12 tỷ đồng/năm, 8 năm liền (1991 - 1998) đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, đời sống CN ngày càng được cải thiện. Với những thành tích trên công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 (4-1992), Huân chương Lao động hạng 2 (4-1995). CĐCS Công ty nhiều năm liền được tặng cờ của LĐLĐ Tỉnh và Tổng LĐLĐVN, tháng 5-1999 CĐCS được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng 3. Đồng chí Hồ Thạch - Giám đốc

Công ty được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 (4-1995).

Phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp và xây dựng phát triển nông thôn nhằm thực hiện Nghị quyết 05/TW về đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, tăng cường củng cố khối liên minh công nông trong giai đoạn mới, đã thu hút đông đảo CNLĐ và các ngành xung quanh tỉnh tham gia. Các kế hoạch khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hướng dẫn chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển giao công nghệ, áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất v.v... được triển khai rộng khắp và đạt kết quả khá tốt. CNLĐ đã tích cực tham gia xây dựng hàng loạt cơ sở hạ tầng ở nông thôn đã và đang phát huy tác dụng như điện, đường, trường, trạm, mạng lưới thông tin, thủy lợi v.v... thúc đẩy sản xuất phát triển và cải thiện đời sống nhân dân, tạo tiền đề cho công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng và củng cố lực lượng quốc phòng phát triển rộng rãi ở cơ sở. Các CĐCS động viên hàng ngàn thanh niên trong CNLĐ lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và cùng với cơ quan, đơn vị vận động được 8.000 CNLĐ tham gia lực lượng tự vệ qui tụ trong 1.350 cơ quan, doanh nghiệp toàn tỉnh. Đã có 100% số cơ quan thiết yếu tổ chức cho cán bộ công nhân viên ký cam kết bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ an ninh quốc gia, nhất là các khu vực có quan hệ kinh tế với nước ngoài. Kho bạc và Ngân hàng Nhà nước, văn phòng Tỉnh ủy, văn phòng UBND tỉnh, Xí nghiệp muối Vĩnh Hảo, Xí nghiệp In... là những đơn vị có phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc khá trong nhiều năm liền. Nhiều tập thể tự vệ đạt danh hiệu tiên tiến trong phong trào thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang như Xí nghiệp Gạch ngói Phan Thiết, Bưu điện, Ngân hàng Công thương, Lâm trường Đức Linh...

Kết quả tổng hợp của phong trào CNLD đã góp phần rất quan trọng cùng toàn dân vượt qua khó khăn, thử thách ổn định tình hình chính trị và xã hội, đưa nền kinh tế tỉnh nhà từng bước phát triển đi lên.

Những năm 1986 - 1990, 3 chương trình kinh tế, trước hết là chương trình lương thực, thực phẩm, có bước chuyển biến cả sản xuất và lưu thông. Thực hiện cơ chế khoán mới, sản lượng lương thực tăng 20% so với thời kỳ 1980 - 1985, bình quân mỗi năm tăng 10.000 tấn. Sản lượng khai thác, chế biến và nuôi tôm đều tăng so với mức bình quân 5 năm trước. Nguồn vốn đầu tư huy động từ nhiều thành phần kinh tế tập trung cho các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm mang lại nhiều kết quả rõ nét. 5 năm 1986 - 1990 tổng vốn đầu tư xã hội qui đổi theo giá năm 1990 đạt 133,9 tỷ đồng phục vụ việc hoàn thành đường dây điện 110 KV Tháp Chàm - Phan Thiết, kéo lưới điện quốc gia về 8/13 huyện thị, xây dựng 19 công trình thủy lợi các loại, diện tích tưới chủ động tăng 3.000 ha và tưới bổ sung 17.000 ha. Mạng lưới đường bộ được sửa chữa và nâng cấp nhiều hơn trước. Dịch vụ và lưu thông hàng hóa mở thông. Công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tập trung cho nông nghiệp, công nghiệp, hải sản góp phần tăng năng suất lao động và sản phẩm. Kinh tế quốc doanh qua sàng lọc thử thách, có nhiều xí nghiệp từng bước thích nghi với cơ chế mới, hoạt động có hiệu quả trên những vị trí then chốt, có lợi thế.

Đời sống các tầng lớp nhân dân sau 5 năm đổi mới nhìn chung được dễ chịu hơn trước.

Những năm 1991 - 1996, với cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, nguồn vốn đầu tư toàn xã hội huy động 1.350 tỷ đồng, nền kinh tế tỉnh nhà đạt tốc độ tăng trưởng liên tục với nhịp độ cao. Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP)

tăng bình quân hàng năm 12,04%, trong đó ngành nông nghiệp tăng 20,1%, dịch vụ tăng 16,63%. Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi. Nhiều cơ sở công nghiệp quốc doanh được đầu tư xây dựng mới, một số được đầu tư mở rộng, đổi mới thiết bị công nghệ, giữ vững thị trường, sản xuất phát triển. Công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển khá. Kinh tế đối ngoại bước đầu có chuyển biến với 9 dự án được cấp phép, vốn đầu tư 43 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 25,5%. Tổng thu ngân sách bình quân năm sau cao hơn năm trước 34%. Hàng năm giải quyết 15.000 lao động có việc làm. Thu nhập bình quân đầu người năm 1995 tăng 42% so với năm 1991. Số hộ giàu và khá từ 22,2% năm 1992 tăng lên 26,13% năm 1995. Số hộ đói nghèo giảm từ 32,4% xuống 25,6%.

Đời sống các tầng lớp nhân dân tiếp tục ổn định, số đông có cải thiện.

Hai năm 1997 - 1998, mặc dù khủng hoảng kinh tế tài chính trong khu vực tác động mạnh, nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong tỉnh vẫn được duy trì. Tổng sản phẩm nội tỉnh năm 1997 tăng 12%, năm 1998 tăng 6,4%. Điều có ý nghĩa là từ một tỉnh thường xuyên thiếu lương thực, năm 1997 Bình Thuận xuất khẩu được 8.500 tấn gạo, năm 1998 10.000 tấn, mở ra khả năng và triển vọng mới cho địa phương.

Với những kết quả kinh tế - xã hội nêu trên, từ năm 1986 đến nay, nhà nước đã tặng thưởng 16 Huân chương lao động hạng ba cho các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc, phong danh hiệu cao quý cho 2 nghệ sĩ ưu tú, 3 thầy thuốc ưu tú và 10 nhà giáo ưu tú. Tổng Liên đoàn Lao động, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), UBND tỉnh đã tặng hàng trăm cờ, bằng khen cho những đơn vị, cá nhân có thành tích cao, trong đó có 4 cán bộ, công nhân được

Tổng Liên đoàn tặng huy hiệu lao động sáng tạo. Riêng những năm 1993 - 1997, Liên đoàn Lao động tỉnh đã tặng 18 cờ, 277 bằng khen cho tập thể và 333 bằng khen cho cán bộ công đoàn viên và công nhân lao động có nhiều thành tích trong sản xuất và công tác.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, nhiều tổ chức công đoàn chưa phát huy đầy đủ chức năng tham gia quản lý kinh tế, quản lý SXKD, thụ động, y lại vào cơ quan quản lý, chức năng kiểm tra giám sát không được thực hiện thường xuyên, nên chưa kịp thời phát hiện những vi phạm chính sách, chế độ của cơ quan quản lý đối với người lao động. Có nơi có những vi phạm xảy ra trong đơn vị khá nghiêm trọng, song Công đoàn nơi đó không có ý kiến đấu tranh, thậm chí có nơi giữ thái độ im lặng. Có một số cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài, ảnh hưởng lớn đến đời sống CNLD song Công đoàn ở đó không xác định được nguyên nhân và không có ý kiến đề xuất kiểm điểm xử lý.

Quyền làm chủ của người lao động ở cơ sở chưa được thực thi nghiêm túc. Việc thực hiện Nghị định 98/HĐBT trong các xí nghiệp quốc doanh trong năm 1997 mới có 26,49% số đơn vị mở Đại hội CNVC, lập sổ lao động đạt 18,7% CNLD, ký hợp đồng lao động đạt 61,6% CNLD. Có nhiều thỏa ước lao động tập thể chưa thể hiện đầy đủ, cụ thể những quyền lợi của người lao động, song CĐ không có ý kiến can thiệp.

Phong trào thi đua phát triển không đồng đều, sự phối hợp chỉ đạo của Công đoàn các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ. Các chế độ khen thưởng cũ không còn phù hợp, song chậm đổi mới, làm hạn chế việc động viên khích lệ phong trào. Công tác sơ kết, tổng kết phong trào, kể cả việc tổng kết chuyên đề làm không kịp thời.

3. Chăm lo đời sống, bảo vệ lợi ích chính đáng của công nhân lao động.

Chăm lo đời sống, bảo vệ lợi ích chính đáng của CNLĐ là một trong những chức năng chủ yếu của Công đoàn. Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề này càng có ý nghĩa quan trọng. Đại hội VI Công đoàn Việt Nam và Đại hội IV Công đoàn tỉnh (năm 1988) đã xác định “Việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội” là mục tiêu và khẩu hiệu hành động. Vừa qua, các cấp Công đoàn đã có nhiều cố gắng nỗ lực trên lĩnh vực này :

Đã phối hợp với Chính quyền và cơ quan quản lý xây dựng và thực hiện các phương án SXKD, đảm bảo việc làm cho CNLĐ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại SXKD, giảm nhẹ biên chế HCSN và phương án giải quyết chính sách, chế độ cho số CNLĐ dôi dư theo quy định của Nhà nước. Cùng với cơ quan quản lý xây dựng và thực hiện các phương án tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi, các chế độ bồi dưỡng nặng nhọc, độc hại, làm thêm giờ v.v... đảm bảo quyền lợi của CNLĐ.

Tập huấn hướng dẫn các CĐCS nắm vững nội dung ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, cấp sổ lao động... nhằm đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của CNLĐ theo chính sách của Nhà nước, đồng thời hướng dẫn việc tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện của người sử dụng lao động.

Phối hợp với các cơ quan chức năng, tham gia xếp lương mới cho 1,6 vạn CNLĐ. Tổ chức điều tra, khảo sát tình hình thu nhập và đời sống CNLĐ qua đó xác định giá trị tiền lương mới bị sụt giảm do giá cả tăng, từ đó kiến nghị với địa phương và Trung ương có biện pháp giải quyết.

Vận động phong trào làm kinh tế gia đình trong CNLD bằng chăn nuôi, sản xuất, làm dịch vụ... để tăng thu nhập trang trải cho cuộc sống - Từ năm 1995 đến nay, Liên đoàn Lao động tỉnh đã hướng dẫn xây dựng, xét duyệt 70 dự án vay vốn quốc gia 1,375 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 727 lao động, đạt kết quả khá phần lớn là những CNLD ở nông thôn có cơ sở nông nghiệp, còn đối với thị xã thiếu cơ sở nên còn nhiều khó khăn. Hơn nữa nguồn vốn còn hạn hẹp không đáp ứng kịp nhu cầu của CNLD.

Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với các ngành chức năng tuyên truyền phổ biến và kiểm tra việc thực hiện pháp lệnh Bảo hộ lao động ở cơ sở. Qua kiểm tra, nhiều cơ sở thực hiện khá tốt, chi hàng tỷ đồng mua sắm bổ sung thiết bị phương tiện an toàn lao động nhằm cải thiện điều kiện làm việc của CNLD. Song vẫn còn nhiều đơn vị vi phạm pháp lệnh, nên tai nạn lao động còn xảy ra, kể cả tai nạn chết người. Từ Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ V đến nay, LĐLĐ tỉnh phối hợp với các ngành chức năng giải quyết 58 vụ tai nạn lao động và 2 vụ bệnh nghề nghiệp, kiến nghị giải quyết tiền bồi thường và các chế độ chính sách cho người bị tai nạn, trong đó có vụ buộc công ty nước ngoài trả 26 triệu đồng. Liên đoàn Lao động tỉnh còn phối hợp với ngành y tế và Viện Pasteur Nha Trang kiểm tra tình hình y tế ở 15 cơ sở và tổ chức kiểm tra điều kiện làm việc của các nhân viên vi tính ở một số nơi, qua đó đã phát hiện biểu dương những việc làm tốt và nêu kiến nghị khắc phục những mặt yếu kém và nghiêm khắc xử lý các vi phạm.

Liên đoàn Lao động tỉnh cũng đã kịp thời tham gia giải quyết vụ phản ứng tập thể của CNLD Xí nghiệp Thủy

sản Phan Thiết và vụ vi phạm nhân phẩm, bắt CNLĐ nữ quỳ gối của chuyên gia nước ngoài tại Công ty may xuất khẩu.

Qua việc tổ chức khảo sát tình hình bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế trong CNLĐ, LĐLĐ tỉnh đã biểu dương cơ sở thực hiện khá tốt và nghiêm túc góp ý với không ít cơ sở đóng không đủ số lượng để đóng nợ hoặc thanh toán chậm, thậm chí một số đơn vị không đóng, kể cả trong và ngoài quốc quanh ; Góp ý đấu tranh với những đơn vị không ký thỏa ước lao động tập thể hoặc chỉ ký hợp đồng lao động 3 tháng để trốn tránh nghĩa vụ đóng BHXH và BHYT cho công nhân lao động. Công đoàn đã kiến nghị với các cơ quan chức năng có biện pháp chấm dứt tình trạng này.

Các hoạt động xã hội do Công đoàn tổ chức đã thu được nhiều kết quả tốt. Cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, sinh đẻ có kế hoạch do Công đoàn làm nòng cốt phát triển sâu rộng. Chỉ tính trong 5 năm lại đây đã có 462 công đoàn cơ sở đạt tiêu chuẩn dứt điểm không sinh con thứ ba.

Với tinh thần “đền ơn đáp nghĩa”, trong các ngày lễ hội, công đoàn các cấp đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, vận động các cơ quan đơn vị, tổ chức kinh tế nhận phụng dưỡng đến hết đời 212 bà mẹ Việt Nam anh hùng. Công đoàn cũng đã vận động trên 60 đơn vị tặng 2.000 sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách với số tiền trên 700 triệu đồng. Công nhân lao động hăng hái đóng góp 1,5 tỷ đồng vào “quỹ đền ơn đáp nghĩa”, gần 974 triệu đồng cứu giúp đồng bào bị bão lụt ở tỉnh Tuyên Quang kết nghĩa, các tỉnh duyên hải miền Trung, và đồng bằng sông Cửu Long, 800 triệu vào quỹ mua 1 vạn tấn gạo giúp nhân dân Cu Ba anh em, quyên góp 11.000 bộ quần áo tặng các

cháu nhỏ ở 17 xã vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Ngoài ra còn góp hàng trăm triệu đồng vào các quỹ “Vi tuổi thơ”, quỹ “Hỗ trợ tài năng”, quỹ “Khuyến học”... do công đoàn quản lý và góp hàng chục triệu đồng xây dựng Bảo tàng Phụ nữ Miền Nam, Nhà truyền thống lực lượng vũ trang Bình Thuận... Công đoàn cũng đã vận động phong trào hiến máu nhân đạo ; quan tâm giúp đỡ các gia đình CNLĐ nghèo, con em CNLĐ bị tàn tật...

Việc thực hiện các chính sách BHXH do Công đoàn quản lý vừa qua có một số thay đổi : Nhà nước cho nâng tỉ lệ trích nộp kinh phí BHXH từ 3,7% lên 5% quỹ lương. Những năm đất nước khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh làm ăn thua lỗ bị giải thể ; tiếp đó là việc chia tách tỉnh làm cho số lượng công nhân lao động giảm đáng kể ; giá cả tăng vọt làm giá trị tiền lương giảm sút ảnh hưởng đến đời sống CNLĐ và việc thu chi quỹ BHXH. Từ 1988, tỉnh phân cấp quản lý BHXH cho các huyện thị và sau đó phân cấp quản lý BHXH cho các đơn vị SXKD nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ sở để họ chủ động chi trả trợ cấp BHXH cho CNLĐ. Đến quý III/1995, Công đoàn chấm dứt nhiệm vụ quản lý quỹ BHXH, bàn giao đúng thời hạn qui định toàn bộ tổ chức bộ máy và quỹ sang BHXH tỉnh quản lý theo chủ trương mới của Chính phủ và Tổng Liên đoàn LĐVN.

Các cấp công đoàn đã tích cực khắc phục khó khăn, phối hợp với các ngành liên quan, đưa công tác quản lý và thực hiện các chế độ chính sách BHXH đối với CNLĐ dần đi vào ổn định và đem lại kết quả tích cực dưới đây :

	Năm 88 - 92	Năm 93	Năm 94
* Tổng thu	3.212.324.468 đ	890.000.000 đ	2.076.060.425 đ
* Tổng chi	2.823.188.841 đ	966.000.000 đ	1.209.041.995 đ
<i>Trong đó :</i>			
+ Trợ cấp ốm đau	299.417.897 đ	91.000.000 đ	164.684.622 đ
+ Trợ cấp thai sản	1.536.639.620 đ	480.000.000 đ	1.022.660.568 đ
+ Trợ cấp TNLD-BNN	10.864.982 đ	10.000.000 đ	21.696.805 đ

Kết quả trên là sự cố gắng lớn của các cấp công đoàn, nhờ đó đảm bảo chi 3 chính sách theo chế độ của Nhà nước. Ngoài ra, còn đảm bảo tổ chức cho hàng ngàn người đi nghỉ ngơi, tham quan du lịch, và đầu tư hàng trăm triệu nâng cấp Nhà nghỉ DL Công đoàn, duy trì được hoạt động Nhà nghỉ trong cơ chế mới. Một cố gắng nữa là các cấp công đoàn luôn quan tâm thực hiện các biện pháp phòng ngừa tích cực làm giảm ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, làm giảm chi hàng chục triệu đồng và làm tăng hàng ngàn ngày công có ích cho LDSX.

Song, ta chưa thường xuyên kiểm tra quỹ lương, nên có không ít đơn vị trích nộp không đầy đủ kinh phí BHXH, chi trả trợ cấp còn chậm trễ, thanh quyết toán không kịp thời, định mức chi cho cơ sở chưa sát, nên có nơi chi thừa, có nơi không đủ chi.

Bồi dưỡng đào tạo cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách chưa chú ý đúng mức. Hoạt động Nhà nghỉ hiệu quả thấp.

Tóm lại, các cấp công đoàn vừa qua đã có những đóng góp tích cực vào việc chăm lo đời sống, bảo vệ lợi ích chính đáng của CNLD. Song, nhìn chung kết quả đạt được còn hạn chế.

Việc tuyên truyền phổ biến luật pháp, chính sách làm chưa đầy đủ. Việc kiểm tra, giám sát không thực hiện thường xuyên. Có nhiều chính sách liên quan đến quyền lợi người LĐ bị vi phạm, nhưng công đoàn các nơi đó chưa có tiếng nói đấu tranh, phê phán đúng mức và cơ quan chức năng cũng chưa có biện pháp xử lý kịp thời.

Đời sống đại đa số CNLĐ (kể cả người về hưu, mất sức) còn nhiều khó khăn. Việc làm của CNLĐ chưa đảm bảo, nhất là các đơn vị SXKD hoạt động kém hiệu quả. Đó là chưa kể 4 vạn lao động ngoài xã hội chưa tìm được việc làm hoặc việc làm không ổn định. Dân chủ và công bằng xã hội ở cơ sở chưa được thực hiện đầy đủ. Thu nhập bình quân trong CNLĐ thấp. Tiền lương mới vốn có những bất hợp lý, giá trị giảm mạnh do giá cả tăng. Sự phân hóa giàu nghèo trong CNLĐ tiếp tục diễn ra trên diện rộng. Số khá đông CNLĐ đang phải vất vả lo toan vì chưa có nhà ở, thiếu phương tiện đi lại, con em không có việc làm, không đủ tiền cho con ăn học và thuốc men lúc ốm đau... ; Một bộ phận thường lo sợ mất việc làm vì doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong SXKD...

4. Tăng cường công tác tư tưởng và văn hóa.

Hoạt động tư tưởng và văn hóa là nhiệm vụ trung tâm thường xuyên của Công đoàn nhằm góp phần xây dựng đội ngũ CNLĐ mới, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới.

Thời gian qua, Công đoàn các cấp đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền giáo dục, xây dựng đội ngũ CNLĐ. Một số công đoàn ngành, huyện thị và cơ sở mở lớp tập trung ngắn ngày bồi dưỡng một số bài học chính trị cơ bản phổ thông do Tổng Liên đoàn biên soạn cho CNLĐ.

Khi chuyển đổi cơ chế quản lý, công đoàn đã tăng cường tuyên truyền giáo dục, giúp CNLD hiểu rõ đường lối đổi mới của Đảng, nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của CM, các chính sách KT - XH của Đảng và Nhà nước.

Những năm các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô sụp đổ và tình hình KT - XH nước ta lâm vào khủng hoảng, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch khác tích cực phá hoại CM nước ta, tư tưởng nội bộ CNLD diễn biến phức tạp, lòng tin bị giảm sút. Các tổ chức công đoàn bám sát yêu cầu công tác tư tưởng của Đảng, kiên trì giải thích cho CNLD hiểu rõ tình hình đất nước, khó khăn và thuận lợi, thời cơ và thử thách, khả năng và triển vọng, nghĩa vụ của giai cấp công nhân đối với đất nước hiện tại, động viên mọi người tin tưởng vào con đường CM mà Bác Hồ và Đảng ta đã lựa chọn, tin tưởng vào đường lối đổi mới. Nhờ đó, ổn định được tư tưởng, đại đa số CNLD vẫn bám giữ vị trí của mình, yên tâm sản xuất và công tác.

Công tác tuyên truyền giáo dục được kết hợp chặt chẽ với từng đợt học tập, phổ biến các Nghị quyết của Đảng, của Công đoàn và các văn bản của Nhà nước, nhất là luật pháp và các chính sách liên quan đến CNLD và Công đoàn. Có những đợt tổ chức khá tốt như phổ biến, tuyên truyền luật lao động với 75% CNLD tham gia, tuyên truyền học tập luật bầu cử Quốc hội khóa X với trên 1,6 vạn CNLD tham gia, học tập Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội IX Tỉnh Đảng bộ có trên 64% CNLD tham gia v.v...

Công tác tuyên truyền giáo dục còn được kết hợp đẩy mạnh trong các dịp lễ hội truyền thống và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước như : mở cuộc thi tìm hiểu về

lịch sử Đảng CSVN và thân thế, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh vào dịp kỷ niệm sinh nhật Đảng lần thứ 65 ; tổ chức đợt sinh hoạt chính trị thời sự “Giai cấp công nhân Việt Nam là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước” theo chủ trương của Tổng Liên đoàn trong dịp Đại hội Đảng các cấp năm 1996 ; tổ chức đợt sinh hoạt chính trị “Công nhân lao động đi theo con đường của Bác Hồ đã chọn trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Bác Hồ” ; tổ chức cuộc thi tìm hiểu tổ chức công đoàn Việt Nam do Tổng Liên đoàn phát động vào dịp kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập CĐVN.

Các hoạt động tuyên truyền giáo dục đã giúp công nhân lao động hiểu được các sự kiện chính trị, hiểu sâu hơn về Đảng, về Bác, về giai cấp công nhân và tổ chức CĐVN, làm cho họ thêm tin tưởng, gắn bó với Đảng, với Bác Hồ và với tổ chức CĐVN.

Tuy nhiên trong chỉ đạo công tác tư tưởng thường nặng về các hoạt động tuyên truyền về thời sự, nhẹ về giáo dục chính trị cơ bản và chưa chú ý đúng mức khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Đội ngũ cán bộ tuyên giáo và mạng lưới quần chúng làm công tác tuyên giáo công đoàn hoạt động yếu. Công tác tư tưởng chưa thể hiện rõ tính chiến đấu và tính giai cấp, nhất là coi nhẹ việc phân tích, phê phán chỉ ra mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đang tác động làm xói mòn tư tưởng đội ngũ CNLD.

Một bộ phận CNLD, lý tưởng XHCN bị mờ nhạt, giác ngộ giai cấp yếu, tư tưởng, đạo đức, nhân cách của con người chủ thể xã hội hình thành và phát triển chậm. Trình độ mọi mặt của CNLD chưa đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tinh thần trách nhiệm, ý thức

làm chủ, kỷ luật lao động còn yếu. Một số còn mơ hồ, thiếu cảnh giác, mê tín dị đoan, ham sống thực dụng, bị đồng tiền và sắc đẹp làm tha hóa, biến chất, hư hỏng, trong đó có cả cán bộ và đảng viên.

Cùng với tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, các cấp công đoàn chú ý đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - văn nghệ, TDTT quần chúng mà phần lớn tập trung vào các ngày lễ hội truyền thống.

Các CĐCS tuyển chọn số anh chị em có năng khiếu, tổ chức bồi dưỡng, tập luyện xây dựng thành các tổ, đội, nhóm văn nghệ và TDTT làm hạt nhân cho phong trào. Nhiều công đoàn bàn với cơ quan quản lý đầu tư thêm phương tiện, dụng cụ, sân bãi, bồi dưỡng vật chất... tạo điều kiện cho anh chị em luyện tập thi đấu. Một số nơi vận động được một số đơn vị tài trợ cho các hoạt động TDTT. Từng thời gian, các công đoàn tổ chức giao lưu hoạt động văn nghệ, thể thao giữa các ngành, địa phương và đơn vị để học tập, rút kinh nghiệm, nâng cao trình độ.

Các cấp công đoàn đã tổ chức và vận động CNLĐ tham gia hội thi “Hát ru”, hội thi “Mẹ duyên dáng - Con khỏe ngoan” nhân ngày truyền thống của phụ nữ. Ngành giáo dục nhiều năm liền tổ chức hội thi “Người giáo viên toàn năng, giỏi việc trường, đảm việc nhà”. Ngành Bưu điện tổ chức thi “Giao dịch viên duyên dáng, thanh lịch” và “Công nhân Bưu điện giỏi”. Nhiều công đoàn ngành và huyện thị vận động CNLĐ tham gia cuộc thi “Tiếng hát công nhân lao động truyền hình tỉnh”, tổ chức một số cuộc thi “Tiếng hát CNLĐ”, tham gia hội thi “Tiếng hát bên dòng sông Cà Ty” v.v... Công đoàn Phan Thiết phối hợp với các ngành liên quan tổ chức các đêm ca nhạc, đêm thơ... phục vụ CNLĐ.

Công đoàn Hàm Tân - huyện duy nhất trong tỉnh có Nhà Văn hóa lao động, đã duy trì hoạt động thường xuyên với những loại hình thích hợp, thu hút đông đảo người xem.

Thực hiện chủ trương phòng chống tệ nạn xã hội, Liên đoàn LĐ tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo, tổ chức các cuộc hội thảo, tổ chức thi vẽ tranh cổ động phê phán các tệ nạn XH, phòng chống HIV/AIDS đi đôi với đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục và động viên CNLĐ tích cực tham gia phòng và chống các tệ nạn xã hội.

Các hoạt động VHVN nêu trên có nội dung bổ ích, tập trung nói lên truyền thống đạo lý : Uống nước nhớ nguồn, yêu quê hương đất nước, biết ơn Bác, ơn Đảng, phản ánh những hình mẫu người CNLĐ mới trong các ngành, động viên tinh thần hăng say công tác, sản xuất và chiến đấu, cổ vũ phong trào dân số KHHGD, đồng thời phê phán những hành vi sai trái, những thói hư tật xấu, những tiêu cực và tệ nạn XH đang tồn tại. Phong trào đã thu hút hàng ngàn người tham gia, đạt nhiều giải phong trào ở các địa phương, giải của LĐLĐ tỉnh và Tổng Liên đoàn.

Song, phong trào phát triển chưa đều. Loại hình hoạt động chưa thật phong phú, đa dạng. Việc xây dựng các câu lạc bộ và các nhà truyền thống chưa được chú ý. Mạng lưới quần chúng hoạt động VHVN còn yếu.

Phong trào TDTT gần đây có khởi sắc ở cơ sở, tập trung vào các môn cờ tướng, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá, cầu lông... LĐLĐ tỉnh tổ chức giải bóng bàn CNLĐ thu hút 36 đơn vị và 306 vận động viên trên địa bàn thị xã Phan Thiết tham gia. Một số ngành và huyện thị tổ chức được các hoạt động TDTT thường xuyên như Bưu điện, Xây dựng, Tài chính - Vật giá, Bảo Việt, Kho bạc, Văn phòng Tỉnh

ủy... Một số ngành và huyện thị tổ chức hội thao CNLD (Thủy sản, Xây dựng, Bắc Bình, Tuy Phong, Hàm Thuận Bắc v.v...) để tuyển chọn lực lượng đi dự hội thao toàn tỉnh. Báo Bình Thuận và Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận duy trì việc tổ chức giải bóng chuyền truyền thống hàng năm. LĐLĐ tỉnh tuyển chọn lực lượng tham gia hội thao khu vực 8 (năm 1995) tại Tây Ninh và tổ chức hội thao CNLD tỉnh lần thứ nhất để tuyển chọn vận động viên tiêu biểu đi dự hội thao CNLD khu vực tại Bà Rịa - Vũng Tàu (1997). Kết quả các lần hội thao đã đoạt được một số giải nhì, đôi nam và đơn nam bóng bàn và giải phong cách (1995) và giải nhất đôi nam và đơn nam bóng bàn (1997).

Các hoạt động TDTT đã góp phần tăng cường thể lực, tạo không khí tươi vui hào hứng trong lao động, sản xuất đối với CNLD.

Song phong trào chưa mạnh, còn bó hẹp trong một số môn bóng đá mi ni, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông..., chưa mở rộng ra các loại hình khác, chưa duy trì thường xuyên mà thường rộ lên trong những ngày tết, ngày lễ. Thành tích thi đấu thấp, thiếu biện pháp bồi dưỡng, nâng cao trình độ thi đấu cho các vận động viên.

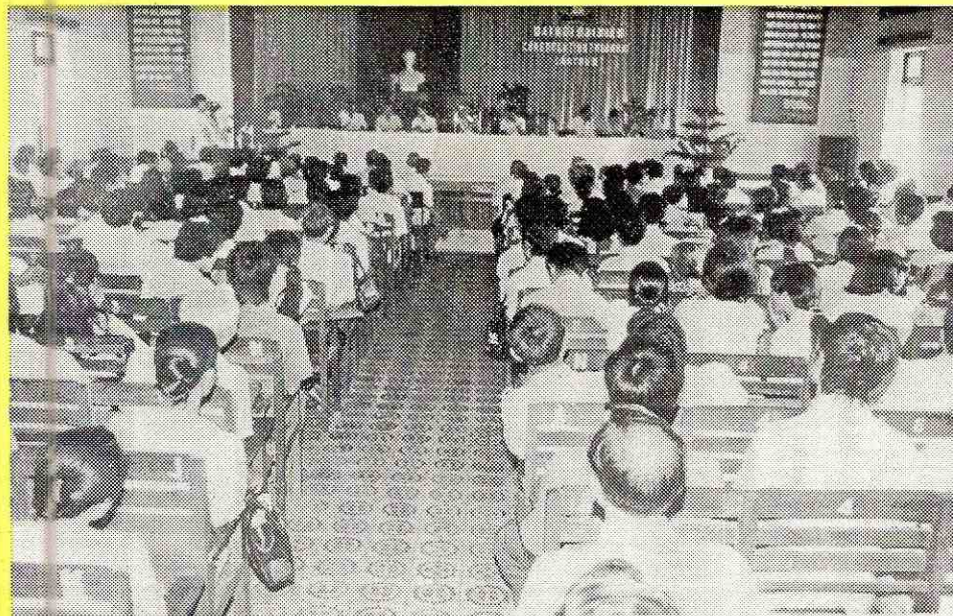
Nhìn chung đời sống văn hóa ở cơ ở vẫn còn nghèo nàn. Các phương tiện phục vụ cho các hoạt động văn hóa văn nghệ - TDTT nhiều đơn vị còn thiếu thốn. Đầu tư cho công tác tư tưởng và văn hóa nói chung còn yếu.

5. Ra sức xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.

Từ Đại hội Công đoàn tỉnh khóa IV đến ĐH Công đoàn tỉnh khóa V, tổ chức Công đoàn và CNLD trong tỉnh có nhiều biến động do việc tổ chức sắp xếp lại SXKD để



**Đồng chí Nguyễn Thành Lê, Ủy viên BCH Tổng Liên đoàn khóa VI,
Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Thuận Hải
khóa IV (1988 - 1993).**



**Quang cảnh Đại hội đại biểu công đoàn tỉnh Thuận Hải
lần thứ IV.**



phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý và do việc chia tách tỉnh.

Tình hình đoàn viên và bộ máy Công đoàn các cấp :

Năm	T.Số Đ.Viên so với CNLĐ	T.Số CĐCS	CĐCS SXKD	CĐCS HCSN	CĐCS Trg.học	CĐCS ngoài QĐ
1988	33.541/40.000	699	218	209	272	-
1993	18.475/19.594	506	105	185	216	2
1998	21.185/28.216	651	65	224	339	27

Qua số liệu trên cho thấy số CNLĐ, số đoàn viên CĐ, CĐCS, CĐCS.SXKD, CĐCS.HCSN năm 1993 so với năm 1988 đều giảm, trong đó giảm mạnh là các CĐCS.SXKD và đến 1998 số CĐCS.HCSN, CĐCS trường học và CĐCS ngoài quốc doanh tăng lên. Nhưng lấy số liệu 1993 làm mốc so sánh thì số CNLĐ, đoàn viên CĐ, CĐCS từ sau khi tách tỉnh đến nay mỗi năm đều có phát triển, trong đó đoàn viên và CĐCS ngoài QĐ tăng chậm.

Công tác quản lý đoàn viên vừa qua có tiến bộ - Đã tiến hành phát thẻ cho số đoàn viên do tỉnh trực tiếp quản lý 18.366/19.947, đạt 92,07%. Việc phát thẻ đã góp phần nâng cao trách nhiệm và gắn bó đoàn viên với tổ chức công đoàn và nhờ đó việc quản lý đoàn viên cũng chặt chẽ hơn. Tỷ lệ đoàn viên so với CNLĐ đạt 75%.

Về Công đoàn cơ sở, ngoài việc biến động về số lượng như nói trên, trên địa bàn Phan Thiết những năm qua đã lần lượt chuyển giao 65 CĐCS do thị xã quản lý về trực thuộc LĐLĐ tỉnh, giảm bớt đầu mối cho CĐ thị xã và tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn tỉnh đi sát, đi sâu cơ sở để

chỉ đạo, tổ chức phong trào. Việc xây dựng CĐCS vững mạnh được duy trì thường xuyên và đạt kết quả tốt. Qua kiểm tra, chấm điểm và phân loại hàng năm cho thấy chất lượng CĐCS được nâng lên rõ rệt, số cơ sở vững mạnh, cơ sở khá luôn tăng lên và số cơ sở yếu kém giảm đáng kể.

	Năm 93	Năm 94	Năm 95	Năm 96	Năm 97
CĐCS vững mạnh	35%	38%	42,71%(1)	71,70%(2)	65,60%
CĐCS khá	40%	42%	49,66%	42,53%	30,74%
CĐCS yếu kém	25%	20%	7,63%	3,77%	3,66%

Qua mỗi kỳ đại hội, BCH các CĐCS được củng cố kiện toàn vững mạnh thêm. Tuy nhiên còn nhiều CĐCS chưa thể hiện hết năng lực hoạt động, trong đó có cả CĐCS loại khá. Việc xây dựng CĐCS vững mạnh ở một số nơi chưa kết hợp chặt với xây dựng Chi bộ vững mạnh, nên có nơi Chi bộ vững mạnh, nhưng công đoàn lại yếu.

Công đoàn Huyện - Thị - Ngành :

Công đoàn huyện có thời gian phải giải chính tổ chức bộ máy tối đa, có nơi chỉ để một cán bộ làm chuyên viên chuyên trách, có nơi giải thể. Sau khi có Nghị quyết TW về phát triển nông nghiệp và công nghiệp hóa nông thôn thì công đoàn huyện được củng cố lại, có nơi phải thành lập lại (Hàm Thuận Bắc - 1994) và được phân giao thêm trách nhiệm quản lý tài chính và BHXH.

(1) Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ.

(2) Báo cáo sơ kết cộng tác Công đoàn 1996 - 1997.

Sau Đại hội Công đoàn tỉnh khóa IV đã giải thể một số công đoàn ngành, chỉ duy trì một số ngành quan trọng và có đông CNVC như Y tế, Giáo dục, Xây dựng... Trong quá trình đổi mới vai trò công đoàn ngành lại trở nên cần thiết và đã lập lại hệ thống công đoàn ngành địa phương.

Hiện nay toàn tỉnh có 9 công đoàn huyện, thị, 7 công đoàn ngành. Qua các kỳ Đại hội, các BCH công đoàn huyện, thị, ngành được củng cố và kiện toàn thêm một bước, hiệu quả hoạt động được nâng lên so với trước.

Liên đoàn Lao động tỉnh :

Đại hội Công đoàn tỉnh(1) khóa IV (9-1988) bầu BCH tỉnh gồm 34 đồng chí, nhiệm kỳ 5 năm, do đồng chí Nguyễn Thành Lê làm Chánh thư ký, các đồng chí Nguyễn Tâm, Vũ Công Luận làm Phó Thư ký. Đại hội VI Công đoàn Việt Nam cuối 1988 quyết định đổi tên Tổng Công đoàn Việt Nam thành Tổng Liên đoàn LĐVN và theo đó tên gọi các công đoàn tỉnh, huyện, thị cũng đổi thành Liên đoàn Lao động tỉnh, huyện, thị. Chức vụ thư ký - người đứng đầu BCH được đổi thành chủ tịch. Đồng chí Lê, Tỉnh ủy viên, UV.BCH Tổng LĐLĐVN khóa VI là chủ tịch LĐLĐ tỉnh khóa IV.

BCH Liên đoàn Lao động tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết ĐH công đoàn khóa IV đạt kết quả tương đối tốt. Sau khi Chính phủ quyết định tách Thuận Hải thành 2 tỉnh : Ninh Thuận và Bình Thuận, ngày 8-4-1992 Tổng LĐLĐVN ra Quyết định 307/QĐ-TLĐ tách BCH.LĐLĐ Thuận Hải thành 2 BCH.LĐLĐ tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. BCH.LĐLĐ Bình Thuận được chỉ định gồm 22 người, do đồng chí Võ Trọng Mượn, Ủy viên Thường vụ phụ trách. Ban Chấp hành

(1) Các Đại hội Công đoàn tỉnh khóa IV, V, VI họp tại hội trường LĐLĐ tỉnh.

LĐLĐ tỉnh họp và cử đồng chí Mượn giữ chức vụ Phó Chủ tịch và Quyền Chủ tịch LĐLĐ tỉnh.

LĐLĐ Bình Thuận vừa đảm bảo hoạt động thường xuyên, vừa tích cực chuẩn bị và tiến hành Đại hội Công đoàn tỉnh khóa V (khai mạc 23-6-1993), bầu BCH 27 người, do đồng chí Vũ Thị Ngọc Liên, Tỉnh ủy viên làm Chủ tịch (sau đó được bầu vào BCH Tổng LĐLĐVN tại Đại hội khóa VII). Các đồng chí Võ Trọng Mượn và Nguyễn Thanh Phong làm Phó Chủ tịch. BCH-LĐLĐ tỉnh khóa V hoạt động có hiệu quả, đưa phong trào CNLĐ và hoạt động công đoàn trong tỉnh đi lên có khởi sắc mới.

Đại hội Công đoàn tỉnh khóa VI họp trong 2 ngày 19 và 20-8-1998 đã bầu BCH 35 đồng chí. Đồng chí Vũ Thị Ngọc Liên được bầu lại làm Chủ tịch (sau đó được bầu vào BCH-TLĐLĐVN khóa VIII), các đồng chí Đoàn Trọng Tuệ và Nguyễn Thanh Phong làm Phó Chủ tịch. Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá tình hình phong trào CNLĐ và hoạt động công đoàn nhiệm kỳ Đại hội V, rút ra nhiều bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ, các chủ trương và biện pháp nhằm thúc đẩy phong trào CNLĐ và hoạt động công đoàn thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam.

Cơ quan LĐLĐ tỉnh khi tách ra có một số ít cán bộ ra công tác tại Ninh Thuận, còn phần lớn ở lại Bình Thuận. Bộ máy mới được sắp xếp lại gọn nhẹ theo Quyết định 612/TLĐ và 1.251/TLĐ, từ 9 phòng ban còn 5 phòng ban, đã điều chỉnh lại cán bộ, khắc phục những vướng mắc, chồng chéo, bất hợp lý giữa các phòng ban. Thường vụ, thường trực chỉ đạo công việc một cách tập trung, coi trọng phát huy tính chủ động của các ban. Việc phối hợp giữa LĐLĐ



**Đồng chí Vũ Thị Ngọc Liên - Ủy viên BCH Tổng Liên đoàn
Lao động Việt Nam khóa VII, khóa VIII, Tỉnh ủy viên -
Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Bình Thuận khóa V, khóa VI**



Quang cảnh Đại hội Công đoàn tỉnh Bình Thuận lần thứ V.

1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025

tỉnh với Mặt trận, các đoàn thể và ban ngành xung quanh tỉnh chặt chẽ và đạt hiệu quả hơn.

Công tác cán bộ :

- Số lượng cán bộ bán chuyên trách và chuyên trách :

Số lượng cán bộ chuyên trách vừa qua có biến động lớn do việc tổ chức sắp xếp lại SXKD và giảm nhẹ biên chế các cơ quan và việc chia tách tỉnh. Đến Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ V toàn tỉnh có 72 cán bộ chuyên trách, trong đó tại LĐLĐ tỉnh 29 đồng chí, huyện thị 18 đồng chí, các ngành 13 đồng chí, Nhà nghỉ Du lịch CD 12 đồng chí. Cán bộ bán chuyên trách có thay đổi nhưng không lớn và từ năm 1993 lại đây có tăng thêm.

Cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách đa số phẩm chất tốt, nhiệt tình, tận tụy, được quần chúng tín nhiệm. Song, trong số chuyên trách có một số năng lực yếu, thiếu sâu sát quần chúng, còn trong số bán chuyên trách có nhiều người chưa được bồi dưỡng công tác công đoàn, năng lực và kinh nghiệm quản lý yếu, nên kết quả hoạt động còn hạn chế. Một số đồng chí quan điểm và tình cảm giai cấp yếu, đấu tranh kém, một số vi phạm tiêu cực.

Các cấp công đoàn có cố gắng, quan tâm đến công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ nhằm phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ mới. Nhiệm kỳ Công đoàn tỉnh khóa IV đã bồi dưỡng 6.953 đồng chí từ tổ trưởng, tổ phó, UV. Ban chấp hành CĐCS trở lên và 84 đồng chí học các lớp đại học, cao đẳng và trung cấp công đoàn. Những năm 1994 - 1998 các cấp công đoàn tổ chức bồi dưỡng cho 3.000 lượt cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách, trong đó có 849 lượt cán bộ công đoàn các cấp dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức. LĐLĐ

tỉnh cũng đã cử 25 cán bộ công đoàn chuyên trách đi học các lớp đại học, cao đẳng, trung cấp chính trị và quản lý nhà nước. Đến nay trong đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên trách có 23 đồng chí có trình độ đại học và cao đẳng, 18 đồng chí có trình độ trung cấp và tương đương, 7 đồng chí cao cấp lý luận, 26 đồng chí trung cấp lý luận, 11 đồng chí qua các lớp quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

Nhìn chung công tác cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu hiện tại, quy hoạch và kế hoạch đào tạo thiếu đồng bộ và chưa gắn chặt với bố trí, sử dụng, có cán bộ được đề bạt, bố trí không phát huy được tác dụng.

Công tác kiểm tra :

Kiểm tra là nhiệm vụ quan trọng của các tổ chức công đoàn. Vừa qua, hệ thống UBKT của công đoàn từng bước được củng cố. Từ tỉnh xuống các huyện thị và ngành đều thành lập UBKT, có cán bộ chuyên trách. Tại cơ sở hơn 25% CĐCS có Ủy ban kiểm tra nhưng hầu hết các cán bộ kiểm tra đều kiêm nhiệm. Nơi ít đoàn viên công đoàn chỉ có UV.BCH phụ trách công tác này.

Những năm qua, UBKT Công đoàn các cấp đã tập trung đi sâu kiểm tra công tác quản lý tài chính, tài sản, các hoạt động kinh tế công đoàn, kiểm tra thi hành điều lệ và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của CNLĐ.

Kết quả thống kê chưa đầy đủ cho thấy :

- Về kiểm tra tài chính : Từ Đại hội IV đến Đại hội VI, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tổ chức 526 lượt kiểm tra đồng cấp và cấp dưới, qua đó phát hiện nhiều việc làm sai trái trong quản lý tài chính công đoàn (quỹ 2%, 5%, đoàn

phí...), kịp thời thu hồi cho công quỹ 385.260.000 đ (có 20 triệu quỹ BHXH), kiến nghị với các đơn vị được kiểm tra các biện pháp khắc phục các khuyết điểm trong quản lý tài chính và tài sản.

- Về kiểm tra chấp hành điều lệ : Từ Đại hội V đến Đại hội VI, UBKT các cấp đã tổ chức 331 lượt kiểm tra việc chấp hành điều lệ. Trong đó UBKT - LĐLĐ tỉnh đã kiểm tra 36 lần và nêu lên 72 kiến nghị xung quanh việc chấp hành điều lệ (có 11 kiến nghị đối với Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh, 43 kiến nghị đối với công đoàn một số ngành và huyện thị, 18 kiến nghị đối với các CĐCS) về thực hiện điều lệ công đoàn theo thông tư số 19 của TLĐLĐVN, góp phần chấn chỉnh những sai sót về tổ chức, đẩy mạnh hoạt động của BCH Công đoàn các cấp.

- Về giải quyết đơn thư khiếu tố : Từ Đại hội III đến Đại hội VI, UBKT - LĐLĐ tỉnh đã tiếp nhận 869 đơn thư khiếu nại và tố cáo của CNLĐ, nội dung tập trung vào các vấn đề buộc thôi việc, trù dập, ức hiếp, vi phạm dân chủ, vi phạm các quyền lợi của người lao động... Cũng có đơn tập thể tố cáo giám đốc tham ô, trù dập CNLĐ. Song cũng có một số đơn nêu sự việc không đúng sự thật. UBKT đã phối hợp với các cơ quan và các ngành liên quan cùng giải quyết và tự giải quyết được 720 đơn thư. Phần lớn các đơn thư được giải quyết kịp thời trong thời gian luật định, trừ những trường hợp phức tạp, khó khăn mới kéo dài thời gian.

Kết quả kiểm tra làm tăng thêm lòng tin của CNLĐ với công đoàn và càng khẳng định vai trò chức năng công đoàn trên các lĩnh vực KT - XH.

Tuy nhiên, công tác này còn những yếu kém tồn tại :

- UB kiểm tra một số huyện, ngành và cơ sở hoạt động kém hiệu quả, Ban Thường vụ công đoàn một số nơi chưa quan tâm chỉ đạo công tác này.

- Trên một nửa tổ chức công đoàn các cấp chưa chấp hành nghiêm chế độ kiểm tra đồng cấp.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra chưa được chú ý đầy đủ, làm hạn chế kết quả hoạt động của cán bộ và UB kiểm tra các cấp.

Công tác quản lý tài chính, ngân sách :

Trong chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế vừa qua, công tác quản lý tài chính công đoàn cũng có sự thay đổi : nguồn thu đoàn phí trước kia là 0,5% nay nâng lên 1% so với lương của đoàn viên. Nguồn kinh phí 2% trong tổng quỹ lương CNLD được trích thu tập trung do ngân sách Nhà nước chuyển sang, nay công đoàn trực tiếp thu các cơ sở SXKD theo Thông tư Liên bộ số 39/BTC-TLĐ ra ngày 6-5-1988. Tổng Liên đoàn cũng đã có chủ trương cho các cấp công đoàn làm kinh tế công đoàn để tăng kinh phí hoạt động.

Đi vào thực hiện, những đơn vị sớm thích nghi với môi trường SXKD mới, làm ăn có hiệu quả thì việc trích nộp kinh phí 2% đầy đủ, còn những đơn vị không kịp thời chuyển theo cơ chế mới, làm ăn thua lỗ, không tiền trả lương CNLD, hoặc phải giảm biên chế, cho CNLD nghỉ việc thì việc thu kinh phí 2% gặp nhiều khó khăn. Làm kinh tế công đoàn, một số nơi có thực hiện được nhưng nhìn chung đều gặp khó khăn về vốn, về cơ sở vật chất, nhất là các đơn vị HCSN.

Nhưng nhờ sự cố gắng nỗ lực của lãnh đạo công đoàn các cấp, của đội ngũ làm công tác công đoàn, sự quan tâm



Đại hội Công đoàn tỉnh Bình Thuận lần thứ VI.

của chính quyền địa phương và thủ trưởng các đơn vị nên dần dần khắc phục được khó khăn, đẩy mạnh khai thác các nguồn thu sẵn có, kết quả năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo được các yêu cầu chi tiêu cơ bản cho hoạt động công đoàn và cho phong trào CNLD.

Sau đây là kết quả thu, chi so với kế hoạch :

Tổng số	Năm 1988 - 1992	Năm 1993 - 1998
----------------	------------------------	------------------------

Thu	101,60%	147,37%
-----	---------	---------

Chi	95,11%	144,06%
-----	--------	---------

Song còn những mặt yếu kém tồn tại :

- Chưa tận thu kinh phí 2%. Còn một số đơn vị SXKD chưa thực hiện nghĩa vụ trích nộp đầy đủ nguồn thu này. Đoàn phí là nguồn thu lớn thứ hai song thu đạt kết quả thấp. Khai thác các nguồn thu khác kết quả còn hạn chế.

- Làm kinh tế công đoàn kết quả rất hạn hẹp, do có những khó khăn về vốn, và cơ sở vật chất. Mặt khác còn y lại kinh phí Nhà nước bao cấp từ quỹ lương chuyển sang nên chưa kiên quyết khắc phục khó khăn để thực hiện nhằm chủ động tạo thêm kinh phí hoạt động.

- Việc chỉ đạo điều tiết chi tiêu chưa tốt nên chi cho các cấp công đoàn trên cơ sở hàng năm đều vượt kế hoạch, nhưng chi cho các hoạt động của công đoàn cơ sở hàng năm thường đạt kế hoạch thấp.

Công tác vận động nữ công :

Nữ CNLD trong tỉnh có số lượng khá đông (kể cả các đơn vị TW đóng trên địa bàn, năm 1988 có 20.000 nữ/40.000 CNLD và năm 1998 có 15.355/28.216 CNLD). Chi em có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, hoạt động trên nhiều

lĩnh vực SXKD, dịch vụ, KHKT, văn học nghệ thuật... Một số ngành nữ chiếm 60 - 70% như y tế, giáo dục...

Quá trình chuyển đổi nền kinh tế, gần 1 vạn CNLĐ trong tỉnh dôi dư, mất việc làm, trong đó phần lớn là nữ. Một số ngành nghề lương thấp, chị em tự xin nghỉ việc (giáo viên cấp I và mẫu giáo, nhà trẻ, y tá, hộ lý...). Hàng ngàn chị em làm việc trong các HTX thất nghiệp do HTX bị giải thể. Đời sống và việc làm của CNLĐ nữ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Mặt khác, những tiêu cực và tệ nạn xã hội, mặt trái của nền kinh tế thị trường luôn tác động vào đội ngũ nữ CNLĐ và trên thực tế đã có một số chị em bị sa ngã.

Vừa qua, các cấp công đoàn đã quan tâm chỉ đạo công tác nữ công, kiện toàn đội ngũ cán bộ nữ công các cấp, củng cố mạng lưới hoạt động nữ công từ tỉnh đến cơ sở. Công đoàn tỉnh, các huyện thị và ngành đều có lập Ban nữ công và có chương trình công tác cụ thể từng thời gian. Hầu hết các CĐCS có đông nữ đều có Ủy viên BCH nữ phụ trách nữ công. Đến Đại hội Công đoàn tỉnh khóa VI, toàn tỉnh có 1.271 chị, cấp huyện, thị, ngành 48 chị và cấp tỉnh 7 chị. Ngoài Ban nữ công tỉnh, có 7 huyện thị và 2 ngành Ban Nữ công hoạt động khá, 2 huyện và 2 ngành Ban nữ công hoạt động trung bình. Số đông chị em cán bộ nữ công cơ sở rất nhiệt tình, tận tụy trong công tác. Từng thời gian CĐ tỉnh, các CĐ huyện thị và ngành chú ý tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho chị em, đã trang bị sổ tay công tác nữ công cho 100% CĐCS nhằm tạo thuận lợi cho chị em làm công tác đạt hiệu quả. Năm 1996, tỉnh tổ chức hội thi "Cán bộ nữ công giỏi", thu hút 150 chị em tham gia và chọn được 40 chị em về dự thi cấp tỉnh và cử 1 chị đi dự thi cấp TLĐ. Hội thi là dịp bồi dưỡng phong cách, nâng cao

nghiệp vụ công tác, phát huy vai trò cán bộ nữ công trong tình hình mới.

Việc phối hợp công tác, lồng ghép chương trình hoạt động giữa nữ công và Hội LHPN cũng ngày càng chặt chẽ hơn.

Phong trào thi đua được tổ chức và duy trì tốt, đặc biệt là phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” thu hút đông đảo chị em tham gia. Phong trào được vận dụng phù hợp với nội dung công tác của từng ngành nghề như “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” của ngành Giáo dục, “Nữ giao dịch viên chuyên đáng” của ngành Bưu điện v.v... Phong trào được Thường vụ LĐLĐ tỉnh và các cấp công đoàn chỉ đạo chặt chẽ và đưa lại kết quả tích cực. Qua tổng kết 5 năm 1989 - 1994, toàn tỉnh có 10.790 chị em đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” (trong đó cấp TLĐ 1.070, cấp tỉnh 3.790, cấp cơ sở 5.940 chị em) ; Tổng Liên đoàn đã tặng bằng khen cho 2 đơn vị nữ công (Xí nghiệp Gạch ngói và trường Mầm non 19-5 Bình Thuận) và bằng khen hai cá nhân xuất sắc nhất. Liên đoàn Lao động tỉnh tặng bằng khen cho 8 đơn vị và 128 cá nhân.

Kết quả phong trào càng khẳng định vai trò và vị trí của nữ CNLĐ trong công cuộc đổi mới và trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Hoạt động nữ CNLĐ đã kết hợp phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” với các hoạt động xã hội như đẩy mạnh phong trào dân số và KHHGD “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”, tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội. Xây dựng các dự án vay vốn quốc gia hàng trăm triệu đồng để giúp chị em làm ăn xóa đói giảm nghèo ; Tổ chức “Quỹ tiết kiệm vì phụ nữ nghèo”, xây dựng hàng

trăm tổ tiết kiệm ở cơ sở, lấy tiền cho chị em vay không lấy lãi. Lập quỹ “Tương trợ” để giúp nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Xây dựng quỹ “Vì tuổi thơ”, lập quỹ “Tình thương” để giúp số em học sinh nghèo học giỏi v.v...

Ban Nữ công tỉnh cũng đã tổ chức khảo sát tình hình nuôi dạy trẻ của các nhà thờ, các nhà trẻ tư nhân, tình hình nữ CNLD sống đơn thân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, qua đó mà đề xuất ý kiến với các ngành liên quan.

Kết quả tuy chưa nhiều nhưng đó là những việc làm thiết thực, mang tính quần chúng rộng rãi, xuất phát từ sự quan tâm chăm lo đến đời sống của chị em và đó cũng là một phần của sự đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn trong tình hình mới.

Tuy nhiên công tác nữ công còn những điểm yếu là :

- Công tác giáo dục chưa thường xuyên. Phong trào nữ công các đơn vị HCSN, nhất là nơi ít nữ còn yếu. Việc bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, tay nghề, ngoại ngữ để giúp chị em tiếp cận với công nghệ hiện đại còn nhiều khó khăn hạn chế.

- Đời sống và việc làm của lao động nữ còn nhiều khó khăn, bức xúc : lương thấp, giá tăng, một số đơn vị không bảo đảm được việc làm ổn định. Các chế độ đối với nữ lúc ốm đau, thai sản, nghỉ việc một số nơi chưa giải quyết tốt. Tệ nạn xã hội ngày một phát triển đang là nỗi băn khoăn, lo âu, tác động đến nữ CNLD, người có thiên chức làm vợ, làm mẹ, làm dâu trong gia đình.

- Mạng lưới nữ công, nhất là ở cơ sở còn yếu, nên việc triển khai thực hiện các chính sách của Nhà nước đối với nữ còn hạn chế.

III - NHÌN TỔNG QUÁT :

Tính đến nay, đã gần một phần tư thế kỷ trôi qua kể từ ngày nhân dân ta đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, cùng với công nhân lao động và công đoàn cả nước, công nhân lao động và Công đoàn Bình Thuận đã trải qua những chặng đường đáng nhớ.

Trong những chặng đường ấy, nét nổi bật là : dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Tỉnh ủy và Tổng Liên đoàn LĐVN, CNLD tỉnh Bình Thuận đã phát huy bản chất và truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân, tinh thần CM tiến công, ý chí tự lực tự cường, tin tưởng và ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng, đi đầu khắc phục khó khăn, tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, ra sức phấn đấu ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng đưa công cuộc đổi mới của tỉnh đạt nhiều thành tựu quan trọng, tạo ra những biến đổi có ý nghĩa sâu sắc và toàn diện về KT - XH, an ninh quốc phòng... ở địa phương.

Trong chuyển đổi nền kinh tế, đội ngũ CNLD chịu đựng những tác động nặng nề của cơ chế kinh tế thị trường, trước hết là đời sống và việc làm ; song trong quá trình đó, anh chị em đã tích cực phấn đấu học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ các mặt để thích nghi với cơ chế mới, do đó đội ngũ ngày càng được củng cố, phát triển và có bước trưởng thành góp phần khẳng định CNLD là lực lượng đi đầu trên mọi lĩnh vực hoạt động trong công cuộc đổi mới.

Những năm qua, các cấp công đoàn trong tỉnh đã tỏ rõ quyết tâm và cố gắng, từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm thích ứng với cơ chế mới ;

từng bước nâng cao vai trò đại diện và chức năng tổ chức, giáo dục động viên, phát huy vai trò người chủ đất nước của CNLD tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công đoàn đã có bước đổi mới về đội ngũ cán bộ, điều chỉnh kịp thời hệ thống tổ chức và bộ máy cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, các công đoàn ngành và huyện thị, cải tiến sự chỉ đạo phù hợp với yêu cầu mới và từng bước thực hiện xã hội hóa hoạt động công đoàn.

Tổ chức công đoàn đã trải qua thời gian giảm sút về đoàn viên và đơn vị CĐCS. Song, quá trình thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội dần dần ổn định và phát triển, lực lượng đoàn viên và đơn vị cơ sở dần dần tăng lên, mở rộng ra các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, kể cả một số doanh nghiệp của nước ngoài. Công tác xây dựng CĐCS vững mạnh được triển khai rộng khắp và đưa lại kết quả tốt. Các công đoàn huyện thị, ngành từng bước được kiện toàn. Nhìn chung, tổ chức công đoàn được củng cố, phát triển và có bước trưởng thành trong cơ chế kinh tế mới.

Đạt được những kết quả trên là nhờ CNLD có truyền thống yêu nước và cách mạng, sự cố gắng nỗ lực của cán bộ và đoàn viên công đoàn các cấp. Mặt khác, nhờ có sự lãnh đạo của Tổng Liên đoàn, của các cấp ủy Đảng địa phương, sự cộng tác, phối hợp, hỗ trợ của chính quyền và các cơ quan, các ngành có liên quan ở các cấp.

Tuy nhiên, phong trào công nhân lao động và hoạt động công đoàn Bình Thuận vừa qua có những mặt yếu và tồn tại :

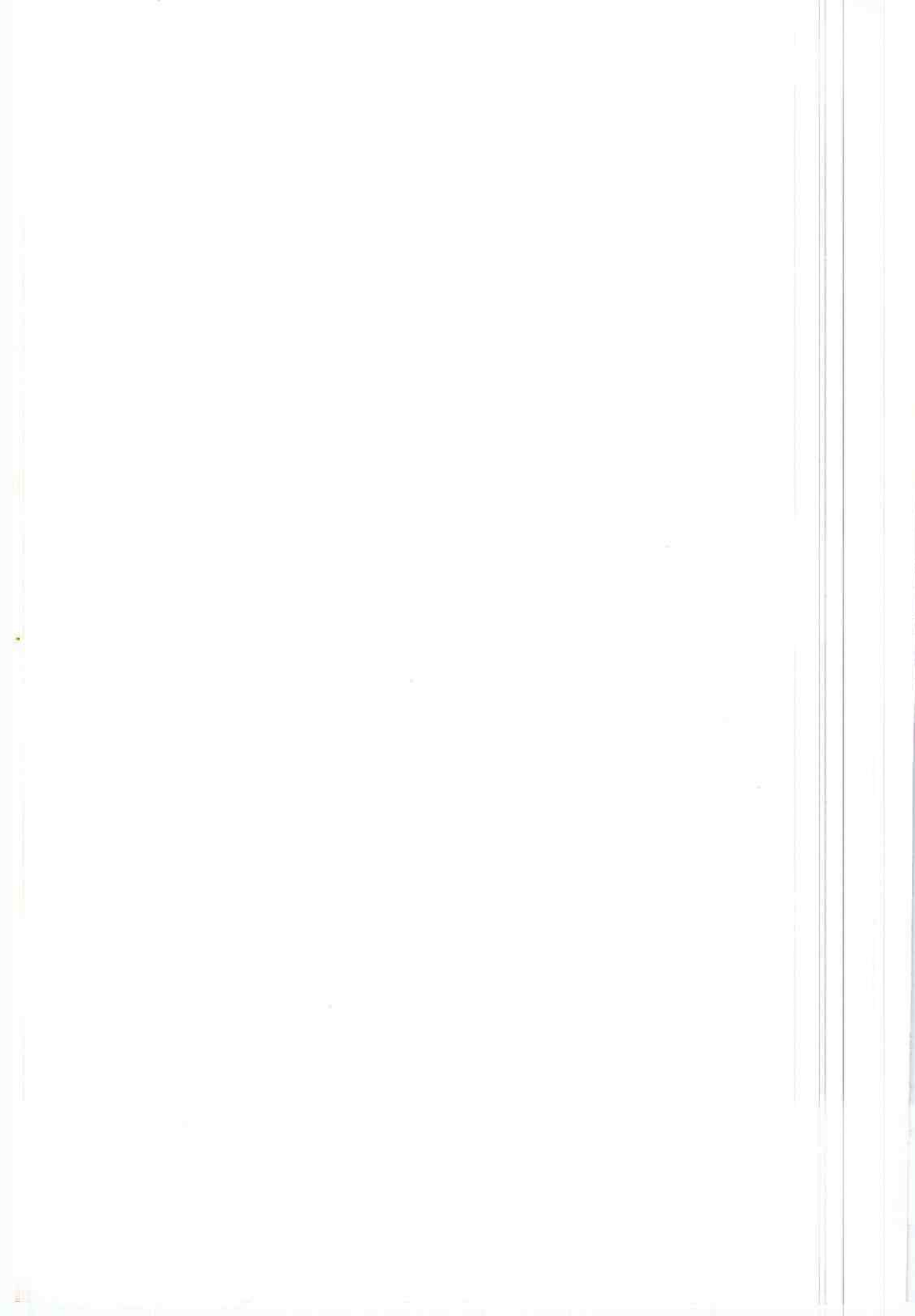
Chất lượng đội ngũ CNLD chưa đạt yêu cầu trước tình hình mới : giác ngộ giai cấp, giác ngộ về chủ nghĩa Mác -



Đồng chí Đinh Trung, UV. Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, trao bức trướng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tặng giải cấp công nhân và lao động Bình Thuận.



Đồng chí Hoàng Thị Khánh, Phó Chủ tịch Tổng LĐLĐVN thay mặt Đoàn chủ tịch trao bức trướng của TLD tặng LĐLĐ Bình Thuận



Lênin, về CNXH còn hạn chế. Cơ cấu đội ngũ, trình độ học vấn và nghề nghiệp, lực lượng cán bộ KHKT và quản lý, phong cách lao động... nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu của thời kỳ CNH - HĐH đất nước. Sự phân hóa giàu nghèo và các tệ nạn tiêu cực trong CNLĐ là những vấn đề đáng quan tâm.

Phong trào CNLĐ tiến bộ không đồng đều, còn nhiều nơi yếu, nhất là các cơ sở SXKD chưa ổn định và các đơn vị hành chính sự nghiệp. Nhiều doanh nghiệp ngoài quốc doanh chưa tổ chức công đoàn. Việc tổ chức chỉ đạo phong trào chưa tập trung đi sâu các vấn đề kinh tế - kỹ thuật. Việc tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xí nghiệp nhiều nơi vẫn là cách làm thụ động. Việc sơ kết, tổng kết phong trào chưa kịp thời, chưa tích cực tổng kết các chuyên đề. Các chính sách chế độ khen thưởng thi đua chưa có sự đổi mới phù hợp nên tác dụng động viên khích lệ kém.

Đời sống và việc làm của CNLĐ hiện còn nhiều khó khăn, dân chủ và công bằng xã hội, nhất là ở cơ sở chưa thật sự đảm bảo. Các hình thức tổ chức thực hiện quyền làm chủ của tập thể lao động tại các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ. Các chế độ của Nhà nước liên quan đến quyền lợi của người lao động chưa được thực thi nghiêm chỉnh, một số nơi vi phạm, trong khi công đoàn nơi đó tỏ ra thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong đấu tranh bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động. Chương trình giải quyết việc làm, chăm lo đời sống CNLĐ đạt kết quả hạn chế.

Về tổ chức, chủ trương lúc giải tán công đoàn huyện và công đoàn ngành, lúc cho thành lập lại, việc thay đổi sắp xếp các ban trực thuộc Thường trực LĐLĐ tỉnh nhiều lần và việc chậm củng cố kiện toàn Ban Thường vụ LĐLĐ

tĩnh một thời gian tương đối dài khi tách tỉnh đã ảnh hưởng đến sự lãnh đạo, chỉ đạo trong hệ thống công đoàn. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Hoạt động công đoàn nhìn chung chưa theo kịp sự chuyển biến của nền kinh tế xã hội. Nhiều nơi công đoàn chưa đi sâu vào SXKD, đi sát CNLĐ, chưa tác động thiết thực và có hiệu quả vào các vấn đề kinh tế - kỹ thuật, do đó vai trò bị lu mờ.

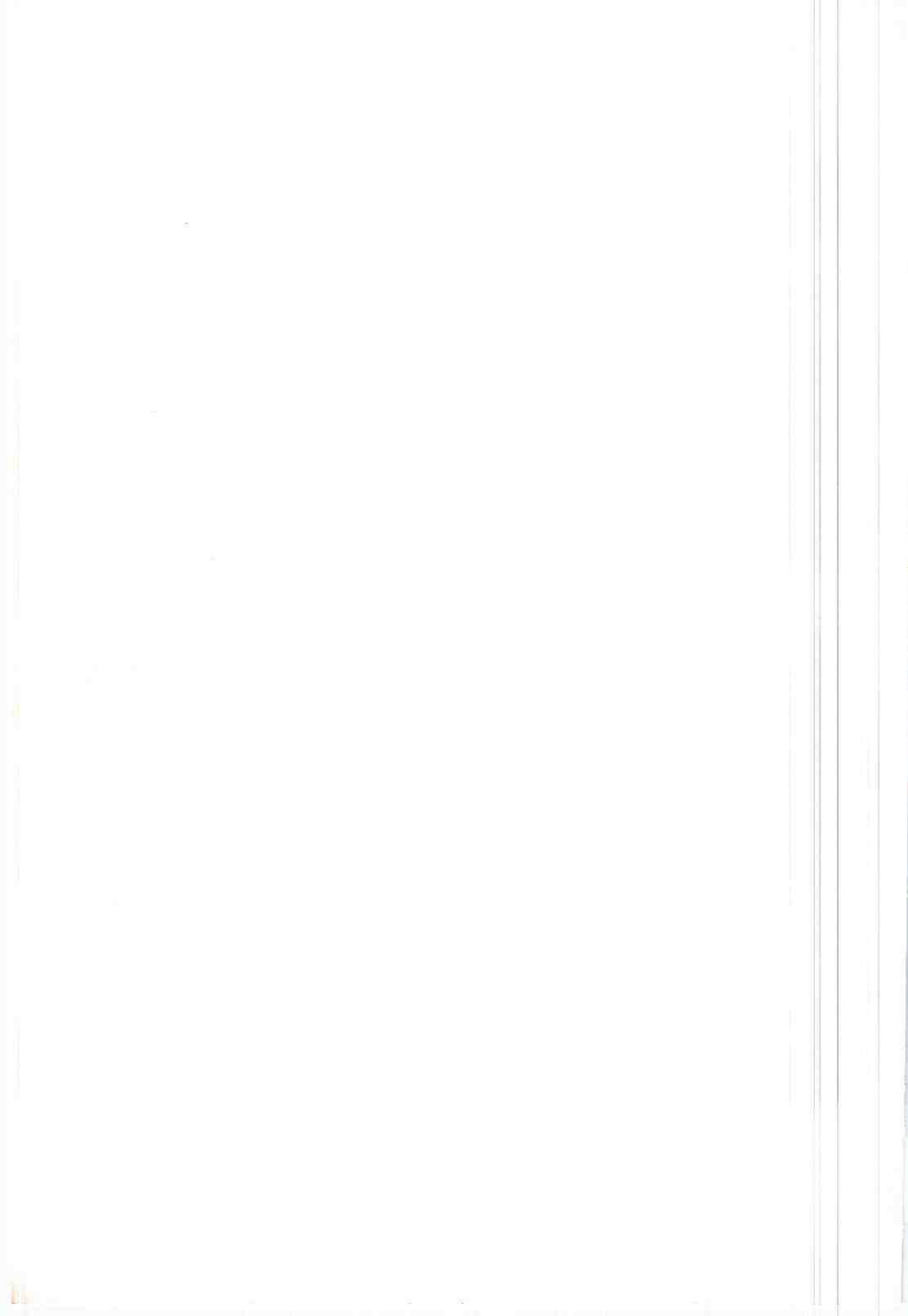
Đội ngũ cán bộ công đoàn tuy có chú ý đào tạo bồi dưỡng, song năng lực và trình độ chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới. Còn thiếu đội ngũ cán bộ công đoàn nòng cốt và chủ chốt có triển vọng. Phẩm chất đạo đức một số cán bộ giảm sút, quan điểm quần chúng và tình cảm giai cấp yếu. Việc qui hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ chưa đầy đủ và đồng bộ. Lực lượng đoàn viên so với CNLĐ chiếm tỉ lệ không cao, nhất là trong các doanh nghiệp tư nhân. Công tác giáo dục và huấn luyện đoàn viên chưa được chú ý. Tham gia xây dựng Đảng còn yếu, nhiều cơ sở chưa gắn chặt xây dựng CĐCS vững mạnh với xây dựng chi bộ vững mạnh.

Trong tổ chức thực hiện có lúc, có nơi không bám sát các nghị quyết đề ra, chưa tập trung đi sâu vào các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, có những vấn đề lớn đề ra, song không thực hiện được. Có thời gian coi nhẹ xây dựng công đoàn ngoài quốc doanh. Quy chế làm việc giữa công đoàn và chính quyền nhiều nơi chưa được xây dựng và thực hiện có nền nếp. Tác phong lãnh đạo, chỉ đạo còn thiếu sâu sát, nhay bén, bệnh hành chính quan liêu khắc phục chậm.

Nguyên nhân của những mặt yếu nêu trên, về khách quan, có phần do tác động bất lợi của tình hình thế giới và



**Các đồng chí cán bộ cách mạng, cán bộ công đoàn lão thành dự Hội nghị
tọa đàm lịch sử Công đoàn tỉnh Bình Thuận.**



khủng hoảng kinh tế xã hội trong nước gây nên. Quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế có nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết, nhưng ta chưa có kinh nghiệm thực tế. Về chủ quan, do chưa quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, chưa nhận thức hết mặt tiêu cực của cơ chế thị trường và chưa lường tính hết những khó khăn, phức tạp của công tác công đoàn trong giai đoạn mới. Lập trường và quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng thiếu vững vàng, kiên định, năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện của công đoàn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Trong hơn 20 năm phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là hơn 10 năm phục vụ sự nghiệp đổi mới của Đảng, từ thực tiễn sinh động, phong trào công nhân lao động và hoạt động công đoàn Bình Thuận rút ra một số kinh nghiệm đáng chú ý :

Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân là vấn đề chiến lược của cách mạng, có ý nghĩa sâu rộng, gắn liền với phát triển kinh tế xã hội. Trong tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, đội ngũ công nhân lao động nhất thiết phải vững mạnh về tư tưởng chính trị, có trình độ học vấn và tay nghề cao, năng lực quản lý giỏi, có tác phong công nghiệp, gắn bó máu thịt với Đảng, đi tiên phong trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Công đoàn là tổ chức quần chúng rộng lớn của giai cấp công nhân và lao động, là sợi dây nối liền giữa Đảng với công nhân lao động, có trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy Đảng lãnh đạo trực tiếp và làm nòng cốt trong việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân. Từng thời gian, thông qua công đoàn, cấp ủy cần ra chỉ thị, nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân, chỉ đạo chính quyền, các ban ngành, đoàn thể phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ tích cực cả tinh thần, vật chất, tạo thuận lợi cho công

đoàn hoạt động, không khoán việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân cho công đoàn.

Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh bắt đầu từ xây dựng công đoàn cơ sở, tổ công đoàn và đoàn viên công đoàn. Trong nền kinh tế thị trường, công tác công đoàn tiếp cận nhiều đối tượng công nhân lao động. Vì vậy, việc tập hợp công nhân lao động xây dựng tổ chức công đoàn phải đa dạng thích hợp với ngành nghề, hoàn cảnh làm ăn, nguyện vọng của từng đối tượng như hội lao động, nghiệp đoàn, công đoàn v.v... Cán bộ công đoàn thường xuyên chăm lo xây dựng các công đoàn cơ sở khối Nhà nước, đồng thời phải rất coi trọng xây dựng các tổ chức công đoàn thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Mọi hoạt động của công đoàn phải xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nguyện vọng và lợi ích của công nhân lao động và tình hình thực tế của địa phương, gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương, ngành và cơ sở vì mục tiêu chung : Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, công đoàn coi việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công nhân lao động là chức năng trung tâm chủ yếu, xuyên suốt trong hoạt động của mình. Trong tình hình hiện nay, chức năng trung tâm chủ yếu này rất quan trọng và cấp bách. Nhưng sẽ hết sức sai lầm và thiếu sót nếu xem nhẹ hoặc buông lơ công tác giáo dục chính trị và tư tưởng. Chăm lo giáo dục chính trị tư tưởng cũng là việc làm thiết thực để bảo vệ quyền và lợi ích của công nhân lao động.

Trước những phức tạp mới của tình hình thế giới và âm mưu diễn biến hòa bình của địch hiện nay, việc giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng lý tưởng cách mạng cho công nhân lao động là vấn đề cần thiết hơn bao giờ hết.

Hiện nay, xã hội hóa hoạt động công đoàn cũng là yêu cầu chú ý. Nó làm cho hoạt động công đoàn thêm phong phú, hấp dẫn, vị thế, ảnh hưởng của công đoàn trong xã hội càng sâu rộng và nâng cao. Xã hội hóa hoạt động công đoàn không chỉ đơn thuần là việc chăm lo đời sống, bảo vệ quyền lợi chính đáng của công nhân lao động, đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo... mà còn là làm sao phát huy được vai trò và ảnh hưởng của công đoàn trên mọi lĩnh vực, trong toàn bộ đời sống xã hội. Trước hết, phải động viên, tổ chức phong trào thi đua lao động sôi nổi, phấn đấu đạt năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ, hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh, củng cố quốc phòng, góp phần tạo ra tình hình chính trị, kinh tế, xã hội địa phương ổn định. Xã hội hóa hoạt động công đoàn còn gắn liền với đa dạng hóa về tổ chức và phương thức hoạt động công đoàn.

Một vấn đề khác có ý nghĩa quyết định đến chất lượng hoạt động công đoàn là xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn có bản lĩnh chính trị, quan điểm quần chúng, quan điểm giai cấp vững vàng, có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, nắm vững luật pháp, có phương pháp công tác quần chúng và có nhiệt tình tâm huyết với công đoàn. Muốn vậy phải tiến hành tốt việc tuyển chọn, qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ công đoàn. Ngoài số chuyên trách, cần tạo dựng lực lượng cán bộ công đoàn bán chuyên trách tự nguyện hoạt động, biết hoạt động

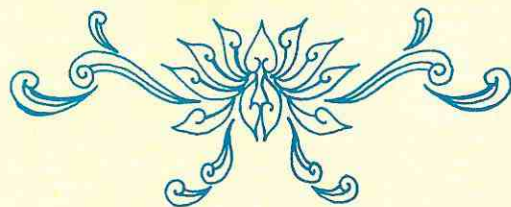
và hoạt động giỏi, nhất là đội ngũ tổ trưởng và chủ tịch công đoàn cơ sở.

Trong đội ngũ cán bộ công đoàn, chú ý xây dựng vấn đề đoàn kết nội bộ. Đoàn kết mới có sức mạnh, đoàn kết mới thành công. Mất đoàn kết là tự hủy hoại sức mạnh, làm suy giảm tính cố kết đội ngũ công nhân lao động. Để giữ vững đoàn kết thống nhất, cần duy trì nề nếp sinh hoạt, công khai dân chủ bàn bạc các vấn đề lợi ích chung, thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng bao giờ cũng là nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào công nhân viên chức và hoạt động công đoàn. Thực tế cho thấy nơi nào có sự tăng cường lãnh đạo của cấp ủy Đảng thì nơi đó hoạt động công đoàn và phong trào công nhân lao động có khí thế sôi nổi và ngược lại nơi nào cấp ủy Đảng thiếu quan tâm, buông lỏng lãnh đạo, nơi đó hoạt động công đoàn yếu kém, phong trào công nhân lao động rời rạc, không khởi sắc.

Để bảo đảm sự lãnh đạo phong trào công nhân lao động, các cấp ủy Đảng cần phân công cấp ủy viên phụ trách công đoàn, giao nhiệm vụ và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công đoàn hoạt động, nghe công đoàn báo cáo, nghiên cứu những ý kiến công đoàn đề xuất, giúp đỡ công đoàn triển khai hoạt động và chỉ đạo chính quyền, các ngành liên quan phối hợp tổ chức thực hiện. Về phần mình, công đoàn phải bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, làm tốt vai trò tham mưu, chủ động triển khai nhiệm vụ chủ trương cấp ủy giao, thường xuyên báo cáo tình hình, những vấn đề quan trọng của phong trào công nhân lao động phải thỉnh thị ý kiến chỉ đạo của cấp ủy, và luôn góp ý sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với Công đoàn.

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH
HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG NHÂN -
LAO ĐỘNG BÌNH THUẬN
TRÊN CÁC LĨNH VỰC**





Kiểm nghiệm nước mắm đóng chai tại Công ty nước mắm Phan Thiết.



Công nhân đang vận hành máy vô nước chai tại Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

XÍ NGHIỆP IN BÌNH THUẬN



7 HỨC HIỆN NƠI
 VIII của Đảng
 Xí nghiệp in - BT
 đã đầu tư máy
 móc thiết bị giá
 trị hàng chục tỷ
 đồng để vì tính
 hóa toàn bộ
 khâu chữ, Offsét
 hóa toàn bộ
 khâu in, hoàn
 chỉnh một dây
 chuyền khép kín
 trước và sau in
 tiên tiến và hiện
 đại.

- Địa chỉ : 57 Vố Thị Sáu - Phan Thiết - Bình Thuận
- Điện thoại : 822730 - 821330 ● Fax : 062.822730

Với quy trình công nghệ mới sẽ đáp ứng nhu cầu phục vụ chính trị như : Báo, Tập san, Văn hóa phẩm v.v...
 Các loại ấn phẩm nhiều màu như lịch, Tranh ảnh, Tạo mẫu quảng cáo, Tem nhãn, Bao bì xuất khẩu các loại.

In laser, In Offsét, In lụa, In chai, trên vải, trên nilon, Ép nhũ vàng, cán pê-ô.

Phục vụ kịp thời, bảo đảm chất lượng, uy tín, giá thành hạ. Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách.



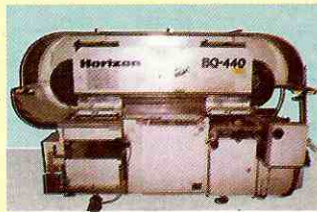
Phân xưởng VI tính



Máy gấp sách 3 vạch tự động của Nhật



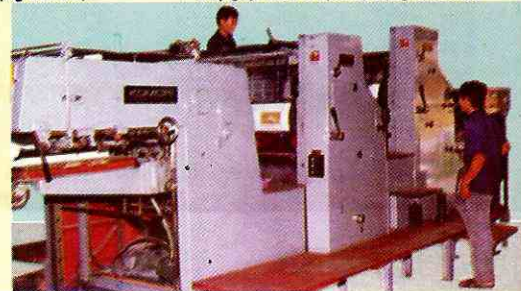
Máy tách màu điện tử 380 T của Đức



Máy vào bìa sách tự động của Nhật



Máy Milar 2 màu của Mỹ



Máy Komori 2 màu của Nhật



Hội thi "giao dịch viên giỏi, thanh lịch"
Bưu điện Bình Thuận.



Lễ trao danh hiệu Nhà giáo ưu tú lần thứ 6 cho các giáo viên
tại thị xã Phan Thiết.



Công nhân điện lực đang thi công đường dây tải điện.



Một ca phẫu thuật "Vị nụ cười hồng" tại Bệnh viện tỉnh.



Công nhân Công ty Muối Vĩnh Hảo vận chuyển muối về kho.



Khai thác đá tại Phân xưởng đá Tà Zôn.



Công trình thủy lợi Sông Quao (Hàm Thuận Bắc).



Công nhân chế biến hải sản.



*Công nhân chế biến hạt điều xuất khẩu
(Công ty XNK - Đầu tư Bình Thuận)*

PHỤ LỤC

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN TỈNH CÁC KHÓA

BAN CHẤP HÀNH LHCD LÂM THỜI TỈNH THUẬN HẢI

Do Tỉnh ủy chỉ định vào 7-1976 gồm có :

- | | | |
|-----------------------|---------------------------------------|-------------------|
| 1. Hồ Ngọc Tấn | (Tỉnh ủy viên TU Thuận Hải) | Chánh Thư ký |
| 2. Trần Hữu Phương | Cơ quan LHCD, | Phó Thư ký |
| 3. Lê Thanh Tâm | Cơ quan LHCD, | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Nguyễn Văn Sơn | Cơ quan LHCD, | Ủy viên Thường vụ |
| 5. Trần Đình Quý | Cơ quan LHCD, | Ủy viên Thường vụ |
| 6. Nguyễn Danh Phương | Ngành Bưu điện, | Ủy viên BCH |
| 7. Phạm Duy Dương | Ngành Thương nghiệp, | Ủy viên BCH |
| 8. Trần Thị Nền | Cơ quan LHCD
(T.ban Nữ công) | Ủy viên BCH |
| 9. Nguyễn Minh Cảnh | Cơ quan Tỉnh đoàn TN | Ủy viên BCH |
| 10. Phạm Thượng Võ | Nhà máy Thủy điện Đa Nhim | Ủy viên BCH |
| 11. Nguyễn Thị Cận | Cơ quan LHPN tỉnh | Ủy viên BCH (1) |
| 12. Lưu Đình Thảo | Đoạn đường sắt Thuận Hải | Ủy viên BCH (2) |
| 13. Vũ Văn Phan Thiết | Cán bộ Công đoàn thị xã
Phan Thiết | Ủy viên BCH |

- (1) Sau khi Tỉnh ủy quyết định BCH lâm thời, đồng chí Cận lại được Tỉnh ủy cử đi học dài hạn tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Hà Nội.
- (2) Vào cuối 1976, đồng chí Thảo được Tổng cục ĐS điều về công tác tại Nhà máy Dĩ An (Sông Bé).

BAN CHẤP HÀNH LHCD TỈNH KHÓA I

(Do Đại hội từ 1 - 4/10/1977 bầu ra)

1. Lê Văn Tân Chánh Thư ký phụ trách chung, kiêm thi đua và theo dõi khối CNVC.(1)
2. Trần Hữu Phương Phó Thư ký Thường trực, Kiểm Trưởng ban Cải tạo và theo dõi khối HCSN.
3. Trần Đình Quý UV. Thường vụ, trưởng Ban Tuyên giáo, Phó Ban cải tạo và phụ trách Hội Lao động tự do.
4. Nguyễn Văn Sơn UV. Thường vụ, trưởng Ban Tổ chức kiêm Ban khiếu tố.
5. Hứa Hoàng Thông UV. Thường vụ, trưởng Ban Đời sống, kiêm phụ trách tài chính.
6. Vũ Văn UV. Thường vụ, phụ trách CĐ thị xã Phan thiết, công tác cải tạo tại thị xã, Hội Lao động tự do, các xí nghiệp tư nhân, các công ty hợp doanh.
7. Trần Hữu Bình UV. Thường vụ, phụ trách ngành Giáo dục.
8. Nguyễn Văn Phương UV. Ban chấp hành, trưởng Ban BHXH.
9. Trần Ngọc Út UV. Ban chấp hành, trưởng Ban Kiểm tra tài chính, phó Ban Đời sống.
10. Đoàn Thị Thu Hà UV. Ban chấp hành, Phụ trách nữ công(2)
11. Phạm Thị Thanh UV. Ban chấp hành, phụ trách CĐ huyện Ninh Hải.
12. Phạm Thượng Võ UV. Ban chấp hành, phụ trách CĐ Thủy điện Đa Nhim.

(1) Đồng chí Lê Văn Tâm, Tỉnh ủy viên, Chánh Thư ký LHCD tỉnh được Đại hội Công đoàn toàn quốc khóa IV bầu vào BCH - TCĐVN, phụ trách tỉnh Thuận Hải.

(2) Đồng chí Đoàn Thị Thu Hà, sau Đại hội một thời gian, được trên điều động đi làm công tác khác.

13. Nguyễn Danh Phương UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ ngành Bưu điện.
14. Đinh Văn Lưỡi UV. Ban chấp hành, phụ trách CĐCS cơ khí
Phan Rang.
15. Phạm Công Cảnh UV. Ban chấp hành, phụ trách các chế độ
chính sách lao động tại Ty Lao động.
16. Trần Thị Chích UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ huyện An Sơn.
17. Đinh Ngọc Chấn UV. Ban chấp hành,
phụ trách theo dõi SX và chế biến bông.
18. Trần Hữu Tiến UV. Ban chấp hành, phụ trách CĐ ngành Y tế,
theo dõi tình hình sức khỏe CBCNV.
19. Nguyễn Khương UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ ngành Hải sản.
20. Phùng Tấn Tá UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ ngành Xây dựng.
21. Võ Xuân Thu UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ ngành Giao thông.
22. Phạm Duy Đường UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ ngành Thương nghiệp.
23. Cha-ma-lé Điều UV. Ban chấp hành,
phụ trách khối TN CNVC và thiếu nhi.
24. Võ Xuân UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ huyện Hàm Tân.
25. Hà Văn Lan UV. Ban chấp hành,
phụ trách CĐ khối Lâm nghiệp.

BAN CHẤP HÀNH LHCD TỈNH KHÓA II
(Do Đại hội từ 15-1 - 17-1-1981 bầu ra (1))

- | | |
|--|---|
| 1. Vương Hồng Châu
(Nguyễn Đức Tấn) | Chánh Thư ký, phụ trách chung
và các Ban Tổ chức, Tuyên giáo (2) |
| 2. Nguyễn Văn Sơn | UV. Thường vụ,
phụ trách Ban Cán sự Hội LĐ hợp tác |
| 3. Nguyễn Nông | UV. Thường vụ, trưởng Ban Thi đua. |
| 4. Lê Thị Đông | UV. Thường vụ, trưởng Ban Nữ công. |
| 5. Phạm Công Cẩn | UV. Thường vụ,
Phụ trách Lao động và Tiền lương (Ty Lao động) |
| 6. Bùi Hà | UV. Thường vụ, Công đoàn thị xã Phan Thiết. |
| 7. Trần Liêm | UV. Thường vụ, Công đoàn ngành Nông nghiệp. |
| 8. Trần Ngọc Út | UV. Ban chấp hành, Trưởng ban Đời sống
kiêm Trưởng ban Kiểm tra tài chính. |
| 9. Trần Hữu Bình | UV. Ban chấp hành, trưởng Ban Tuyên giáo (3) |
| 10. Nguyễn Văn Phương | UV. Ban chấp hành, trưởng Ban BHXH. |

-
- (1) BCH-LHCD do Đại hội Công đoàn tỉnh khóa II bầu gồm 33 đồng chí. Đầu 1982 đồng chí Trần Hữu Bình và Nguyễn Sơn Thành nghỉ hưu và đồng chí Vũ Đình Như ởng được điều về lại miền Bắc. Tháng 6-1982, hội nghị BCH - LHCD mở rộng, đã bầu bổ sung 3 đồng chí vào BCH là : Nguyễn Văn Thắng, Trần Thị Xuân Lâm, Nguyễn Danh Phương và bổ sung 2 đồng chí vào Ban Thường vụ là Nguyễn Văn Thắng (làm Phó Thư ký) và Trần Ngọc Út.
- (2) Đồng chí Vương Hồng Châu, Tỉnh ủy viên, nguyên Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Thuận Hải, được Tỉnh ủy phân công qua phụ trách Công đoàn từ 8-1980 - Đến Đại hội Công đoàn tỉnh khóa II (1-1981) đồng chí Châu chính thức tham gia BCH - LHCD và được bầu làm Chánh Thư ký.

11. Vũ Công Luận UV. Ban chấp hành, phó Ban Thi đua.
12. Vũ Đình Nhuông UV. Ban chấp hành, Công đoàn huyện An Sơn (4)
13. Hồ Trọng Nghĩa UV. Ban chấp hành, Công đoàn huyện Ninh Hải.
14. Nguyễn Đức Hạnh UV. Ban chấp hành, Công đoàn huyện Bắc Bình.
15. Lê Trung Nam UV. Ban chấp hành, Công đoàn huyện Hàm Tân.
16. Trần Văn Phú UV. Ban chấp hành, Công đoàn huyện Đức Linh.
17. Nguyễn Văn Nhiễm UV. Ban chấp hành, Công đoàn Trường cấp III Phan Rí - Bắc Bình.
18. Nguyễn Văn Thọ UV. Ban chấp hành, CĐCS Cơ khí Phan Rang - Tháp Chàm.
19. Lê Thị Hồng Lan UV. Ban chấp hành, CĐCS Lâm trường Bắc Bình.
20. Lê Anh Dũng UV. Ban chấp hành, CĐCS Nhà máy Xi măng Phương Hải.
21. Lê Hải Chiếu UV. Ban chấp hành, CĐCS Nông trường Đa-Kai.
22. Nguyễn Khương UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Thủy sản.
23. Trần Văn Minh CĐ ngành Lâm nghiệp.
24. Đặng Sơn Thành UV. Ban chấp hành, Các CĐCS thuộc ngành Công nghiệp.
25. Nguyễn Văn Mười UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Thủy lợi.
26. Võ Xuân Thu UV. Ban chấp hành, CĐ ngành GTVT.
27. Nguyễn Trung Quốc UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Y tế.
28. Phạm Duy Dương UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Thương nghiệp.
29. Đặng Văn Tấn UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Xây dựng.
30. Lê Văn Tồn UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Lương thực.
31. Trần Thọ Đôn UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Văn hóa thông tin.
32. Nguyễn Minh Tiến UV. Ban chấp hành, CĐ Bệnh viện Thuận Hải.
33. Nguyễn Ngọc Anh UV. Ban chấp hành, Khối Thanh niên công nhân.

BAN CHẤP HÀNH LHCD TỈNH KHÓA III

(Do Đại hội từ 25/8 - 27/8/1983 bầu ra) (1)

1. Vương Hồng Châu Chánh Thư ký phụ trách chung (2)
(Nguyễn Đức Tấn)
2. Nguyễn Văn Thắng Phó Thư ký Thường trực.
3. Võ Trọng Mượn UV. Thường vụ, trưởng Ban Tài chính.
4. Nguyễn Văn Phương UV. Thường vụ, trưởng Ban BHXH.
5. Nguyễn Danh Phương UV. Thường vụ, Chánh văn phòng.
6. Nguyễn Tâm UV. Thường vụ, trưởng Ban Tổ chức.
7. Hoàng Mai Dẫn UV. Thường vụ, trưởng Ban Tuyên giáo.
8. Lê Thị Đông UV. Thường vụ,
trưởng Ban Kiểm tra kiêm Ban Nữ công.
9. Trần Ngọc Út UV. Thường vụ, trưởng Ban Đời sống
10. Bùi Hà UV. Thường vụ, phụ trách CD thị xã Phan Thiết.
11. Phạm Hữu Đông UV. Thường vụ, phụ trách các chính sách lao động
tiền lương (tại Sở Lao động).
12. Huỳnh Thái Thu UV. Thường vụ, CD ngành Nông nghiệp.
13. Trần Kim Châu UV. Ban chấp hành, Ủy ban Kế hoạch tỉnh
14. Lâm Hồng Chiến UV. Ban chấp hành, Trường PTCS Bắc Bình.
15. Lưu Minh Chánh UV. Ban chấp hành,
Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

- (1) Tháng 10-1987, Tỉnh ủy điều đồng chí Trần Huy Thuyết, Tỉnh ủy viên tăng cường cho LHCD, được Ban Thư ký TCDVN đồng ý bổ sung vào BCH - LHCD và được bầu làm Phó Thư ký LHCD tỉnh nhưng đến 4-1988, Tỉnh ủy lại điều động đồng chí Thuyết đi nhận công tác khác.
- (2) Đồng chí Vương Hồng Châu, Chánh Thư ký LHCD được Đại hội Công đoàn toàn quốc khóa V bầu vào BCH - TCDVN, phụ trách tỉnh Thuận Hải.

16. Đàm Hữu Diễm UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Lâm nghiệp.
17. Hồ Hữu Đức UV. Ban chấp hành,
CĐ Nhà máy Cơ khí Thuận Hải.
18. Huỳnh Tấn Định UV. Ban chấp hành, Phó ban Tuyên giáo LHCD.
19. Hoàng Đình Danh UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Giáo dục.
20. Lê Anh Dũng UV. Ban chấp hành,
CĐ Nhà máy Xi măng Phương Hải.
21. Bùi Thị Hải Hòa UV. Ban chấp hành, CĐ Trung tâm Bông Nhạ Hồ.
22. Bùi Đức La UV. Ban chấp hành, Ban Thi đua LHCD.
23. Trần Hồng Lục UV. Ban chấp hành, CĐ Nông trường La Ngà.
24. Trần Văn Phú UV. Ban chấp hành, CĐ huyện Đức Linh.
25. Nguyễn Trung Quốc UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Y tế.
26. Đinh Xuân Quyền UV. Ban chấp hành, CĐ Công ty XD thủy lợi I.
27. Trần Qui UV. Ban chấp hành, CĐ ngành GTVT.
28. Cao Đức Sơn UV. Ban chấp hành, CĐ Xí nghiệp In.
29. Đặng Văn Tấn UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Xây dựng.
30. Đoàn Trọng Tuệ UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Lương thực.
31. Trương Văn Tôn UV. Ban chấp hành, CĐ huyện Hàm Tân.
32. Trần Ngọc Toàn UV. Ban chấp hành,
CĐ thị xã Phan Rang - Tháp Chàm.
33. Nguyễn Minh Tiến UV. Ban chấp hành, CĐ Bệnh viện tỉnh.
34. Nguyễn Văn Thành UV. Ban chấp hành, CĐ huyện Ninh Phước.
35. Trần Minh Tiến UV. Ban chấp hành, CĐ ngành Thương nghiệp.
36. Nguyễn Thị Thanh Xuân UV. Ban chấp hành, Ban nữ công LHCD.
37. Nguyễn Thanh Châu UV. Ban chấp hành,
phụ trách khối thanh niên Tỉnh Đoàn.

19. Cao Thị Hồng UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ Bắc Bình.
20. Huỳnh Ngọc Lành UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ Ninh Sơn
21. Phạm Ngọc Long UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ Tuy Phong
22. Phạm Xuân Thành UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ Ninh Hải.
23. Hoàng Ngọc Anh UV. Ban chấp hành, Sở LĐTB-Xã hội.
24. Lê Đắc Lâm UV. Ban chấp hành, Tỉnh đoàn Thanh niên.
25. Lê Đình Sở UV. Ban chấp hành, Sở Tài chính - Vật giá.
26. Lê Xuân UV. Ban chấp hành, Sở Văn hóa - Thông tin.
27. Nguyễn Minh Hương UV. Ban chấp hành, Sở Thủy sản.
28. Lưu Khoan UV. Ban chấp hành, Sở Nông lâm.
29. Nguyễn Minh Tuấn UV. Ban chấp hành, Bưu điện tỉnh.
30. Nguyễn Thị Tánh UV. Ban chấp hành, CĐ Công ty Thương mại tỉnh.
31. Trần Ngọc Linh UV. Ban chấp hành, Điện lực tỉnh.
32. Trần Kim Châu UV. Ban chấp hành, UBKH tỉnh.
33. Nguyễn Văn Thành UV. Ban chấp hành,
Chủ tịch CĐ huyện Ninh Phước.
34. Vũ Thị Nhung UV. Ban chấp hành,
Chủ tịch CĐ Nhà máy Đường Tháp Chàm.

BAN CHẤP HÀNH LĐLĐ TỈNH BÌNH THUẬN
*(Được tách ra từ BCH - LĐLĐ Thuận Hải khóa IV,
khi tách Thuận Hải thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận)*

Ban Chấp hành gồm 22 đồng chí, do đồng chí Võ Trọng Mượn, UV. Thường vụ phụ trách, theo Quyết định số 307 QĐ/TLĐ ngày 8-4-1992 (1)

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Võ Trọng Mượn | UV. Thường vụ - LĐLĐ tỉnh |
| 2. Nguyễn Thị Minh Châu | UV. Thường vụ - LĐLĐ tỉnh |
| 3. Võ Thanh Hùng | UV. Thường vụ - LĐLĐ tỉnh |
| 4. Hoàng Mai Dẫn | UV. Thường vụ - LĐLĐ tỉnh |
| 5. Đoàn Trọng Tuệ | UV. Thường vụ - LĐLĐ tỉnh |
| 6. Nguyễn Thanh Phong | UV. Thường vụ - Chủ tịch LĐLĐ thị xã Phan Thiết. |
| 7. Phạm Ngọc Châu | UV. Thường vụ - Chủ tịch CĐ ngành Y tế. |
| 8. Lê Đức Hùng | UV. Ban chấp hành, LĐLĐ tỉnh |
| 9. Trần Văn Thế | UV. Ban chấp hành, LĐLĐ tỉnh |
| 10. Bùi Đức La | UV. Ban chấp hành, LĐLĐ tỉnh |
| 11. Lý Thị Hai | UV. Ban chấp hành,
Chủ tịch CĐ huyện Hàm Thuận Bắc. |
| 12. Đặng Đức Hiện | UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ huyện Hàm Tân. |
| 13. Cao Thị Hồng | UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ huyện Bắc Bình. |

(1) Ban Chấp hành LĐLĐ Bình Thuận họp và bầu đồng chí Võ Trọng Mượn làm Phó Chủ tịch và Quyền Chủ tịch LĐLĐ tỉnh.

14. Phạm Ngọc *Long* UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ huyện Tuy Phong.
15. Hoàng Ngọc Anh UV. Ban chấp hành, Sở LĐTB và Xã hội.
16. Lê Đắc Lâm UV. Ban chấp hành, Tỉnh đoàn TN.
17. Lê Xuân UV. Ban chấp hành, Sở Văn hóa Thông tin.
18. Nguyễn Minh Hương UV. Ban chấp hành, Sở Thủy sản.
19. Nguyễn Minh Tuấn UV. Ban chấp hành, CĐ Bưu điện tỉnh.
20. Nguyễn Thị Tánh UV. Ban chấp hành, CĐ CT Thương mại.
21. Trần Ngọc Linh UV. Ban chấp hành, Điện lực Bình Thuận.
22. Trần Kim Châu UV. Ban chấp hành, UB. Kế hoạch tỉnh.

14. Phạm Ngọc Long UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ huyện Tuy Phong.
15. Hoàng Ngọc Anh UV. Ban chấp hành, Sở LĐTB và Xã hội.
16. Lê Đắc Lâm UV. Ban chấp hành, Tỉnh đoàn TN.
17. Lê Xuân UV. Ban chấp hành, Sở Văn hóa Thông tin.
18. Nguyễn Minh Hương UV. Ban chấp hành, Sở Thủy sản.
19. Nguyễn Minh Tuấn UV. Ban chấp hành, CĐ Bưu điện tỉnh.
20. Nguyễn Thị Tánh UV. Ban chấp hành, CĐ CT Thương mại.
21. Trần Ngọc Linh UV. Ban chấp hành, Điện lực Bình Thuận.
22. Trần Kim Châu UV. Ban chấp hành, UB. Kế hoạch tỉnh.

BAN CHẤP HÀNH LĐLĐ TỈNH KHÓA V

(Do Đại hội từ 23/6 - 24/6/1993 bầu ra)

1. Vũ Thị Ngọc Liên Chủ tịch LĐLĐ tỉnh (1)
2. Võ Trọng Mượn Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh.
3. Nguyễn Thanh Phong Phó chủ tịch LĐLĐ tỉnh.
4. Nguyễn Văn Hồ UV. Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.
5. Võ Thanh Hùng UV. Thường vụ, trưởng Ban Tài chính
6. Phạm Ngọc Châu UV. Thường vụ, Chủ tịch CĐ ngành Y tế.
7. Nguyễn Thị Chính UV. Thường vụ, Chủ tịch CĐ ngành Giáo dục.
8. Nguyễn Thị Minh Châu UV. Thường vụ, trưởng Ban nữ công LĐLĐ tỉnh.
9. Trịnh Văn Hậu UV. Ban chấp hành, LĐLĐ tỉnh, CĐ huyện Tuy Phong.
10. Nguyễn Tuấn Khanh UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ huyện Hàm Tân.
11. Lê Đắc Lâm UV. Ban chấp hành, Tỉnh Đoàn Thanh niên.
12. Nguyễn Tấn Công UV. Ban chấp hành, Sở Văn hóa Thông tin.
13. Tăng Việt Cường UV. Ban chấp hành, Sở Tài chính - Vật giá.
14. Lê Lân UV. Ban chấp hành, Hội Nông dân VN tỉnh.
15. Ngô Văn Hòa UV. Ban chấp hành, Sở Nông lâm.
16. Nguyễn Ngọc Thanh UV. Ban chấp hành, Xí nghiệp Thủy sản Phan Thiết.
17. Trần Ngọc Linh UV. Ban chấp hành, Điện lực Bình Thuận.
18. Nguyễn Tiến Quang UV. Ban chấp hành, Nhà nghỉ Công đoàn.

(1) Đồng chí Vũ Thị Ngọc Liên, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch LĐLĐ tỉnh, ủy viên BCH - TLĐLĐVN khóa VII, phụ trách Bình Thuận.

19. Nguyễn Anh Hùng UV. Ban chấp hành, Chánh văn phòng LĐLĐ tỉnh.
20. Lê Trung Trực UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ ngành Xây dựng.
21. Hoàng Mai Dẫn UV. Ban chấp hành, trưởng Ban VH tư tưởng LĐLĐ tỉnh.
22. Hoàng Ngọc Anh UV. Ban chấp hành, Sở LĐTB - XH.
23. Lê Văn Lợi UV. Ban chấp hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư.
24. Cao Đức Sơn UV. Ban chấp hành, Xí nghiệp In Bình Thuận.
25. Tô Kim Khương UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ ngành GTVT.
26. Nguyễn Thị Tánh UV. Ban chấp hành, CĐ Công ty Thương mại tỉnh.
27. Châu Ngọc Hải (1) UV. Ban chấp hành,
Chủ tịch CĐ thị xã Phan Thiết.
28. La Châu Trinh (2) UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ ngành Thủy sản.
29. Lê Thị Lệ (3) UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ huyện Tuy Phong.

(1) (2) (3) Các đồng chí Châu Ngọc Hải, La Châu Trinh và Lê Thị Lệ là các UV BCH - LĐLĐ được bổ sung trong nhiệm kỳ khóa V.

BAN CHẤP HÀNH LĐLĐ TỈNH KHÓA VI

(Do Đại hội từ 19/8 - 20/8/1998 bầu ra)

1. Vũ Thị Ngọc Liên Chủ tịch LĐLĐ tỉnh (1)
2. Đoàn Trọng Tuệ Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh
3. Nguyễn Thanh Phong Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh
4. Nguyễn Văn Hồ UV. Thường vụ
Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.
5. Nguyễn Tuấn Khanh UV. Thường vụ
Giám đốc Trung tâm dịch vụ việc làm.
6. Nguyễn Anh Hùng UV. Thường vụ
trưởng Ban Tư tưởng - VH - LĐLĐ tỉnh.
7. Võ Thanh Hùng UV. Thường vụ
trưởng Ban Tài chính - LĐLĐ tỉnh.
8. Nguyễn Thị Minh Châu UV. Thường vụ
trưởng Ban Nữ công - LĐLĐ tỉnh.
9. Nguyễn Thị Chính UV. Thường vụ LĐLĐ tỉnh,
Chủ tịch CĐ ngành Giáo dục.
10. Đặng Sỹ Hào UV. Ban Thường vụ,
Chủ tịch CĐ ngành Nông nghiệp - PTNT.
11. Nguyễn Ngọc Hoan UV. Ban chấp hành, Chủ tịch LĐLĐ TX Phan Thiết.
12. Lê Đình Đặng UV. Ban chấp hành, Chánh Văn phòng
13. Trần Quang Duyệt UV. Ban chấp hành, UV. UBKT.
14. Lê Văn Đường UV. Ban chấp hành,
Chủ tịch LĐLĐ Hàm Thuận Nam.
15. Lê Hoàng Phúc UV. Ban chấp hành, Chủ tịch LĐLĐ Đức Linh.
16. Nguyễn Thị Hai UV. Ban chấp hành, Chủ tịch LĐLĐ Bắc Bình.

(1) Đồng chí Vũ Thị Ngọc Liên, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch LĐLĐ tỉnh,
Ủy viên BCH TLĐLĐVN khóa VIII, phụ trách Bình Thuận.

17. Lê Văn Sáu UV. Ban chấp hành,
Chủ tịch LĐLĐ Hàm Thuận Bắc.
18. Nguyễn Văn Sơn UV. Ban chấp hành, Chủ tịch LĐLĐ Hàm Tân.
19. Lê Thị Tứ UV. Ban chấp hành, Chủ tịch LĐLĐ Tánh Linh.
20. Trần Thị Hạnh UV. Ban chấp hành,
Phó ban Tổ chức Huyện ủy Tuy Phong.
21. Tô Kim Khương UV. Ban chấp hành,
Phó Chủ tịch CĐ ngành Giao thông Vận tải tỉnh.
22. Trần Thanh Khiết UV. Ban chấp hành,
Phó Chủ tịch Thương mại - Du lịch.
23. Lê Trung Trực UV. Ban chấp hành,
Chủ tịch CĐ ngành Xây dựng tỉnh.
24. Phạm Ngọc Châu UV. Ban chấp hành, Chủ tịch CĐ ngành Y tế.
25. Đỗ Thành Do UV. Ban chấp hành,
Phó Giám đốc Sở Thủy sản.
26. Nguyễn Tiến Thanh UV. Ban chấp hành,
Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin.
27. Nguyễn Trường Canh UV. Ban chấp hành,
Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh.
28. Tăng Việt Cường UV. Ban chấp hành,
Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá.
29. Trần Ngọc Linh UV. Ban chấp hành, Giám đốc Điện lực Bình Thuận.
30. Lê Quý Đông UV. Ban chấp hành,
Giám đốc Bảo hiểm xã hội Bình Thuận.
31. Nguyễn Thanh Hòa UV. Ban chấp hành, Phó Giám đốc Sở LĐ-TB-XH.
32. Lưu Minh Hùng UV. Ban chấp hành,
Phó Giám đốc Sở KHCN và Môi trường.
33. Nguyễn Tiến Đức UV. Ban chấp hành,
Phó Giám đốc Công ty XNK - Đầu tư.
34. Huỳnh Quốc Nam UV. Ban chấp hành,
Phó Giám đốc Công ty TNHH Hải Nam.
35. Nguyễn Thị Mỹ Hiền UV. Ban chấp hành, Phó Giám đốc Bệnh viện tỉnh.

DANH SÁCH ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN TỈNH TỪ KHÓA III ĐẾN KHÓA VI

KHÓA III - BAN KIỂM TRA TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TỈNH THUẬN HẢI (1983 - 1988)

1. Lê Thị Đông - Trưởng Ban
2. Võ Xuân Hoa - Phó Trưởng ban
3. Nguyễn Kim Châu - Ủy viên
4. Nguyễn Thị Nguyệt - Ủy viên
5. Nguyễn Thị Hồng Nhung - Ủy viên

KHÓA IV - ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN TỈNH THUẬN HẢI (1988 - 1992)

1. Võ Trọng Mượn - Chủ nhiệm
2. Nguyễn Kim Châu - Phó Chủ nhiệm
3. Võ Xuân Hoa - Ủy viên
4. Nguyễn Thị Hoa - Ủy viên
5. Nguyễn Thị Kim Lang - Ủy viên

ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN

(Lâm thời sau khi chia tỉnh - 1992)

1. Đoàn Trọng Tuệ - Chủ nhiệm
2. Nguyễn Văn Hồ - P. Chủ nhiệm
3. Võ Xuân Hoa - Ủy viên
4. Trần Thị Hoa - Ủy viên
5. Nguyễn Thị Kim Lang - Ủy viên
6. Võ Phi Hùng - Ủy viên

KHÓA V - ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN (1993 - 1998)

1. Nguyễn Văn Hồ - Chủ nhiệm
2. Phan Văn Đào - Phó chủ nhiệm
3. Phạm Quang Đức - Ủy viên
4. Trần Thị Hoa - Ủy viên
5. Hoàng Ngọc Anh - Ủy viên
6. Trần Thị Mai Hồng - Ủy viên

Tháng 3-1995. Đồng chí Hoàng Ngọc Anh nghỉ hưu. BCH khóa V bầu bổ sung 2 đồng chí.

1. Trần Quang Duyệt - Ủy viên
2. Trịnh Đình Quang - Ủy viên

KHÓA VI - ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN (1998 - 2003)

1. Nguyễn Văn Hồ - Chủ nhiệm
2. Trần Quang Duyệt - Ủy viên
3. Phạm Quang Đức - Ủy viên
4. Trần Thị Mai Hồng - Ủy viên
5. Nguyễn Đình Chất - Ủy viên
6. Nguyễn Đẩu - Ủy viên
7. Trịnh Đình Quang - Ủy viên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng.
- Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam.
- Phong trào công nhân lao động và hoạt động Công đoàn giải phóng Miền Nam Việt Nam (1954 - 1975)
- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (tập I), (1930 - 1954)
- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (bản thảo tập II), (1954 - 1975)
- Sách truyền thống của quân và dân Phan Thiết, Hàm Tân, Hàm Thuận, Bắc Bình, Tuy Phong
- Báo cáo tổng kết 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Tỉnh ủy Thuận Hải (1975 - 1985)
- Báo cáo chính trị của Đảng bộ Bình Thuận tại các kỳ Đại hội VIII, IX (1991 - 1995, 1996 - 2000)
- Báo cáo của BCH Công đoàn tỉnh Bình Thuận tại các kỳ Đại hội Công đoàn từ 1977 - 1998.
- Tư liệu lưu trữ tại văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận về công tác dân vận, công tác công đoàn trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước
- Tư liệu tự thuật và tư liệu tọa đàm của một số đồng chí nhân chứng Đảng, nhân chứng Công đoàn trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975) đến 1998

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu 5

CHƯƠNG I

Đặc điểm kinh tế - xã hội và sự hình thành
giai cấp công nhân ở Bình Thuận

I. Những năm trước khi thành lập Đảng 9

II. Những năm sau khi thành lập Đảng đến tháng
8 - 1945 21

CHƯƠNG II

Phong trào công nhân lao động và Công đoàn
Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp
(1945 - 1954)

I. Cùng toàn dân làm cách mạng tháng
Tám thành công và chuẩn bị kháng chiến
(1945 - đầu 1946) 33

II. Phong trào công nhân lao động những năm
đầu kháng chiến chống Pháp (1946 - 1949) 39

III. Đẩy mạnh hoạt động Công đoàn động viên
công nhân lao động phục vụ tiền tuyến đánh thắng
thực dân Pháp xâm lược (1950 - 1954) 51

CHƯƠNG III

Phong trào công nhân lao động và Công đoàn
Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ
(1954 - 1975)

I. Kiên trì tạo thế tạo lực bên trong phát huy
vai trò công nhân lao động vùng địch kiểm soát 65

II. Công nhân lao động vùng căn cứ giải phóng
nêu cao ý chí tự lực tự cường đẩy mạnh sản xuất
phục vụ tiền tuyến 113

251

III. Công nhân lao động vùng căn cứ giải phóng và đô thị Bình Thuận phục vụ chiến dịch mùa Xuân đại thắng 1975 giải phóng quê hương	135
---	-----

CHƯƠNG IV

Phong trào công nhân lao động và hoạt động Công đoàn Bình Thuận 23 năm sau giải phóng (1975 - 1998)	148
---	-----

I. Trong 10 năm đầu khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1985)	149
--	-----

II. Phong trào Công nhân lao động và hoạt động Công đoàn thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1998)	187
---	-----

III. Nhìn tổng quát	225
---------------------	-----

- Phụ lục

- Danh sách Ban chấp hành Công đoàn tỉnh các khóa	223
---	-----

- Danh sách UBKT Công đoàn tỉnh từ khóa III đến khóa VI	248
---	-----

- Tài liệu tham khảo

	250
--	-----

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN - LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN BÌNH THUẬN - NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ (1930 - 1998)

Bắt đầu in	: 7-1999
In xong	: 7-1999
Nộp lưu chiểu	: 7-1999
Khổ sách	: 14,5 x 20,5 cm
Số lượng	: 1200 cuốn
Giấy phép xuất bản số	: 071/GPXB-Sở VH-TT Bình Thuận
Sắp chữ, in và đóng sách tại	XN in Bình Thuận
